

Hiền Như Bụt

Từ tri thức tới trí tuệ là chặng đường luyện Tâm Bụt.

Knowledge transcending to Wisdom is the fruit of Zen.

Tĩnh lặng là bước đầu của tu tập.

Silence is the first step of Buddhist learning.

BUDDHIST PSYCHOTHERAPY

Hiền Như Bụt @ Hạ Long Bụt Sĩ

BUDDHISM & PHYSICS

VIETNAMESE BUDDHIST TRADITION.

Hạ Long Bụt sĩ- Tịnh Khẩu Pháp Môn

Buddhist School of Silence.

MỞ SÁCH

Đây chỉ là chiếc thuyền nan, chưa tới bờ bên kia, vẫn còn đầy ảo tưởng chèo ra biển cả.

Thân con kiến, chưa gột sạch đất cát, bò dưới chân Hy Mã Lạp Sơn, nghe tiếng vỗ của một bàn tay trên đỉnh cao.

Chúng sinh mù, ném nước biển, ngỡ bát canh riêu cá,

Hiền Như Bụt @ Hạ Long Bụt Sĩ

Thế gian cháy, mãi vui chơi, quên cảnh trí đại viên.

*Nắm vạt áo vàng tưởng như nắm lấy diệu quang, bay lên
muôn cõi, theo tiếng nhạc Càn Thát Bà réo gọi về Tịnh Độ,
ngửi mùi trầm Hương Tích, an thần phóng thoát.*

**Con bướm mơ trắng Cự Lạc, con cá ngụy lặn dưới nước
đuôi vàng như áo cà sa quấy trong bể khổ, chờ thiên thủ
thiên nhãn nghe tiếng sóng trầm luân vớt lên cõi Thanh
văn Duyên giác.**

*Những trang sách còn sở tri chương của kẻ sĩ loanh quanh
thềm chùa Tiêu Sơn tìm bóng Vạn Hạnh, mơ tiên Long
Giáng lao xào bàn tay chú tiểu Lan trên đồi sán.*

**Mỗi trang chỉ là một chiếc lá, từ vạn năm, mỗi mùa lại lá
tả rơi xuống sân chùa.**

*Kẻ sĩ theo Tagathata
Nguyện lấy chổi đào
quét lá sân si*

*quét mây mù chướng ngại
thời tiêu dẫn bướm về đậu dưới gót Như Lai.*

Om maní Om maní



BỔ CỤC

Tổng quát :

Hiền Như Bụt- Mẫu Người Hiền-Đạo Bụt Sáng Nghĩa 21 đề tài-

Phật pháp Trị liệu pháp

Trị liệu pháp-Thiền Định Thiền quán-Tâm Bệnh-Khẩu nghiệp-

Tịnh Khẩu pháp môn. Tri Thiên mệnh-Vô Cur An Cư.

Đạo Bụt và Khoa học Vật Lý

Vạn pháp Dung thông trường-Vật lý Lượng tử

Bóng Phật trong Văn học

Hiền Như Bụt @ Hạ Long Bụt Sĩ

Liêu Trai-Cổ thi Trung Đông/Ba Tư- Thơ Thiền Nhật Bản
Kiều-Phạm Thái-Cung Oán-Dép Đạt Ma- Đi Chùa Hương...

Tư tưởng Tam giáo

Cốt tủy Luân lý Bình dân-Ca dao Tục ngữ-
Vạn Hạnh-Trạng Trình-Lý Đông A-

Đạo Bụt canh tân

Bài học vua Phật Mongkut Thái Lan- Phật giáo Canh Tân

Chuỗi Ngọc Kinh Phật

Pháp Cú-Viên Giác-Kim Cương-Trường A Hàm-Pháp Hoa
Hoa nghiêm- Sách về đời Bụt : Sherab Chodzin Koln.

HIỀN NHƯ BỤT



Từ điển chuyên khoa Triết học Larousse tìm nghĩa gốc của tên hiệu Thích Ca Mâu Ni là “*cây sậy đơn độc*”(1),

nhiều học giả khác cũng đi tới kết luận tương tự, Thích Ca Mâu Ni hiểu theo nghĩa sâu xa là nhà hiền triết tịnh mặc.

Từ giai đoạn sống đời sống nhân sinh mang tên Thái tử *Mãn Nguyên- Siddhartha* tới lúc sinh con trai tên *Ràng buộc- Rahula*, rồi dứt bỏ lên đường tìm đạo tu hành, ngồi tĩnh tọa im lặng dưới rừng Hy Mã Lạp Sơn nóc nhà của thế giới, người đương thời và đệ tử gọi Ngài là nhà hiền triết trầm mặc, Cakya Mouni, ít nói, không tranh biện, cho tới lúc đạt đạo giác ngộ dưới gốc Bồ Đề thành *người Thức Tỉnh - Buddha*. Từ đây cây sậy im lặng và thức tỉnh ấy đã làm thức tỉnh cả tỷ tỷ chúng sinh.

Buddha người Việt Giao Chi gọi nôm na là ông Bụt, mãi sau theo Tàu, thời Minh thuộc 1407-1428, mới gọi là Phật vì Tàu phiên âm Buddha là Phật Đà (2). Khi gặp hoạn nạn đau khổ thì người ta cầu ông Bụt hiện lên để cứu độ. Đạo Phật, từ những thế kỷ đầu Dương lịch, đã trở thành một triết lý và một tôn giáo dân tộc, ngay cả tên vị giáo chủ cũng đã được biến thành một tên bình dân, ông Bụt bên cạnh ông Tiên, đi vào đời sống tâm linh người dân như những thiên

thần che chở cứu giải. Trời, Phật đi với nhau : *nói có Trời có Phật*, và ông Trời hay Tạo Hóa, hay Thượng Đế, thì cao xa quá, còn ông Bụt gần hơn, thân mật và hiền từ hơn, *hiền như Bụt*, như người dân ví dụ, chứng tỏ đạo lý từ bi đã thấm nhuần vào con người Việt-Nam rất tự nhiên và sâu xa. Đã bao người, như Lão Tử, trách móc Trời gần Trời xa, nào “*thánh nhân đãi vạn như số cầu*”, nào “*Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen*” v.v... nhưng chưa thấy ai oán trách ông Bụt hiền từ vì ông Bụt thương cả vạn vật cỏ cây và chỉ dạy cho con người cách diệt khổ để đạt tới Cực Lạc, Niết Bàn.

Ông Bụt chỉ dạy phương pháp khoa học để phá màn vô minh: hãy tự thấy cuộc nhân sinh hệ lụy theo kinh nghiệm của mình, tìm nguyên nhân của khổ đau sinh tử một cách khách quan, rồi suy xét thẩm định phương cách diệt khổ bằng đại hùng (dứt bỏ dục vọng), đại lực (tự lực mình tu tập), không khác phương pháp hiện đại của y giới Hoa-Kỳ, ông Bụt từ 2500 năm trước đã S.O.A.P. (*Subjective, Objective, Assessment, Plan*) đúng cách chẩn bệnh, định bệnh và chữa bệnh.

Ông Bụt từng dạy suốt 49 năm giảng dạy cách diệt khổ mà thật ra chưa từng nói một lời nào và ngón tay chỉ mặt trăng nhưng ngón tay không phải là mặt trăng. Đức khiêm tốn này suốt hơn 2000 năm đã giúp đạo Phật tránh được những cọ sát ý thức hệ, vượt trên hữu và vô:

*Có thì có tự mây may
Không thì cả thế gian này cũng không
Kìa xem bóng nguyệt lòng sông
Ai hay không có, có không là gì! (3)*

Về phương diện triết lý, Niết Bàn chính là tầng trời tâm linh cao cả và con người vốn mang Phật tính, nếu tu luyện đúng cách, đều có thể tự lực (đại lực) đạt tới như ông Bụt đã thể nghiệm. Tới đây Phật triết được nhân loại tin tưởng thành Phật giáo, một tôn giáo không cần tới huyền thoại, không cần tới thần quyền, vì như Nho giáo tâm niệm, con người vốn mang thần tính:

*Âm dương chi giao
Quý thần chi hội*

Cứ nỗ lực kiên trì tu tập phá được cái màn vô minh tham sân si, thì Phật tính sẽ xuất ra (4)

*

Phật giáo được các nhà sư Ấn Độ truyền sang đất Việt trước cả Trung Hoa, từ thế kỷ thứ II trung tâm Phật giáo Luy Lâu (vùng Kinh Bắc của Hòn Bướm Mơ Tiên) đã trở thành một cái nôi văn hóa rực rỡ, lôi cuốn các bậc hiền giả từ Tàu sang hoặc làm thầy, hoặc làm trò, có lẽ người Tàu gọi nước Nam là “*văn hiến chi bang*” kể từ đây. Nếu Trung Hoa có thời Xuân Thu Chiến Quốc với trăm hoa tư tưởng, thì nước Việt cũng đã có một thời văn hóa Luy Lâu với đủ mọi khuynh hướng Phật học, tập trung những bậc học giả quốc tế, Ấn Độ, Trung Hoa, Chiêm Thành... để cùng kết hợp với Nho và Lão tạo nên *Tam giáo đồng tôn* suốt 400 năm từ Lý đến Trần. Chính vì văn hóa Bụt đến đất Việt trước Tàu nên thời ấy (thế kỷ II tới thứ X, XII) người nước Nam không có mặc cảm thua kém với phương Bắc như các thời sau chịu ảnh hưởng nặng nề của văn hóa học thuật Khổng Mạnh Trình

Chu. Đồi Lê Đại Hành nhà Tống phải học cách tổ chức quân sự của Việt, đời Lý, Lý Thường Kiệt mang quân đánh Tàu, đời Trần quyết liệt *sát thát* và các vua theo nhau nhường ngôi cho con để lên núi đi tu.

Phật giáo đã đi vào lòng dân tộc qua lối xưng hô như người trong nhà: *Sư cụ, Sư ông, Sư bác, Chú tiểu, Sư bà, Ni cô*... mãi thời gần đây mới dùng các chức danh như Thượng Tọa, Đại Đức... làm mất đi rất nhiều màu sắc dân tộc của Phật giáo. Văn Hóa Việt-Nam, trước khi Phật giáo du nhập, vốn là một nền *Văn Hóa Hữu Lễ* phản ảnh qua lối xưng hô *cô dì chú bác anh em*... xao lãng lối xưng hô đó thật uổng phí công trình dân tộc hóa của nhà Phật.

Trong phép tu học, người ta cho rằng: *thứ nhất tu tại gia, thứ nhì tu chợ, thứ ba tu chùa*, và nhà Sư theo đúng nghĩa là một người thầy, tương tự như chữ *Rabbi* của Do Thái Giáo (5). Người làm Sư phải thông hiểu đạo diệt khổ của ông Bụt để *tâm ấn* cho người khác, tự giác để giác tha, tâm đây là cái tâm sáng suốt do đước tuệ soi thắp, vượt trên lý luận biện

chúng, ngôn từ. Thuyết pháp hoằng đạo mà dùng nhiều sách vở ngôn từ tức là đi xa với phương pháp của Bụt. Chỉ cần vài câu kệ ngắn gọn gợi ý cho người khác suy ngẫm và thực hành mới thực là điều Thích Ca Mâu Ni khuyên bảo.

Con đường tu tập không cần tới muôn vạn kinh điển của các trường phái bàn về đạo Phật, những biện chứng về *ngã, vô ngã, sắc, tướng, thức...* rất dễ làm người đọc lạc vào rừng ngôn từ triết học mà chính đức Phật cũng dạy là nhiều vấn đề siêu hình *bất khả tư nghị*, không thể nghĩ bàn, không lợi ích gì cho việc tu hành giải thoát. Cho nên khác với các hệ thống triết lý Tây phương, đạo Bụt không phải là một hệ thống, khác với các tôn giáo, đạo Bụt không dựa vào lòng tin vô thể nghiệm, vào mặc khải, đạo Bụt là một *đạo sống* mà một người đã thể nghiệm thành công là Bụt và dựa trên kinh nghiệm tu hành Ngài đã chỉ cho người khác cách tu và cách hành để đạt tới cõi an lạc tuyệt diệu vắng lặng Chân Như Niết Bàn.

Từ Tứ Diệu Đế tới Bát Chính Đạo, ông Bụt đặt vấn đề rất giản dị và dạy phương pháp cũng giản dị, chỉ có thực hành đòi hỏi kiên nhẫn và tùy mỗi người tìm cách đạt đạo

khác nhau. Trong tám cách chính để đạt đạo thì *chính kiến* và *chính tư duy* đứng đầu. Chính kiến là Thấy Đúng (6), thấy bề ngoài và bề sau, thấy xa thấy gần, thấy trong thời gian và không gian tương đối và tuyệt đối, thấy chân tướng của sự vật, có thấy đúng bằng Trí Huệ, thì từ đó mới suy tư đúng, mới quan niệm đúng, mới nói đúng... Thích Ca đã thành Phật vì Người *thấy* vạn vật đúng nghĩa vô thường của vạn vật, đã phá bỏ tháo gỡ kiến chấp làm mê muội làm lạc đôi mắt và con tim của mình. Tham thiền nhập định không đủ thành Phật, tụng ngàn bồ kinh, không đủ thành Phật, đọc vạn trang kinh điển, chỉ thành học giả Phật giáo... Đức Phật dạy dùng *Chính Kiến* để thường trực phá bỏ màng lưới vô minh vây bủa nhân sinh, phá được bao nhiêu là tiến gần tới trạng thái Niết Bàn bấy nhiêu, rồi người sau bàn bạc hý luận nhiều quá nên quên cả việc thực hành theo kiểu mẫu mà chính đức Phật đã thực hành.

*

Triết gia Đức Schopenhauer khi được hỏi là các tôn giáo triết lý Tây Phương có thể thay thế được đạo Phật ở Á Đông không, từ thế kỷ 19 đã trả lời: “*Không có đạo nào có*

thể thay thế đạo Phật ở Đông phương được vì làm như thể chẳng khác gì bắn một viên đạn lên vách núi cao” (7).

Trong một thế giới đang bị màn vô minh vật chất vây bủa, kỹ thuật và kinh tế đang làm nô lệ cả nhân loại, dục tính được khuếch đại vô bờ, đạo lý Trung Đạo diệt Dục để diệt Khổ tỏ ra cần thiết cho tâm linh nhân loại, nhân loại tự giải thoát để tìm chân hạnh phúc trong Bầu Trời Cảnh Bụt êm đềm.

Phật Dẫn Quy Dật 1993

CHÚ THÍCH

- (1) *Cakya Mouni = le solitaire des cakyas, c'est à dire des roseaux* Dictionnaire de la Philosophie-Larousse p. 34
- (2) Buddha ta gọi nôm na từ xưa là Bụt, vừa gọn vừa đúng âm. Trung quốc cũng từng dùng từ Bụt Đà. Chữ Phật từ chữ Hán gồm chữ Nhân và Phát, chữ Phát hàm ý Tánh Không, tức Phật tánh, do Huyền Trang tk6, dịch sang Hán, Phật như vậy nghĩa Người Ngộ Tính Không (tác giả Lâm Hồng Thế dẫn theo thuvienhoase.org). Tùy văn cảnh dùng Bụt hay Phật cho êm tai.
- (3) Sư Đạo Hạnh thế kỷ 11 - Phan Kế Bính dịch.
- (4) Theo lý Duyên Sinh, có chúng sinh mới có Bụt, *Sinh Phật bất nhị*, chúng sinh có Phật tính, Bụt cũng từ chúng sinh, đạt quả vị Phật qua đại giác ngộ.

- (5) Danh từ Rabbi có nghĩa là thầy (maitre) hoặc là cao sư của đạo pháp (docteur de la Loi juive).
- (6) Chính Kiến được dịch sang Anh ngữ là Right Views, Chính Tư Duy là Right Resolve - The Buddhist Tradition - William Theodore de Bary.
- (7) *As if we fired a bullet against a cliff.* (trích dẫn theo Will Durant - The Story of Philosophy tr. 339).
- (8) Cổ nhân dùng từ *ni cô hay chú tiểu* để gọi các tu sĩ trẻ, Sư Bác cho các vị trung niên, Sư Ông dành cho các vị già dặn cỡ ngũ thập, Sư Cụ cho bậc cao niên, và Sư Tổ dành cho bậc lão trượng tu hành thâm niên (đại lão hòa thượng), đây là ngôn ngữ của văn hoá Hữu Lễ Việt.

*



Tượng Phật-Lantau-Hông Kông

VĂN HOÁ HỮU LỄ &

MẪU NGƯỜI HIỀN NHƯ BỤT

I-VĂN HOÁ HỮU LỄ

Xã hội Việt đã được tổ chức qui mô trật tự từ Ngôn Ngữ Việt. Thật vậy, lối xưng hô và đại danh từ trong Việt ngữ đã phản ánh rõ ràng nền văn hóa Hữu Lễ dân tộc, rất khác với văn hóa Tàu và nhất là Tây phương. Tàu chỉ có *ngô, nị*, Anh Pháp có *I, you*, lễ phép lắm thì có *je, tu, vous*, *Pháp ngữ*, trong khi tiếng Việt có cả chục đại danh từ xưng hô tùy liên

hệ, tùy thứ bậc, tùy tuổi tác, tùy tình cảm... xã hội trở thành một đại gia tộc qua cách dùng chung tiếng xưng hô thân mật trong gia đình và cộng đồng : *ông, bà, anh, chị, em, con, cháu, cô, dì, cậu, chú, bác*... Ngay khi đạo Phật truyền sang, dân gian cũng thân mật gọi người tu hành theo tuổi tác là *sv tồ, sv cụ, sv ông, sv bác, chú tiểu* chứ không dùng những danh từ kênh kiệu xa lạ như sau này.

Văn hoá **Hữu Lễ** qua cách xưng hô bao hàm nghĩa Đồng bào, một bọc trăm trứng Âu Cơ, đại gia tộc Việt, là cách ứng xử, giao tiếp xã hội, giáo dục lễ nghĩa, lễ phép, nhường nhịn trên kính dưới nhường, lấy tình cảm làm đầu mối tương quan gia tộc và cộng đồng. Lễ liền với Nhạc, là trật tự tiết tấu hài hoà vũ trụ phổ vào trật tự hài hoà xã hội-Cổ nhân dạy *Tiên học Lễ hậu học Văn*, phải biết phép sống xử sự trong gia đình, ngoài xã hội trước khi học văn chương thi phú. Lễ ở đây vượt trên lễ nghi cúng bái của mặt trái *phú quý sinh lễ nghĩa*, mà là **Lễ Nhạc**, là *trật tự điều hoà tuân theo trật tự điều hoà vũ trụ*.

Hiểu chữ **Lễ rộng rãi là Phép tương quan người với người, người với Trời, người với muôn vật, người với cõi âm v.v... là sống cho phải phép, là lễ độ**, văn hóa hữu lễ đã đi thẳng và đi rộng vào sinh hoạt toàn diện của con người, nhìn con người trong một **tổng thể liên quan** –gestalt- và không *tách* con người ra khỏi tổng thể sinh hoạt của thực tế đời sống. Triết lý này hoàn toàn tránh được tình trạng vong

thân cô đơn lẻ loi phi lý của cá nhân hiện sinh vị kỷ Tây phương.

Truyền thống Hữu Lễ, phát xuất từ tâm hồn **tình cảm hơn là lý trí** đơn thuần, đã tạo được một xã hội có trật tự dựa trên lòng người. Không phân bì giai tầng, nhưng có đẳng cấp dựa trên giá trị của bậc thang Hữu Lễ, hai giá trị được tôn trọng là *tuổi tác và kiến văn*, trọng lão và trọng sĩ đã phản ảnh trong tổ chức làng xã Việt Nam, với ngôi vị tiên chi dành cho bậc trưởng thượng, không khoa mục hưu quan thì cũng là tuổi tác cao niên.

Văn hóa Hữu Lễ dẫn tới **Lễ trị hơn là pháp trị**, các bộ luật thời xưa đều chú trọng tới hình luật mà ít chú trọng tới hộ luật, vì mọi tranh chấp giữa người dân đều được xem như chuyện trong nhà, do gia đình gia tộc xử trí. Lê *bát nghị* đòi Lê miễn khảo tấu cho những người đã có công trạng, hiền đức, tài năng, cần mẫn (*nghị công, nghị đức, nghị năng, nghị cần*)... đã là những điểm rất "nhân tình" của xã hội trọng Lễ, khác hẳn lối pháp trị lạnh lùng mà cũng không tránh khỏi *tình ngay lý gian* !

Từ xã hội duy vật sang đến xã hội dân chủ Âu Mỹ, hai thái cực có một điểm gần nhau, mà người dân Việt cảm thấy, đó là mặt **Vô Lễ** của Tây phương so với mặt Hữu Lễ của truyền thống Việt. Thật vậy Duy vật và Dân Chủ Tây Phương đều từ gốc Duy Lý Tây phương mà ra, đều coi nhẹ tình cảm và gia tộc, đều dẫn tới một xã hội *ca mè một lứa* không còn lễ phép xử sự với nhau theo nhân tình. Duy vật tam vô, lật ngược giá trị đẳng cấp, tạo chuyên chính giai cấp mới, dân chủ Tây phương, cá nhân chủ nghĩa (bên cạnh những ưu điểm tất yếu) dễ đi tới tự do vô lễ của đám đông vỉa hè, giá trị xã hội ngày càng xây dựng trên tiền tài hơn là đức hạnh, tuổi tác.

Chính văn hóa hữu lễ của dân Việt đã bị lợi dụng trong mục đích tuyên vận chính trị, nhưng cũng chính vì văn hóa hữu lễ đã ăn vào xương tủy dân Việt nên bất cứ ý hệ vô lễ nào cũng sẽ bị truyền thống dân tộc đào thải, triệt tiêu.

II- MÃU NGƯỜI HIỀN LÀNH: ***HIỀN NHƯ BỤT***

Mỗi nền văn hóa đều tạo nên một mẫu người lý tưởng (*idol, role model, hay Pháp ngữ : homme type*), mẫu người Quân tử của Nho giáo, mẫu người Lịch sự quý phái-*gentleman* của Anh quốc, mẫu người Hiệp sĩ *samurai* của Nhật bản, mẫu người Đạo sĩ-*yogi* của Ấn độ, *Tiên ông tiên nữ* của Lão Trang, *trượng phu và thiện trí thức* của Phật.. mẫu người xả thân vì giáo vụ như *nhà truyền giáo* Thiên chúa giáo (*missionnaires*)..chưa kể các mẫu người khác như người công dân tốt - *bon citoyen* của Pháp, mẫu người kinh doanh quản trị của xã hội kinh thương mới-*businessman, entrepreneur*, mẫu người hùng *siêu nhân* của Nietzsche (1)

Xã hội Việt Nam, cả hai nghìn năm thấm nhuần văn hóa Tam giáo, cả ba nghìn năm đặt căn bản trên làng xã lũy tre xanh, hẳn cũng kết tinh một mẫu người làm gương sáng lý tưởng bình dân thuần túy dân tộc : đấy là mẫu người HIỀN LÀNH.

Thật vậy, trong ngôn ngữ Việt, **phẩm từ HIỀN được dùng nhiều nhất để chỉ định một người TỐT** : *Mẹ hiền, vợ hiền, cha hiền, anh hiền, chị hiền, vua hiền, tôi hiền..hiền như Bụt, ở hiền gặp lành.. hay hiền như ma soeur.!*

Khi nói *Ở hiền gặp lành, Cha mẹ hiền lành để đức cho con*, thì cũng như nói làm Phước thì có Đức, ngược lại với câu “*Đời cha ăn mặn đời con khát nước*”, đó là cách nói bình dân diễn ý *nhân quả*,..một cách thiết thực nôm na. Người hiền lành chính là người lương thiện, có đức, có độ lượng..là đối cực của ác, bất lương, hung dữ.

HIỀN LÀNH trong tiếng Việt nôm na khác với HIỀN trong chữ Nho, *hiền giả, hiền triết* (như *thất thập nhị hiền*), khi nói mẹ hiền, vua hiền..ta không có ý nói người mẹ hiền triết, hay ông vua hiền giả, mà chỉ giản dị nói bà mẹ hiền lành, chiều chồng thương con, ông vua hiền từ, thương dân..Khi nói ông Tô Hiến Thành là bậc tôi hiền thì không có nghĩa là hiền như cục đất, hay hiền triết cao xa, mà chỉ có nghĩa là người lương thiện, có tài năng đức độ chăm lo việc nước, hiền hòa với mọi người.

HIỀN trong tiềm thức Việt bao gồm ý nghĩa : *hiền lành, hiền lương, hiền đức, hiền hậu, hiền hòa..hơn là hiền tài, hiền triết, hiền giả*, mặc dầu nội dung của HIỀN nôm na và HIỀN Nho giáo bao bọc nhau, hiền thê hay vợ hiền cũng cùng một ý.

Người Hiền là mẫu người lý tưởng của dân Việt, được mọi người ngưỡng mộ, khi ở cấp quốc gia, như vua Hùng gặp giặc Ân phải đi *cầu hiền* đánh giặc, triều Trần xây gác *Tập Hiền* (1280) trong thành Thăng Long để quy tụ các người hiền trong dân gian theo truyền thống vua dân một lòng của hội nghị Diên Hồng...Chúa Nguyễn trọng dụng người hiền Đào Duy Từ, vua Quang Trung vờ người hiền La sơn phu tử ra giúp nước v.v..

Cũng có thể nói mẫu người HIỀN LÀNH Việt Nam là kết tinh tất yếu của văn hóa hiếu hòa dân tộc, bao dung nhân bản, đồng tôn mọi đạo giáo, chủng tộc, không cực đoan, không hiếu sát, là ước mơ của người dân được sống yên lành, là mục tiêu của giáo dục lễ giáo, lấy LỄ NGHĨA hun đúc con người, tước bỏ thú tính hung ác, bồi đắp nhân tính, **Hiền từ bên trong, Lành ra bên ngoài**, tạo dựng một xã hội văn hóa HỮU LỄ, tránh sát phạt nhau, tránh tiêu diệt nhau, tránh bao đồng.Mẫu người Hiền Lành Việt là kết tinh của đức từ bi nhẫn nhục, lòng nhân ái *thương người như thể thương thân*, mà người dân tôn sùng kính trọng, là lý tưởng giáo huấn của cổ nhân nhằm xây dựng một xã hội **trên thuận dưới hòa** với

bậc thang giá trị tinh thần *sĩ, nông, công, thương*, hay theo đôi mắt của người phụ nữ về người đàn ông lý tưởng : *chẳng tham ruộng cả ao liền, tham vì cái bút cái nghiên anh đồ*, hoặc mong ước của người mẹ có *dâu hiền rể thảo*.

Lễ phép hiền hòa là đầu mối của một xã hội nhân bản, làm sao có làng xóm yên vui nếu không giữ lễ phép với nhau? Bỏ lễ phép, cá mè một lứa, xã hội gấy đổ tán loạn, dân chủ bình đẳng hiểu lệch lạc dẫn tới độc tài phong kiến mới, do bè nhóm bắt lương, dùng bạo lực lôi kéo lương dân vào địa ngục thù hận chèn ép nhau.

Mẫu người Hiền Lành quả là kết tinh cần thiết để thực hiện một xã hội thanh bình, ổn định, dân chúng cần người hiền hơn là cần người tài, trong tâm hơn thuật, vì như Nguyễn Du cho biết :

...Chữ Tâm kia mới bằng ba chữ Tài

Có tài mà cậy chi tài

Chữ tài liền với chữ tai một vần....

Tài dễ mang đến tai họa cho người và cho mình, hiền mang đến sự lành cho tất cả, nhiều người tài đưa tới tranh chấp, nhiều người hiền mang tới an lạc, cho nên cổ nhân có tôn trọng kẻ sĩ, có tài, có học, thì cũng không quên chiêu hiền đãi sĩ, nghĩa là người Hiền tiêu biểu cho đức độ, luôn luôn được đề cao bên cạnh kẻ sĩ, tiêu biểu cho trí óc. Nhưng, dường như cổ nhân đặt hiền trước sĩ, phân biệt Hiền nhân, quân tử ai mà chẳng (Hồ Xuân Hương) hiền là con người từ thứ dân đến thiên tử đều kính trọng, còn sĩ vẫn là người xuất thân của Khổng sơn Trình, vẫn còn vướng vào khoa bảng sách vở, vẫn là người được Tiến Cử lên vua..hiền có thể xuất thân bình dân, có thể không khoa bảng, lấy đức độ khoan dung làm cách xử thế tiếp vật, vua cầu hiền chứ hiền không quy lụy vua. Hiền vượt trên danh lợi tham sân si, hiền ở đẳng cấp giai tầng nào cũng là người lành, người tốt, cảm hóa được quần chúng.Tài giỏi là một phẩm tính, hiền lành là một đức tính, khi cổ nhân đặt tiến trình giáo dục nhân cách tu, tề trị, bình, thì tu, tề nghiêng về đức tính HIỀN, trị, bình nghiêng về phẩm tính TÀI, hiền là gốc, tài là ngọn, có đủ hai, HIỀN TÀI, thì càng hay, còn không thì phải giữ lấy cái

gốc HIỀN trước, bàn dân thiên hạ không phải ai cũng có tài năng, nhưng nếu mọi người đều hiền lành thì xã hội mới trở thành an lạc thanh bình, một thiên đường dưới thế vậy.

Một sai lầm trầm trọng của nền giáo dục từ chương, khoa bảng, và nhất là nền giáo dục Tây phương hiện tại, là chú trọng tới việc rèn luyện Tài năng, nhồi nhét kiến thức, mà lơ là hoặc bỏ quên gốc giáo dục tôi luyện tính Hiền Lành. Mục đích của giáo dục đúng nghĩa là tước bỏ thú tính của con người, rèn luyện tu tập thành mẫu người văn vẻ -civilized chẳng khác gì luyện mãnh thú, hoang thú, từ bỏ luật rừng, trở thành hiền hòa ngoan ngoãn, sống cạnh nhau, tôn trọng nhau, biết kính biết nhường, ý thức nhân vị nhân tính.

Trong thời đại văn minh kỹ thuật, bên cạnh việc giáo dục trọng kỹ thuật, ta còn cần phát huy gốc giáo dục trọng LỄ của cổ nhân, nói như Nã Phá Luân, phải giáo dục con em từ 30 năm trước khi ra đời, nghĩa là giáo dục chính cha mẹ, thày cô ở học đường.

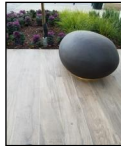
Văn hóa Việt Nam cốt tủy là văn hóa HỮU LỄ qua cách xưng hô theo gia tộc cô di chú bác anh em ông cụ..hậu thế con cháu cần bồi đắp văn hóa gốc nguồn này bằng một

nền giáo dục nhằm đào tạo mẫu người HIỀN LÀNH, kết tinh của văn hóa Bách Việt Hữu Lễ, đây chính là lý tưởng sâu rễ bền gốc của giống nòi Việt vậy.

- (1) *Mẫu người Hiền lành, Quân tử, Lịch sự...là kết tinh tự nhiên của một nền văn hoá, khác xa mẫu người do ý thức hệ hay chủ thuyết đặt ra, như Siêu nhân, Cán bộ...*



ĐẠO BỤT SÁNG NGHĨA



1- Từng Bước Tu Hành

Trong tập **KHÓA HƯ LỤC**, nhà vua hiền triết Trần Thái Tông đã tóm lược con đường tu Phật vào lời Bạt hậu như sau :

Lễ Phật giả, kính Phật chi đức

Niệm Phật giả, cảm Phật chi ân

Trì giới giả, hành Phật chi hạnh

Khán kinh giả, minh Phật chi lý

Tọa thiền giả, đạt Phật chi cảnh

Tham thiền giả, hợp Phật chi tâm

Thuyết pháp giả, mãn Phật chi nguyện.

Bây chặng đường : *Lễ-Niệm-Trì giới-Khán kinh-Tọa thiền-Tham thiền-Thuyết pháp* phải là bậc chân tu tinh tiến mới đạt được. Bình thường người đi lễ chùa niệm Phật đã là quý, trì giới đòi hỏi công phu liên tục, tọa thiền có thể làm hàng ngày nhưng tham thiền để hợp với tâm Phật không phải dễ và người ngồi thiền có đang đi vào " *bầu Trời cảnh But* ", cõi Tâm có còn xao động hay không, thật khó kiểm chứng !

Nhiều người thích khán kinh Phật vì thấy lời kinh không những vi diệu, luận lý khoa học mà còn bao trùm cả tâm lý học, siêu hình học, đạo đức xã hội học...nên từ đó đi thẳng vào chặng đường thuyết pháp hoặc hoằng pháp bằng ngôn từ, vốn là chặng đường cuối dành cho bậc chân tu đã chứng đắc, đã thể nghiệm, đã đạt được Tâm Phật. Nếu chỉ đọc kinh kệ, hiểu nghĩa kinh, rồi vội giảng kinh, viết sách, thì kinh Phật sẽ trở thành cuốn sách đạo đức học, tâm lý học... đó là *Phật học* ở tầm mức tri thức, chưa phải là *Phật đạo* ở tầm mức trí huệ, phá kiến chấp, vượt ngôn từ.

*

2- Chết, Đi Về Đâu ?

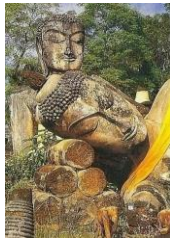
Sau khi **chết, ta đi về đâu**, vốn là thắc mắc ưu tư của mọi người. Con người vốn sợ xuống địa ngục, ước mong lên cõi thiên đường, tiên cảnh. Đạo Phật trình bày con đường chuyển hoá dựa trên mức độ tu tập và nghiệp nặng nghiệp nhẹ của mỗi người, ta có thể đi về các cõi : *Địa ngục, Nga*

quỷ, Súc sinh, A tu la, Người, Trời, Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát, Cực Lạc, Niết bàn. Làm ác có thể đọa xuống địa ngục, thành quỷ, thành súc vật, vừa vừa không ác, có nghiệp tích lũy tốt, có phúc đức dày, có thể lại trở lại làm người, tu tập đạo đức có thể được xếp vào lớp lên cõi Trời, dày công đức tu tập, tâm đã đạt mức độ vô tâm, thì vào cõi Cực lạc, ở đây tu tiếp đến rốt ráo thì vào Niết Bàn, tức cõi Bụt không còn sắc hay không sắc.

Từ chánh kiến tam thiên đại thiên thế giới, có vô lượng vũ trụ, có vô lượng cõi siêu hình, có vô lượng vị Bồ tát, vô lượng vị Bụt, Đạo Phật không giản dị hóa vào hai ngã Thiên đường-Địa ngục mà đưa ra nhiều lối thoát, nhiều đường đi tùy theo căn cơ thiện ác, nghiệp duyên của chúng sinh.

Việc xếp lớp thập giới hay thập độ như vậy hợp tình hợp lý hơn vì những người trung bình không lẽ bị xuống Địa ngục cùng với bọn đại gian đại ác, hoặc không lẽ lại được thăng cấp thăng lên cõi Thiên đường bên cạnh các bậc thánh thiện ! như vậy còn đâu là công bình !

Tuy Đạo Phật chủ trương có tự do lựa chọn chốn đi về trong vô lượng cõi, nhưng phải tu tập giác ngộ, tích đức làm hành trang giải thoát. Trên chặng đường dài muôn vạn kiếp, hành trình đi lên cõi cao hơn tùy thuộc vào số vốn phúc đức tích lũy từ các kiếp trước cộng với số vốn phúc đức tạo ra ở kiếp này. Chỉ cầu nguyện xong, *khẩu Phật tâm xà, nam mô một bồ dao găm*, thì không thể lên được Cực lạc, Niết Bàn.



3-Vạn sự biến dịch

Đạo Phật không cho rằng xuống **Địa ngục** là kẹt mãi mãi ở đấy. Trả xong nghiệp xấu, tu tập, hướng thiện, sẽ được *mãn hạn* và được lên cõi cao hơn. Cũng vậy, người làm điều ác có thể thành rắn rết, chó lợn kiếp sau, nhưng hết nghiệp sẽ lên lại cấp độ cao hơn...

Với 5 cảnh giới tái sinh, vòng luân hồi qua : *Địa ngục-Súc sinh-Quý đỏi-Người- Trời/Thần* (sống trên tầng trời cao, thiên cung, có thể bay lượn trong không trung, gồm Thiên Thần *Devas* còn dục vọng trong Dục giới, Thiên Thần vô dục *rupa Brahmas* trong Sắc giới, và Thiên Thần cõi Vô Sắc giới *arupa Brahmas*)

Nói theo triết lý Tây phương thì nhà Phật cho vũ trụ biến động tiến hóa (*dynamic*), vạn vật **biến dịch** chứ không chủ trương bất biến. Chánh niệm này phù hợp với triết lý Kinh Dịch nên Viễn Đông đã kết hợp được Phật giáo với Nho giáo và Đạo giáo thành thể chân vạc tư tưởng Tam giáo đồng nguyên ở Trung Hoa, Việt Nam, Hàn quốc và Nhật Bản. Tư tưởng Ấn giáo, như luân hồi, cũng hoà nhập vào Phật giáo một cách tự nhiên. Thời đầu, thế kỷ II, khi Pháp sư Khâu Đà La truyền đạo cho Man Nương (chùa Dâu), thì các vị Pháp sư ấy có thể là sư Ấn giáo chung với Phật giáo, nói cách khác Đức Phật là vị canh tân hiện đại hoá Ấn giáo (như bỏ giai cấp) cách đây 2600 năm, tương tự chúa Jesus thay đổi Du Thái giáo cách đây 2000 năm.



Tháp Phổ Minh đời Trần-1262-Thiên Trường.

4- Vô vàn chúng sinh các cõi

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni với *thiên nhân* có thể nhìn vượt không gian và thời gian, nói theo triết lý khoa học, thì đầu óc ngài hết sức rộng lớn mà người trần mắt thịt không thể nghĩ bàn (*bất khả tư nghị*). Tuy vậy có thể nương theo thiên nhân của Ngài mà mở rộng thêm tầm nhìn thế nhân. Đạo

Phật không những dành cho con người mà còn bao dung cả vạn vật chúng sinh kể cả chó mèo, rắn, voi, cá, chim, ruồi muỗi, hoa cỏ... Trên đôi cánh của đại bàng Bụt, ta có thể thoáng nhìn ra các vũ trụ khác với các loài khác - E.T. *extra terrestrial*, như loài *rồng*, *loài Trời* (*không phải ông Trời như ta thường hiểu*), loài *Quỷ*, loài *chim Kim sí điểu*, loài *Thần múa hát* , loài *thần tấu nhạc trên trời Đế Thích*, loài *thần A tu la tức thần phi thiên*, loài *thần Đại mãng xà... cho đến hằng hà sa số quốc độ* tức là vùng trời trách nhiệm của các vị Bụt như Cực lạc của Đức Phật A Di Đà, cung Trời Thiện Kiến của Đế Thích nơi *núi* ngân hà Tu Di thống nhiếp 33 nước trời..

Bước vào cửa Phật là bước vào những vũ trụ vô biên bao trùm người, vật, tinh cầu, thần thánh, quỷ, rồng... những vũ trụ đầy ắp chúng sinh thuộc mọi tầng lớp trùng trùng trên diễn trình tiến hóa thăng hoặc giáng tùy theo mức độ tu tập nghiệp dữ nghiệp lành, tới lúc rốt ráo, giải thoát hoàn toàn viên mãn thì vào cõi Niết Bàn thoát luân hồi nghiệp báo. Cứ nhìn ngay mặt địa cầu với 2/3 là nước biển, 1/3 là đất, thì thấy ngay rằng loài thủy tộc nhiều hơn loài người và các loài

sống trên đất liền, và ta đã rất chủ quan khi cho rằng vũ trụ mà ta đang sống chỉ có loài người là quan trọng nhất và chỉ có thời gian của kiếp ta sống là chính quy ! Có mấy ai đủ thiên nhãn để thấy rằng ta sống là sống cùng các chúng sinh khác và sống với các thời gian, các kiếp trước, sau, cùng với kiếp ta. Trong cảnh Phật, không có một không gian riêng và một thời gian riêng của loài người, xé lẻ ra *không-thời* riêng là một điên đảo tưởng do ý niệm lý trí cắt ra chứ không phải là chính niệm, không phải là chính cuộc sống.

5- Nghiệp

Có thể hiểu thế gian như một trạm chuyển tiếp trên diễn trình sinh hóa, một kiếp trong vô lượng kiếp. Trên trạm này được làm người cũng đã là quý, nhưng tại sao kẻ gian ác có khi được hưởng lộc thọ , người hiền lương có khi gặp khổ nạn tai họa ? Nho, Lão cho là tại *số mệnh*, nhà Phật giải kỹ lưỡng hơn là do ***ngiệp*** lành, dữ, từ kiếp trước nên kiếp này phải

trả nghiệp. Nghiệp hôm nay là nhân cho Nghiệp ngày mai, đây là biệt nghiệp của mỗi người-*samskara*-với *cộng nghiệp* của chúng sinh sống cùng môi trường hoàn cảnh, tạo ra.

Giác ngộ đầu tư vào cái quỹ tiết kiệm phúc đức của chính mình, *vay trả, trả vay*, chính là do hành động xấu tốt của mình tích tạo nên. Số mệnh, hay tội tổ tông (original sin) của Thiên Chúa giáo thật ra cũng gần nhau trong việc giải thích khía cạnh siêu hình của đời người, nhưng nói tới số là nói tới định mệnh được an bài ở *trên Trời*, nói tới nghiệp là nói tới *có Trời mà cũng có ta*, ta tu tập để chuyển nghiệp, ta *có tự do* hành động, ta trồng cây nào thì ăn quả cây đó.

6- Cái gì luân hồi ?

Trong đại bộ *The Story of Civilization* - Truyện Văn Minh Thế Giới - của học giả Will Durant, tập *Our Oriental Heritage-Gia tài Đông phương của chúng ta-*, khi bàn về **luân hồi** nghiệp báo trong đạo Phật, Will Durant cho rằng Đức Phật đã " *đưa ra một thần học không có thần, do đó đã*

trình bày một khoa tâm lý không có linh hồn " (As he proposes a theology without a deity, so he offers a psychology without a soul -p 434). Bằng đôi mắt triết học Tây phương ông viết tiếp : " nếu không có linh hồn thì cái gì chuyển qua đời sống khác để tội lỗi bị trừng phạt khi nhập xác ? Đây là điểm yếu của triết học nhà Phật, Đức Phật hầu như không bao giờ trực diện mâu thuẫn giữa tâm lý học thuần lý của ngài với sự chấp nhận không bàn cãi về luân hồi " (If there is no soul, how can it pass into other existences, to be punished for the sins of this embodiment ? Here is the weakest point in Buddha 's philosophy; he never quite faces the contradiction between his rationalistic psychology and his uncritical acceptance of reincarnation. p. 435).

Có lẽ vì bộ sách được viết vào thập niên 1930 nên Will Durant và nói chung vài học giả Tây phương, đã không có đủ tài liệu Phật học, phiên dịch hoặc trước tác bằng Anh ngữ, nên đã hiểu sai lệch Đạo học Đông phương qua lăng kính triết học và thần học Tây phương.

Đức Phật không bao giờ đưa ra một giáo lý thần học, qua hơn bốn mươi năm thuyết pháp ngài " *chưa từng nói một*

lời nào ", đạo pháp của ngài không khô cứng trong ngôn từ và phải được chứng đắc bằng thể nghiệm bản thân. Do đó không có *theology* với thần thánh và cũng không có một **linh hồn-soul-** bất biến bất hoại. Tâm lý học nhà Phật cũng không thể gọi là thuần lý hay không thuần lý, vì kinh Phật đi ra ngoài và đi lên trên *rational* hay *irrational*. Đây cũng là lối nhìn chung của các hiền giả Đông phương : Khổng tử " kính nhi viễn chi " quỷ thần, Lão tử " đạo khả đạo phi thường đạo " (Đạo mà nói ra được bằng lời thì không phải là đạo nữa). Đức Phật vượt trên vô và hữu, ở thế gian thì có cái Ngã nhưng là Ngã biến dịch, trên cõi Cực lạc Niết Bàn thì tất cả phứt tất, đến cõi đó thì còn đâu là vấn đề linh kinh hữu với vô, chân hay không chân, thường hay vô thường, rất vô minh của con người !

Nếu phải có *một linh hồn bất biến* Nguyễn Văn X. mới luân hồi được qua bao kiếp, bằng không, sổ sách Thiên Tào sẽ lâm lẩn trong việc thưởng phạt, thì phải chăng ta đã chủ quan nghi ngờ tính siêu việt của Hóa Công? Khi còn luân hồi là chưa hết nghiệp, khi chưa hết nghiệp là còn mang **giả**

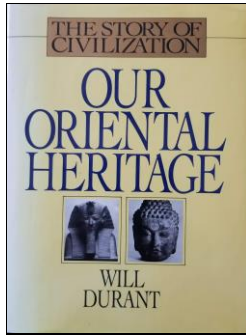
ngã, giả ngã này mang theo hành trang nghiệp dĩ trên khắp nẻo luân hồi. Nói vô ngã là nói không có Ngã tuyệt đối bất biến trong kiếp sống thế gian và cái tôi-*giả ngã* của chúng sinh vẫn kinh qua kiếp khác, với màu sắc gì, dưới dạng thức nào thì là chuyện *hồi sau phân giải*, có thể là dưới hình thức chủng tử, nguyên tử, người trần mắt thịt có thể bàn cãi muôn đời, tốt hơn là "*kính nhi viễn chi*", hoặc "*bất khả tư nghị*", căn nhà đang cháy hãy lo việc chữa cháy trước, chưa cần và chưa nên hí luận sau khi chết cháy người chết còn linh hồn hình tròn hay méo, màu trắng hay màu tro !

Như một *ngọn đèn cháy* từ canh này qua canh khác, tuy khác nhau, biến dịch mỗi canh, nhưng ánh sáng thì liên tục của một ngọn đèn phát ra. Cũng vậy không có linh hồn bất biến trong con người mà chỉ có *tâm thức diễn tiến liên tục*. Còn dục vọng thì còn luân hồi kiếp này kiếp khác, còn cái để cháy để đốt thì ngọn lửa còn cháy, còn duyên ái thì vẫn còn môi cho ngọn lửa sinh mệnh cháy liên tục.

Cũng có lối giải thích khác giúp ta dễ hiểu là *linh hồn* đồng nghĩa với Nghiệp Thức (tức A Lại Da Thức) của tri kiến

Phật, nghĩa là Nghiệp tạo thành, trở thành nhân, nhân luân tập kết vào thức, thức này đi đầu thai, vào tinh trùng, trứng mẹ, mà tạo sinh mạng mới. Hiểu như vậy thì linh hồn hay A Lại Da Thức vẫn còn luẩn quẩn trong vòng luân hồi, chưa giải thoát rốt ráo, và linh hồn hiểu theo nghĩa Tây phương thì sau khi chết lại có thể nằm ngay trên Thiên đường, vậy thì cái linh hồn đó có trở lại nhân thế không ? nếu có, thì chẳng khác gì luân hồi của nhà Phật, nếu không, thì tất cả linh hồn xưa nay cứ an vị trên cõi Thiên đường hay Địa ngục bất biến ?

Duy thức học nêu rõ : *A Lại Da là Chủng tử*, là hằng và chuyển, dòng sống là một quá trình chuyển đổi, khi chết đi chủng tử tiếp tục chuyển biến, tùy duyên, hoá hiện thành sinh mạng (*chánh báo*) mới, trong một môi trường sống (*y báo*) mới. (xem *Lược Giải Những Pháp Số Căn Bản*-Hạnh Cơ-Làng Cây Phong 1996, tr166).



7-Chân Không khác Hư Vô

Thế kỷ 19, các triết gia Âu Tây đều hiểu chữ KHÔNG của Phật giáo giống với HƯ VÔ (nihility). Từ Hegel, Schopenhauer tới Nietzsche, đều coi Phật giáo là chủ nghĩa Hư vô (Eglise du nihilisme), là từ bỏ thế gian (négation du monde), phủ nhận thế giới, rằng Phật là Vị Chúa của Trống rỗng (Le grand Christ du vide- của Roger Pol Droit -do Trần Doãn Nho

và Chân Phương dịch- Thế kỷ 21, 8-2004), yếm thế, tìm bình an trong Hư vô.

Thật ra Hư Vô và Hư Không của Phật giáo khác hẳn nhau, sư Thanh Từ giảng : *Tánh Không là thể tánh của tất cả các pháp. Thể tánh của các pháp là không, do duyên hợp nên sinh ra muôn pháp, vì vậy nói Tánh không duyên khởi-(Tánh Không Duyên Khởi và Chân Không- bài giảng 2012)*

Theo Đại Thừa thì ba dấu ấn của Đạo Phật là : Không-Vô Tướng-Vô Tác.

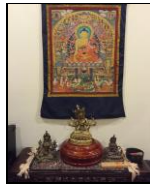
Hư không là môi trường sống của vạn pháp, như ly nước rỗng từ đó mới đổ đầy trà, nước...*Tánh không* như khoảng đất trống, duyên khởi mà xây thành nhà cửa. Tánh không cũng là vô ngã, là nơi an trú rỗng không của Thiền. Sắc là do duyên khởi, Không là tự tánh của vạn sự, Có và Không chỉ là hai mặt, nổi và chìm.

Vô tướng vì hình tướng là do duyên khởi hợp thành, ly nước, bình nước, ao nước... cùng là nước mà hình tướng khác nhau.

Vô Tác hay Vô nguyện là không mong cầu, không ham muốn, tâm không cần tạo tác vì như con sư tử vàng không cần đi tìm vàng ở ngoài mình.

Chân không diệu hữu : chân không là tánh không, không sanh không diệt, mà lại sanh mọi pháp, sạch niệm là chân không, từ đó diệu dụng, như chén rỗng mới đổ đầy được trà, như không gian vũ trụ, tô điểm tinh tú.

Ngộ được *tánh không* là đạt Niết Bàn, *hữu dư y Niết Bàn*, khi còn ngũ uẩn, *Vô y dư Niết Bàn* khi không còn thân ngũ uẩn nữa.



(sưu tầm NgThVu)

8- Duyên Khởi

Đạo Phật không không chia cắt con người, chúng sinh, ra Hồn và Xác, tránh nhị biên, cái này sinh ra cái kia, tất cả là **Duyên Khởi**, cái này có vì cái kia có, trong một Đại Viên Cảnh Trí, một tổng thể vũ trụ-*gestalt*.

Nghiên cứu của các tâm lý gia và triết gia như David Chalmers, Nagel, Christof Koch, Tononi, cho rằng **Thức** (consciousness) không phải do Óc, chất xám nặng trung bình 1kg³, tạo ra, mà *tâm thức* là một phẩm chất của vũ trụ, như trọng lượng, như tỷ trọng (mass-gravity). Khối óc của chúng sinh chỉ là trạm nhận sóng Ý Thức (receiver-transmitter) như cái máy radio, nhận sóng nhạc và truyền đi, chứ máy radio không tạo ra nhạc. Đành rằng nếu máy trực trực thì không phát thanh được, nhưng cái sóng Thức thì vẫn có đấy. Sóng Thức ấy trong vũ trụ, toả vào chúng sinh, khiến ta có tình tương thân tương ái, vị tha bác ái (empathy), nhờ Đại thức, đại giác mà tất cả vạn vật nhất thể, biết lẫn nhau. Nếu Thức là một phó sản-by *product*- của khối Óc thì làm sao Thức có thể ảnh hưởng sâu sắc tới cả thân thể hình hài ta được. Y học

và Sinh học cho thấy khi óc trong trạng thái hôn mê gần chết thì Thức vẫn tiếp tục làm việc mạnh mẽ.

(tham khảo: SCINEWS, Is Consciousness a Fundamental Quality of the Universe ? Jun 14-2019 by the Conversation)

Nghiên cứu khoa học trên đã được cố cư sĩ Nghiêm Xuân Hồng giảng trong bộ Nhập Pháp Giới (Hoa Nghiêm) : khoa học cho rằng “ óc hữu hình chất sinh ra cái vô hình chất. Đạo Phật nói ngược lại, rằng bộ óc ấy không phải tiết ra những tâm tưởng ấy mà nó chỉ là một công cụ để tâm thức dùng chi phối cái thân xác này, đồng thời để tiếp xúc với với pháp giới bên ngoài.” (Nhập Pháp Giới III, tr 193-Xuân Thu 1995)

Nghiên cứu khoa học hiện đại trên cũng đã được Tâm học Phật pháp đề cập từ lâu, Thức, Mạt Na Thức...như một luồng sóng tập kết mọi chúng sinh vào một đại thể thông dung với nhau, một Bồ đề tâm phổ quát.

Theo Duy Thức Học vạn hữu do nhân duyên mà ra nên không có tự thể, là không có thật, có là có trong Tâm Thức. Tùy nghiệp lực của mỗi loài mà biến hiện ra, tỷ như “ Long Vương giáng một cơn mưa mà Tha Hoá Thiên thấy là

âm nhạc, Hoá Lạc Thiên thấy là ngọc báu mani, Đẩu Suất Thiên thấy là hình ảnh vật dụng trang nghiêm, Dạ Ma Thiên thấy là những đoá hoa vi diệu, Dao Lợi Thiên thấy là hương thơm, ...Tu La thấy là binh khí...người thế gian thấy là mưa..." (trích Duy Thức Triết Học- tr.11 của Chân Đế, Giải Minh soạn dịch, xb Phương Đông 2012), chẳng khác chi lúc chiêm bao thì thấy có, lúc tỉnh dậy là không. Tuỳ căn cơ như người thấy sông là nước, A Tu La thấy sông là lửa...

Thức trong Phật giáo gồm 5 cảm giác *sensations* và sang tới Tri giác *perception* thì cần Ý thức, cái biết rõ ràng. Ý thức là thức thứ 6, Ý làm căn, Pháp trần làm đối tượng.

Tới thức thứ 7, *Mạt Na Thức- Mâna*, phân biệt ngã với phi ngã, tôi và ngoài tôi, mạt na còn chấp ngã, mang 4 tâm sở là *ngã ái, ngã si, ngã mạn và ngã kiến*, là 4 phiền não tạo vọng nghiệp đưa tới luân hồi, làm trung gian giữa 6 thức và thức 8 (*mâna nghĩa cầm nắm, bắt lấy*).

Thức thứ 8, *A Lại Da Thức- Alaya, thức chủ*, là cái biết *tàng thức*, gìn giữ và biến hiện, là nền tảng của nhận thức và hiện tượng tâm sinh vật lý, sâu kín và bao la hơn tiềm thức hay vô thức. Khi *tiềm ẩn là chủng tử, khi hiện hành*

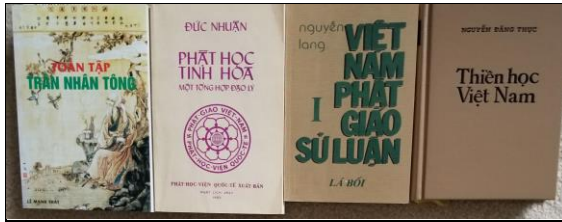
là *hiện tượng*. chúng tử chuyển biến không ngừng, chúng tử sinh hiện hành, hiện hành sinh chúng tử... *A lại da thức* hằng chuyển, vừa liên tục vừa thay đổi, tính chất này là cơ bản của vạn pháp, của sự sống, của vũ trụ.



9- Vô thường

Kinh Dịch và Kinh Phật giống nhau ở điểm nhấn mạnh tới lẽ biến dịch của vạn vật, vạn pháp. Vì biến dịch-*thành hoại-tiêu-trưởng*-nên thế gian là **vô thường**. Vì sợ vô thường nên thế nhân mới mê tưởng ít ra thân xác có hủy hoại thì linh hồn vẫn nguyên vẹn bất biến để được " *lên Trời* ". Nhà Phật không xác định có hoặc không có linh hồn. Nói theo thế tục

thì có, nói theo tầm vũ trụ cao (*chân đế*) thì không, cũng ví như đứng trên mặt đất thì nói đất đứng yên, từ phi thuyền không gian nhìn xuống thì phải vỡ lẽ trái đất đang quay tròn. Cho nên có linh hồn thì linh hồn cũng vô thường và biến dịch như vạn hữu trên thế gian, trong vũ trụ.



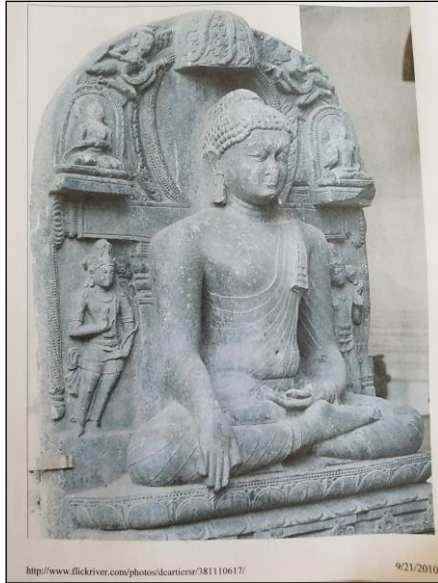
10- Chuyển hoá-Giác ngộ

Nhà Phật không phủ nhận hay khinh bạc cuộc sống thế gian. Người tu Phật nhìn vào cuộc sống bằng cặp mắt **giác ngộ** : hết cơn bão tố đến tuần thái lai, sau cơn mưa trời lại sáng, theo lẽ biến dịch tự nhiên của vạn vật, theo **lẽ vô thường** của vũ trụ, theo cố gắng tu tỉnh chuyển nghiệp, *trừ khổ của tứ diệu đế*. Nhìn bông hồng, mỹ nhân, ai chẳng thấy đẹp, nhưng

đừng đau khổ khi hoa héo sắc tàn. Lẽ vô thường biến dịch phải như vậy. Người giác ngộ phải nhận ra điều ấy. Người ngồi thiền để quán chiếu lẽ đó. Quán chiếu được thì lòng an vui thanh thản nhìn hoa nở lẫn hoa tàn, không đau khổ khi gặp cảnh dâu biển tang thương, không chán chường khi bị thời gian tàn phai nhan sắc. Sống hay chết, đẹp hay xấu, còn hay mất... chỉ là hai mặt âm dương của vạn vật. Khi Will Durant tới tuổi ngoài 90, nhà báo phỏng vấn ông ở California (khoảng năm 1980), ông nói ông không sợ chết vì ở tuổi đó người ta mong được chuyển hóa (*transformation*) sang một hình thái- *form*- khác. Điều này hoàn toàn phù hợp với nhà Phật, *sắc sắc không không* là như thế. **Chuyển biến** không ngừng, từ *form* này sang *form* khác, kể cả linh hồn, như đã chán kiếp làm người thì có thể mong cầu :

Kiếp sau xin chó làm người

Làm cây thông đứng giữa trời mà reo !



Một pho tượng Bụt tối cổ (trích Google)

11- Nhân chủ-Thần chủ

Truyền thống Đạo học Đông phương tránh không xác quyết về sự hiện hữu hay không hiện hữu của một chúa tể vũ trụ, một đấng **Thượng đế** tối cao ban ân giáng họa. Có thể có đấy nhưng " *bất khả tư nghị* ", không thể nghĩ bàn ở tầm mức

phàm phu, " *kính nhi viễn chi* " là hay hơn cả, vì lẽ có ông Trời thì tại sao không có bà Trời, trẻ con lại tò mò hỏi ai sinh ra ông Trời , ông Trời có ăn uống không, thì người lớn rất khó trả lời ! Điều gọi là **nguyên nhân cuối cùng**, trong truyền thống Đông phương còn được gọi là Hóa công, Ông Trời, Cao Xanh, Trẻ Tào, Thái Cực... khi thì nhân cách hóa theo bình dân, khi thì không. Không thể gọi Phật giáo, hay Khổng, Lão là vô thần *atheist* mà chỉ có thể nói là **không nặng về thần quyền- non theistic.**, nghĩa là đạo giáo có mục đích giúp con người giải thoát, tăng tiến tâm thức, trau dồi đạo lý, chuyển hóa thân tâm tới cõi an lạc, nhưng không nhắm vào một ông Trời, một vị Thần thánh nào với quyền lực vô biên sáng thế, cầm mực nẩy cân thế sự...đấy chính là túi khôn minh triết của thánh hiền Đông phương, tránh được thánh chiến, tránh được tranh chấp cuồng tín của tục nhân, tránh được khá nhiều chuyện buôn thần bán thánh, hơn nữa về phương diện luận lý triết học, có ưu điểm là vượt lên cái gọi là nguyên nhân cuối cùng, việc nhân hóa Tào Hóa, nếu có Tào Hóa, có ông Trời ngồi trên đầu người, thì ông Trời có trách nhiệm về quỷ ma tai họa giáng xuống nhân thế

không? và ai sinh ra quỷ ma Satan, nếu không phải là Ông Trời Thiện thì phải chăng lại có một ông Trời khác, ông Trời Ác gây họa cho vạn vật sinh linh?

Truyền thống phương Đông không có đạo giáo nào đưa ra kinh sách bằng *thần khai* như tôn giáo phát xuất từ truyền thống thần quyền Trung đông (Du Thái giáo, Thiên Chúa giáo, Hồi giáo). Đạo giáo Đông phương do đó nghiêng nhiều về triết lý, không đề một vị thần tối cao nào trên đầu người, đem lại một xã hội *nhân chủ*, tự do nhân bản, văn hóa khai phóng. Nhưng cũng vì vậy Phật giáo trong tổ chức dễ bị lỏng lẻo phân hóa, trong lịch sử hoàng pháp từng bị Hồi giáo, Bà La Môn, tiêu diệt ở Ấn Độ, ở Nam Dương, Thiên Chúa Giáo bành trướng ở Hàn quốc, Việt Nam...Điều đáng ghi nhận ở đây là truyền thống Du Thái cũng tránh không nói tới một ông hay bà Trời mà chỉ nói tới tên một vị " Trời " dài 72 chữ , nghĩa là không thể đọc *tên* được !



Chùa Thái Lan (Phật, Ấn giáo, Mật tông dung hợp)

12- Quốc độ Bồ tát

Nhà Phật không xác quyết có một Thượng đế tối cao chúa tể vũ trụ-vì có tam thiên đại thiên thế giới, vô lượng vũ trụ...cho tới thiên nhân như Thích Ca Mâu Ni cũng không chắc đã nhìn thấy nguyên nhân cuối cùng ấy ! Nhưng Phật lại xác định có những vị Phật, những vị Bồ Tát trên những *quốc độ* khác nhau, như Cực Lạc là một quốc độ của Phật A Di Đà ,

Đế Thích với 33 tầng trời , Quán Thế Âm Bồ Tát cứu khổ cứu nạn... Như vậy các tôn giáo Trung đông khi quan niệm Vị Chủ Tể hoàn vũ , *nhất thần trong một vũ trụ*, thì vị Thần ấy hoặc Thượng Đế ấy cũng tương đương phần nào với *một vị Bồ Tát trên một quốc độ*. Như thế nhà Phật chủ trương *hữu thần* nhưng không *độc thần*, mặc dù quan niệm về **thần của Phật giáo không giống Trung Đông**. Thần thánh của nhà Phật ở những quốc độ khác thế gian, không ngồi trên ấy để thường trực cầm cân nảy mực thế nhân, con người theo nhà Phật là nhân chủ, tự mình trách nhiệm lấy mình, tự mình thấp đước lên mà đi trong cuộc hành trình vũ trụ kinh qua nhiều kiếp, những vị Bồ Tát tuy có cứu khổ cứu nạn cho con người nhưng rất ráo vẫn làm công việc hoằng đạo đưa con người về chính đạo tu tập chứ không thay con người, không rửa sạch tội lỗi *hộ* con người, không đốt giai đoạn *hộ* con người, không đưa thẳng con người lên cõi Niết Bàn được. Ngay Phật A Di Đà có dẫn độ người chết vãng sanh về cõi Cực Lạc của ngài cũng là vãng sanh về nơi tu tập để đạt giải thoát, chứ không phải ngài ban phát Cực Lạc cho tín đồ.

Chính vì không chủ trương độc nhất thần nên Đạo Phật đã có thể truyền bá rộng rãi vào nhiều mảnh đất đã có sẵn thần thánh khác như đạo Bons ở Tây Tang, Thần đạo ở Nhật Bản, Bà La Môn ở ngay Ấn Độ. Ở Tây phương, nhiều tín đồ Du Thái giáo, Tin Lành, Thiên Chúa Giáo La Mã... cũng tiếp nhận Phật giáo như một phương pháp tu tập nội tâm, trước tượng Phật, có thể cung kính như trước một pho tượng thánh hiền Socrates, Platon...

Vì thích nghi và hòa đồng để phong phú hóa tín ngưỡng địa phương, Đạo Phật khi tới Viễn Đông : Việt Nam, Trung Hoa, Mông Cổ, Hàn Quốc, Nhật Bản... đã cùng Nho và Lão trong 2000 năm, tạo dựng một nền móng tâm linh viên mãn cho quảng đại quần chúng, **tổng hợp** với tín ngưỡng tập tục cổ truyền địa phương như thờ cúng tổ tiên, thờ thần sấm, thần sét, thần sông, thần núi, thờ chư vị anh hùng dân tộc... bao bọc một nền văn hóa hữu thần nhân chủ rất cao đẹp trong lịch sử nhân loại.

Vì chủ trương độc nhất thần nên Thiên Chúa Giáo, Hồi giáo khi truyền vào Viễn Đông khó có khả năng hội nhập

và tổng hợp. Không bỏ được tín ngưỡng cổ truyền , Giáo hội La Mã đã chấp nhận việc thờ cúng tổ tiên, nhưng một số người vô tình *phá vỡ tổng hợp Đạo giáo Viễn đông* bằng cách tách tục thờ cúng tổ tiên ra khỏi Phật Khổng Lão, và gọi bằng đạo "*ông bà* " ! văn hóa truyền thống mang *giá trị tổng hợp* mà tổ tiên ta đã mất cả ngàn năm vun trồng. Giả dụ Việt Nam là một nước theo độc thần... thì các tôn giáo khác sẽ gặp khó khăn biết bao nhiêu trong việc truyền đạo. Hơn nữa Viễn Đông vốn không có cạnh tranh về đạo giáo và số tín đồ, lại càng không có việc thánh chiến, nên các tôn giáo mới chớ quên tinh thần hòa đồng tôn giáo tốt đẹp sẵn có ấy. Một người theo đạo Tin Lành, Thiên Chúa Giáo La Mã... vẫn có thể hãnh diện với truyền thống đạo học và tín ngưỡng của cha ông để từ đó vun trồng lên cây tôn giáo mới, điều này không có gì mâu thuẫn giữa đất cũ và cây mới. Riêng Ấn Độ Giáo truyền sang Viễn Đông thích nghi hoá dễ dàng hơn vào quần chúng bình dân vì các đền Ấn giáo gần với nghi thức Phật giáo và các tín ngưỡng bản địa như thờ cúng Mẫu, Thần linh...

Ngoài ra, nếu lý luận rằng Đạo Phật từ Ấn Độ, Đạo Không, Đạo Lão từ Trung Hoa, nên cũng là ngoại lai như Đạo Thiên Chúa từ Tây phương tới, không phải là truyền thống dân tộc. Lý luận như vậy thì chẳng khác gì nói người Pháp, người Bồ, người Ý...chối bỏ Đạo Thiên Chúa vì đạo này ngoại lai từ Trung Đông Du Thái đưa sang ! Truyền thống văn hóa tôn giáo xứ nào cũng vậy, là một *tổng hợp sáng tạo* cũ mới, xa gần, nội ngoại, vấn đề là có tổng hợp được không. Tổng hợp được thì với thời gian ngàn năm sẽ thành truyền thống, không được sẽ thành ngoại lai, ngoại lai thì tự nó khó tồn tại mãi bên cạnh tổng thể.

13- Tự mình thấp được lên mà đi

Đức Phật trước khi nhập Niết Bàn đã dạy môn đệ "*tự mình thấp được lên mà đi*", hãy *luôn luôn tinh tấn* theo đạo pháp mà Ngài đã giảng trong hơn 300 hội. Đạo pháp ấy không do Thần linh nào mặc khải mà do chính Đức Phật tham thiền giác ngộ với tự tin là đạo pháp ấy "*toàn thiện từ đầu đến*

cuối ", là viên ngọc không tì vết, là minh chứng khả năng đạt tới trạng thái đại giác đại ngộ của con người, con người vốn có Phật tính, "*linh u vạn vật* " nói theo nhà Nho.

Sau 49 ngày tham thiền đạt đạo dưới gốc cây Bồ đề, trên đường đi một người bình dân trông thấy diện mạo tiên thánh của Thích Ca Mâu Ni đã hỏi "*xin hỏi Ngài là người hay là thần ?* ", Đức Phật đã trả lời : "*Ta không phải là người, cũng không phải là thần, ta là Bụt* " tức là bậc **đại giác ngộ**.

Đạo pháp của bậc đại giác ngộ ấy quả có giá trị cao siêu, toàn thiện toàn mỹ, phát ra sức hấp dẫn vào tận đáy sâu lòng chúng sinh, không cần tới vũ lực grom đao, không cần tới thế lực xảo thuật, vẫn chinh phục được nhân thế và chúng sinh, kể cả chúng sinh cõi trời, kể cả thần linh cõi khác.

Từ một vùng chân Hy Mã Lạp Sơn ánh sáng tự phát của đạo pháp đã lan tỏa bốn phương, không cần đến một tổ chức trung ương quốc tế, người đến với đạo Phật không vì phù thịnh và quyền lợi mà vì thấy ánh sáng ấy xoa dịu tâm hồn, nâng cao trí tuệ, rọi sáng cuộc hành trình dài rộng trong

vũ trụ cho chính mình, đặt cuộc sống vào diễn trình tiến hóa chung của vạn vật, mở toang chiều kích tam thiên đại thiên thể giới khiến ta tiếp cận được với những vùng trời khác cõi thế gian. Tầm vóc của con người vươn lên hàng thần thánh nhờ phát huy phần " *thần* " trong bản chất " *âm dương chi giao, quý thần chi hội* " mà Nho gia đã định nghĩa . Vì Thần là gì nếu không phải là khả năng vượt thế gian để nhập vào đại thiên vũ trụ ? nhập bằng cách mở rộng cõi tâm tới vô biên, nhập vào tâm Bồ Đề **Từ bi-Tuệ giác** của Bụt.

*

14- Tam giáo đồng tôn

Gần chùa gọi Bụt bằng anh, vậy chùa là gì ? Một giả thuyết : *chùa* có thể đọc trại chữ *chúa* (chúa tể), là nơi tôn nghiêm thờ chư Phật, Bồ tát, *chiền* có thể là tiếng kếp, cũng có thể là chữ *thiền* đọc trại đi cho hợp với âm Chùa, nhiều học giả lại cho chữ *Chùa* là thuần Nôm... Làng xã Việt Nam khi xưa đều có Chùa thờ Phật, Đền thờ thần (thần hoàng

làng, thần thánh trong huyền sử hay các vị anh hùng dân tộc...), Văn Miếu thờ Khổng Nho. Đây là **Tam giáo** nghìn năm ăn sâu bám rễ vào tâm khảm dân tộc, bên cạnh các tín ngưỡng bình dân khác như thờ Mẫu (tức Liễu Hạnh Thánh Mẫu ở Phủ Giầy, Tây Hồ, Đền Sòng...), thờ thần sông thần núi, người chết bất đắc kỳ tử thiêng liêng... Điểm cần nêu lên như một điểm son của tinh thần tín ngưỡng tôn giáo Việt Nam là không có ranh giới giữa thần này thánh kia hoặc đạo này đạo nọ... người dân đi lễ bái cầu nguyện ra vào đền miếu, chùa chiền thoải mái như đi thăm bà con làng xóm *tâm linh* kính trọng đồng đều chứ không phân biệt hoặc đố kỵ... Cho tới khi các tôn giáo mới vào ta như đền Hồi giáo, đền Ấn Độ Giáo, nhà thờ Thiên Chúa Giáo... mới phân biệt ranh giới, có tín đồ riêng, có giáo khu... trên quan điểm tôn giáo mới này, tín đồ trở thành một nhóm dân mới, có ghi danh vào sổ sách, có rửa tội... nên có thể làm thống kê số người. Nếu dùng tiêu chuẩn ấy để tính số tín đồ Phật, Nho, Lão thì không thể đúng vì Đông phương xưa nay không nhìn tôn giáo qua lăng kính tổ chức tín ngưỡng mà chỉ coi như một sinh hoạt xã hội như ngày hội ngày hè ngày đám, ngày giỗ, tùy nghi tùy hỉ, ra hay

vào, đến hay đi, lễ hay không... không ai bắt buộc, không ai ghi tên tuổi ... chỉ khi nào có yêu cầu tự quyết của người muốn quy y thì mới có lễ riêng.

Đây là ưu điểm của Phật giáo, tôn trọng tự do của người dân, nhưng cũng là khuyết điểm làm tổ chức Phật giáo lỏng lẻo dễ bị các ý hệ khác, các tôn giáo khác khuynh loát, lôi cuốn tín đồ, ngoại trừ Phật giáo Nguyên thủy thì giữ qui luật chặt chẽ hơn.

15 - Chiều kích vũ trụ

Có sự dung thông giữa Phật, Nho và Lão ở khoảng dưới, khoảng giữa và khoảng cao, nhưng tới mức cao tột thì đạo Phật vượt lên như một nỗ lực siêu việt. Nho bàn về Âm Dương nhưng không bàn sâu về Thái Cực, có lẽ vì thấy đã ở mức Thái cực thì không còn gì phải bàn, Lão cũng nói " *đạo khả đạo phi thường đạo* " đạo mà nói ra được thì không phải là đạo nữa ! Nói chung, đạo nào cũng đặt chuyện hướng thiện

làm con đường đạo đức cho người đời theo, nhưng đạo Phật muốn vượt xa hơn, không dừng ở mức người Quân tử hội hợp Thiên Địa Nhân, cũng không dừng ở Tiên giới như Đạo giáo, mà muốn nâng chiều kích con người lên hàng vũ trụ, thông với vạn vật chúng sinh, thông với các cõi khác trong đa vũ trụ tam thiên đại thiên, liên tục tu tập tới cõi Cực Lạc, Niết Bàn. Nói khác đi, **thời gian tu tập của nhà Phật là thời gian vũ trụ**, dài và rộng hơn thế gian, tu ở đây, ở trên các cảnh giới khác qua muôn ngàn kiếp. Đạo Nho nói tới con người tu thân trong cõi thế gian để thành người Quân tử, đạo Lão nói tới phương pháp luyện thân tâm để thành Tiên sống lâu hàng trăm năm, nhiều đạo khác của truyền thống Trung Đông tìm con đường thăng từ thế gian lên Thiên đường... như vậy hầu hết đều giới hạn hoặc giản dị hóa diễn trình tiến hóa loài người từ điểm A thế gian tới điểm B tiên giới, thiên đường. Đạo Phật thì đi từ điểm A thế gian lên tới đa điễm, vô lượng cõi, vô lượng cảnh giới. Có thể nói cho hợp thời đại là Đạo Phật đưa ra nhiều *options*, nhiều lựa chọn và nhiều phương pháp (84000 pháp môn) nhờ vị giáo chủ là Thích Ca Mâu Ni đã đạt tới mức rốt ráo như một thiên thể hơn là

một vị thần, vị thánh... thần, thánh là những nhân thể cao mà
thôi chứ chưa tới mức Đại thánh của liên hành tinh, liên vũ
trụ, liên cõi, liên chúng sinh vạn vật như *Phật quả*.



16 – Thiền để diệt khổ

Trước khi đạt đạo, Đức Phật cũng đã tu theo phép Yoga là
phương pháp của các đạo sĩ vùng Hy Mã Lạp Sơn dùng cả
ngàn năm trước. Phương pháp này chuyên luyện cơ thể để
đạt khả năng thần thánh mà Bụt cho rằng không rớt ráo và
không ích lợi : luyện 30 năm để có khinh công đi được trên
mặt nước thì chi bằng bỏ ra mấy xu thuê đò qua sông !

Vì thế Bụt rời Yoga khai mở **Thiền định** và **Thiền quán** giúp người tu đạt tới tầm mức rất cao của tinh thần mà không phải ép xác khổ hạnh thái quá. Nước biển có một vị là vị mặn, đạo Phật có một vị là *diệt khổ*, mọi phép tu đều hướng về mục đích ấy, cho nên tu Phật không phải là thành thân thông mà để phá vòng luân hồi nghiệp báo buộc chặt chúng sinh, nghĩa là trừ tuyệt nỗi khổ bám vào hai chữ *sinh-tử*.

*

17- Khẩu nghiệp

Ít có đạo giáo nào chú trọng tới Khẩu nghiệp, miệng lưỡi ngôn từ như Phật giáo :

Bát Chính Đạo :

Chính kiến, Chính niệm bao gồm triết lý khôn ngoan.

Chính ngữ, *Chính nghiệp, Chính mạng* cho phần Đạo đức
Chính Tinh Tấn, Chính Niệm, Chính Định bao gồm an lạc .

Ngũ Giới :

Hiền Như Bụt @ Hạ Long Bụt Sĩ

Không sát hại-Không Trộm cướp-Không tà dâm-**Không vọng ngữ**- Không rượu và Ma túy.

Chính Ngữ và Bất Vọng Ngữ là hai dấu ấn đặc biệt quan trọng trong Phật giáo, một đạo đức thực tế ngăn chặn lời qua tiếng lại, đức lý căn bản trong thời truyền thông, sách báo tràn lan hiện đại. Từ thế kỷ XX tới hiện đại, nhân loại chịu khẩu nghiệp nặng nề của truyền thông lệch lạc, của quảng cáo vị lợi, của ma ngôn quỷ ngữ..cho nên Chính ngữ và bất vọng ngữ là đạo lý tối cần cho văn hoá *media* hiện đại.

18- Lối tu giản dị

Phương pháp Tu của nhà Phật rất **giản tiện** cho người dân, bàn thờ mang vào trong nhà, trong góc phòng, nếu muốn **tu tại gia**, không cần tới nghi lễ phiền phức, không cần tới chùa chiền dát vàng dát ngọc. Sau khi Đức Phật nhập Niết Bàn, hậu thế như vua Asoka, đã tạo dựng những công trình kiến trúc vĩ đại, những pho tượng uy nghi cao to...mà chính Bụt đã khuyên nên từ bỏ hình thức Danh và Sắc.

Tuy vậy, cốt tuỷ Phật giáo vẫn còn trên vết chân khất sĩ, trong vườn Thiền đơn giản Nhật Bản, trong những bài kệ ngắn gọn, trong thơ Hải Cú vượt ngôn từ trừu tượng chẳng khác chi những câu kinh Pháp Cú kết tinh Tâm Bụt.

Tâm Bụt là giáo dục, là lối sống, hướng về giải thoát .



19- Phá chấp-Từ Bi Hỷ Xả-Trí tuệ

Màn vô minh che phủ thế gian, con người chìm đắm trong danh-sắc, tham, sân, si...muốn tu tập để chuyển hoá vô minh tới giác ngộ cần **Phá Chấp**, xả bỏ kiến chấp gò bó đầu óc tự do, đạt bình đẳng qua lòng **Từ** và **Bi**, **từ bi hỷ xả và Trí tuệ là bí quyết giác ngộ.**

Đại Từ là lòng thương yêu lớn, vui sống giữa muôn loài, mang niềm vui cho chúng sinh bình đẳng .

Đại Bi là lòng thương cảm vạn vật, hiểu và chia sẻ để giảm thiểu nỗi khổ đau của muôn loài. “ chúng sinh bệnh nên Bồ Tát bệnh” trong kinh Duy Ma Cật nói rõ tâm Bi này “ *bệnh chúng sinh từ tứ đại khởi...do các phiền não vọng tưởng điên đảo từ kiếp trước mà sanh... dùng **gươm trí tuệ** phá giặc phiền não ...*” chẳng khác gì tâm bệnh học thời nay tìm sâu vào tiềm thức vô thức để hiểu nguyên nhân tâm bệnh.

Từ Bi Hỷ Xả phát xuất từ cõi Tâm vô lượng, từ Tuệ giác để cứu vớt chúng sinh. Chúng sinh vô minh nên làm tội lỗi, nhưng chúng sinh đều có Phật tính, thiện tính, nên có thể chuyển hoá giác ngộ được.

Chùa Lào mái cong



Tích Lan qua Miến Điện, Thái Lan, Lào, theo phái Theravada, **Nguyên Thủy**, do Thái tử và Công chúa con vua Asoka đi truyền giáo, (tk 3 trước TL) là bộ phái độc nhất trong 18 trường phái sống sót, sau khi đức Phật mất.

Tới đầu tk I trước TL, xuất hiện **Đại Thừa** cao siêu với Bồ Tát Đạo, mở Trí tuệ thâm nhập vào tính Không (Shunyata) vốn là bản chất của vạn pháp, truyền qua Tàu, Việt Nam, Triều Tiên, Nhật Bản, suốt 6 tk sau TL, với môn phái Thiền rất thích hợp với Nho sĩ Viễn Đông.

Vào tk8 lại thêm **Mật Tông Kim Cang Thừa** từ Bắc Ấn, vào Nepal, Tây Tạng.

20- Diệu âm diệu hương

Điểm đặc sắc của đạo Phật là dùng nhiều phương cách để giáo hoá hoằng pháp, vô kể pháp môn tùy duyên ban phát. Hai pháp môn diệu huyền là Diệu ÂM và Diệu HƯƠNG.

Phật **Hương Tích** giáo chủ quốc độ *Chúng Hương*, có hương thơm kỳ diệu, toàn cảnh trí hương thơm giáo hoá, hương thơm là thức ăn của Bồ tát, là cơm của cõi Phật. Chính

hương thơm, diệu hương, như hương sen, cũng có tác dụng thanh tịnh, đưa thể nhân vào bầu trời cảnh Bụt.

Đạo Phật có cả một vị Phật, **Quán Thế Âm** Bồ Tát, nghe âm thanh của trần thế để thấu nỗi khổ đau, giúp thể nhân giải thoát, cứu khổ cứu nạn :

Quán kỹ âm thanh, Nhi đắc giải thoát

Nho gia cũng đặt Âm nhạc lên đầu : *Cầm, Kỳ, Thi, Hoạ*, hay *Hưng ư Thi, Lập ư Lễ, Thành ư Nhạc*, dùng Lễ Nhạc để giáo hoá dân.

Âm thanh đi vào lòng người, cảm hoá lòng người, giúp giải thoát đời sống, Lữ Bất Vi tác giả Lã Thị Xuân Thu nhận định : *Nghe âm thanh ở đâu thì biết phong tục ở đấy...thịnh suy, hiền ác, quân tử tiểu nhân, đều biểu hiện ra ở âm nhạc, giấu cũng không được...(trích Lã Thị Xuân Thu bản dịch Phan Văn Các, tr 118 xb Văn Học 1999).*

Đây chính là điểm tương đồng giữa Nho và Phật nên trong tác phẩm **Trúc Lâm Tông Chỉ Nguyên Thanh** của Hải Lượng Ngô Thì Nhậm soạn năm 1796, đã lấy chữ **Thanh** làm cốt tủy để bàn luận về các đề tài chung cho Phật và Nho.

Đây là một kinh Viên Giác mới lồng trong Phật giáo Trúc Lâm Việt, một nỗ lực trí thức cao cả của dòng Phật Việt. Mở đầu bằng chương Không Thanh “ tiếng có thể nghe, nhưng tìm không được, vì vậy gọi là Không...khả đắc nhi văn, bất khả đắc nhi tâm...” đây là Chân không diệu hữu, tất cả từ không mà có, từ có trở về không.

24 chương là 24 Thanh, mỗi thanh ứng với *Quan Thế Âm*, 24 đề tài quán chiếu : *Không Thanh, Ngộ Thanh...Kiến Thanh...Tịch Nhiên vô thanh...Tàng Thanh...Lưu Động Thanh và kết là Dur Thanh-* thanh thừa. 24 hồi chuông cảnh tỉnh, giác ngộ, trong tinh thần Cư Trần Lạc Đạo của Vua Trần. Chương Hành Thanh, tiếng chuông của Hành Động, hành động để Giữ nước của Thích, Trị nước của Nho. Tu để Trì quốc, Tu để Trì quốc-*tu, tề, trị, bình*, Phật hay Nho đều qui về một mối, tùy duyên mà Hành. Nói chung :

Đại Thừa lấy Bồ Tát Đạo làm đường tu, lấy Thiền làm phương pháp.

Nguyên Thủy lấy Giới luật công đức để tu hành, lấy Thân Giáo để thành người xứng đáng A La Hán.



21- Tu bao lâu thì đạt đạo ?

Câu chuyện ngụ ngôn : một tu sĩ trẻ trên đường đi tới Hy Mã Lạp Sơn, đi qua làng dừng lại hỏi bà cụ bán nước bên đường : *Cụ cho tôi hỏi từ đây đi bao lâu thì tới chân núi*, bà Cụ không trả lời, gạn hỏi thêm 2 lần nữa bà Cụ cũng làm ngơ, vị tu sĩ nghĩ bụng chắc bà Cụ tai điếc nên không nghe, đành tiếp tục lên đường, mới đi được một quãng chợt nghe tiếng bà Cụ réo gọi : *7 ngày thì tới...* vị tu sĩ ngạc nhiên quay lại hỏi bà Cụ : sao con hỏi cụ 3 lần cụ không trả lời, nay mới

đi lại nghe cụ gọi? Bà Cụ trả lời : *già phải xem thầy đi nhanh hay đi chậm, có quyết tâm không thì mới trả lời được !*

Với kinh sách vụn vụn trang, riêng Nguyên Thủy cũng có 20,000 trang kinh sách, Kinh-Luật-Luận, tới Đại thừa thì lại càng mở rộng tới vô biên, bước vào kinh sách như đứng trước biển cả mênh mông.

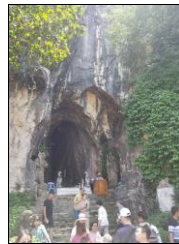
Tuỳ căn cơ của hành giả, ưa giản dị như Lục Tổ, hay ưa phân tích thấu đáo, đạo Phật của các bậc đại trí như Mã Minh, Long Thọ, Thế Thân có thể thích hợp với căn cơ cao, của các học giả Tâm Học (tk I-V).

Vào thời vua Asoka tk3 trước TL tới tk 4 TL, đạo Phật phát triển đồ sộ. Riêng một bộ Vi Diệu Pháp, hay Thắng Pháp Tập Yếu Luận (Abhidhamma) cũng đã phân tích cõi Tâm, qua Sắc pháp (thể giới vật lý), Tâm pháp (tâm lý), Tâm sở, Cảnh giới như Dục, Sắc, Vô Sắc, Siêu thế giới...Ác tâm, si tâm, giải thoát tâm, tái sinh, luân hồi...Tâm hoạt động thường xuyên qua 89-121 tâm cittas, 52 tâm sở cetasikas... Phân tích sâu sắc vi diệu này vượt hẳn khoa Tâm lý học Tây phương cả chiều sâu lẫn chiều rộng.

Tới Câu Xá Luận và Duy Thức Luận của bậc đại trí Vô Trước-Thế Thân, Đại Thừa từ khoảng tk 5-tk7 thì hành giả có căn cơ cao có thể ngụp lặn trong biển luận, nhưng tất cả đều nhằm **Phát Triển Tâm Thức tới mức Tối Đa để Giải Thoát.**



Phật Pháp Trị Liệu Pháp



Đức Phật từng nói : như nước biển chỉ có một vị là vị mặn, đạo ta chỉ có một vị là *diệt khổ*. Sinh, Lão, Bệnh, Tử là khổ, khổ thể xác và khổ tinh thần, cái khổ toàn diện thân

tâm, khổ khách quan, khổ chủ quan “ *một mình mình biết, một mình mình hay*”.

Trong kinh Hoa Nghiêm, phẩm Nhập Pháp Giới, chương 8, có ghi Pháp Môn LY ƯU AN ỔN TRÀNG, tức là Ưu phiền được an vui thanh tịnh. Khổ đau do Vô minh mà ra, những phiền não thô dễ biết nên dễ chữa, chỉ những phiền não từ vô thủy sót lại, ẩn sâu trong tiềm thức mới khó loại trừ, “ *tất cả chúng ta đang sống trong chiêm bao, do Vô Minh dệt thành màn sương dày đặc bao phủ quanh mình, nên lúc nào cũng say sưa trong đại mộng....chúng sinh sống trong vô minh vọng thức...trong vòng thức biến nên không rõ được cảnh thức biến...Chỉ khi nào tới Phật quả mới phá tan vô minh trong tâm thức, giác ngộ hoàn toàn, như người tỉnh hẳn giấc mộng dài...*”(trích tr.92-93-Khái luận Triết lý kinh Hoa Nghiêm- Đức Nhuận, Ưu Bà Di dạy Đồng tử Thiện Tài -Viện Triết Lý VN xb 2000).

Những nỗi khổ đau có thể trở thành tâm bệnh nên đạo diệt khổ là một phương thuốc trị liệu trên tầm mức rất cao, như Bác sĩ thần kinh Carl Jung đã viết : “ *Tôi đến với thế giới*

tư tưởng Phật giáo, không phải vì tìm hiểu lịch sử tôn giáo, không phải vì nghiên cứu triết lý, mà chính vì lợi ích cho nghề nghiệp y sĩ... Nhiệm vụ của tôi là chữa bệnh khổ tâm nào, vì thế tôi phải làm quen với lối nhìn và phương pháp của bậc vạn thế sư biểu nhân loại...Nếu như vậy, là một bác sĩ, tôi xác nhận những giảng dạy của nhà Phật đã giúp tôi và kích thích tôi hết sức lớn lao, thì cũng chỉ là noi theo con đường đã vạch ra từ hơn hai ngàn năm trong dòng tư tưởng

nhân loại ” (It was neither the history of religion nor the study of philosophy that first drew me to world of Buddhist thought, but my professional interest as a doctor. My task was the treatment of psychic suffering, and it was this that impelled me to become acquainted with the views and methods of that great teacher of humanity... So if, as a doctor, I acknowledge the immense help and stimulation I have received from the Buddhist teachings, I am following a line which can be traced back some two thousand years in the history of human thought.).

Bác sĩ Carl Jung đã học hỏi và áp dụng Phật pháp ở những điểm nào trong việc chữa trị tâm bệnh ? Ông nhận định :

Có những loại tâm bệnh không thể chữa trực tiếp, đòi hỏi cả bệnh nhân lẫn bác sĩ một thái độ nào đó đối với bản chất bất khả trị của bệnh...một thái độ tinh thần của tín ngưỡng hay tin tưởng triết lý. Về mặt này, nghiên cứu kinh sách Phật giáo đã giúp tôi rất nhiều, vì nó luyện cách quan sát nỗi khổ đau một cách khách quan và nhìn nguồn căn khổ một cách phổ quát hơn (...there are many diseases and states of suffering which, not being susceptible of a direct cure, demand from both patient and doctor some kind of attitude to their irremediable nature...They call for a kind of moral attitude such as is provided by religious faith or a philosophical belief. In this respect the study of Buddhist literature was of great help to me, since it trains one to observe suffering objectively and to take a universal view of its causes.).

Carl Jung nhận từ Phật pháp phương pháp quán chiếu, tỉnh thức gỡ rối khổ đau, một phương pháp dùng tâm thức **lý trí** theo gương Đức Phật quán chiếu *Tứ diệu đế*, đưa tâm thức vượt màn vô minh sắc giới vọng tưởng (Buddha was able to extricate his consciousness from the snares of the ten thousand things, and to rescue his feelings from the entanglements of

emotion and illusion....the spirit of Buddhism with its remarkedly rational attitude) .

Về điểm này Carl Jung bàn rộng thêm : *không hiểu nguồn đau thì nỗi đau sẽ tăng thêm, ngược lại nếu ta hiểu tại sao, từ đâu, thì sẽ chịu đựng được hơn. Một nhãn quan tôn giáo hay triết lý về nhân gian sẽ giúp người bệnh ít nhất có được phương pháp tâm lý chữa trị hàn gắn nếu không muốn nói là cứu độ* (Suffering that is not understood is hard to bear, while on the other hand it is often astounding to see how much a person can endure when he understands the why and the wherefore... psychic methods of healing if not of salvation.). Sau Đệ Nhị Thế Chiến, một Bác sĩ Thần Kinh Du Thái, Victor Frankle, khi ngồi tù Đức Quốc Xã, cũng đã nghĩ và dùng Lý Trị Pháp- *Logotherapy*- làm phương pháp trị liệu dựa trên lý trí, giúp bệnh nhân suy xét hơn thiệt, hợp tình hợp lý, bám vào *lẽ sống để vượt qua cơn khủng hoảng tinh thần.*

Trong môi trường Âu châu Thiên Chúa Giáo, Carl Jung đã phải minh định : nếu lòng tin Thiên Chúa không chữa được tâm bệnh thì có lấy phương pháp trị liệu từ Phật

pháp cũng không có gì là lạ (If a Christian insists so much on his faith when it does not even help him to ward off a neurosis, then his faith is vain, and it is better to accept humbly what he needs no matter where he finds it, if only it helps). Từ cổ xưa, người thầy thuốc đã tìm loại thuốc trị bá bệnh- *panacea*, *medicina catholica*, bất kỳ loại nào, miễn là hiệu quả, chiều hướng cổ truyền này rất gần với tôn giáo triết lý Đông phương. Jung đặc biệt nhấn mạnh : Đức Phật đã phát huy cực đại tâm thức để diệt khổ đau (deliverance from suffering through the maximum development of consciousness) , một bậc Đại Y Sư, Đại Điều Ngự, chỉ nẻo cứu độ nhân thế.

Là một bác sĩ chuyên trị thần kinh, Jung đã dùng phép thôi miên khởi dẫn người bệnh phát hiện tâm ý một cách tự nhiên thích ứng với bản tính người bệnh, đào sâu vô thức, siêu thức, ý thức cộng thể (*collective unconscious*), sơ mẫu (*archetype*)...là những cấu trúc tâm thức của con người toàn diện mà tâm lý học Án, Phật đã đào rất sâu, trong khi Thiên Chúa Giáo dường như bỏ quên (all those psychic factors which Christian philosophy left unsatisfied). Vì *Diệu Pháp-*

Abhidharma, phương pháp quan sát tâm, thiền định, chính là Tâm Lý thực nghiệm mà sau này, khoa Tâm Lý học tây phương đã khảo sát vậy.

Kinh Phật được dịch sang ngôn ngữ Âu châu đầu tiên ở Anh, Đức, từ thế kỷ XVIII, Will Durant trong tập Gia Tài Đông Phương Của Chúng Ta -*Our Oriental Heritage*- đã kể thời ấy trí thức Đức say mê đọc sách triết lý đạo học Đông phương đến nỗi Goethe ngồi trên sàn gác đọc sách Triết lý Trung Hoa quên cả dưới đường đang bắn nhau loạn lạc, J.J. Rousseau có thể đã lấy Lão Trang vào học thuyết Tự Nhiên *laissez faire*, Voltaire đã đọc và khâm phục Khổng Mạnh.

Nhìn chung, ba nguồn văn hóa lớn của nhân loại: Âu châu, Ấn, Trung hoa, thì Âu châu nghiêng về Luận lý khoa học tự nhiên, Ấn nghiêng về Tâm lý và Trung hoa nghiêng về Đức lý xã hội.

Phật giáo từ môi trường thâm sâu nội tâm, *vạn pháp duy tâm tạo*, đã nhìn tâm địa con người như vũ trụ tam thiên đại thiên thể giới tự rời tán, thành hoại tiêu trưởng biến dịch vô thường như Dịch lý, vì thế mới có dung thông giữa Phật Nho Đạo, mới có cả một Phật Dịch Kinh *Buddhist I Ching*

do sư Chih hsu Ou-i (1599- 1655) soạn ra ở thế kỷ XVII (giải thích hào 1 tới 30 như diễn trình tinh thức giác ngộ, hào 31 tới 64 như diễn trình tu tỉnh thích ứng với cảnh ngộ và hành sử tùy nghi khế cơ nhi tác.) . Ngôn ngữ Ấn- Phật giàu về tâm lý học đến nỗi nếu Anh ngữ có một danh từ tâm lý, Hy Lạp có bốn, thì Sanskrit có tới 40 từ ! (theo Triết lý Đối chiếu Nguyễn Đăng Thực tr 35), từ ngữ *Tàng thức* của nhà Phật biết đâu chẳng là gốc của *tiềm thức*, *vô thức* trong Phân tâm học Freud, Jung ?

Nếu Carl Jung đã có công phu tìm tòi và áp dụng Phật pháp từ đầu thế kỷ 20 thì từ hậu bán thế kỷ 20 cho tới hiện tại, công trình liên tục của **Suzuki** và các nhà sư Tây Tạng đã mở rộng đường vào Phật pháp và Thiền khắp thế giới, với chính kiến sát gần với Thiền đạo hơn. John Welwood, tác giả cuốn “ *Tiến tới một Tâm lý học Tỉnh thức*” (Toward a Psychology of Awakening- Shamhala 2002) cho rằng Carl Jung hãy còn nhìn Thiền như một công cụ đi vào vô thức, coi vô thức như một thực thể tách biệt khỏi toàn thể con người, trong khi cốt tủy của Thiền là phá vỡ nhị biên, vượt

khỏi biên cương Thức và Vô Thức, một chứng nghiệm chuyển hóa bất nhị (*...the aim of Zen is the breaking up of the dualistic structure of consciousness and unconsciousness- trích lời R.DeMartino,...a non dualistic experience...p. 59*).

Một Bác sĩ thần kinh khác, Mark Epstein, trong tập *Đi Vào Hiện Hữu- Đạo Phật và Con đường chuyển hóa (Going on Being-Buddhism and the Way of Change- N.Y. 2001)* đã áp dụng Phật pháp vào cách chữa bệnh tâm thần, dùng Phật pháp để chuyển hóa con bệnh, chẳng những người Bác sĩ chữa trị phải nhìn thấy tâm lý con bệnh mà còn phải quán chiếu cả tâm linh nữa (*individuality of psyche and spirit*). Trong hơn nửa thế kỷ nay, Phật pháp và Thiền đã lan tỏa khắp thế giới, từ Tây Tạng và Việt Nam, dường như có định luật bù trừ của Tạo Hóa, Phật pháp lại khế cơ gieo trồng trên đất khác, lan rộng và lan sâu vào những nền văn hóa đa tạp phương Tây, phải chăng khi Phật tịch diệt, lưng dựa vào Đông, mặt hướng về Tây , là có thiên nhân viễn kiến ấy ?

Hiện tại, số người mắc bệnh thần kinh tâm trí (*neurosis* và *psychosis*) lên đến hàng triệu. Riêng một loại Lo Âu (*anxiety disorders*) cũng lên tới 5% hay 12 triệu người

trên nước Mỹ, bệnh điên (*schizophrenia*, phân ý) 3 triệu người điên khủng rồ đại, tính cả thế giới thì từ 1% tới 2% hay vài trăm triệu người điên ! tờ New York Times ước lượng nếu chỉ chữa trị một nửa số bệnh tâm thần ở Mỹ thôi, cũng mất khoảng 75 tỷ Mỹ kim! tài liệu khác ước lượng 103.7 tỷ và riêng bệnh điên phân ý tốn 22.7 tỷ ! Số thuốc trị lo âu buồn nản (*antidepressants*) ngày một tăng nhằm đáp ứng với căn bệnh thời đại, riêng thuốc Prozac trị phiền muộn, phổ biến đến nỗi được bán như thuốc ngoài chợ, mỗi năm thu cả trăm triệu! Theo Y Tế Quốc Tế, 10-2018, trên toàn thế giới, cứ 4 người thì 1 người bị bệnh tâm trí thần kinh vào một thời điểm nào đó trong đời, tức cả trăm triệu người bị bệnh tâm trí.

Nhân loại sống giữa bề khổ, địa ngục ngay trên mặt đất, và địa ngục chẳng phải từ đâu mang đến, địa ngục do chính ma chướng trong lòng tạo ra, con ma của người này ám cái tôi của người kia, và con quỷ của người kia ám cái ngã của người khác...vòng hệ lụy bất tận “ *l'enfer c'est les autres*” – *địa ngục là kẻ khác*: chính khẩu nghiệp ma ám chấp kiến, đã đóng vai lợn què chữa bệnh lợn lành, để cả hai khập

khiêng đi về địa ngục trong cuộc “*nhân sinh thị bi kịch, càn khôn nhất hỷ trường*” ! Nhà văn Nguyễn Tuân, tác giả *Vang Bóng Một Thời*, đã dùng cụm từ **họ Sợ** để chỉ mối lo âu sợ sệt triền miên của con người hèn yếu trước *hà chính mãnh u hổ* , **họ Sợ** nói lên tất cả tâm bệnh thống khổ xuất phát từ sợ sệt - *fear- hay lo âu -anxiety-* , sự căng thẳng tâm trí –*stress*, đưa tới tình trạng hoảng sợ tới phát bệnh (*generalized anxiety with panic attacks*).



Phật Pháp

Thiền Định-Thiền quán.

Ưu điểm của Đạo Phật là không những đưa ra Pháp môn kinh điển mà còn đưa ra **PHƯƠNG PHÁP** tu tập giúp đạt tới các chặng đường tu, tới cảnh độ tinh tiến, tới Cực lạc Niết Bàn, chứ không phải chỉ cầu nguyện xuông. Ngay cả việc tụng kinh cũng có phương pháp để đạt lợi ích tu luyện. 84000 pháp môn là 84000 phương pháp, tùy người mà uyển chuyển, tùy nơi mà gieo giống, tùy lúc mà thay đổi cho phù hợp... vì thế muốn tóm gọn các phương pháp nhà Phật chẳng khác gì muốn lấy túi mà đựng gió, và cũng vì thế cả trăm cả

ngàn trang sách về Thiền càng dễ làm người tu lạc vào hỏa mù !

Thiền là *định tâm*, tâm có định mới tỏa sáng để chiếu (*quán*) vào bóng tối tâm tư, từ đó ngộ được đạo.

Nhưng cũng như người nhảy xuống nước bơi lội phải có một vài sửa soạn trước như không nên ăn no, mặc quần áo gọn nhẹ, người muốn thiền định, thiền quán nên khởi đầu thực hành bằng **Tịnh khẩu** tức *nói ít, viết ít*, nói lời thanh tịnh, tránh đa ngôn, hai phép này là chủ yếu mà ai cũng tập làm được, dễ kiểm chứng, dễ thấy tiến bộ, mà mâu nhiệm vì chuyển hóa được thân tâm từ động sang tĩnh. Phép *Thiền đốn ngộ* tức giác ngộ tức thời, giác ngộ nhanh chóng, đòi hỏi hành giả một giây phút choáng ngợp, một thoáng giật mình, một luồng sấm sét tâm tư, để chuyển hóa thân tâm từ mức này lên được mức cao...*satori là giây phút nhập thần, như một tín đồ nhập được vào Thượng đế, lột xác sâu thành bướm*...nhà Thiền đốn ngộ cho rằng : *giáo ngoại biệt truyền, bất lập văn tự, trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật*...không truyền bằng sách vở chữ nghĩa, phải truyền

thăng vào cõi tâm, để tâm thấy Phật tánh...thì mới giác ngộ được.

Tâm lý gia Đức Karl Jung cho rằng chữ *satori*- giác ngộ- không thể dịch là *enlightenment- rọi sáng-*, nó xảy ra tự nhiên (*natural occurrence*), rất giản dị, mà *satori* là lý do tồn tại của Thiền, không có *satori* thì Thiền không phải là Thiền nữa (*Satori is the raison d'être of Zen without which Zen is not Zen- Suzuki-Introduction to Zen Buddhism p.95*). Jung dẫn lời của Nukariya, tác giả sách *Tôn giáo của người hiệp sĩ Religion of the Samurai* : mọi cố gắng giải thích hay phân tích nội dung Thiền đều vô ích, cần phân biệt Tánh - *nature of Self* -với cái tôi **Ego**, **tự tánh là Phật tánh, bao vượt lên cái Tôi** (*..any attempt to explain or to analyse the content of Zen, or of the enlightenment is futile...Nukariya understands by self the All-Buddha i.e., total consciousness of life....the self is a more comprehensive thing which includes the experience of the ego and therefore transcends it...The occurrence of satori is interpreted and formulated as a **break-through**, by a consciousness limited to the ego- form, **into** the non- ego-like self... a satori experience, a supersession of the ego by the self,*

which is endowed with the Buddha nature or divine universality.
Psychology and the East trang 146- 147).

Lối hiểu Thiền của học giả Jung cho thấy trạng thái *đốn ngộ* của Lục Tổ Huệ Năng, từ dòng Thiền Đạt Ma Sư Tổ, là một kinh nghiệm bản thân, một chuyển hóa thân tâm khiến hành giả nhìn vạn sự với cặp mắt mới, không phải là tạo ra sự gì mới lạ mà nhìn khác đi (*It is not that something different is seen, but that one sees differently*), như trước nhìn một cục đá xù xì thấy xấu xí, nay dùng nó để trang trí một góc vườn cạnh bụi trúc, rạch nước...viên đá trở thành một nghệ phẩm đẹp...trước ghét hận một người, nay quán chiếu để hiểu rõ nguồn căn, tìm ra lối vào thông cảm, sự ghét hận sẽ được giải tỏa, giảm thiểu, ta sẽ nhìn người ấy với cặp mắt khác... Thiền mở rộng nhãn quan, nâng cao tâm địa, quán chiếu vạn sự trong bối cảnh vũ trụ cao rộng (*cosmic*), vượt không gian và thời gian mặt đất, đặt vạn sự vào chiều kích mở tung, như khám phá ra khung trời mới, khi nào thấy địa cầu như một hạt cát đang chuyển chở 7 tỷ đầu người, mà $\frac{3}{4}$ lại là nước, xoay chuyển quanh mặt trời, thì tức là hành

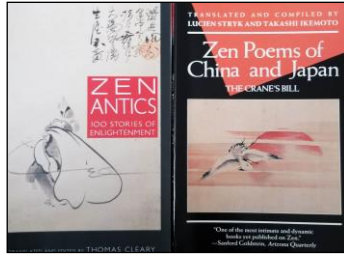
giả đã băng qua được bùn lầy mà vào an lạc, như câu thơ của Angelius Silesius :

*Thân xác tôi như vỏ trứng bọc sẵn gà con
thường hằng ấp ủ, chờ ngày đập vỏ nở ra*

My body is a shell in which a chick lies closed about;
Brooded by the spirit of eternity, it waits its hatching out.

Ngồi thiền, thở ra hít vào...là những phương pháp giúp ta vào Thiền, là nhíp cầu giúp hành giả *định* và *quán*, nhưng để đạt *đại viên cảnh trí*, tâm phải bóc lửa tịnh tiến, trí phải nỗ lực xuyên phá vô minh, thì mới có mỗi nở ra đốn ngộ, nhập vào đại ngã “*becoming whole*”, mình là tất cả, tất cả là mình theo lý Hoa Nghiêm. Những công án Thiền, như “*tiếng vỗ của một bàn tay*”, như “*lừa ba cẳng*” (*lư nhi tam cước*- Trần Thái Tông), là những phương pháp giúp thiền sinh vật lộn với đề tài, nghiền ngẫm tìm giải đáp, tới lúc thấy không thể dùng lý trí, thấy tri giác bất lực...đầu óc căng thẳng rồi chợt tỉnh thức, bật ra con đường giác ngộ, rũ sạch chấp kiến, quẳng được gánh nặng kết đọng trong tâm trí từ lâu nay, đại nghi dẫn tới đại ngộ, như H. Dumoulin viết : *Sự nghi hoặc nghiền ngẫm (đại nghi) cộng với việc tìm kiếm lối thoát vô*

vọng, tạo ra một trạng thái khao khát giải thoát cao độ, kéo dài cả ngày, cả tuần, có khi cả năm, để rồi cuối cùng tình trạng căng thẳng sẽ vỡ ra (This gnawing doubt –Great Doubt, combined with a futile search for a way out, creates a state of extreme and intense yearning for deliverance, the state may persist for days, weeks or even years; eventually the tension has to break- Zen Buddhism, p. 253), hay rõ hơn : Thiền là ngồi và thở, Quán (Koan) là trí huệ đặc biệt , thường dùng Nghi và Tim trong các công án và pháp thoại nhằm thức tỉnh chứng đắc (*The basic practices of Zen, sitting and breathing, are common Asian features. The koan is something special, a product of the profound wit and unpredictable reactions of original Zen masters. The motive of doubt and searching is central to all Zen koans and anecdotes. Wrestling with koan brings long periods of frustration and states of anguish until one achieves an experiential breakthrough- Understanding Buddhism p. 114*), đó là cách vượt lên lẽ lối suy tư nhị biên phân tách của Descartes, Newton (*the overcoming of Cartesian and Newtonian dualism*).



PHẬT PHÁP và TÂM BỆNH

Ông Bụt từ 2600 năm trước đã nhìn thấy căn bệnh trầm kha của trí thức : căn bệnh **điên đảo tưởng**, nhìn sai vì thiếu chính kiến, nhìn nhầm sợi dây thừng là con rắn vì dựa vào tri giác vọng niệm, nhận vô thường là bất biến...những nguyên nhân tâm lý tạo khổ thì vô lượng : Kinh Thủ Lăng Nghiêm ngoài *tham, sân, si*, còn kể :

Man tập giao lãng (lấn ép nhau) phát nơi ý thể, tạo cãi vã tranh chấp.

Trá tập giao du (dụ dỗ nhau)

Cường tập giao khi (lừa gạt)

Oán tập giao hiềm (hiềm khích)

Kiến tập giao minh (người thông minh ham kiến chấp), vì kiến giải khác nhau nên chống đối nhau.

Uổng tập (vu vạ) gièm pha phỉ báng

Tung tập giao thuyên (thua kiện cãi cộ) phát nơi che dấu tội lỗi “ ***Bồ Tát xem sự che dấu như đội núi cao đi trên biển cả***”.

Theo phân loại của sách **DSM** (*Diagnostic and Statistical Manual of Mental Disorders*) cuốn thánh kinh của chuyên gia Tâm thần Hoa Kỳ, thì bên cạnh cả trăm loại bệnh thần kinh tâm trí, riêng loại bệnh về nhân cách *personality disorders* như :

Nghi tưởng-paranoid

Phân ý-Schizoid

Chống đối xã hội-Antisocial

Giả dối đóng kịch- Histrionic

Tự tôn sùng- Narcissistic

Tránh né- Avoidant

Phụ thuộc- Dependent

Ám ảnh thức bách -Obsessive-Compulsive

V..V..

cũng cho ta thấy nhân cách thường và bất thường cách nhau một sợi tóc. Ai chẳng có lúc đa nghi tưởng tượng, nhưng đa nghi thái quá như Tào Tháo, Hoạn Thư thì là bệnh, nghi và chụp mũ người khác cũng là một tâm thái *paranoid*, *chống đối xã hội* tới mức làm loạn thanh trừng tố đầu nhau thì là bệnh, giả dối lừa đảo *nói láo đóng kịch tự tôn sùng* cho mình là nhất thiên hạ, phải chăng là bệnh của vô số người hoạt đầu chính trị, vô số ngục quân tử trí thức, muốn người khác chú ý tới mình, lợi dụng vắt chanh bỏ vỏ người khác (*need for attention and admiration, preoccupation with grandiose fantasies concerning the self...usually involving the exploitation of others...*). Nói khác đi, con người chẳng những khổ sở vì sinh lão bệnh tử- những điều kiện nhân sinh giới hạn của kiếp sống- *situations limites*- như triết gia Đức Karl Jaspers đã bàn tới, mà có khi còn vì vọng niệm tạo ra nỗi khổ cho mình và cho người khác, địa ngục thân tâm mình

chưa đủ lại còn muốn tạo *giả thiên đường treo cổ* người khác, oan oán chồng chất, hận thù khôn nguôi. Có thể kể ra đây rất nhiều hung thần trong lịch sử nhân loại, từ Stalin, Hitler, tới Pol Pot...những nhân cách bất thường, tâm bất ổn, mặc cảm thua kém biến ra mặc cảm sân hận , lấy mầm địa ngục kết đọng trong kiếp sử tàng thức gieo rắc đại họa lên đồng loại... loại nhẹ hơn, bệnh tham quyền cố vị, “*đội bè lên đầu mà đi*”, bị kiến chấp giáo điều đê nặng không chuyển hóa nổi. Nhìn theo nhà Thiên, những người biết vứt bỏ bè xuống, giác ngộ thay đổi như Gorbachev, phải có một căn cơ thiện nghiệp rất lớn mới đạt được. Nhưng Phật pháp cũng có thể giúp những ai không có căn cơ ấy, nhưng có quyết tâm hướng thiện “*bỏ dao xuống thành Phật*”, như Nguyễn Du từng viết :

*...Khấp trong tứ hải quân chu
não phiến trút sạch, oán thù rửa xong
...nhờ phép Phật uy linh dững mãi
trong giấc mê khuê tỉnh chiêm bao*

Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh

Tham Sân Si như những bệnh trạng nổi hiện thành sóng vọng niệm trên mặt biển Tâm vốn tĩnh lặng, phép Thiền là tiếng chuông giúp thể nhân tỉnh cơn ác mộng đầy gươm giáo máu me chửi rửa ganh ghét oan oán...mà trở về trạng thái biển êm sóng lặng. Thuốc men trị bệnh tâm trí thần kinh hiện đại cũng chỉ nhằm đạt được phần nào như thế : làm dịu cơn cuồng nộ, tác dụng của các loại *antidepressants*, *antianxiety*, *antipsychotics*..là giảm những đợt sóng *aggression*, *agitation*, *tantrums*, la hét phá phách, loạn trí, ảo tưởng, không sống thực mà sống trong cơn bào ảnh ảo giác (*illusions*, *hallucinations*)... Từ ngữ *điên đảo* có nghĩa lộn đầu lộn đuôi, mà từ ngữ *schizophrenia*, bệnh điên, cũng mang ý nghĩa tách, xẻ, ý tưởng (*schizo* =chia cắt *fendre*, *phrenia*= ý tưởng, *penseés*), diệt khổ bệnh bằng Yoga, bằng Thiền , là phương pháp chữa trị từ gốc vì Yoga là nối kết (*union*), Thiền là *nhất tâm bất loạn*, là buộc tâm phân tán như khi leo trèo, như ngựa phi lồng *tâm viên ý mã*.

Shakya Muni, nhà hiền triết yên lặng, từng giảng giải cho môn đệ thế nào là điên đảo tưởng qua 62 loại trường phái

điên đảo, từ chấp vô tới chấp hữu, từ chấp thường với vô thường...do các kiến chấp từ quá khứ (*bổn kiếp bổn kiến*) hoặc kiến chấp về vị lai (*mạt kiếp mạt kiến*) mà luận bàn sai lầm, những sai lầm do bệnh ngã mạn kiêu ngạo tạo nên , như “*con tầm nhả tơ để tự trôi*” (kinh Lăng Già), bệnh éch ngòi đày giếng, “*hỏi đàng đáp ngã*” xướng lên vô số luận chấp theo sở thích sở kiến, tạo nên những mê hồn trận tư tưởng dị đoan lồi cuồn không biết bao nhiêu người nhẹ dạ cả tin vào đây , những tỷ dụ trong kinh **Phạm Động** cho thấy căn bệnh chấp kiến tai hại của trí thức vọng niệm :

Thường trú luận : bản ngã và thế gian bất biến, do những đạo sĩ nhập định nhớ lại kiếp trước, thấy không thêm không bớt, chúng sinh thường tụ không tán, nên cho là bất biến.

Bán thường bán vô thường luận : cho rằng có vị *trời* tự sinh, làm cha chúng sinh, ngài là *tạo hóa*, ngài thường trú bất biến, còn chúng ta thì vô thường biến dịch. Thuyết bản ngã và thế gian nửa thường nửa vô thường này do các đạo sĩ định tâm thấy tiền kiếp

mình từng làm chur thiên nơi từng trời có vị *đại phạm thiên* cai quản ngàn thế giới, xướng xuất lên ; thật ra chính vị đại phạm thiên ấy cũng chỉ là vị lọt từ cõi trời cao (*quang âm*) xuống cõi trời thấp (*phạm thiên*) do hết phước, hết tuổi thọ, hết nghiệp báo hay vì vui chơi cười cợt tâm ý lu mờ..., vị ấy cũng không phải là Tạo hóa tự sinh bất biến.

Hữu biên vô biên luận : bản ngã và thế gian hữu biên hoặc vô biên, do các đạo sĩ định tâm quan sát rồi xướng xuất lên.

Hỏi đường đáp ngã : chỉ các loại giải đáp bừa bãi theo kiến chấp vọng ngữ của đạo sĩ về *có đời khác hay không, về thiện ác, phải trái*.

Vô nhân luận : bản ngã và thế gian tự nhiên mà có, không nguyên nhân. Các đạo sĩ dùng định tâm quan sát biết tiền kiếp từ cõi vô tướng, rồi xướng xuất ra. *Những luận chấp trên thuộc loại bốn kiếp bốn kiến (dựa trên **kiếp trước** mà luận ra), các luận cứ dựa trên mặt kiếp mặt kiến (**trương lai**) thì có :*

Hữu tướng luận : thể gian có tư tưởng nên khi chết ta sẽ sinh về cõi có sắc chất hoặc không, có biên giới hoặc không, có lạc thú hoặc không, có khổ có vui, nhưng phải có tư tưởng dù nhiều dù ít...

Vô tư tưởng luận : ta sẽ sinh về cõi không tư tưởng...

Phi tướng phi phi tướng luận : ta sẽ sinh về cõi chẳng phải tướng mà cũng chẳng phải không tướng...

Đoạn diệt luận : chúng sinh chết là hết, sẽ mất hẳn. Sắc thân vốn vô thường biến đổi tất phải tận diệt, có người lại chủ trương thân ta ở cõi trời Dục giới, hay Sắc giới, hay Vô sắc không giới, hay Vô sắc Thức xứ, hay Vô sắc phi phi tướng xứ... mới tận diệt.

Hiện tại Niết Bàn luận : chúng sinh hiện tại vẫn tới được Niết Bàn, với 5 luận chấp khác nhau : vui hưởng ngũ dục là Niết Bàn, rời dục lạc, tội lỗi, sinh niệm vui cao thượng (*sơ thiên*) là Niết Bàn, không còn giác còn quán, nhất niệm vui mừng cao thượng (*nhị thiên*) là Niết Bàn, chỉ giữ niềm vui nhẹ nhàng cõi tam thiên là Niết Bàn, chỉ giữ niềm thanh tịnh

không vui không khổ cõi tứ thiên là Niết Bàn cao nhất.

Giảng giải cho môn đệ về các luận chấp sai lầm trên, Đức Phật dạy : “ *trí họ chỉ có chừng ấy, họ chỉ có lòng tin dị đoan, mong muốn dị đoan, nghe học dị đoan, trợ duyên tạo dị đoan, cảnh giác dị đoan, kiến giải dị đoan, nhập định dị đoan, nhẫn nại dị đoan, rồi dựa trên tri kiến dị đoan đó tuyên bố ra cho mọi người...bởi họ dựa vào cái mà họ đã cảm xúc lãnh thụ được rồi cứ sinh lòng ưa thích theo, không chịu giác tỉnh. Hễ càng nhiễm đắm theo chỗ ưa thích chừng nào lại càng bị chôn lấp đê bẹp chừng ấy.*” (trích kinh Phạm Đông còn gọi là kinh nghĩa động, pháp động, ma động, kiến động).

Trong Tiểu Bộ Kinh, phẩm Vô Ngã Tự Thuyết, Đức Phật đưa ra ẩn dụ Người Mù Sờ Voi để giảng dạy về lối nhìn phiếm diện có chấp của con người, mỗi người hiểu từ một góc cạnh mà cứ ngỡ là mình nắm hết chân lý, quay ra tranh cãi, đánh nhau, giết nhau, ẩn dụ này áp dụng rất hay cho thời đại tranh chấp Ý thức hệ hiện đại vậy.

Tuy Đức Phật giảng dạy về những luận chấp sai lầm
thuở ấy, ta thấy *nhà hiền triết im lặng* đã tóm lược hầu hết
lỗi luận cứ của các trường phái tư tưởng nhân loại, như *người
đánh cá dùng lưới bủa trên ao nhỏ chẳng con nào trong ao
trốn tránh được*. Tư tưởng gia Đông Tây dễ sai lầm vì dựa
vào giác quan, nghĩa là dựa vào cảm giác tri giác, vào chủ
thể tôi và đối tượng chung quanh tôi, đề xướng thuyết này
thuyết kia theo sở kiến của mình...những vấn đề cao siêu
người trần mắt thịt nên “*kính như viễn chi*” (Khổng Tử),
chẳng nói bàn được (*Đạo khả đạo phi thường đạo*- Lão Tử),
không thể nghĩ bàn (*bất khả tư nghị*- Phật)...hơn là tranh cãi
chuyện thế giới này ai làm ra, vũ trụ do ai sáng tạo, người
chết còn hồn không, hồn hình thù ra sao...chưa bao giờ thấy
Hóa Công mà đã xác định là “Ông” Trời thì là nhân hóa theo
mắt người...biết đâu Hóa Công là ánh sáng vi diệu, là diệu
âm, diệu hương...là cái gì ngoài tầm người trần mắt thịt có
thể hiểu được ! Mắt người chỉ nhìn thấy 7 màu theo quang
phổ và không gian ba chiều, nếu có loại chúng sinh không
nằm trong quang phổ 7 màu, nằm ngoài không gian ba chiều,
thì sao?

Muốn tìm cửa giải thoát khỏi những mê hồn trận đó, tỹ như mê hồn trận duy tâm duy vật, có thể áp dụng lời khuyên của nhà vua hiền triết Việt tộc thế kỷ XIII, Trần Thái Tông, tác giả **Khóa Hư Lục** :

*...Tọa thiền giả, đạt Phật chi cảnh
Tham thiền giả, đạt Phật chi tâm...*

nghĩa là nên ngồi Thiền đưa cõi tâm vào *bầu trời cảnh Bụt*, tiếp đến mức sâu hơn, tham quán tâm Bụt, đạt cõi tâm bình đẳng, thoát trói buộc vọng tưởng, thân tâm an lạc tinh khiết như đóa sen giữa bùn lầy. Ngài còn bàn rộng về phép tọa thiền theo Tam giáo : “ *Nhan Hồi tọa vong...Tử Cơ ẩn kỹ...*” thầy Nhan Hồi ngồi ngay ngắn, rời thân thể, bỏ phán đoán, lìa ngu trí, dung thông với đại đạo, còn Nam Quách Tử Cơ theo Tề Vật Luận sách Trang Tử, ngồi tựa ghé, ngựa mặt lên trời mà xem hơi thở (*ẩn kỹ nhi tọa, ngưỡng thiên nhi hư*), *tọa thiền, tọa vong, ẩn kỹ...*đều “ *đồng qui vô dị lộ* “ không khác biệt gì nhau, đều nhằm dứt vọng niệm, lìa phân tán tâm

trí, hướng về cõi tâm thanh tịnh bản lai diện mục, là *thiên chân* của con người :

...Tảo nguyện viễn ly ma cảnh giới

Hồi tâm hướng đạo dưỡng thiên chân

(Khóa Hư Lục)

Thế giới hiện tại là ma cảnh giới do chính nhân tâm ngẫu đục kiến chấp quấy đảo lên, lo cái họa ngẫu đục của thiên hạ, nguyện làm y vương dùng gươm trí huệ phá giặc phiền não, đây chính là tâm Bồ Tát Duy Ma, mang thứ bệnh cả lo cho bệnh phiền não chúng sinh như một nhà Nho yêu dân yêu nước đã viết :

Chú tiểu đồng đầu hiểu căn bệnh Duy Ma của ta!

Cao bá Quát tk 19

Chính cõi tâm phát nguyện của một Trần Thái Tôn, một Nguyễn Du, một Cao bá Quát...cộng lại sẽ thành con bão cơ duyên chuyển hóa xã hội ma cảnh giới ngẫu đục của thế gian ngày nay.

Rằm tháng Tư - Nhâm Ngọ-2002

Hiền Như Bụt @ Hạ Long Bụt Sĩ

TỊNH KHẨU PHÁP MÔN

Bước đầu vào Thiền –Phương pháp thích hợp căn cơ tính tình người VIỆT

Tôn giả Mục Kiền Liên từng được đức Phật khuyên bảo : *Thầy nên yên lặng như bậc Thánh, chớ sinh buồn lung, nên tịnh tâm, không bị bất cứ điều gì làm chướng ngại.*

Việc nhất tâm bất loạn, tĩnh tâm an trụ, im lặng như bậc Thánh là khởi đầu của Thiền định, và Tịnh khẩu lại là khởi đầu của Định tâm.

Nhà Phật cho rằng mỗi người hãy tự thấp đuốc lên mà đi, 84000 pháp môn..tùy căn cơ mà lựa chọn, tùy mức độ mà tu tập. Ở Việt Nam, Thiền và Tịnh song tu, tuy nhiên Thiền nghiêng về giới trí thức, Tịnh thích hợp cho bình dân, miễn sao đạt tới tâm bất loạn là nhập vào Thiền, giác ngộ, thấm nhuần lời Phật dạy, thân tâm an lạc.

Xét ra, người Việt, tính tình dân xứ nóng nhiệt đới, thích phát ngôn, ưa nói năng, ưa hý luận, hay gièm pha chê

bai, văn hoá chữ gà ác khẩu, ít khen ngợi tán thưởng nhau, lại thêm thời đại truyền thông, với truyền hình, truyền thanh, mạng lưới điện tử, tạo KHẨU NGHIỆP rất nặng, khiến dân Việt, sau cơn bão ý thức hệ và loa tuyên truyền ác khẩu, kiến chấp tràn ngập tâm ý, do đó tâm viên ý mã, khó thiên định và thiên quán.

Vì thế thiết nghĩ TỊNH KHẨU là pháp môn cần cho người Việt, giúp cá nhân an lạc, giúp xã hội hòa hợp, giúp thế giới an bình. *Chính ngữ, chính ngôn, ái ngữ*, không nói lời thù ghét, không nói lời gièm pha, không nói lời độc ác, chỉ cần nói với nhau những lời êm đẹp, cũng đã là bước đầu xây dựng thiên đường cực lạc dưới thế.

Phương pháp TỊNH KHẨU không khó khăn, miễn là thực tập đều đặn, miễn là ghi nhớ trong tâm khảm mỗi khi mở miệng :

Không nói, chỉ nói khi cần thiết,

Nói càng ít càng tốt, nói lời nào, lời ấy phải là ái ngôn ái ngữ, tử tế với nhau.

Tránh nói nặng, trách móc, dè bủ chê bai, chữ rửa.

Tập khen người, đừng sợ khen người là làm người khác cao hơn mình, hoặc làm mình thua kém người.

Suy ngẫm kỹ càng nhiều lần trước khi nói : mồm miệng là khí giới, lời nói là viên đạn, viên đạn bắn người và bắn cả mình, đều tạo **khẩu nghiệp** cho chính mình, gây phiền não khổ ách cho người, mang lại quả báo không dứt.

Khi cần **biện luận**, noi gương Phật và các tổ sư, dùng lời tạo hoà khí, dùng lời êm đẹp, tìm hiểu mức độ hiểu biết của người trước khi tranh luận với người.. người đến để tìm hiểu sự thật khác với người đến để tranh luận hơn thua. Mục đích của biện luận là soi sáng chân lí chứ không phải là bôi đen hạ độc đối tác.

Kinh Phật có tác dụng thanh tịnh tâm trí, vừa đọc kinh, vừa ghi khắc gương Tịnh Khẩu bàng bạc trong hành xử của Phật, Bồ tát và các tổ sư, sẽ làm hành giả vào Thiên đẽ dàng hơn.

Án Độ Giáo ở Bali cũng dành cả một ngày đầu năm Saka Âm lịch để chay tịnh và tĩnh tâm tịnh khẩu gọi là Ngày Tĩnh Lặng-Nyepi Bali Day of Silence.

Ngoại ô Paris, một trung tâm tĩnh tâm Dhamma Mahi do một thương nhân Miến Điện S.N Goenka 1924-2013 lập ra làm nơi an trú tĩnh tâm nội quán- vipasassana, học tập trong 10 ngày. Ba ngày đầu anapana tập trung vào hơi thở ra vào ở mũi, giúp tĩnh tâm và tập trung tâm trí trước khi tới nội quán. Ngày thứ 4 và 5, đưa tâm thức qua các bộ phận trong cơ thể, từ ngón chân lên đầu, từ đầu xuống ngón chân, 15 phút, giúp ta ý thức điểm nào bị căng thẳng hay đau (tension and pain), tĩnh tâm giúp ta tháo gỡ những điểm thắt đó, thư giãn, cởi bỏ. Những ngày sau, hết 10 ngày, tiếp tục tĩnh tâm, nội quán... Goenka giải thích : Vinapana là phương pháp giải phẫu tâm trí, giải phẫu không cần thuốc tê !

Tại Cao Miên những trung tâm Tĩnh Tâm “ Yên lặng cao cả” (Noble Silence) Vinapassa cũng đã thành lập, theo phương pháp của chính Đức Phật khi tại thế. Tĩnh lặng không phải để thư giãn (relax) mà là tinh tiến, kiên nhẫn, quyết tâm, bền chí.

Các Làng Hồng, Làng Ma, i do thiền sư Nhất Hạnh lập ở hải ngoại, Pháp, Canada...dạy thiền hành, thiền quán, thờ chánh niệm, ăn chánh niệm...cũng lấy sự an tĩnh, im lặng làm bước đầu cho các khoá tu tập : “ thờ vào tâm tĩnh lặng, thờ ra miệng mỉm cười ”.....

Trích những danh ngôn về lợi ích của Tĩnh Lặng :

Hãy nghe kỹ tâm Tĩnh Lặng, nó nói lên rất nhiều

Listen to Silence, it has so much to say -Rumi

Càng tĩnh lặng bao nhiêu, càng nghe được nhiều bấy nhiêu

The quieter you become, the more you are able to hear-Rumi

Không biết ngồi một mình trong căn phòng tĩnh lặng thì bao nỗi khổ sẽ ập tới.

All men miseries derive from not being able to sit in a quiet room alone- B.Pascal.

Một cuộc sống cô đơn và đơn điệu nhằm chán sẽ kích thích óc sáng tạo .

The monotony and solitude of a quiet life stimulates the creative mind -A.Einstein

Liều thuốc chữa bệnh cho thân xác tốt nhất là tâm trí tĩnh lặng

The best cure for the body is a quiet mind- Napoleon
(*From Wisdom Quotes*)

Văn hào Đức, **Von Goethe** rất quý sự im lặng, một món quà tự nhiên, *natural gifts in silence*, ông viết : Ngôn từ không diễn đạt được sự vật và chính lòng ta (*Words express neither objects nor ourselves*).

Hòn đá là ông thầy câm lặng *Stones are mute teachers...*

Nghệ sĩ, hãy sáng tác, đừng nói nhiều-*Create, artist, do not talk.*

Im lặng là sự nghỉ ngơi cho tâm trí, cho tâm hồn, cũng như giấc ngủ là sự nghỉ ngơi cho thân thể, là dinh dưỡng và tươi mát.

*True silence is the rest of the mind; it is to the spirit. What sleep is to the body, nourishment and refreshment- **William Penn***

Qua ngưỡng cửa Tĩnh Lặng, mặt trời cứu khổ khôn ngoan và thanh bình sẽ tỏa sáng lên bạn.

*Through the portals of silence, the healing sun of wisdom and peace will shine upon you- **Paramahansa Yogananda***

Chúng ta cần đi tìm Thượng Đế, mà Thượng đế không thể tìm thấy trong ồn ào náo động... Phải tĩnh lặng mới có thể nhập vào tâm hồn.

*We need to find God and he cannot be found in noise and restlessness...we need silence to be able to touch souls- **Mother Teresa.***

Mọi tạo tác đều đến từ Tĩnh Lặng.

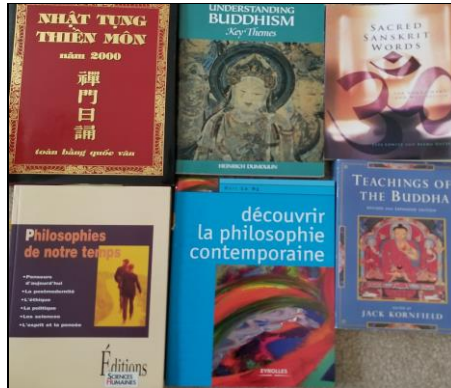
Tư tưởng đến từ chân không diệu hữu tĩnh lặng,

Từ ngữ bật ra từ trống không.

Everything that's created comes out of silence. Thoughts emerge from nothingness of silence. Words come out of the void... - Wayne Dyer

(from Fearless Soul quotes).

TÓM LẠI : Giữ tâm tĩnh lặng là bước đầu của tu tập, của nội quán, của Sáng Tạo. Im lặng tự nó là ngọn đèn soi đường giữa khu rừng rậm rạp cảm giác, tri giác, tư duy, giúp ta nhìn ra road map, ra Đạo của đời sống, cho bản thân và cho cảnh giới sống.



KHẨU NGHIỆP

TỪ TIẾNG CƯỜI

TÓI LỜI CHỬI CỦA NGƯỜI VIỆT

Thời xưa nhà báo Nguyễn Văn Vĩnh trong loạt bài Xét Tật Mình (Đông Dương Tạp Chí số 22) đã bàn về tật *Gì Cũng Cười* như sau : “ *An Nam ta có một thói lạ là thế nào cũng cười. Người ta khen cũng cười, người ta chê cũng cười. Hay cũng hi, mà dở cũng hi, quấy cũng hi. Nhăn răng hi một tiếng mọi việc hết nghiêm trang. ...Nhưng mà xét ra cái cười của ta nhiều khi có cái vô tình **độc ác**, có cách láo xược khinh người, có câu chửi người ta, có nghĩa yên trí không phải nghe hết lời người ta mà đã **gièm** trước ý tưởng người ta, không phải nhìn kỹ việc người ta làm mà đã **chê** sẵn công cuộc người ta....”*

Tiếng cười chắc hẳn mang nhiều ý nghĩa phản ánh tâm lý con người, văn hào triết gia Du Thái Pháp Henri Bergson (Nobel văn chương 1927) từng bàn luận sâu sắc về Cười trong cả một cuốn sách triết lý *Le Rire*, ông viết : hài hước nằm trong bản tính con người (*Il n'y a pas de comique*

en dehors de ce qui est proprement humain) người Việt với văn hóa trọng lễ, ngại nói thẳng, tránh nói rõ trắng hay đen vì sợ làm mất lòng người khác, trường hợp ấy có lẽ cười là thượng sách ! cười là hòa cả làng (Bergson cũng nhận định tương tự : *rien ne désarme comme le rire*, không gì giải tỏa bằng cười !), nếu chỉ như thế thì tiếng cười là nhân cách của người hiền, coi mọi chuyện phải trái như tán tuồng đời, chẳng cần bận tâm tranh cãi, đối đáp...nhưng cụ Nguyễn Văn Vĩnh cũng hé thấy một khía cạnh tâm lý của tiếng cười An Nam ta : cái tính *độc ác* ! mà tính độc ác thì chẳng những phản ánh ở tiếng cười diễu cợt mà còn phản ánh trong nhiều câu tục ngữ nhằm chê bai gièm người khác xuống không chút thương cảm, thí dụ nói : *Nhất lễ, nhì lùn, tam hô, tứ sún..* để chê bai người có tật, cứ người ngoại quốc thì miệt thị gọi bằng *thằng*, bằng *con* , bằng *nó*... dường như chúng ta rất hà tiện lời khen nhưng rất bừa bãi lời chê, khen ai thì sợ người đó hơn mình, chê bai vì muốn nâng mình lên trên. Đã có một người Pháp thời Pháp thuộc phê phán An Nam ta qua ba chữ rất gọn và rất độc : *nói dối, ăn cắp, sát nhân* (menteur, voleur, assassin)! Tìm hiểu tính độc ác, thiết

tương cần phân tích thêm lối CHỬI, vốn dĩ phản ảnh tâm thức sâu xa của con người trong bất kỳ văn hóa nào.

Lối chửi của ta có thể phân loại như sau :

1-Liên quan tới tông chi, họ hàng, mồ mả, tổ tiên : tđ *đù má mày* (hoặc *đéo mẹ mày*) chứ không chửi *đù mày* hay *đéo mày* (*fuck your mother* chứ không nói *fuck you* như người Anh Mỹ), hay *đào mồ đào mả nhà mày lên*, *cái mả mẹ mày*, hoặc *cha tiên sư bố mày*.

2-Liên quan tới súc vật thấp kém : *đồ chó*, *ngu như bò*, *bố khí*, *đầu trâu mặt ngựa*, *đồ súc sinh*, *con đĩ ngựa*, *đồ chó đẽ* (trưng tự *son of the bitch*), *quân chó má...*

3-Liên quan tới đồ dơ bẩn : *ăn cứt tao* (người Anh Mỹ nói *shit happens* có nghĩa bực tức như chó má thật, chứ không nói *eat my shit* như ta), *uống máu l..*, *ĩa vào mặt mày*, *nói thối như cứt* (hay nói tắt *thối quá !*) *đái vào mặt chúng nó...*

4- Liên quan tới tình dục : *đù*, *đéo*, *địt*, *bú c...*, *liếm l...*, *bú đít ...*

5-Nguyên rủa : *ba đời đi ăn mày, mồ mả táng vào
hàm chó, khó năm đời mười kiếp, qua sông đấm đò,
trời đánh thánh vật, chết không nhắm mắt...*

Những câu chửi nhẹ, biểu lộ bức tức, như *đồ vô lại, phường
tiểu nhân, thằng Sở Khanh, đồ mất dạy, quân khốn nạn, đồ
đểu*, thì rất nhiều không thể kể ra hết, ở đây chỉ kể những câu
chửi rửa tiêu biểu ác tính của con người. Một câu chửi nhẹ
thông thường của Anh Mỹ là “*son of the gun*” (quân bất trị!)
cũng khó tìm được chữ tương đương trong tiếng Việt.

Văn hóa Việt Nam khởi đi từ làng xóm, thành phần nghèo
nàn và ít học nhiều hơn thành phần được ăn học giáo dục, lại
theo luân lý phụ hệ phong kiến từ lâu, thói hư tật xấu nơi
thôn dã cộng với nạn cường hào ác bá hoành hành, thêm
cướp bóc tao loạn, trộm cắp...nên mới nảy sinh ra những
chuyện Trạng Quỳnh, Trạng Lợn, chuyện Chửi Gà, đánh
măng xia xói lẫn nhau ...đấy là phản ứng tự vệ tâm lý, là võ
khí của kẻ yếu để chống lại đàn áp ... *hệ quả nguy hiểm là*

tâm thức chửi rửa ngấm vào tiềm thức, nảy ra thành bạo lực, đưa tới những hành động rất Bản và Ác.

Lối chửi Trạng Quỳnh như “*đá bèo*”, nói lái là *đéo bà* thì tiêu biểu tinh quái bình dân, lối *Chửi Gà*, chửi liên tục cả ngày cả đêm, chửi có bài bản như hát nói, hát ví, hết mẹ đến con chửi tiếp sức, có khi lại thuê cả người chửi (như thuê người khóc trong đám tang!), chửi liên miên vì mất một con gà v.v..có thể là một hình ảnh rất độc đáo của hủ tục làng xã châu thổ sông Hồng sông Mã...mà ở những vùng đất mới, đủ ăn đủ mặc như vùng châu thổ Cửu Long thì không thấy có.

Nếu chồng có thể đánh vợ, mắng chửi vợ, tát vợ, nếu cha mẹ, thầy giáo có thể nọc trẻ con ra mà đánh, tát mắng giữa lớp...thì hệ quả là đứa trẻ ấy lớn lên cũng có thể đánh, mắng, chửi người khác coi như là *chuyện thường tình*.. và cảnh đấu tố ác liệt ở Tàu, Việt...đàn bà trẻ con xía xói vỗ tay vỗ đít chửi rửa nạn nhân, bắt người ăn cứt, giam người vào chuồng phân heo...đều phát khởi từ tâm thức chửi rửa tiềm tàng mấy kiếp, bộc lộ ác tính rất sâu trong

độc căn của loài vật người. Ác tính độc căn ấy ở mỗi nền văn hóa lại khác nhau : ở Nga Xô thì cũng đầy ải tù nhân đi Tây Bá Lợi Á, hoặc xử bắn, ở Đức Quốc Xã thì dùng hơi ngạt diệt cả triệu người, ở thời phong kiến thì lột da nhồi châu, tru di tam tộc, phanh thây xé xác, voi dày ngựa xéo... ác tính như vậy ở đâu cũng có, chỉ khác nhau ở phương cách áp dụng. Lối chữ của người Việt có thể gọi là Ác khẩu phát ra từ đáy tầng Khẩu nghiệp.

ÁC KHẨU

Chữ là ác khẩu, miệng lưỡi rắn độc của sinh vật người vốn mang thú tính, cho nên có thể làm đau người khác, không đau về thể xác mà đau về tinh thần : ta không nói *đừ mày* mà chửi tới thượng tầng *đừ me* mày, tới *Cha Tiên Sư Bồ Mày* (chữ cấp số nhân, hoặc chửi lũy thừa ba : Mày, Cha, Tiên Sư một lúc), những câu chửi liên quan tới *mồ mả* có lẽ chỉ quan trọng ở thời xưa, ngày nay nó rơi rớt lại phản ảnh hủ tục cũ lấy gốc gác mồ mả ra mà chửi rửa nhau. Những câu chửi loại nguyên rửa : *khó ba đời, chết không nhắm mắt*...là loại chửi nhẹ, gây tác động tâm lý nơi đối tượng,

phản ảnh lòng ghen tức hoặc bất mãn... muốn kẻ địch phải tuột xuống, không bây giờ thì về sau, cho bằng hoặc kém mình, đây là phản ứng tâm lý đòi công bình cho mình với kẻ thù đã áp chế gây nỗi đau cho mình.

Cũng có cách chửi độc như nhại tiếng nhại giọng người khác “ *chửi cha không bằng pha tiếng*” phản ảnh óc địa phương, người vùng này chê giọng người vùng khác, như chê giọng *trọ trượ*, giọng nói ngọng *nằm sao thì nằm* hoặc chửi bóng gió :

Sấm đảng Đông, động đảng Tây

Tuy rằng nói đầy nhưng đây động lòng !

CÓ THỂ DÙNG PHÂN TÂM HỌC FREUD Ở ĐÂY KHÔNG ?

Tâm lý gia Freud phân tích tâm lý con người từ thời thơ ấu nhấn mạnh tới sex và đại tiểu tiện như hai yếu tố hình thành cơ chế tâm lý người lớn . Trong lối suy tư này có thể tạm suy diễn ra cơ chế lối chửi Việt Nam như sau :

Theo Freud **6 năm đầu** là mầm mống của nhân cách :

Từ **0-2** tuổi đứa trẻ sống với bản năng sinh lý, ăn, uống, ngủ, đái ỉa, ấu ảp...để thỏa mãn nhu cầu thích thú (*pleasure principle*), đây là giai đoạn môi miệng (*oral phase*), bú sữa với cái mồm làm chính.

Từ **2-3** tuổi đứa trẻ lớn hơn, sống với thực tế hơn (*reality principle*), nghĩa là không phải lúc nào cũng thỏa mãn được nhu cầu thuần sinh lý ăn, uống, đái, ỉa...cái Tôi -*Ego* lúc này có xung khắc với cái Thú - *Id*, mặc dù cả hai đều là ích kỷ, tìm thỏa mãn cho chính mình. Đây là giai đoạn Ỉa Đái (*anal phase*) sự thích thú chuyển từ Mồm xuống Đít

Từ **3-6** tuổi, đứa trẻ sống với khuôn phép do cha mẹ dạy bảo, một thượng tầng nhân cách-*Superego*- chồng lên trên cái Thú- *Id* và cái Tôi- *Ego*, đây là cái khung luân lý xã hội uốn nắn nhân cách mà không phải tất cả mọi người đều có, nhiều tội nhân không ý thức được tội ác do mình gây ra, giết người không gớm tay..., vì không có thượng tầng này. Trong giai đoạn này phái tính sinh dục phát triển, con gái mến cha, con trai mến mẹ, tạo nên mặc cảm Oedipus và mặc cảm của con trai sợ bị *xẻo* (thiến -*castration*) !

Nhìn vào các giai đoạn phát triển nhân cách trên, hai giai đoạn đầu *Bú* và *Ỉa* có thể giải thích phần nào lối chửi tục của ta : Nếu đứa trẻ được bú sữa đầy đủ, khi lớn lên sẽ trở thành người lạc quan, vui vẻ, dễ dãi, tin yêu, ngược lại nếu bị đói khát thiếu dinh dưỡng (như trường hợp của xứ nghèo), mẹ chẳng đủ sữa cho con bú, đứa trẻ lớn lên dễ trở nên bi quan, *không tin ai, đa nghi, cau có, giận dữ, khó tính, hay giận dỗi.*

Đứa trẻ tập đi cầu là tập sự thái bỏ, tập tính tự lập, tự tin, biết khi nào phải *phóng* ứ ...nếu bị ép đi quá đứa trẻ phản ứng ngược lại, trở thành kẻ giữ chặt tất cả, hà tiện bủn xỉn, bị ép đi đều đặn quá về sau có thể hóa ra kẻ rất kỹ càng về giờ giấc, hoặc ngược lại rất bê bối, lúc nào cũng trễ nải...Tất nhiên quá trình phát triển nhân cách của Freud *không áp dụng hoàn toàn được cho mọi trường hợp*, nhưng có hai điểm liên quan với lối chửi tục là Sex và Cứt đái, hai thành phần cơ bản của động vật Người ! Ta không lấy làm lạ trẻ con rất hay chửi tục và người lớn khi *văng tục* cũng không khác gì *phóng* cái ứ

bắn vào người khác mà đồng thời cũng để **thỏa cái tức cái uất** trong mình, giống như đi ỉa, đi đái xong thì thấy nhẹ nhõm trong người.

Trong diễn trình phát triển nhân cách, có trường hợp con người bị ngưng đọng (fixation) ở giai đoạn môi miệng hoặc hậu môn (*oral fixation* và *anal fixation*) và không tiến lên được : mút ngón tay như trẻ con bú sữa, nhõng nhẽo, hay khóc, nhiều phim Tàu chêm cảnh đái, ỉa, đánh rắm, đánh địt như là chuyện hài hước mà ở các văn hóa khác thì lại là chuyện rất thô tục bản thủ. Ngay thời tiền chiến ở Hà Nội, một nghị viên thành phố bị đối thủ bất ngờ nhét phân vào mồm khi đang ngồi trên xe kéo ! ở Sài Gòn, *cầu tiêu gói* ném từ nhà này sang nhà kia, hoặc lấy phân người trát lên cửa nhà nhau vì thù ghét.

*

Một xã hội đủ ăn đủ mặc mới thỏa mãn giai đoạn *Bú- oral phase*, nhà cửa đầy đủ tiện nghi cầu tiêu cầu tiểu sạch sẽ mới giáo dục được trẻ em ở giai đoạn đại tiểu tiện-*anal phase*, từ đó nhân cách mới có môi trường nảy nở trọn

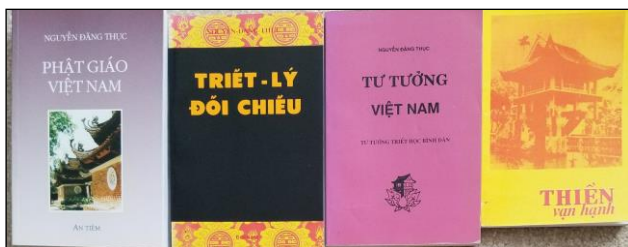
ven như cây cối đủ nắng đủ mưa đủ phân bón mới mọc tươi tốt. Nếu không thì cái mầm sẽ dễ văng tặc, cái miệng sẽ dễ phóng uế vào đồng loại..nghèo nàn thiếu kém tạo ra phản ứng bù đắp như tham nhũng, ích kỷ, tham quyền cố vị, bị hiếp đáp lúc nhỏ, khi lớn lại đi hiếp đáp người khác để trả thù cho chính hình bóng của mình thời thơ ấu...đấy chính là ác nhân tạo ra ác quả chòng chát...mà sự phồn thịnh kinh tế may ra có thể tiêu giảm được phần nào. Dinh dưỡng no đủ, an cư lạc nghiệp, gia đình có mái nhà ấm cúng, là cách thực tế hay nhất để giải quyết uẩn ức trong lòng người và tranh chấp ngoài xã hội.

*

Đại Y Sư Thích Ca Mâu Ni, trong truyền thống Tâm Lý Học Hy Mã Lạp Sơn, tóm tắt ba căn tâm bệnh của loài người là lòng Tham vô đáy, Sân hận ghen ghét và Si mê u tối, trong 8 lối thoát giải tỏa 3 căn bệnh kết đọng sâu xa trong tầng thức trên, Ngài nhấn mạnh hơn bất cứ hiền triết nào khác : giữ mầm giữ miệng,

chính ngôn chính ngữ, ngài lập đi lập lại trong Ngũ giới : không nói dối, nói bậy, nói xấu...**bất vọng ngữ**, nói lời **ái ngữ** hòa thuận...tất nhiên văng tục chửi bậy là loại bệnh trầm kha, ngôn ngữ chấp kiến là sợi dây thừng độc xà quấn quanh cổ họng, cho nên nhân loại sống chung mà vẫn tương tàn chửi bới không bao giờ yên ổn.Thú tính độc căn có thể lộ ra trên khuôn mặt con người, nghe chửi rửa ăn tục nói bậy có thể đo lường được chiều dài ác nghiệp của chúng sinh, đọc lịch sử dân tộc từ chém giết tương tàn Trịnh Nguyễn tới Nam Bắc Quốc Cộng phân tranh, từ diệt tộc Chiêm Chàm tới chết trôi biển Đông...thì thấy gieo nhiều ác căn, tất phải kinh qua nhiều chặng thời gian vũ trụ để rửa nghiệp nặng, còn phải trồng thêm vườn hoa thiện căn lấn át cỏ dại mới nảy sinh được hòa bình thịnh trị...phải chặng *tịnh khẩu pháp môn* là phương pháp tu luyện thích hợp cho dân ta ?

13-5-2001



Tri Thiên Mệnh

hay Dậy Thì đợt II : *tiếng sét thức tỉnh*

Thiên mệnh khó mà *tri* nên cổ nhân hẳn muốn nhắc nhở tới tuổi tác nào đó thể nhân phải bắt đầu một khúc rẽ mới, một chiều hướng mới, hướng *thiên* và hướng *thiện*, sau mấy chục năm trầm luân trong cát bụi của cuộc sống tranh đua ở tuổi thanh xuân và trung niên.

Thế nên tri thiên mệnh có thể tạm hiểu là biết giới hạn của con người, khiêm tốn hơn, hòa nhã hơn, vô chấp hơn, để bắt đầu đi vào đời sống tâm linh, hướng nội hơn là hướng ngoại. Diễn trình phát triển nhân cách được Không Tử chia làm sáu giai đoạn :

1. Mười lăm tuổi: *chí vu học* (học hỏi)
2. Ba mươi tuổi: *nhi lập* (lập thân)
3. Bốn mươi tuổi: *nhi bất hoặc* (không còn nhiều nghi hoặc)
4. Năm mươi tuổi: *tri thiên mệnh*
5. Sáu mươi tuổi: *nhi nhĩ thuận* (lời nói nghe thuận tai)
6. Bảy mươi tuổi: *tùng tâm sở dục bất du củ* (những gì lòng mình muốn đều không ra ngoài qui củ khuôn phép).

Hoặc với nghĩa gốc là *nghi hoặc*, ở tuổi 40, đã có kinh nghiệm, có kiến thức nên suy luận phân định *không còn do dự nghi hoặc* mấy về việc đời, sách Khổng Học Đẳng của cụ Phan Bội Châu giảng như sau : “ *đến 40 tuổi mới thông thấu hết sự lý trong thiên hạ, việc gì phải hay trái, người nào tốt hay xấu, thấy xem xét biện biệt được rành rõi, không đến nỗi sai lầm*” (Khổng Học Đẳng tr.15 phần Luận ngữ Trích lục Dẫn giải), mãi tới 60 tuổi mới “ *lúc bấy giờ sức tri với sức hành, học vấn với kinh nghiệm thấy đều thập phần chu đáo, nên đối với sự lý nhân vật ở trong thiên hạ, hễ vật nào lọt vào tai tức khắc phán đoán được ngay, không một điều gì chướng ngại ở bên tai nữa* -lục thập nhi nhĩ thuận.

Diễn trình từ 15 tuổi, *chí vu học*, tới 70 tuổi *tùng tâm sở dục, bất du củ*, có thể hiểu như một diễn trình phát triển nhân cách (*personality development*), như câu “*ngũ thập nhi tri thiên mệnh*” hiểu theo cụ Phan Bội Châu “*đến 50 tuổi mới thấu chân lý của tạo hóa tức là mệnh của trời*”, Đạo học Đông phương, Phật, Khổng, Lão, lấy Nhân làm chủ, lấy người làm chính, nên không lấy ông Trời hay thần thánh làm *chủ thể ban lệnh* cho người, đây chính là tinh thần Nhân chủ rất đặc biệt của Tam giáo Đông phương.

Nguyễn Công Trứ chỉ háo danh ở tuổi trẻ và tuổi trung niên:

Không công danh thì nát với cỏ cây,

sau này ông cũng giác ngộ:

Kiếp sau xin chớ làm người

làm cây thông đứng giữa trời mà reo

Tuổi ngũ thập thời nay, đa số vẫn phải lăn vào vòng mưu sinh nhập thế như ở tuổi hai ba mươi, là sự kéo dài của tuổi thanh xuân đầy nhựa xuân xa xưa..đây chính là phản ứng tâm lý vừa *hoài cổ* vừa chống lại *lão hóa* !

Vì thế đáng lẽ tới giai đoạn tri thiên mệnh, cao cả, vô chấp, thì lại tái diễn tấn tuồng lập thân, cầu danh, thủ lợi... đáng lẽ phải thoát “*cái vòng danh lợi cong cong*” lại phải đi vào một guồng máy “*engrenage*” có khi rất phi nhân và tàn bạo!

Tới một lúc thể xác thấm mệt: mắt mờ dần, đọc sách đọc báo thấy ngại, áp huyết lên cao, chất mỡ tăng dần, mỗi gồi chôn chân... mái tóc bắt đầu mang thông điệp trắng xóa của mây trời... dù muốn hay không, tuổi tác thân xác cũng nhắc nhở thời gian tri thiên mệnh đã tới, giai đoạn xuất thế phải bắt đầu... không phải tiêu cực chán chường mà là tích cực sửa soạn cho giai đoạn mới, giai đoạn gạch nối giữa kiếp này và kiếp sau, giữa nhân và thánh nhân, giữa Người và Trời... cuộc hành trình này mới thật là ly kỳ, thích thú. Sự sáng khoái tinh thần có thể hơn khoái lạc cảm giác rất nhiều: thú nhàn tản tiêu dao có thể hay hơn thói quen mệt nhọc tranh danh, vị danh, vị lợi..

Có những thích thú giản dị mà vì thói quen hoặc ảnh hưởng xã hội người ta bỏ quên: tỉ dụ như ngồi yên lặng một

mình, bỏ xe đi bộ, thay vì đọc báo và xem TV, thử đọc một vài đoạn kinh kệ v.v... Môn phái Yoga cho rằng người ta cứ nhìn và nói cũng đã mất rất nhiều tinh lực! Cho nên để bảo vệ sức khỏe ở tuổi tri thiên mệnh, nhắm mắt mỗi ngày mười lăm phút, nói ít và nói chậm lại... sẽ thấy kết quả tâm linh kỳ diệu.

Tuổi tri thiên mệnh là một hướng rẽ có khi ngược hẳn lại với giai đoạn trước, có những kẻ cướp bỗng giác ngộ, ác bỗng nhiên hiền, hưởng lạc thành khắc kỷ, đang chấp bỗng nhiên xả... có thể gọi là tuổi *dậy thì đợt II* của đời người. Dậy thì đợt I sửa soạn thành người lớn, dậy thì đợt II sửa soạn thăng hoa đời sống cho trọn vẹn triết lý của cổ nhân *-thiên nhân tương dữ-* (trời và người có tương quan) và trọn vẹn kỳ vọng con người là nơi giao kết Âm Dương, hội hợp của quỷ thần, tiềm tàng Phật tính giác ngộ. Điều khó khăn là làm sao ý thức được hướng rẽ đó và làm sao bẻ tay lái quyết định rẽ sang nẻo mới.

Nhưng muốn đi tới một quyết định, cần một tiếng sét cảnh tỉnh, một hồi chuông báo động. Có người bắt đầu ngồi

thiền sau một cơn đau tim *heart attack* hay một đột quỵ *stroke*, có người bắt đầu ăn chay khi mức mỡ *cholesterol* vọt cao, có người bắt đầu năng đi lễ sau khi đưa con độc nhất lần ra chết... có người bỗng bỏ viết lách thể sự thể tình vì thấy ngôn ngữ vụn vặt tiêu xảo, có người bỗng “*từ quan*” vì quán chiếu sự hão huyền của mọi tranh chấp vì danh lợi...

Không Tử nhắc tới tuổi tri thiên mệnh nhưng không cho ta phương pháp để tri thiên mệnh. Phương pháp này có thể tìm thấy trong các tôn giáo nhất là *yoga* và *thiền quán*.

Ví dụ nổi tiếng của Shakyamuni: *loài người như đàn trẻ con mãi chơi trong căn nhà cháy*, đọc đi đọc lại ví dụ này, dẫn tới giây phút bừng tỉnh, quán chiếu được thiên mệnh và quyết định được ngả rẽ tâm linh.

Ví dụ thứ hai, nổi tiếng không kém: *một đám trẻ con chơi xây nhà trên cát ngoài bãi biển, chúng đánh đấm lẫn nhau, đứa nói nhà này của tao, đứa kia cãi nhà này của tao... phá phách chửi rủa tranh giành... rồi hoàng hôn tới, sóng biển dâng lên trôi hết nhà cửa lâu đài cát, đám trẻ con bỏ cuộc chơi, vô tư ra về giữa trời nhá nhem tối!*

Đó là những tiếng sét đánh lên tâm não giúp thể nhân chuyển hướng. Cần những tiếng sét khác, có thể tìm ở kinh Kim Cương, Cựu Ước, Tân Ước, thơ Tagore, thơ Omar Khayyam, thơ Rumi, thơ thiền, thơ hài cú...

Vấn đề là thể nghiệm, thử ăn chay, thử ngồi im lặng, thử theo dõi hơi thở ra thở vào... cuộc hành trình chỉ cần 15 phút bắt đầu, trên một cảnh giới thanh tĩnh hơn, thích thú hơn là ngoại cảnh tạp nhạp thường thấy.

*

Chuyện kể một ký giả Tây Phương hỏi ông đạo sĩ Yoga cả ngày chỉ ngồi dưới gốc cây tu luyện:

- Sao đạo sư không đi làm?
- Đi làm để làm gì?
- Đi làm để kiếm tiền!
- Kiếm tiền để làm gì?
- Kiếm tiền để mua nhà, mua xe, mua các vật dụng cần thiết!
- Mua các thứ ấy để làm gì?
- Các thứ ấy giúp đời sống đầy đủ sung sướng!

- Sao các ông lại mất công đi vòng vo như vậy, hiện tại dưới gốc cây này tôi đang thấy sung sướng và đầy đủ.

Tất nhiên người thường chẳng ai có thể sống như vị đạo sĩ kia trong thế giới kỹ thuật tư hữu văn minh hiện đại. Câu chuyện chỉ mang ý nghĩa nhắc nhở việc mưu cầu hạnh phúc vẫn có thể đạt được bằng tinh thần chứ không phải chỉ bằng phương tiện vật chất.

Ở tuổi tri thiên mệnh, ít nhất phải dành 50% thì giờ cho việc mưu cầu hạnh phúc tinh thần, mê mải vật lộn với cuộc sống tức là đang mãi chơi trong căn nhà đang cháy !



Từ Vô Cư, Di Cư, tới An Cư

Hình ảnh bi thảm của chiến tranh “*người chết hai lần*” đã được Trịnh Công Sơn mang vào ma âm của cung đàn, nhưng còn những cái chết khác, như “*đi là chết trong lòng một ít*”, xa rời nơi chôn nhau cắt rốn, di cư hai lần, tản cư ba bốn bận... cũng là những cái chết hai ba lần xảy ra từ châu Á đến châu Âu, châu Phi, châu Mỹ... cho cả trăm triệu người, làm thành một nét bi ai độc đáo của thế kỷ 20-21 hỗn loạn.

Đi là chết trong lòng một ít, một ít gì đây? Có thể là cái tai chết đi sống lại mấy lần, giọng mẹ đẻ bắt đầu phai đi để đón nhận những âm thanh mới, con người biến đổi hay chính mình biến đổi? học ngoại ngữ có thể là một cuộc hành xác, thớ thịt cổ họng bị tra tấn vì phải uốn theo chiều ngược kim đồng hồ, tế bào não chạy loạn logic vì dòng điện chưa nhận quen giống đực, giống cái, tĩnh từ trước hay sau danh từ... Ngoại ngữ có thể gây chấn thương, tàn thực dần tiếng

mẹ đẻ ! và như vậy nhị trùng ngôn ngữ đi tới nhị trùng bản ngữ, là chết đi một ít con người gốc của mình. Có thể hệ Việt-Nam bị tới tam tứ trùng ngôn ngữ : Nho, Pháp, Nhật, Anh, Nga,.v.v... có thể vì thế mà người trí thức Việt để *ông nói gà bà nói vịt* chăng?

Sau cái tai phải kể tới cái mắt. Cũng như vị giác, cái mắt có đồ ăn của nó, đang quen màu trắng là màu tang, người bệnh nằm ở bệnh viện thấy toàn áo trắng có thể xuống tinh thần vì liên tưởng đến cái chết. Thế nên giữa một mùa tuyết rơi trên một thành phố nhỏ miền Bắc Nữ Ước, nhìn một cụ già răng đen tóc bạc vẫn khăn mỏ quạ đứng giữa shopping tân kỳ, mới thấy trò chơi kỳ lạ của Trẻ Tạo. Chẳng hẹn mà gặp, người Á đông, cả Việt di cư thời 1980 khi chưa có Khu chợ Việt Nam, dù có trầm trở thán phục cao ốc, xa lộ vĩ đại, vẫn cứ tìm về khung cảnh China-town, tuy lộn xộn cả xe với người, mùi tôm mùi cá, mà vẫn thấy chút ấm lòng. Thì ra con người tuy có khả năng thích nghi rất cao, nhưng cũng có giới hạn, bao lần thích nghi là đủ? Thích nghi 90 độ, 180 độ

hay 360 độ? Độ nào thì vừa, độ nào thì gây tâm bệnh, độ nào thì sinh vật bị *hoảng*? Nếu cửa sổ linh hồn bị ngoại xâm dồn dập bởi các hình sắc lạ lùng, khác với hình sắc quen thuộc bao đời, thì tri giác sẽ náo loạn ra sao, tâm trí sẽ biến động thế nào? Cái tâm trí *lưu vong* mới thật là *nhân sinh thị bị kịch, càn khôn nhất hí trường* vậy !

Martin Heidegger, triết gia Đức lừng lẫy, đã cảm nhận tẩn bi kịch đó. Sau đệ nhị thế chiến ông rút về một túp lều (cabin) trong rừng, tiếp tục suy tư về kiếp nhân sinh. Tác phẩm *Hiện hữu và Thời gian - Sein und Zeit*-1927 được dịch ra Nhật ngữ năm 1939 và mãi tới năm 1962 mới được dịch ra Anh ngữ! Năm 1961 ông nhận định nhân loại đang đi tới một nền văn minh toàn cầu, trái đất bị Âu hóa, tất cả đều bị vô gia cư (*homelessness*)... Sống ở đâu, dù nhà mình, quê mình cũng vẫn bị *lưu vong* vì thế giới thường xuyên biến đổi, con người bị TV, radio... kéo ra khỏi cửa nhà, *di cư* sang những chân trời mới, tín hiệu mới, hình ảnh mới... thành ra nằm ở ghé bành nhà mình mà vẫn rơi vào tình trạng “lưu vong” (*das unheimische - the un-home like*) như kẻ không nhà, không quê không quán *Heimatlosigkeit - homelessness*

(1). Nhưng viễn du mãi thì cũng nhớ nhà, chẳng nơi nào đẹp bằng quê hương, dần dần ai cũng chán ngán cái mới cái lạ, cái ngoại hóa để tìm về tổ ấm, cái nôi cho tâm hồn, cái nhà cho tâm trí.

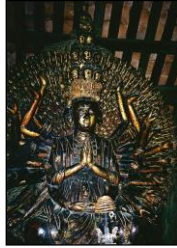
Nếu đã thường trực bị văn minh toàn cầu kéo ra khỏi nhà, lôi ra khỏi tổ, thì đâu là tổ ấm, đâu là nơi an trú đích thực cho con người? Heidegger tìm về nhà Phật để trả lời: *Chính sự tỉnh thức của tâm thanh tịnh giúp con người an trú giữa cuộc đời bèo ảnh nổi trôi, sống tỉnh táo, nhìn rõ cái lẽ có, không, như biển lặng dưới lớp sóng dữ, tức là sống thật sự ở trong nhà mình, trên đất nước mình. Biết an trú thì đâu cũng là nhà, lúc nào cũng an lạc khoan khoái, còn không thì nằm trong tổ vẫn cứ bị “lưu vong” như nằm trên đồng lúa.* Theo nẻo suy luận này thì người trong và ngoài nước đều dễ mắc tâm trạng lưu vong. Người trong nước được sống trên đất tổ nhưng cái tâm có an trú không hay vẫn cứ bị phiêu lưu theo ngoại cảnh bi hài kịch ?

Người ngoài nước mang cái sầu ly hương nhưng nếu biết gánh gồng di sản tổ tiên theo thì vẫn là đàn cá lợi trong

nước, hà tất phải thắc mắc về chuyện xa hay gần, còn hay mất. Ở thời đại toàn cầu hóa-*globalisation*- này, Tạo hóa mang trăm họ lên cái sàng, sàng đi sàng lại, ông Phi châu da đen sang Hòa Lan Thụy Điển chơi với tuyết trắng bạch kim, dân Hmong sang Mỹ và sang cả xứ Guyane trại tù An nam thuở xưa nữa, bà Du Thái ngồi xồm ăn bún riêu ngô Bảo Khánh Hà nội...thế thì quả là *quan nhất thời, dân vạn đại*, như Cao Bá Quát viết : càn khôn đâu có *san đi sả lại*, kết quả chẳng ai triệt tiêu được ai, di cư di tản không chừng nằm trong siêu kế hoạch của Hóa công, muốn loài người hợp chủng chẳng ? Thế hệ thứ I chịu nhiều nỗi đau đời đời, luyến nhớ cái cũ, dị ứng cái mới, nhưng từ thế hệ thứ II thì đầu lại vào đó, thích nghi hóa, chẳng còn gánh nặng quá khứ, và như thế mới thật là nhẹ gánh, hạnh phúc trong khung cảnh nhỏ bé của mình, trong một cái tổ của mình ở, mình sống, không còn mang tên là cũ hay mới.

1-Heidegger and Asian Thought –edited by G. Parkes tr. 148.

ĐẠO BỤT và KHOA HỌC



VẠN PHÁP DUNG THÔNG TRƯỜNG

*

VẬT LÝ PHÁ CHẬP

Điều kiện cần yếu để phát minh sáng tạo, theo A. Einstein, là tâm tư ngoại lệ, không chấp trước, không thành kiến, tự do tưởng tượng, vô bờ, *fantaisies*, chứ không phải kiến thức đầy đặc thành khuôn nếp trong đầu, ông nói :

" I am enough of an artist to draw freely upon my imagination...the gift of fantasy has meant more to me than my talent for absorbing positive knowledge ", không tự do

thì không có sáng tạo, không phá chấp, thì không thể chuyển hóa, cho nên giống như Phật pháp, cần phá chấp, không biên kiến, không bị kẹt vào có với không, nhỏ với to, cao hay thấp, tất cả chỉ là những danh từ, những kiến chấp, rất tương đối.

Không có biên giới giữa các sinh vật, con khi **Ngộ** được **Không**, cũng thành **Tôn** sư đại thánh, cho đến ma nữ yêu tinh...cũng chẳng sai biệt, quốc độ của họ còn nặng nghiệp, nhưng chẳng khác nhau bao nhiêu, cho nên nếu tu tập tinh tấn, chưa tới mức thiên nhân, thiên nhĩ như Bồ tát, *thiên nhân* vẫn có thể "*chiếu yêu kính*" nhìn ra chân tướng, nghe được tiếng tạp giới chúng sinh...Cho nên tác giả **Liêu Trai Chí Dị** xóa hết bức tường chia cách: dạ xoa, chồn, cáo...vẫn có thể biến hóa, lấy người, yêu người, trong một khoảnh khắc kiếp hồng nhan...bông hoa, cánh bướm, thậm chí sâu bọ, cũng mang Phật tính, vũ trụ phá chấp, chúng sinh đồng nhất thể, người trần mắt thịt, làm sao biết "*sở dĩ không đau*" ?

A. Einstein đã đi vào lộ trình phá chấp của Phật pháp, vạn pháp duy tâm tạo, tất cả Tứ đại-đất, nước, khí, lửa-
vạn pháp *giai không* cũng được, mà vạn pháp *giai hữu* cũng được, " *có thì có tự mây may, không thì cả thế gian này cũng không*" người bình dân VN ai cũng thuộc lòng thắm thía câu đó, hẳn nhà bác học Do Thái kia cũng đốn ngộ bừng thấy lý phổ quát tương đối trong vũ trụ, chẳng có lực nào riêng rẽ, cho nên, *vật chất* mới hóa thành *năng lượng*, được vận tốc ánh sáng bốc lên : $E=MC^2$, vũ trụ tam thiên đại thiên thể giới này, ống kính Hubbles thiên văn thấy là đa vũ trụ, toàn pháp giới Vô Lượng Quang tử, ánh sáng *big bang*, ánh sáng cong, ánh sáng xoáy vòng vào *thiên ngục* black hole...Nam mô *A di đà...Amitabha*, chỉ là cái tên cho nhân gian hiểu, thật ra, trên bình diện vũ trụ, nghĩa là quang tử, là *photon*, là *quantum*...gì gì nữa, vô lượng, vô khả luận...

Đã là vô lượng quang *Amitabha*, thì làm gì có không gian giam hãm, làm gì có thời gian non hay già...*không đến, không đi, không còn, không mất, không nhớ, không sạch*...cho nên cả vũ trụ có thể chứa trong một lỗ chân lông

Bồ tát, tất cả ba thế giới trên đầu một hột cải...cái to trong cái nhỏ, cái nhỏ trong cái to, lớp lớp như những mảnh kính mảnh gương soi chiếu muôn chiều vô lượng...ánh sáng trong tâm cũng là ánh sáng trong vũ trụ và ánh sáng quanh mặt trời cũng chỉ thu vào đồng tử một con mèo...vi quang tử, *photon*, *boson*, vi tử Hoa nghiêm, nở trùng trùng hun hút vào chốn thiên thai, không gian mấy chiều cũng được và thời gian muôn ngã cũng vẫn đứng yên vì chiếc thảm thần tiên bay cùng vận tốc với cả giải ngân hà trắng sao... tại sao loài người thắc mắc về *durée* của đời sống, khi cõi tâm có tốc độ nhanh bằng hay hơn điện từ trường? nhảy một bước, như Tôn Ngộ **Không**, nhảy hai bước, *từ thức*, *nhập cõi thiên thai*...

Nhà vật lý học như A. Einstein thì không chịu chuyện " *bất khả tư nghị*", ông muốn biết Tạo Hóa nghĩ gì - *I want to know God' thoughts; the rest are details*- ông đi tìm Vũ trụ Thống nhất trường- *Unified Theory*, quân bằng phương trình, bó 4 lực lại thành một bó: *trọng lực, điện từ lực, lực mạnh và lực yếu hạt nhân* (*gravitational-, electromagnetic-strong- weak- nuclear forces*), *nghĩa là không còn cách biệt*

giữa Không Thời gian,...Năm ngàn năm trước, Phục Hy cũng đã thống nhất hai lực Âm Dương, *một âm một dương, tứ tượng, bát quái, rồi 64 quẻ*... thống nhất quy vào Thái cực, nhưng trên Thái cực là gì ? là Tạo hóa chăng? là ông Trời chăng ?...hệ thống suy tưởng Âm Dương đã là cao, nhưng tới Thái cực thì vẫn chưa hết gọn sòng ý niệm, còn " Cực" dù là *cực thái* ! Nhà Phật, thấy cái ngõ cụt ấy, phá hết biên kiến Vật- Tâm, quét sạch vọng niệm, tới mức phi tướng, phi phi tướng, tới mức Thiên bậc bảy bậc tám bậc chín...*quán, tuệ*.

Cuối đời, sau gần 30 năm mài miệt suy tưởng về Vũ trụ Thống nhất trường, Einstein đã tâm sự là chưa tìm ra luật phổ quát nhất thống tất cả mọi lực trong vũ trụ...vũ trụ luôn bành trướng, động chứ không tĩnh (static), ngân hà ngày một vắng ra xa, không co rút và bành trướng như suy luận, không có hằng số vũ trụ (*cosmological constant*) nhưng có thiên ngục *black hole*, ba lực bó lại làm một dung thông nhưng trọng lực thì vẫn nằm ngoài v..v.. gần đây vật lý gia **Stephen**

Hawking, muốn nhất thống quang lực *quantum* với trọng lực trong một lý thuyết bao gồm tất cả- *a theory of everything*, còn Einstein thì không thích sự tình cờ trong thuyết lý *quantum*, ông nói " *Tạo hóa không chơi xúc sắc xúc sê* " *God does not play dice...* và ông muốn tìm kiếm xem Tạo hóa nghĩ gì khi sáng tạo ra vũ trụ, điều lý thú nhất, kỳ diệu nhất, theo Einstein là tại sao ta lại hiểu được những gì tưởng là không thể hiểu! (...*The eternal mystery of the world is its comprehensibility...*). Nhưng rồi giới hạn nhân sinh, Einstein cũng phải buông bỏ, về châu Tạo hóa Tâm vũ, một *cosmic God*, không phải là một Thượng đế ngồi cao thưởng phạt loài người... Có thể ông đã đọc thoáng qua kinh Phật, từng đọc kinh sách cổ thư Ấn độ, từng ngồi trò chuyện với Tagore, nhưng nếu đi sâu hơn vào kinh Phật, không chừng sẽ kiến tánh đại ngộ, Vật lý chỉ là phương tiện của dục giới, có tìm hiểu đến đâu thì vẫn quanh quẩn trong hình sắc vật thể, *pháp hữu vi* chẳng thể dùng để đạt *pháp vô vi*, *tục đế* làm sao vượt tới *chân đế*... Vô sắc giới, cõi Tâm, tạm gọi như là một Cõi, thực ra Tâm không còn là Cõi, không còn hai cái cột Không-Thời nữa, thì không thể đóng khung vào một Cõi nào, và như

thế mới là thể tính, là nền chung, là Thống nhất trường, vừa sắc giới, vừa vô sắc giới, vừa cõi này, vừa các cõi kia, vừa *nhân thiên địa, tam tài*, thông cả tam giới là Vương, một vạch thẳng thông qua ba vạch ngang, Dịch và Nho, Lão, đã là cao, nhưng lý Hoa nghiêm còn cần trọng hơn, thiên địa nhân, đúng, nhưng Thiên là một ẩn số, đa thiên vũ trụ, tam thiên đại thiên, vô lượng, vậy thì hãy lấy lý *sự sự vô ngại, lý lý dung thông*, làm quy luật vũ trụ thống nhất trường, có lẽ sát với tâm vóc *tê thiên* hơn... Einstein nói " *Sự tương đối dạy ta tính dung thông giữa các hình sắc dị biệt của cùng một thực tướng- Relativity teaches us the connection between the different descriptions of one and the same reality*. Những vi tử như *proton, neutron, pion...*biến dạng luôn luôn đến nỗi các vi tử có thể xem như nối kết - *combination-* với nhau chứ không riêng rẽ (*In the Flower Garland Sutra, each part of physical reality is contracted of all the other parts-* The Dance Wu Li Master-An overview of the new Physics by G.Zukav p.238).

LÝ SỰ HOA NGHIÊM

Nhà Phật tùy duyên phân ra Tam giới : **Dục giới** bao gồm *Người, A tu la* (dưới người một cấp độ), *Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sinh- Sắc giới* gồm các *vị trời*, đã vượt qua nhị biên nam nữ, hết dục vọng, sống trong thiên định, chính ở Sắc giới mà công phu thiên định, từ *sơ thiên đến nhị thiên, tam thiên lên tứ thiên...* thì hào quang đã phát ra rực rỡ, đã sinh hóa từ cõi dục vật thể sang cõi vô lượng quang, cõi thanh tịnh, tới **Vô sắc giới**, chẳng còn hình sắc, chẳng còn nam nữ âm dương, cảnh giới này thuần nghiệp thức, thuần tâm, vô biên, vô sở hữu, phi tướng, phi phi tướng...là nhất thống trường mà Einstein phải chăng đã cố tìm kiếm ?

Tính dung thông phổ quát, vô ngại, phá chấp...có thể giúp tìm hiểu thuyết **luân hồi** rộng rãi hơn: óc chấp trước duy khoa học thì thấy mâu thuẫn khi con người đã chết, đã tắt, thì còn cái gì lăn lóc mấy ngả luân hồi nữa...Will Durant viết " *...if there is no soul, how can it pass into other existences...He (Buddha) took the Wheel of Rebirth and the*

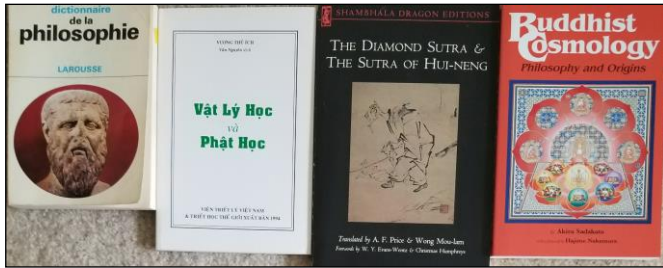
Law of Karma for granted.” (Our Oriental Heritage tr.435)..Tuy Will Durant biết nhà Phật chú trọng tới việc chấm dứt luân hồi, tới giải thoát, nhưng chưa thấu lẽ *sắc sắc không không, vô thường*, thiên biến vạn hóa của chúng sinh...nên còn kẹt vào ý niệm *linh hồn -soul-* bất biến vật lý của tôn giáo thần linh; nếu hiểu theo nghĩa linh động, di tướng mà đồng tướng hiện tượng nhưng bản thể vẫn nhất như, thì sẽ không còn thấy mâu thuẫn, vì *Luân Hồi chỉ là sự chuyển hóa- the process of transformation relative to one's karmic status*, tùy nghiệp tùy duyên, của chúng tử, soi chiếu nhau như ánh đèn trong vạn vạn tấm gương, sang hình này dạng kia, sang cõi này cõi khác, có khi, trở lại cõi người *tái sinh duyên, như người phải đi học lại, học "đúp", kiểu tú kép tú mền...nặng nợ trần gian*. Trong vòng luân hồi *samsara* ngọn lửa chưa phụt tắt, nó còn le lói, âm ỉ, cho tới khi giải thoát rốt ráo, nhập Niết bàn, mới gọi là tắt ngấm...không còn chuyện còn hay hết nữa. Cũng có thể ví như một bản đại hòa âm vũ trụ, nốt nhạc này trầm xuống, nốt nhạc kia nổi lên, nốt trầm không hẳn là hết, vẫn là nhạc biến hóa sang cung bậc khác mà thôi. *Cho nên súc sinh ngã quỷ chuyển hóa lên*

người, người hóa thành quý, thành cậu chó, hổ biến ra người, trâu bò gà lợn... hóa kiếp thành đồ tể...nàng kiều hết kiếp thành ni cô...v.v..trẻ thơ chết non là hết nghiệp trần gian chuyển qua kiếp khác...tất cả như một tổng thể, những làn sóng trên biển cả, sóng to sóng nhỏ, lồng vào nhau, hóa hiện như riêng mà vẫn chung đại hải.

Vũ trụ tại tâm, thiên lý tại nhân tâm, dung thông giữa Phật, Không, Lão, cũng là sự dung thông giữa cảnh giới, người, vật, tiên, trời, Bụt...hiểu chữ Bụt như một luồng sáng phổ quát khắp mọi vũ trụ, thì búp sen trong ao bùn, hay vũ trụ hoa nghiêm cũng giống nhau: kinh **Hoa Nghiêm** (*hua yen- avatamsaka flower garland sutra*) cho vũ trụ như lớp lớp gió xoáy, tỷ tỷ như bụi đá núi Tu Di đập nát ra, tựa đóa sen, đài sen ở giữa cứng bền như kim cương, hạt sen nằm trong những lỗ đại dương diệu hương thơm ngát, nhiều vô lượng, như những nguyên tử *atoms* không thể mô tả trong vô lượng Bụt trường (*buddha fields*), cõi tịnh độ này, trong *cửu phẩm liên hoa*, chín bậc cao thấp, thượng thiên (1 tỷ cõi), trung thiên (1 triệu cõi) , hạ thiên (1 ngàn cõi), cũng là ngu

ngôn về sinh thành vũ trụ , *mỗi cánh sen là một tỷ thế giới, tức một Tam thiên đại thiên cõi* (*Sutra of the perfect net - Kinh Diệu võng*) và cũng chỉ là một hạt bụi quay vòng xoáy ốc trong vô lượng đám bụi tinh thể khác.

Hiểu Bụt như một lực phổ quát sẽ thấy chuyện Tề Thiên Đại Thánh trong Tây Du Ký toan đi ra ngoài vũ trụ mà rút cuộc vẫn nằm trong bàn tay Bồ tát là hàm chứa thiền quán *Bụt trường thống nhất* vậy. Những thuyết vật lý mới, không gian 4 chiều tới 11 chiều sợi dây vi tử- như dây đàn- khi rung lên sẽ tạo ra nốt nhạc tức là những vi tử nhỏ hơn nguyên tử, gần như không có trọng lực-*massless*, rất giống với lời dạy **lân không**, gần cận với không, của Đức Phật, (*string theory-subatomic particles*), các sợi dây vi tử rung động-*vibrate*- trong không gian và thời gian, rung động làm cong không gian, *gravity & bending of space*, và dây đàn rung lên chính là quang lực, *vibrations & quantum*s...có gắng thống nhất trọng lực với quang lực này lại càng củng cố tư tưởng Hoa Nghiêm, sự sự dung thông, lý lý vô ngại mà thôi.



Dường như tổ tiên Việt Nam, những nhà sư đời Lý, ngàn năm Thăng Long, cũng đã thấu lý Hoa nghiêm vũ trụ. Xứ nghèo chẳng kiến trúc vĩ đại như bên Nam Dương Borobodur với vòng vòng lớp lớp núi Tu di cánh sen đài ngọc theo mô hình Mạn đà la...các vị giản qui vào một cánh sen nhất trụ kinh thiên **chùa Một Cột**, một cột đá nổi lên từ hồ sen đờ Liên Hoa đài (đời Lý Thái Tôn 1049), đài thờ **Quan Âm**..hình dạng chùa phẳng phát một **But trường tâm vũ quán** (cosmopsyoawakening) trong Hoa nghiêm và Diệu Hoa kinh. Công phu giản quy đó phản ảnh sức nhất thiết chủng trí, khả năng tập đại thành viên giác, dẫn vào vũ trụ thống nhất trường, nhẹ nhàng như làn gió trên mặt hồ phẳng phát hương sen. **Tháp Báo Thiên**, với chóp tháp Dao Lợi Thiên, nay đã mất, một trong Tứ khí của đất nước, hẳn

là cột trụ-axis mundi- lên cõi Trời Dao Lợi, vòm tháp stupa thường hình tròn như quả trứng-anda -cosmic egg, nở ra vũ trụ...cho đến Đế Thiên Đế Thích...cũng biểu trưng vũ trụ Bụt trường và có thể đã được kiến trúc theo dạng đồ chòm sao thất tinh giống như các Kim Tự tháp ở Ai cập, ở Trung Mỹ Maya...Biểu tượng OM (trong Om mani padme hum, ngọc quý hoa sen) và Màyà (màn vô minh che mờ tuyệt đối Brahman) đều là những **lực vũ trụ**... Phải chăng nhân loại từ dăm ngàn năm trước đã có một nền văn minh tổng hợp thiên, địa, nhân giới ? Từ phù đồ stupa chuyển sang Viên đồng thành chùa, bảo tháp pagoda, gốc gác từ chữ dagoba của Tích lan, tức nơi chứa xá lợi và xá lợi chính là ngọc quý-mani ?

Thế thì trong Bụt trường thống nhất đó, cái gì là **hoạt lực** đưa đẩy chúng sinh chuyển hóa từ cõi này sang cõi kia, cái gì đẩy toang cửa khiến mọi quốc độ dung thông với nhau? Quốc độ- *field levels*- tùy theo nghiệp nặng hay nhẹ, nặng thì xuống Địa ngục, nhẹ thì vào Cực lạc, 10 độ chính - *nhất tâm cụ thập pháp giới* : Địa ngục, Nga quý, Súc sinh- A tu la,

Người-Trời- Thanh văn- Duyên giác- Cực lạc-Niết Bàn,
kinh qua 9 cửa, cửa chuyển hóa nhờ tu tập sám hối tinh ngộ,
nhân tốt, quả lành, nghiệp nhẹ, giúp chúng sinh đang ở Địa
ngục được lên lớp cao hơn...không bị kẹt mãi ở một quốc
độ...hoạt lực chuyển hóa chính là **NGHIỆP, như một lực
phổ quát- universal energy-chi phối nhất thống trường**.

Điều quan trọng là Nghiệp lực không là lực riêng rẽ ở ngoài
chúng sinh, ở ngoài pháp tướng, nó chính là chúng tử nằm
cùng, tương tức tương tác với chúng sinh mọi quốc độ, nó là
ngọn lửa nhỏ, **Biệt nghiệp**, cộng với ngọn đuốc lớn, **Cộng
nghiệp**, tất cả, $B+C = Bụt trường$, tức bản thể " *thị chư pháp
không tướng, bất sinh bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất
giảm*", đây là nhất thống trường, **nghiệp trường hiểu như
dụng của Bụt trường** bất tăng bất giảm, tăng hay giảm, dơ
hay sạch...chỉ là ý niệm của nhân thể.

Cho nên Bụt trường $P = (B+C) nghiệp \times K (kiếp)$ có thể là
điều pháp thức cho pháp giới vậy.

Einstein và các nhà vật lý học còn kẹt vào tướng, nên không thể thấy nhất thống trường vốn là không tướng bất tăng bất giảm, " *nơi nào có tướng là nơi đó còn có sự lờng gạt* " (*kinh Kim Cương*), tướng là hình sắc hóa hiện như đom đóm mắt, dùng ngũ giác, dùng ý niệm để nắm bắt thì chỉ nắm bắt được cái bóng, như đứa trẻ thơ ngỡ cái bóng trên tường là bố nó trong nhà đêm khuya ánh đèn dầu hắt lên, như người tù trong ẩn dụ hang tối của Platon (*allégorie de la caverne*) chưa ra ánh sáng, chỉ nhìn thấy ảo ảnh... vật lý gia dựa vào sắc mà phát kiến, dựa vào thanh, hương, vị, xúc, vào pháp mà phát ý, trong khi tâm phải *vô sở trụ*, không kẹt vào khái niệm, không vướng vào khung cũ, mới "*nhi sinh kỳ tâm*", mới quán chiếu được, mới đạt tuệ giác sáng tạo, mới nhập vũ trụ thống nhất trường.

THỦY THIÊN DU THÁI

Einstein và nhiều vật lý gia nguyên tử Du thái, xé được hạt nhân, nối được hạt nhân, làm nảy ra lực kinh động không gian, ra bom A, bom H, có lẽ từ khoa huyền bí học

Kabbalah chẳng? cỗ phái Du thái này cũng hình dung vũ trụ như một cái cây, một cái cột, nhất trụ dựng từ đất lên Trời (*one pillar extends from earth to heaven*), thiện nhân thế gian giữ cột vững, dù chỉ một người...Tạo hóa xẻ một phần ánh sáng cho nhân thế, giữ lại 6 phần kia, chỉ có người quán chiếu diệu quang diệu hương ấy, mới đạt đạo (*Light is sown for the righteous, then the worlds will be fragrant, and all will be one. But until the world that is coming arrives, it is stored and hidden away.*), nhất thể *Ein Sof* hiểu như là Thượng đế thăng hoa- *transcendence of God*, là nhất thống, *unified oneness, each of us emerges from Ein Sof and is included in it...*tạo ra vũ trụ, muôn vàn sắc thái, từ luồng sáng vi diệu kia tung tué khắp nơi như thể từ những cái lu vỡ bể ra (*sparks of holiness are scattered throughout the cosmos, as a result of the primordial catastrophe of the breaking of the vessels*), xem ra, chẳng khác *big bang* nổ tung phát khởi đa vũ trụ, mà tinh thần Hoa nghiêm, óc Đông phương, được mang vào bí pháp kinh truyền *Kabbalah* qua đạo sư thi bá Rumi, tông Sufi Hồi giáo quay lộn luân tinh châu nhật, trong những vần diệu âm :

*Trong mỗi thiên hà, ta thấy một hạt nhân
trong mỗi hạt nhân, lại ẩn một thiên thần*
dans chaque sphère céleste, je vois une prunelle
dans chaque prunelle je vois un ange

*Chón ta vô trụ không tên
đất trời là một, nhị biên ta từ*
my place is the placeless, my trace is traceless
I have put duality away, I have seen that the two are one (1)

Những câu thơ trên của thi hào Rumi chẳng khác nghĩa *vi tế
tương dung* trong Ngô Đạo Ca của Thiền sư Khánh Hỷ đời
nhà Lý:

*càn khôn tận thị mao đầu thượng,
nhật nguyệt bao hàm giới tử trung*

tạm dịch :

*càn khôn treo tận đầu lông
trời trăng chứa hạt cải mòng cũng nên*

Tông **Sufi** bắt nguồn ở miền Afghanistan mang dấu ấn Phật

pháp, có lần tràng hạt, có du sĩ...và lạ thay lại đi vào khuynh hướng kỳ bí Kabbalah của Du thái, nếu Phật pháp trong kinh *Vô lượng thọ* có quán tưởng nước (*thủy quán*) và quán ao nước (*bảo trì quán*), thì Kabbalah cũng có phép **thủy thiên**-ngắm nước mà quán chiếu (*Gazing at water developped into a kabbalistic technique of meditation*), một phương pháp tập trung tư tưởng, thiên nước, mà Nostradamus, một truyền nhân Du thái tiên tri, đã dùng để viết ra Sám ký, tk XVI : Nostradamus thường ngồi trước thau nước, im lặng hàng giờ, quán chiếu thể sự thăng trầm hung cát mà viết ra sám .

Nhà Phật cũng nói tới nguyên tử, cũng nói tới vật thể nhỏ nhất, nhỏ tới mức gần như hư không-*lân không*- trong *duy thức học*, thể thì ngay trong cảnh giới hữu vi sang vô vi cũng chẳng có biên giới rõ ràng chi phối bởi " vật lý", từ vật chất bốc lên thành *photon, boson*, quang tử có còn là "vật" nữa đâu...chẳng có công thức hữu vi nào đuổi bắt được tề thiên, chẳng có luật tác hữu hình nào gói được những cơn gió đáy vũ trụ biến ra 32 biến như Quan Âm, cho rằng đầu óc người cũng là một phân đầu óc tạo hóa đi chẳng nữa, thì

cũng phải nhận rằng ta là ngọn đèn dầu lạc, le lói 1/7 ánh sáng của Bụt trường mà thôi ! nhà Phật không nói tới một Thượng đế sáng tạo ra vũ trụ, mà nói tới vô lượng Bụt trong vũ trụ, hàm chứa trong vạn vật, *pantheistic* hơn là *monotheistic* (*Buddhist Cosmo. tr.127*), điều này A. Einstein cũng nói thoáng qua về vô hạn trong hữu hạn : *the infinitely superior spirit that reveals itself in the little that we, with our weak and transitory understanding, can comprehend of reality.*

*

Những dòng lạn bàn trên chỉ là sự mò mẫm trong biển học. Đạo giáo không nhất thiết dựa vào khoa học vật lý hiện đại để củng cố đạo, làm như thế chẳng khác gì mang phân tích ánh sáng đom đóm để chứng minh ánh sáng mặt trời. Nhưng mò mẫm dẫn khởi **lòng tin trong sáng**: không có gì ra khỏi bàn tay Hoa nghiêm Bồ tát, dù vi tử hay tinh đầu, dù vật lý hay tâm lý, dù vô thức hay siêu thức, dù sống hay chết, dù hữu thân hay vô thân...đấy chính là diệu pháp rốt ráo vậy.

Tham Khảo chính :

Buddhist Cosmology- Akira Sadakata- Kōsei, Tokyo- 1997

Nhập Pháp Giới- Lăng Kinh Đại Thừa-Nghiêm Xuân Hồng- Xuân Thu- 1996

Khái luận Triết lý Kinh Hoa nghiêm - Đức Nhuận- Viện Triết lý VN & Triết học Thế giới- 2000.

Our Oriental Heritage- The Story of Civilization- Will Durant - MJF Books 1935

Einstein and Buddha-The Parallel Sayings by Thomas J. McFarlane-Seaston 2002

The Dancing Wu Li Master-An overview of the New Physics by Gary Zukav- Bantam 1979.

The Essential Kabbalah- Daniel C. Matt -Castle Books 1995

Le moine et le philosophe- Le bouddhisme aujourd'hui par J.F. Revel et M. Ricard- Nil ed.1997

Các sách của gs *Trịnh Xuân Thuận*- Bài Nói chuyện về Khoa Học và Phật giáo tại khoá tu 1/6/2012 Làng Mai do Châu Văn thuật trên Diễn Đàn Thế Kỳ 11-7-2012

* Các sách và Websites về *Stephen Hawking* : Brief History of Time, The Big Bang, Origin of the Universe ...

**Khoa Học Phương Tây và Triết Lý Phương Đông*-Kiều Tiên Dũng- Người Việt xb 2016

* Các websites về *Relativity* và *Unified theory của A.Einstein* như của Leiwen Wu, Encarta Encyclopedia...

* Các giải **Nobel Vật Lý 2017** cho Weiss, Barish, Thorne về lớp sóng lần tấn trọng lực bay trong vũ trụ không-thời (fabric of space-time) do hai lỗ đen đụng nhau. (faint ripples of gravitational waves from the collision of two black holes).

Gần đây nhất, các nhà vật lý Hung Gia Lợi (Atomki) tìm ra lực thứ năm, X17 là hạt nối vũ trụ ta thấy với vật chất tối (a particle which connect our visible world with the dark matter), ngoài 4 lực : trọng lực, điện từ lực, lực hạt nhân yếu và lực mạnh (gravity, electromagnetism, the weak nuclear force, the strong force) theo CNN Wire 23/11/2019.

(1)Xem *Hoa Cát Nóng*, dẫn nhập Cổ thi Ả Rập của cùng tác giả, xb 2-2003. Các bản dịch kinh Hoa Nghiêm do các nhà sư từ Ấn và từ xứ A Phú Hãn (như Prajna xứ Kaboul đời Đường) dịch sang Hán văn. A Phú Hãn có nhiều cổ tích Phật (như tượng Phật bị rợ Taliban phá) và là phần đất Ba Tư cổ xưa, cho nên rất có thể các thi nhân Ả Rập, Ba Tư, như Rumi, Hafiz... đã chịu ảnh hưởng Phật giáo.

* Để trình bày, chúng tôi tạm đặt ra một số từ ngữ như :

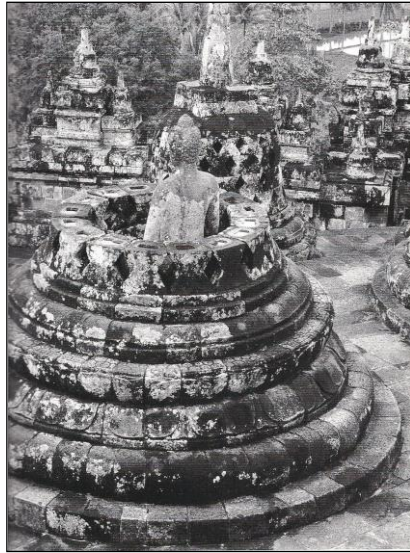
Bụt trường (Buddha field)

Hoạt lực nghiệp chuyển hóa trong các quốc độ (karma as the universal energy for transformation in Buddha field levels)

Tâm Vũ Quán (cosmopsyoawakening)

Điều pháp thức (B+C) Nghiệp x Kiếp, lấy tuệ pháp Phật tri kiến thay cho các tri kiến vật lý như $E=MC^2$ - Tùy nghi ngôn ngữ phương tiện.

(Individual + Collective) Karma X Kalpa = Buddhist field.



Kiến trúc BoroBudur tại Indonesia-tk8-9 mô tả Bụt tính tràn đầy vũ trụ

Từ Vật Lý Lượng Tử *Quantum* tới Lân Không Diệu lý Hoa Nghiêm.

Giải thưởng Nobel Vật Lý 2012 trao cho Serge Haroche và David Wineland về công trình nghiên cứu lượng tử Quantums, đo lường mà không làm hư hoại những hạt vi tử nhỏ nhất của vật chất và ánh sáng (smallest particles of matter and light), thấy sự kỳ diệu như trò chơi tinh quái (strange behavior like parlour trick), cùng lúc mà đặt được một vật vào 2 nơi !

Haroche Nobel 2012 dùng phương pháp quan sát lượng tử qua các tấm gương, ném chúng nảy qua nảy lại (bouncing) để thấy tính cách kỳ lạ của các hạt.

Wineland dùng tia Laser photons xạ điện lên điện tử (ion) để nghiệm chứng trạng thái kỳ diệu của điện tử. Từ đó có thể chế tạo ra đồng hồ chính xác nhất, và máy điện toán mới, cực mạnh và nhanh với một hệ thống lượng tử rất nhỏ (tiny quantum system).

Cả hai phương pháp đã đo lường và xử nghiệm các hạt lượng tử, mà xưa nay tưởng như không thể làm được. Quantum biến hoá kỳ diệu, sắc đỏ mà không đỏ, sắc bất định không...chẳng xa với quán chiếu nhà Phật về diệu lý vạn pháp. Trung Quán Luận từng luận về giả không giả hữu, kinh Kim Cương thuyết rằng vạn hữu “ như mộng huyễn bào ảnh”. Vật lý tiến gần tới Diệu lý chăng ?

Tới năm 2017, các nhà vật lý được giải Nobel, Weiss, Barish, Thorne, đã tìm ra được các gợn sóng trọng lực (ripples of gravitational waves) rất mờ nhạt trong vũ trụ, do hai lỗ đen đụng nhau tạo ra cả tỷ tỷ năm ánh sáng trước. Như vậy Einstein đã nhìn ra cả thế kỷ trước gợn sóng không-thời (space-time) đó, vũ trụ cong lại do trọng lực lớn, nhưng ông cho rằng không thể đo lường được. Nay với kỹ thuật mới, interferometer, làm ra từ 1970, đã chứng minh đo đạc được.

* **Cơ học Lượng tử** do Max Plank, Niels Bohr, Heisenberg... đề ra đầu thế kỷ XX-theo đó lượng tử vừa là hạt vừa là sóng (*particle và wave*), năng lượng như vậy không liên tục (*continuous*), bất định, không thể một lúc biết được vị trí và khoảnh khắc của hạt (*position and momentum of particle*). Vật lý Lượng tử dùng xác suất thăm định trạng thái kỳ diệu của hạt và sóng, tương tức tương tác, biến đổi trong thời gian. A.Eisntein lúc đầu khám phá ra điện quang tử (*photoelectric*) dẫn tới quang tử (*photon*) là bước khai phá của Vật lý Lượng Tử, nhưng sau ông bất đồng với Vật lý lượng tử, không thích tính bất định, bất trắc của lượng tử, không ưa ngẫu nhiên và xác suất, cho rằng Tạo Hoá không chơi trò xúc sắc ! và không gì có thể nhanh hơn vận tốc ánh sáng ! (hiện nay vật lý lượng tử cho thấy hai photons từ một nguyên tử văng ra, xoay-spins-tương tác với nhau dù xa nhau đến đâu, nhanh hơn cả ánh sáng !).

Trong Duy Thức học Phật giáo và trong Kinh A Di Đà, Lăng Nghiêm, Hoa Nghiêm, **Hằng Chuyển** là quy luật của vạn pháp, vừa thường hằng vừa biến hoá, vừa là hạt vừa là sóng,

chỉ là trạng thái thay đổi trong từng sát na. “ *hạt bụi trần lân không vì chia mà thành hư không, thì phải biết hư không cũng có thể sinh ra hạt bụi gần như hư không, mà thành lại sắc tướng*”. Tính cách phi nhất phi di-không phải là cái ấy, cũng không phải là cái khác, đúng với quan sát lượng tử hiện đại.

Qua Kinh Phật và Vật Lý Lượng tử đương đại, ta thấy triết lý Duy Vật tk 19 đã sai lầm từ căn bản. Chưa biết rõ Vật là gì, mà đã vội kết luận là Duy ! Nếu cho nguyên tử là hạt vật chất cơ bản thì các điện tử linh hoạt, biến thái sang quang tử, khi đó nó chẳng còn là vật chất ù lì nữa, nó đã chuyển hoá sang thế giới phi vật chất rồi.



BÓNG BỤT

trong Thơ Văn Việt Nam & Quốc Tế



Tượng Đường Tăng

ẢNH HƯỞNG PHẬT GIÁO

TRONG CỔ THI VÙNG TRUNG ĐÔNG

Trong lịch sử Phật giáo Việt Nam, nhà sư Tỳ Ni Đa Lưu Chi- Vinitaruci- là người Ấn gốc Ba Tư, sang hoàng pháp tại vùng Phật địa Luy Lâu, từ thế kỷ thứ VI năm 580, cho tới thế hệ thiên phái Tỳ Ni thứ X, vẫn còn thấy có thiên

su Mahamaya gốc Ấn (mất năm 1029 đời nhà Lý) cùng với su La quý An, Pháp Thuận...ở chùa Pháp Vân, như thế các cao tăng từ đất Ấn (như tổ Bồ đề Đạt ma) đã sang đất Chiêm, Tầu, Việt từ lâu và rất có thể từ đời Hùng Vương qua truyện Chử Đồng Tử gặp nhà sư Pháp Quang ở ngoài biên Đông, sư tổng trì cả Phật lẫn Bà La Môn, đã giúp Chử Đồng Tử đắc đạo và truyền cả phép thần thông.

Những thế kỷ đầu, VI- X, khôi Ấn và A phú Hãn, Ba Tư gần gũi mật thiết, cho tới khi Hồi giáo phát triển mạnh, từ thế kỷ X- XII, thì mới thấy phân biệt, điều chắc chắn là triều đại vua Asoka Phật giáo phát huy rất rộng cả một vùng Hy Mã Lạp Sơn, nên ảnh hưởng kinh sách Phật lan vào cả tín ngưỡng văn hóa bình dân khắp vùng, tỷ như truyện Nghìn Lẻ Một Đêm của Ả Rập chứa rất nhiều truyện của kinh Bách Dụ, (tỷ dụ Người Mù Sờ Voi), những thi hào Ba Tư như Omar Khayyam, Hafiz, Rumi...đều theo tông phái Sufi là tông phái cởi mở của Hồi giáo và chất chứa nhiều tư tưởng dung hợp với Phật giáo, nếu không muốn nói là thoát thai từ Phật giáo. Cũng phải ghi nhận thêm ở đây là quân Mông Cổ

chiếm thành Baghdad xứ Iraq vào năm 1258 (cùng thời Trần bên ta), đốt cháy hết sách vở, và Mông Cổ có thể đã mang theo cả Phật giáo vào Trung đông...xin tôn nghi.

Chúng tôi trích lược sau đây một số bài thơ đậm màu Phật pháp của vùng này.

Thơ HAFIZ 1320- 1390

*Ai nghe được điệu âm Bụt
nếu giữa cẳng chân mồm chó sủa vang?
ai nghe được điệu ca Bụt
nếu giữa hàng
con vện ngóng lên ngóng xuống bắt an?*

*(sáng tác theo ý: khó khăn khi giảng đạo pháp cho đệ tử trẻ tuổi-
bản D.Lavinsky-LVV)*

Who can hear the Buddha sing
If that dog between your legs is barking?

Hiền Như Bụt @ Hạ Long Bụt Sĩ

Who can hear the Buddha sing
If that canine between your thighs
still wants to do circus...

*Sợi tơ nhện giăng trên tám diệp đồ Mạn Đà La
một con thạch sùng, một chú nhện sa
ôm nhau vui đùa nhảy múa
tôi ngồi ngắm hai chúng sinh quay lộn
bám một sợi mong manh treo tám Mạn đà la
rồi cả hai rơi xuống sàn nhà
như một ngày rơi chính tám thân ta!*

The spider and the lizard
Grabbed hold of each other' mouth
because of love
...Though I watch for a while,
As God might,
Their holy dance
Spinning
from one thread that hung
from the silk

Hiền Như Bụt @ Hạ Long Bụt Sĩ

Mandala

I watched until they fell,
as our own bodies someday will.....

(translated by D. Ladinsky)

*Vào Chùa cởi dép cởi giày
cởi danh cởi vị bỏ ngoài lo âu
trút tham trút hận trút sầu
nhẹ chân nhẹ bước nhẹ đầu nhẹ thân*

(sáng tác theo ý bài Removing the Shoe from the Temple- bản Lavinsky)



Trong Chùa Dầu

Thơ RUMI 1201- 1273

Tông phái Sufi là tất cả nguồn cảm hứng của thi hào Rumi và gia đình ông. Vì theo đạo Sufi nên cha ông bị phái Hồi giáo chính thống đuổi ra khỏi quê hương Balkh (nay thuộc Afghanistan, gần Majar e Sharif một căn cứ của rợ Taliban trong chiến trận 2001), cả gia đình phải di cư sang mãi Konya, thuộc Thổ Nhĩ Kỳ (cũng có tài liệu cho rằng gia đình ông phải chạy vì quân Mông Cổ xâm lăng). Rumi sống ở đây, thay cha giảng đạo và chết ở đây năm 1273.

Một tâm hồn thơ như Rumi tất không thể gò bó trong giáo điều chật hẹp, ông tìm thấy trong môn phái Sufi những nét nhân bản tâm linh, huyền diệu và thanh khiết. Môn phái Sufi chống lại giáo điều duy lý, đề cao thể hiện cá nhân như là pháp môn nối kết với Thượng đế. Sufi tập sống khổ hạnh, từ bỏ thế tục để hòa điệu với siêu nhiên. Trong Sufi có những dấu ấn của truyền thống *Zarathushtra* thờ lửa xứ Ba Tư, của Kytô giáo, của triết lý Vệ đà Ấn Độ... và nhất là của Phật giáo, cũng có các du sĩ như Phật giáo, cũng lần tràng hạt,

cũng có tu viện để tập thiền (*meditation*), tông linh qua thánh lễ, thánh ca và nhất là múa thánh: các tín hữu múa luân vũ quanh tôn sư theo thể *Luân tinh châu nhật*, múa tới lúc hôn xác nhất thể thăng hoa nhập một với thánh thể. Đây chính là cơn say sưa của tâm hồn, cơn lên đồng của thân xác.

BÁT LẬP VẤN TỰ...

*Có chữ nào đặt ra mà không ám chỉ một cái gì không?
Có bao giờ bạn ngắt, bạn cảm được một đóa hồng
từ chữ H,Ồ,N,G, không?
Khi nói chỉ là nói cái TÊN rỗng,
bây giờ thử tìm Thực chất cái được đặt tên,
Nhìn thẳng lên mặt trăng, chớ tìm trăng đáy nước
ước lệ ngôn từ màu mè ám ảnh
muốn giải thoát cái đầu
hãy xổ xuống một nét
vô ngã, không chữ không vần
linh quang trụ điểm sáng ngời
tỏa lương tri Thánh nhân không cần sách cần lời.*

THE NAME

Do you know a word that doesn't refer to some thing?
Have you ever picked and held a rose from R,O,S,E?
You say the NAME. Try now to find the reality it names.
Look at the moon in the sky, not the one in the lake.
If you want to be free of your obsession with word
and beautiful lettering, make one stroke down.
There's no self, no characteristics,
but a bright center where you have the knowledge
the Prophet have, without books or interpreter.

trans. by Nicholson in *Mystics of Islam*

(phải chăng Rumi khi sống ở vùng A Phú Hãn đã hấp thụ kinh kệ Phật , vượt thoát ngôn từ, vô chấp của Kim Cương, Bát Nhã ?).

(trích lược từ tập HOA CÁT NÓNG, tuyển dịch 214 bài cổ thi giới thiệu hơn 30 thi sĩ Ả Rập, Ba Tư...từ thời tiền Hồi giáo tới tk XIV, cùng tác giả, xb năm 2003)

Thơ ÁN HỒI tk XVI

Bài thơ sau đây chứa đầy thiên vị, phải chăng vì Hồi giáo ở
Án mọc trên đất Yoga và Phật?

*Cần chi phải dạo vườn hoa
bản tâm cây lá trong ta mọc đầy
cánh sen an trụ tọa đài
Vạn xuân tuyệt mỹ búp tay vẹn toàn.*

Do not go to the garden
O brother do not go there
In thy self is the garden
Take thy seat on the petals
of the lotus, and then behold
The Eternal beauty,

Thơ Kabir- A. Ghani dịch Anh ngữ

THƠ THIỀN XỨ ANH ĐÀO

RYÒKAN

1758- 1831

Thiền sư kiêm họa sư, sinh ở miền tây bắc Nhật, tỉnh *Echigo* (tên mới: *Niigata*). Pháp danh Ryòkan mang nghĩa độ lượng, còn tự xưng là Đại Ngu để nhớ thời trẻ dân làng gọi ông là người vô dụng, mơ màng trên mây (*hiru-andon*).

Ông theo học thiền sư Kokusen cả mười năm, lên Kyoto một lần để mai táng người cha chết đuối ở sông Katsura, rồi lại trở về quê nhà, sống với chùa chiền quanh vùng, mãi tới năm 1804 (ngang thời vua Gia Long bên ta) mới chọn một túp lều trên triền núi Kugami ẩn dật tu tập, khi già, không leo núi được ông về đền Thần đạo Otogo dưới chân núi trú ngụ. Ngài Đại Ngu mất năm 1831, thọ 73 tuổi.

Ông sống đời khất sĩ, thích chơi đùa với trẻ con, khi đá cầu, khi chạy đuổi, khi giả vờ chết cho trẻ con lấy lá khô phủ liệm lên người !

Ông được một đệ tử, Saichi, hiểu thấu dòng Thiền của ông, nhưng tiếc thay lại mất sớm từ năm 1807, ông rất thương tiếc và có làm thơ tán thán. Năm ông 68 tuổi ông được một ni cô trẻ mến mộ, kém ông cả 40 tuổi, làm bạn thơ

vong niên, ni cô Teishi (1798- 1872) thường thăm viếng ông trong những năm cuối đời, thu thập thi văn Ryòkan và truyền lại trong tập *Srong Sen (Hachisu no tsuyu- Lotus Dew)* năm 1835. Ông làm khoảng 1400 bài thơ tiếng Nhật *waha* và trên 450 bài thơ chữ Hán *kanshi*. Ông cũng làm thơ thể *Hài cú*, bài nổi tiếng nhất :

*Lá pho mặt trước, mặt sau
Thu về hai mặt
cùng nhau rụng rời!*

***Ura wo mise
omote wo misete
chiru momiji***

*Showing their faces
showing their back sides
the autumn leaves fall*
(trans. by B. Watson)

**Nói năng bàn chuyện ích gì
khi lòng chỉ muốn quên đi sự đời ?**

*Tôi mang bình bát, xin ăn
trùng trùng cúc nở
mênh mang núi rừng
Hạt sương đầu cỏ lạnh lòng
phải chăng nước mắt cơn trùng đêm qua ?*

**Ôi ! giá tay áo này đủ rộng
chứa chúng sinh thiên hạ đại đồng**

**Ba nghìn thế giới phô màn tuyết
tuyết rơi trong thế giới ba ngàn !**

Cát mà ăn
xé mà ăn
đâm mà ăn
để rồi trong miệng ăn năn miếng mồi

**Chẳng buồn nhập cuộc với người
vì ta thỏa thích vui chơi một mình**

**Trời trăng lời cuối nói gì ?
- Nói ta niệm Phật từ bi Di Đà**

Thơ RYÒKAN chữ Hán, thường là trường thi, hay Đường luật thất ngôn bát cú, chúng tôi trích lược một số câu, từ các bản Anh, Pháp ngữ, và phóng tác như sau :

**Tay mang bình bát hành thiên
trẻ con với lão sư điên đá cầu
cầm cây gậy trúc như đầu :
bụng ta đang rộng chân đâu chơi đùa !**

**Tay mang y bát qua cầu
ao thu mây trắng nghênh đầu vịt bơi
xanh xanh tơ liễu nắng rơi
khói thơm bếp đất chín hơi cơm vừa
giàu sang ngàn đụn cũng thua
thảnh thơi khát sĩ chẳng đua tranh đời.**

*Đi tu khoác áo nâu sồng
làm gì cho hết ngày trong nắng tà ?
rửa chân, chọn mỏm núi xa
đốt hương quán chiếu mái nhà trăng lên*

**Cuộn kinh cuộn lại, gục đầu
mơ màng vào giấc nhiệm màu Hoa nghiêm
gần xa ì ộp nổi niềm
lặng ương mờ tỏ dưới đèn chếp kinh.**

*Ngoài kia tuyết trắng ngợp trời
cổ thi ta lật tìm người đời xưa
củi khô lách tách, gió lùa,
tưởng tìm ai vỡ giữa mùa tuyết bay*

**Xuống đời, ngồi dưới rặng thông
nghe chim hót giữa mệnh mông xuân về
Thuở xưa bỏ mẹ bỏ cha
những mơ gấm thét, hồ già hùm beo
nào hay chưa được thành mèo
trước sau vẫn bé tí teo phận mình !**

**Ba vóc còm
một bó củi
hỏi làm chi
đốn ngộ hay không !
lợi danh được mất : bụi hồng
lều tranh chân duỗi, chập chùng mưa đêm !**

*Nhỏ râu, nhớ thuở tóc xanh
củi khô ta đốt năm canh sưởi lòng.*

*Từ ngày rời mái chùa cong
ta con ngựa biếng, long nhong dưới trời*

**Một cây gậy cũ tổ truyền
xác xơ trơ vỏ còn tuyền ruột khô
lúc chọc nước
lúc chống non
giờ đây dựng xó mỗi mòn tháng năm**

*Ba ngàn kinh sách lâu lâu
chẳng bằng một tiếng vang sâu đáy lòng
dẫu cho thi phú ròn ròn
chẳng bằng một chữ khắc trong tim này.*

**Định đi về Đông
đẩy xe về Tây
Đạo nào mới đạt, ngày nào đến nơi ?**

**Bụt tại tâm, giữa lòng người
hương đi là Thiện chẳng rời thế gian.**

*Kinh nào chẳng cứu độ người
cành nào chẳng đón xuân tươi nắng hồng ?
vị là kinh sách chất chồng
vắt tay biên giới Có, Không, chỗ nào ?*

THƠ ĐỀ TRÊN BỨC HỌA ĐÀU LÂU

**Hỏi ai là mẹ ông Trời ?
hỏi ai tặng tổ loài người đẻ ra ?
ta mang đi hỏi cụ già
cụ ông nhăn mặt, cụ bà nguýt ngoa
viết trên miếng bánh tằm quà
trẻ con không nhặt, chó tha giữa đường
tử sinh, hai chữ khô xương
đầu lâu cũng học nữa phường phàm phu !**

**ba phương tám cõi phù du
chuông ngân vách núi trắng lu kinh thành.**

*Gọt đầu xuống tóc đi tu
sân chùa quét lá, đạo Từ nhập tâm
bây giờ
nhân thế ân cần
đi đâu cũng hỏi đạo gần đạo xa*

*đạo nào
cũng chẳng có ta. !*

VÀNG NGỌC THỎ

theo Kinh Bản-Sanh-Jataka – chép trong tập Konjaku monogatari (1100), kể chuyện các kiếp luân hồi của Đức Phật.

**Một khi
một cáo
một thỏ con
chơi đùa thân thiết khắp núi non
Ngọc Hoàng giả dạng ông hành khất
chống gậy vào rừng
thử lòng son . . .**

**khí kia hái hạt dăng già đói
cáo rình khe suối bắt cá tươi
riêng thỏ con kia không quạ lễ
nhờ khí bẻ cây, cáo đốt cành**

**lửa cháy bùng bùng trên đàn hỏa
thỏ thiêu thân, dăng xác cúng đường !**

**Ngọc hoàng cảm động liền hóa phép
mang thỏ con lên đặt cung Hằng**

**Chúng sinh ba cõi ba nghiệp dĩ
Cổng thiên ngắm mãi một vàng trắng !**

BASHO

Văn học sử Nhật Bản xưng tụng Basho là đệ nhất thi hào thơ hài cú, cùng với ba vị khác sau ông là Buson, Issa, Shiki. Tuy cùng thời Genroku, văn học thành thị, giới trung lưu phát đạt, nhưng Basho lại thuộc khuynh hướng cổ điển gìn giữ truyền thống xưa, tách khỏi Soin (1605-1682), người theo thi phái *haikai* Moritake (1473-1549).

Basho đưa thơ hài cú vào tinh túy của cõi Thiên sáng tạo : "*Muốn biết cây thông phải tới với cây thông, muốn biết cây tre hãy tới với cây tre...muốn thế phải từ bỏ chấp ngã...hòa mình vào sự vật, nhập sâu vào sự vật thì sẽ thấy lóe ra những gì ẩn tàng...bút pháp có khéo đến đâu mà tình cảm không tự nhiên (nghĩa là còn tách biệt cái tôi với sự vật) thì thơ chẳng thể gọi là thơ, chỉ là thơ giả hiệu chấp ngã mà thôi...bất luận bạn thích muốn điều gì thì cũng phải hết lòng mới hoàn thành được*".

Basho nâng thơ hài cú lên cõi cao thượng thiên tâm "*the way of elegance-fuga-no-michi*", ông tin rằng thơ là con đường giác ngộ, thơ là **thi đạo-kado**, là lối sống giác ngộ, ngộ mà vẫn trở về với thế tục như đóa sen giữa bùn lầy, ông khuyên "*Đừng theo gót người xưa, mà hãy đi tìm những gì người xưa tìm kiếm*".

**Ước gì lấy hạt sương rơi
Rửa đi bào ảnh cõi đời phù du**

**Chuông chùa đã lắng đi rồi
Ngàn hoa ngan ngát bồi hồi ngân nga**

BUSON 1715-1783

Một con bướm bám chuông chùa ngủ say.

ISSA 1763-1827 Issa nghĩa là *nhà sư tách trà chùa hài cú- priest cup of tea of haiku temple.*

**Thế gian bào ảnh hơi sương
Hơi sương ấy thế mà thường khổ đau !**

**Lắng nghe : tất cả những gì đang bò đang leo
Đều là hồi chuông vô thường.**

*Nơi nào có người ngợm
Nơi ấy có ruồi bay
Và có niệm Phật ăn chay.*

**Niết bàn
Ngoài hoa ngoài lá
Ngoài tiền bạc xa hoa.**

Mãi chơi dạo bước vườn hoa
Chớ quên địa ngục cả toà dưới chân

**Thế gian mong manh hạt sương
Trong mỗi hạt sương
Lại chứa một đấu trường**

Đừng giết ruồi bay
Tội nghiệp
Nó đang chấp tay
Lạy van !

Châu chấu
Dơ cẳng
Đánh chuông.

**Con đom đóm cực lớn
Bay đó bay đây
Bay đây bay đó
Rồi bay mất.**

SHINKICHI TAKAHASHI

1901-1987

Ông làm thơ Thiên, " không bao giờ có ý làm thơ khó khăn" (...*I never consciously make poems difficult.*), và trong tập thi tuyển *Afterimages-Hậu Ảnh*- ông noi theo gương Bồ Đề Đạt Ma, và Lục Tổ, " *bất lập văn tự*", cảm thấy ngưng

khi viết thơ và xuất bản thơ, chẳng qua vì chí hoàng đạo, muốn đem thơ Thiên sang ngôn ngữ Tây phương, vì tin rằng “*Phật pháp sẽ truyền đi khắp thế giới cho tới ngày chôn xương khô chính mình dưới rặng Hy Mã*” (*..It is my belief that Buddhism will travel round the world till it will bury its old bones in the ridges of Himalayas*).

*Củ lửa reo lách tách:
bạch tôn sư
trả xác già từ*

***Lộn tròn mắt trắng nhìn mây
thế gian đã khuất trời đầy bóng chim***
(*dịch theo hứng*)

Vỏ sò vỏ hén
trùng dương
năm nghe sóng vỗ
vô thường
vạn năm

**Ba nghìn thế giới
rung rinh trên một cánh đào
hương thơm
đến tận trời cao.**

DOGEN

1200- 1253

Dogen Zenji Sama sáng lập tông phái Thiền Soto Zen Shu, là tông phái lớn nhất của Nhật hiện tại, với 7 triệu môn đồ, 15644 thiền viện, 15734 thiền sư. Dòng dõi quý tộc, cha là phó Tể tướng, mẹ là con Tể tướng, cả cha lẫn mẹ đều mất sớm nên ông từ nhỏ cảm được lẽ vô thường và quy y từ năm 13 tuổi. Ông sang Tàu học hỏi với thiền sư Noyji Zenji, mãi tới năm 1227, đúng 27 tuổi, ông được thầy truyền tâm ấn và trở về Nhật hoàng pháp.

Dogen nghiêng về tiệm ngộ, rũ sạch ý niệm, tâm trí giải thoát- *shikan-taza*- quán chiếu như thể đứng trước cái chết. Thiền Soto dạy : *Học đạo là học cái Ngã, học cái Ngã là học quên cái Ngã, quên cái Ngã tất được giác ngộ bởi vạn pháp, muốn được vạn pháp giác ngộ thì phải phá chấp, xóa bỏ biên giới giữa mình và vạn pháp.*

*Mây kia lờ lững đợi chờ
mộng du bao kẻ bơ vơ trở về
đêm nằm thức giấc tỉnh mê
chỉ nghe mưa nặng dầm dề Chùa Dâu*

(Phóng tác)

**Bơi đi bơi lại không ai dắt
vịt bơi chẳng vết tích mặt ao**

Thế gian?
- *mấy giọt trắng rơi
mở cò!*

*

VÀI DÒNG VỀ Thơ Thiền

Thơ là công nghệ vào Thiền, Thiền là bờ bến của Thơ, chẳng thể đạt thơ nếu thiếu đôi cánh sáng tạo Thiền, và khó hành Thiền nếu thiếu tiếng sáo thơ. Thơ Thiền là cách *định* và *quán* thông thả, giản dị, và dễ dàng. Thơ Thiền do các nhà sư Tàu, Việt, hay Nhật...viết bằng Hán văn có ưu điểm cô đọng súc tích, nhưng cũng dễ lọt vào bẫy từ ngữ Phật triết, chưa chắc đã phóng thoát bằng thơ nôm na bình dị, không vướng mắc tri thức ý niệm.

Thơ chữ Hán của các thiền sư Việt đời Lý -Trần cũng tuyệt tác, nếu trích ra đôi câu thì cũng chẳng khác thơ thiền hài cú :

*Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận
Đình tiền tạc dạ nhất chi mai*
(sư Mãn Giác đời Lý)

*Đình tường xuân tàn hoa rụng hết
Đêm qua sân trước, một cành mai*
(Ngô Tất Tố dịch)

*Spring ending, flowers falling,
yet, one white plum blossom remained
last night. (LVV dịch)*

hay câu:

*Càn khôn tận thị mao đầu thượng
Nhật nguyệt bao hàm giới tử trung*
(sư Khánh Hỷ đời Lý)

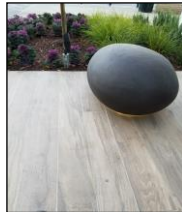
*Càn khôn chứa gọn đầu lông
Trời trăng thu hạt cải mòng nhỏ noi*
(LVV dịch)

The univers could be contained within a hair point
The sun and the moon, fit in one mustard seed.

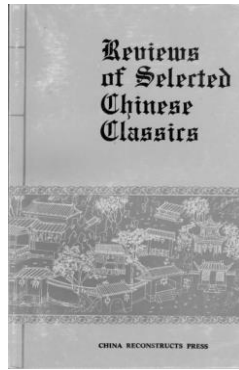
Riêng một bài thơ Thiên chúng tôi đọc hơn 40 năm nay, trên nhật báo ở Sài Gòn, thật tuyệt tác, nhưng không tìm thấy trong các bản dịch Anh hay Pháp ngữ nào mà chúng tôi được biết :

***Nhà sư già
đi trong rừng thông
một con bướm ngủ
trên đầu cây gậy trúc.***

Đọc thơ Thiền là một cách định tâm tĩnh độ, quán chiếu đủ nhân tình thế thái lẫn huyền âm diệu nghĩa, chẳng khác tụng kinh hay tọa thiền. Với thơ Thiền, hành giả có thể dùng như phương tiện nhập Pháp giới hoặc như trăm bước thiền hành leo dốc Yên Tử Hương Tích.



BÚT PHÁ CHẤP của BỒ TÙNG LINH trong *LIÊU TRAI CHÍ DỊ*



Theo tài liệu Trung Hoa “*Reviews of Selected Chinese Classics*” (Tuyển luận các tác phẩm cổ điển Trung Hoa-nhiều tác giả -do China Reconstructs Press xb 1988 Bắc Kinh) thì Liêu Trai Chí Dị in lần đầu năm 1766, tái bản lần nào cũng hết, ngay trước khi họ Bồ mất (1640-1715), nhiều bản chép tay đã lưu truyền rộng rãi, hiện nay trên thế giới có tới hơn 30 nước dịch tác phẩm kỳ bút này kể cả Nga, Tiệp

Khắc...Tài liệu trên cho Bò Tùng Linh chi đậu đầu ở cấp huyện năm 19 tuổi (Tú Tài-*xiucaí*), suốt 30 năm sau (tức cỡ 50 tuổi) tiếp tục đi thi hương nhưng đều hỏng, tài liệu khác lại ghi năm 71 tuổi ông còn đi thi lần chót và đậu cống sinh (cử nhân). Thiết nghĩ một người như họ Bò, cốt cách văn nhân thiên sư, chẳng ưa nơi quyền quý, từng từ chối lời mời diện kiến quan Tư khấu Tiến sĩ Vương Sĩ Trinh, chẳng lẽ gần chết thất thập cổ lai hi còn vương nợ khoa danh !?

Trong 30 năm sáng tác, Bò Tùng Linh đã viết 1300 bài thơ, 500 bài văn, 3 bản tuồng và vài bài hát loại dân ca, riêng danh tác *Liêu Trai* gồm 8 tập chứa gần 500 truyện dài ngắn. Thời của Bò Tùng Linh (1640- 1715) bên Tàu là cuối Minh đầu Thanh, bên ta là khoảng Lê Trịnh -Nguyễn phân tranh.

Hai chữ *Liêu Trai*, bản tiếng Anh của Giles, 1916, dịch là “ *Strange Tales from a Chinese Studio*”, bản khác dịch : *History of Ghosts and Fox Fairies*-truyện ma và hồ ly, hay *Selected Tales of Liaozhai*- Chữ *Liêu* có nghĩa như tạm bợ, tạm dùng, *Trai* như trai phòng, *tạm gọi là phòng...* trong

bài *Tự Tự Bồ Tùng Linh* có dùng hai chữ *tiêu trai* (*căn phòng hiu hắt*), Giles dịch là *studio* e không đủ nghĩa, hoặc dịch là *conversation studio* cũng không hẳn thoát ý chữ *liêu*, có lẽ dịch là *Strange Tales from a temporary corner...Chuyện kỳ dị viết từ góc nhà tạm bợ* có thể gần với cảnh sống nghèo nàn “*nhà không phen vách, cỏ mọc um tùm gai góc*” của cư sĩ họ Bồ hơn!

Liêu Trai Chí Dị, cùng các đại tác phẩm khác của Trung Hoa như Tam Quốc Chí, Đông Châu, Thủy Hử, Tây Du Ký...có phần sáng tác tập thể qua sự đóng góp dần dần của đại chúng, tác giả gom lại rồi viết xuống...lối viết của họ Bồ thật phóng khoáng : *ông giải chiếu giữa chợ pha trà mời khách thập phương ngồi lại nói chuyện, chuyện nào ly kỳ ông ghi chép rồi thuật lại, chẳng đặt vấn đề đáng tin hay không...vì mục đích của ông không phải là viết sử hay tả chân, ngòi bút của ông hư hư thực thực, tìm một cái bóng dù bóng ma hay bóng tiên để phóng một nét trùm lên cõi tục, bốc cao cõi thế lên thiên đình, đào sâu cô phẫn xuống u minh*

âm ti...chắc hẳn trầm ngâm trong trai phòng cô liêu, ông đã quán nhân tình thế thái, ra vào trời đất mờ ma xem cuộc hí trường ba cõi, có bày biện vào đó một lũ ma, quỷ, hồ ly, tiên, thần...nhạc ếch, gái chồn, thần hoa..thì tất cả cũng là chúng sinh loanh quanh tạm bợ như bóng đèn kéo quân bình đẳng trong lăng kính tam thiên đại thiên thế giới mà thôi.

Tây Du Ký , viết trước Liêu Trai Chí Dị khoảng 100 năm (do *Wu Cheng'en* Ngô Thừa Ân 1500- 1582 tk16 đời Minh) , ảnh hưởng khá đậm trên tâm tưởng Bồ Tùng Linh : trong Liêu Trai có truyện Tề Thiên Đại Thánh Tôn Ngộ Không biểu dương pháp lực cho hai anh em Hứa Minh Hứa Thành, bọn yêu tinh ma quái trên đường thỉnh kinh từ Tây Du Ký cũng tái xuất vất vẻo trên bút mực Bồ Tùng Linh, Tây Du có khi, heo, yêu, ma, thì Liêu Trai cũng đầy dẫy hồ ly yêu quái cáo chồn, tiên, thần, lại thêm cả vô lượng ếch, dế, bướm,..nào *sâu hất hơi*, nào *cá yêu tinh*...tất cả mọi chúng sinh sống chung, dung thông trong cõi tâm, mà chỉ ngòi bút đạt đạo phá chấp mới có thể tổng hợp vào một bức tranh

mênh mông kỳ diệu như vậy. Trong thiền phòng, cư sĩ họ Bồ hẩn đã gần đạt tới mức thiên nhĩ thiên nhãn, nên mới nhìn thấy nghiệp dĩ của một cô gái chết yêu, nghe được tiếng côn trùng thở than, chiêu cảm hóa thân của một chú bé vào con đé, vạn hữu biến hóa tới đâu thì cũng chỉ là *vạn pháp duy tâm tạo*, ngòi bút linh diệu như chiếu yêu kính tề thiên, rọi sáng mọi dạng thức, nắm bắt như bàn tay diệu pháp Quan Âm, hạt cát hay quả núi, cũng chỉ loay hoay trên một ngọn bút lông nhất quán !

Đặc tính sáng tạo chính là tài năng mở rộng cõi thế gian tới vô biên, phá tung biên cương giữa các cõi, các quốc độ, *địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, ma, người, trời, tiên, Bụt...* giải thoát tâm tưởng khỏi màn vô minh hẹp hòi biên kiến sắc sắc không không...sức hấp dẫn của tuyệt bút Tây Du, Liêu Trai là ở chỗ đó, như chìa khóa thần đưa độc giả vào thăm chùng chùng thế giới mới lạ dị kỳ, mở toang 84000 cánh cửa ngục tù, càng vào sâu càng thấy cuộc sống dài ra, rộng ra, sâu thêm, cao thêm...tới mức thân tâm du khách chuyển hóa như được nghe

kinh mật tông, vụt tỉnh ngộ thấy thế gian chật chội như túp lều tranh, và cuộc đời đang chán ngấy bỗng thăng lên cuộc hành trình diệu kỳ, siêu thời gian, đa vũ trụ, bát ngát chín cõi mười phương!

Giữa cõi “ nửa người nửa ngợm nửa đười ươi” chẳng gặp gỡ nơi đâu một nhịp cầu Bích Câu Kỳ Ngộ, thì ít ra từ túi hồ lô Liêu Trai vẫn còn khúc khích vài giọng cười ma nữ, dựng tóc gáy, mát lạnh da, toát mồ hôi, đưa đẩy đạo trường.
9-2002

BAT

1-Nếu thi sĩ Vũ Hoàng Chương, di cư từ Bắc vào Nam 1954, mất hết thời vàng son ở Hà Thành, thì dịch giả Đàm Quang Hưng, khi ra hải ngoại, cũng không khỏi chán chường kiếp nhân sinh, cho nên có lẽ cả hai đều tìm thấy trong Liêu Trai Chí Dị một thế giới ảo tạm thay cho thế gian thực. Vũ Hoàng Chương có bài dịch đề từ Vương Sĩ Trinh từ 1955, còn họ Đàm ngời dịch trọn bộ Liêu Trai. Ông từng giảng: Liêu là tạm bợ, tạm gọi là phòng, tạm gọi thôi chứ không ra cái phòng...

*Bốn câu đề từ của họ Vương đã được dịch sang quốc ngữ, bản của
Tản Đà, 1938, lưu loát dễ đọc nhất :*

***Nói láo mà chơi, nghe láo chơi
Giàn dưa lún phún hạt mưa rơi
Chuyện đời đã chán, không buồn nhắc
Thơ thần nghe ma kể mấy lời.***

Thế gian nhiều ma, nhưng bây giờ trên cõi khác, bậc văn tài cao nhân hẳn được vào cõi Tiên cõi Bụt, nghe kinh chứ không phải nghe vọng ngôn, vọng số, vọng niệm nữa. Chúng tôi phóng dịch sau đây, như một nén hương gửi người kỳ dị họ Vũ họ Đàm:

***Nói đùa nghe bậy, chuyện nông thoi
Cô vọng ngôn chi cô thánh chi
Giàn dưa giàn đậu hạt mưa rơi
Đậu bằng qua giá vũ như ti
Tiếng người nói mãi, tai nhảm chán
Liệu ưng yếm tác nhân gian ngữ
Mồ thu nghe quỷ đọc thơ chơi !
Ái thánh thu phần quỷ xướng thi!***



bản dịch Đàm Quang Hưng

- 2- Trong kho tàng truyện kỳ dị của Văn Học VN, như Truyện Kỳ Mạn Lục của Nguyễn Dữ tk16, Tang Thương Ngẫu Lục của Phạm Đình Hồ và Nguyễn Án (đời Gia Long tk 19), Truyện Ký Tân Phả của bà Đoàn Thị Điểm tk18, Vũ Trung Tuy Bút của Phạm Đình Hồ...thì cuốn Lan Trì Kiến Văn Lục của Vũ Trinh (1759-1828) có nhiều truyện kỳ dị hơn cả, như truyện Đứa Con Của Rắn, Cá Thần, Đánh Ma, Nhớ Ba Kiếp, Ma Cổ Thụ, ...và cũng mang ảnh hưởng của Phật Pháp như hoá thân, hoá kiếp...



Hình replica động Đôn Hoàng
(courtesy photo Ng TriThanh)

CUNG ĐÀN BẠC MỆNH TRONG THUNG LŨNG MẠ

Nguyễn Du cũng như *Shakespeare* trong *McBeth*, sống mà sống với cả người chết, sống cõi rất rộng, chòm lên thiên giới, trần gian, địa ngục. Vào tác phẩm tuyệt bút, tâm tư cao rộng ra, được *trèo lên vai của ông khổng lồ* để nhìn chân trời xa, óng ánh vạt áo *Hằng Nga*, lấp láy khối tinh anh

chập chùng quanh trời đất, tiếng thờ u uất lẫn âm ba thảng thốt, nửa thật nửa mộng, biên giới Ú, OM, U, Ó... âm thiêng vang vào vách núi, dội ra luồng ba động vắn vèo nhập *mạt na thức* !

Chất thiêng toát ra từ ngòi bút Nguyễn Du làm truyện Kiều trở thành một cuốn sách bói : - *lậy vua Từ Hải, lậy vãi Giác Duyên, lậy tiên Thúy Kiều* .. Bói Kiều xem vận may rủi như gieo âm dương, xin thẻ xin xăm. Ngày Tết người ta kiêng không giở Kiều ra đọc là vì trong tâm thức bình dị của người Việt Nam, truyện Kiều mang chất thiêng và chất ma quái gở :

Rằng hay thì thực là hay

Xem ra ngậm đấng nuốt cay thế nào

như một ngón đàn có ma nhập, cay đắng ngậm ngùi, chẳng ai dám tấu lên vào ngày đầu năm !

*

Một đêm trăng bạc, Nguyễn Du 30 tuổi, ngồi nhớ người vợ đầu mới mất, ông tưởng tượng một cô hồn từ Thái Bình lặn lội qua đèo Tam Điệp, về thăm chồng nơi căn phòng

trống trải dưới ngọn đèn dầu mờ tỏ xanh xao, nàng kể lể than van, chồng thương cảm phảng phất như nói chuyện với hồn nhập màn mờ sương ảo :

Mộng lai cô đấng thanh
Mộng khứ hàn phong xuy
Mỹ nhân bất tương kiến
Nhu tình loạn như ti

Ký Mộng - Thanh Hiền Thi Tập

*Dưới đèn leo lét mộng vào
mộng đi gió thổi thấy nào mỹ nhân
tơ lòng rối loạn muôn phần !*

Nguyễn Du đã sống với nhiều bóng ma : năm 10 tuổi cha chết, năm 13 tuổi mẹ chết, năm 21 tuổi anh cả Nguyễn Khản chết, năm 26 tuổi anh thứ tư Nguyễn Quỳnh bị quân Tây Sơn giết, ngoài 30 tuổi vợ đầu chết... Phong tục Việt trân trọng mồ mả ma chay, hiện tại chất đầy quá khứ nên sống là sống với hồn xưa, MA, NGƯỜI, TIÊN, là ba mặt, ba ngôi

nhất thể, làm nên con người Việt, lèo lái con thuyền cõi thế:

*Ma đưa lối, quỷ đưa đường
Cứ tìm những chốn đoạn trường mà đi
Trông ra ngọn cỏ lá cây
Thấy hiu hiu gió thì hay chị về*

Đối với Thúy Vân thì lời chị dặn dò là lời nói gở, mà người đọc mấy trăm năm sau vẫn thấy rờn rợn như hiện hồn liêu trai trong ngọn gió lạnh da !

Theo luật tương tức tương tác -*gần mực thì đen* - chơi với ma nhiều thì bị ma kéo đi, mộng gặp tiên quên ăn quên ngủ như Tú Uyên thì sẽ có ngày Tiên Bụt hiện ra mang mình rời cõi tục, phân tâm học cho là sức ám ảnh đẩy hành động về hướng bị ám ảnh, giằng co giữa lý trí và cảm xúc, như con ngựa trắng và con ngựa đen kéo một chiếc xe giữa bụi sa trường mà người chiến sĩ chắc gì đã cảm cương lựa hướng đúng đường đúng lúc !

Nguyễn Du cốt cách trích tiên, vì thi nhân chân chính nào chẳng là một vị tiên lạc bước xuống cõi người, điều oái oăm là phần thiện tâm bị ma chướng đè xuống, hoàn cảnh do tục nhân đương ra vây bủa như trận đồ quý quái làm bao gã trích tiên lao đao mang thân phận làm người. Ông đi tìm người đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu, những người mang thân phận tiên giáng tục tương tự như ông, và, trong cõi thế này, còn ai khác hơn kỹ nữ, *geisha* ả đào, càng tài sắc bao nhiêu, càng giống tiên bao nhiêu, càng bị Trời xanh đầy đọa bấy nhiêu ! Biết bao nhiêu những cô gái xinh đẹp như Kiều đã phải sống trong đoạn trường “*thanh lâu hai lượt, thanh y hai lần*” trong khi phản đề tình nghịch của Trê Tào lại là những Hoạn Thư, những mặt ma da cóc, được sống trong hạnh phúc êm đềm ! Nghệ sĩ tài hoa là con rồng trong ao tù, kỹ nữ tài sắc là đóa lan trong ổ rắn...đồng bệnh tương lân tất phải tìm đến nhau trong một đêm giải thoát, họ có thể nhận ra nghiệp dĩ của nhau trong khóe mắt nụ cười, thăng hoa tạm bợ lẫn nhau trong đêm mờ sương khói. Đoạn trường là đây, là đi tìm ảo ảnh, là người mù đạo một cung đàn giữa ngã ba đường tìm kiếm tri âm.

Nhưng đoạn trường chỉ gọi là đoạn trường khi cuộc hành trình mang hai đối cực: thời gian vũ trụ vô lượng của tầng thức chất chứa tam thiên đại thiên thể giới đối với thời gian mỏng manh cõi thế, mấy ai đạt tới mức Tề Thiên nhìn ra cốt quý mà vẫn vui đùa, lên cõi thiên mà chẳng mảy may mặc cảm, bởi vì khí, người, quý, ma, thần thánh...đồng là chúng sinh ở những quốc độ khác nhau, tùy mức độ tu tập, tùy thời gian trưởng thành, như trẻ con thì ở lớp mê hình sắc, người lớn thì ở lớp tri thiên mệnh...chẳng nên phân biệt kỳ thị nhau.

Nàng Kiều mới tuổi dậy thì nhưng cõi tâm nàng mang cả nghiệp chúng sinh nghìn vạn năm, vì thế nàng mới cảm ứng đồng nhất thể với ma Đạm Tiên :

Sống làm vợ khắp người ta

Khéo thay thác xuống làm ma không chồng

Và trong âm khí chạng vạng buổi chiều, cô ma không chồng Đạm Tiên vẫn đủ tinh anh vương vất để hiển linh :

Ào ào đổ lộc rung cây

Ở trong đường có hương bay ít nhiều

Bóng ma hiện về, dấu hài tiên rành rành quanh nắm đất rêu xanh như âm hưởng bật lên từ đáy mồ, ra vào hai cõi mà thật ra chỉ là một không gian vô lượng của *vạn pháp duy tâm tạo*, mà muốn tạo ra cõi tâm vô bờ như vậy, người nghệ sĩ tài hoa phải có mức cảm thông vượt nhị biên âm dương, xóa biên cương cổ kim, lỏng lẻo giữa vùng *hư* nhưng không *ảo*, như tách trà rỗng mà vẫn còn đầy hương trà, như nhấp ngậm sen mà thật ra là uống cả một trời thu thoang thoang Tây hồ.

Nguyễn Du *khéo dư nước mắt* khóc cho mọi cảnh huống bạc mệnh non yếu, than thở vết lung linh của thời gian trên ngọn cỏ xanh mặt đất, ánh leo lét ngọn nến sắp tàn, ngậm ngùi cho cả vết nhăn trên da mặt một giai nhân sắp bị Tạo Hóa dìm đi :

Tiết tháng bảy mưa dầm sùi sụt

Toát hơi may lạnh buốt xương khô

Thương thay thập loại chúng sinh

Hồn đơn phách chiếc linh đình quê người

*Kẻ thân thích vắng sau vắng trước
Biết lấy ai bát nước nén nhang
Cô hồn thất thểu dọc ngang
Khi thất thế tên rơi đạn lạc
Bãi sa trường thịt nát máu trôi
Bơ vơ góc bể chân trời
Năm xương vô chủ biết vùi nơi nao*

*Sống thì tiền chảy bạc ròng
Thác không đem được một đồng nào đi*

*Buổi chiến trận mạng người như rác
Phận đã đành đạn lạc tên rơi
Lập lòe ngọn lửa ma trời
Tiếng oan văng vẳng tới trời càng thương*

Trích Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh

Nguyễn Du còn động lòng với cả kẻ mắc oan tù rạc, với tiểu nhi tám bé, với kẻ chìm sông lạc suối, với kẻ trí phú, gã tìm danh toan cướp gánh non sông, với kẻ buôn bán vật vả nặng

mưa...từ hồn ma Nguyễn Hữu Chinh tan xác pháo nổ, anh hùng cái thế Nguyễn Huệ vừa đuổi quân Thanh chạy xập cầu xác trôi đầy sông Nhị mà nay xương sọ trở thành bồn tiêu giam trong ngục, từ Chúa Trịnh Khải đâm cổ tự tử, tất cả diễn ra trong **mười lăm năm dâu biển** (1786-1802) mà Nguyễn Du đã là một nhân chứng và đã dần thân, tất cả giống *mười lăm năm, bấy nhiêu lần* trôi dạt của Kiều, tất cả hành trình :

*Mỗi người một nghiệp khác nhau
Hồn siêu phách lạc biết đâu bây giờ ?*

Tất cả đều thành :

*Quý không đầu van khóc đêm mưa
Cho hay thành bại là cơ
Ma oan hồn biết bao giờ cho tan*

Văn tế Thập loại Chúng sinh ông làm rất lâu trước truyện Kiều, nhưng cái bóng ma ám ảnh thì vẫn thế, Đạm Tiên sau và hồn ma kỹ nữ trước vẫn là một bóng đen ẩn hiện trong bản ngã nhân thế, và ông đã dành cho bóng ma tri âm kỹ nữ những nét họa tri kỷ ân tình :

*Cũng có kẻ lỡ làng một tiết
Liều tuổi xanh bán nguyệt buôn hoa
Ngẩn ngơ khi trở về già
Ai chồng con nấy biết là cậy ai
Lên lầu cao, xuống dòng nước chảy
Phận đã dành trâm gãy bình rơi
Khi sao đông đúc vui cười
Mà khi nhắm mắt không người nhật xương !
Sống đã chịu một đời phiền não
Thác lại nhờ hớp cháo lá đa
Đau đớn thay phận đàn bà
Kiếp sinh ra thế biết là tại đâu !*

Nhớ người ả đào sống nghề son phấn, chết nghiệp trắng hoa
vẫn chẳng tan, Nguyễn Du than thở :

*Thiên hạ hà nhân liên bạc mệnh
Trúng trung ưng tự hối phù sinh
Yên chi bất tấy sinh tiền chương
Phong nguyệt không lưu tử hậu danh
Điếu La Thành Ca Giả - Thanh Hiên*

Tạm dịch :

*Thấy người bạc mệnh ai thương
Dưới mồ nằm hối đoạ trường phù sinh
Phấn son như nhớp phận mình
Gió trắng mang tiếng nghiệp tình chẳng tan*

Cái chết của *một người dọc ngang nào biết trên đầu có ai* như Từ Hải, cho dầu có linh dị :

*Lạ thay oan khí tương triền
Nàng vừa phục xuống Từ liền ngã ra*

cũng không kinh động bằng tiếng sét của Tạo hóa đánh lên một giai nhân, bởi vì tương phản Sống-Chết, đẹp và xấu, giữa nhan sắc, tình dục với ma quái bạc mệnh, ròn rợn dựng ngược tóc gáy như nhìn gã làm xiếc đi chơi chân không trên một lưỡi dao sắc, như đứa trẻ thơ ngây vui đùa với một trái bom sắp nổ. Nét già của người gầy đàn đất Thăng Long làm Nguyễn Du ngậm ngùi cho thân xác tàn phai của mình :

Bạch đầu sở kế duy y thực

Hà đắc cuồng ca tự thiếu niên

Bạc đầu com áo lo quanh

Ước gì cái thưở tóc xanh hát hò !

Người gảy đàn tài danh bậc nhất kinh kỳ năm xưa nay tóc đã hoa râu, bờ phờ thần sắc, áo quần tả toại vá vúi, trông như quỷ ma ! (*nhân xấu thần khô, diện hắc, sắc như quỷ, y phục tịnh thô bố, bại hôi sắc...Long Thành Cầm Giả Ca*), khôn thay tiếng đàn vẫn là tiếng đàn của thời tươi trẻ năm xưa, vẫn văng vẳng cuồng ca hai mươi năm trước, vẫn véo von chém lên trái tim chưa chịu để thời gian quái ác xóa tan. Nhân sinh là một khối khổ đau chồng chất lũy thừa duy tâm tạo như ngòi bút *Beaudelaire* róm máu trong *Hoa Đoạn Trường- Les Fleurs du Mal* :

Je suis la plaie et le couteau

La victime et le bourreau

Cầm dao ta lại đâm ta

Tội đồ, đao phủ, hóa là một tên !

Nàng Kiều là nạn nhân của chính mình, đoạn trường là nỗi đau trong **thung lũng ma** do bánh xe bạc mệnh - *một xe trong cõi hồng trần như bay* - đưa đến. Mười lăm năm sống mà như chết trong thung lũng chất chứa tầng tầng lớp lớp vô minh, trùng trùng điệp điệp ảo giác súc sinh hồ ly, thung lũng ma ấy chẳng ai mà tránh được, có chăng là dài hay ngắn, lâu hay mau vượt thoát, là tùy duyên chuyển hóa. *Thung lũng ma* là môi trường thử thách tất yếu của Tạo Hóa, hành tạo nên nghiệp, phản ứng cộng hay trừ vào kho tàng chất chứa oan và oán, cái chương mục tiết kiệm phúc đức trời hay xụt tùy thuộc ở tâm thiện hay tâm ác đó. Thiện tâm là chìa khóa khai mở, ác tâm là dây xích ngục tù, mà phải có thiện căn tích lũy, phải tôi luyện cặp mắt chính kiến mới phân biệt được nẻo ra. Con ma bạc mệnh là gã đao phủ mang Kiều ra pháp trường, nó nhập vào nàng, hành hạ nàng như Tú Bà, như Hoạn Thư, như Mã Giám Sinh, tham và hận, nó chém thân xác - *dày dày sẵn đúc một tòa thiên nhiên* - của nàng vì nó không có cái đẹp hình sắc đó, nó mang tình ái Thúc Sinh *playboy bốc trời* ra dụ nàng, nó mang danh vọng

phu nhân tướng cướp Từ Hải ra như nàng...tình lẫn danh như ảo mộng, vậy mà khi mất đi lại làm cho cơn đau nhân thể trở thành da diết hơn, như sát muối vào vết thương, tương tự như Thị Lộ tài sắc mà bỗng bị tra tấn tru di chết chém, như công nương Diana chết nhạt nhẽo trên xa lộ Paris...Cô kim Đông Tây hồng nhan là những đóa hoa càng bung nở bao nhiêu càng vụn tàn bấy nhiêu và càng để lại trên nghĩa trang Đạm Tiên đầy số đoạ trường những bóng giai nhân *chớ nề u hiển mới là chị em !*

Kiều gặp bóng ma Đạm Tiên đưa nàng vào thung lũng u hiển năm mười lăm mười sáu tuổi, là giáng tiên bị sân hận của quỷ sứ đẩy xuống ô trọc. Nhan sắc và tình dục lạ lùng thay, là vết tiên trên thân xác thặng hoa, lại là dấu ấn lộ liễu “ *tinh hoa phát tiết ra ngoài* ” dễ bị tên đao phủ tàng phục trong tâm thức nhận ra, ghi vào sổ tội nhân, rồi mang ra đầu tó...Nỗi oan khiến không hiểu nỗi là dường như có sự cầu kết giữa chính mình và số mệnh, giữa con dao và vết thương, như món ăn càng cay, càng chua, càng gia tăng hương vị ! Nàng Kiều không thể làm kỹ nữ nếu không có

chất kỹ nữ trong chính nàng, không thể làm điểm nếu không có thân xác bốc lên lửa tình lôi cuốn vào con đau khoái lạc-
cho lẩn lóc đá cho mê mẩn đời !

Nhà đạo diễn Nguyễn Du đặt chính đời ông vào nhân vật Kiều, *chữ tài liền với chữ tai một vần*, là câu dành cho đời ông chứ không phải dành cho một kỹ nữ, mà tai họa thì thời cuộc tạo ra một phần, ông sống trong con lóc tam phân Lê Trịnh -Tây Sơn- Nguyễn Ánh, ông sống trong nghèo nàn 4 vợ 16 con, ông sống trong bất mãn, *hàng thần lơ láo phận mình ra sao*, ra làm quan cho nhà Nguyễn với tâm sự của một nhân sĩ Bắc Hà từng phò Lê và từng mưu đồ phục Lê như Phạm Thái...Nhưng phần lớn tai họa khổ đau do chính nhân thể thổi phồng lên, như đổ dầu vào lửa, đi ngược chiều gió mà cái *ngã* to lớn lại không phải là chiếc dù đủ rộng để che thân, nên thân bị đổ mà *mình* bị đau, *hết nạn nọ đến nạn kia*, diễn trình thích nghi hóa với thời, thế, phải cần thời gian mới phá chấp được, phải mười lăm hai mươi năm nếu đã có sẵn căn cơ tích thiện, trong thung lũng ma tâm sợi dây thừng chính là con rắn quấn chặt :

*Lại mang lấy một chữ tình
Khư khư mình buộc lấy mình vào trong
Vậy nên những chốn thong dong
Ở không yên ổn, ngồi không vững vàng*

*Nước trôi. hoa rụng đã yên
Hay đâu địa ngục ở miền nhân gian*

Có muốn dứt ra để chuyển hóa cũng phải cần thời gian trả nợ nần oan nghiệp:

*Hãy xin vịn kiếp liễu bờ
Sóng Tiên Đường, sẽ hẹn hò về sau*

Đây là lời tiên báo của người đi trước, của Đạm Tiên hay thần thức Kiều, là vì ta sống song song với ma quái trùng trùng tương nhập :

Hồn nhược qui lai đã vô thác
Long xà qui vực biển nhân gian
Ngũ nguyệt quan cạnh độ-
(Tháng năm xem đua thuyền)- *Bắc hành*

*Hồn về nương tựa nơi nao
Rắn ròng qui quái chốn nào nhân gian ?*

hoặc rõ hơn :

Hồn hê ! hồn hê ! hồ bát qui
Đông tây nam bắc vô sở y
Thượng thiên hạ địa giai bất khả
Đại địa xứ xứ giai Mịch La

Phản Chiêu Hồn -Bắc Hành

tạm dịch :

*Hồn ơi ! hồn hỡi ! chẳng về
Đông Tây Nam Bắc đâu bề tựa nương
Lên trời xuống đất chẳng xong
Đâu đâu cũng vẫn một dòng Mịch La*

Thung lũng bạc mệnh ấy ở khách thơ đôi khi là những trang sách hệ lụy văn tự như con bướm chết trên chính vũng mực đen mơ ảo của mình :

Bạc mệnh hữu duyên lưu giản tịnh
Tàn hồn vô lệ khóc văn chương

Diệp Tử Thư Trung- Bướm Chết Trong Sách-
(Thanh Hiên Thi Tập)

Bạc mệnh hữu duyên lưu lòng sách

Hồn tàn vô lệ khóc văn chương

Mãi tới tuổi tri thiên mệnh, Nguyễn Du mới khám phá sự
tĩnh :

Si tâm qui Phật, Phật sinh ma

...Nhất niệm chí trung, ma tự chí
...không lưu vô ích vạn thiên ngôn
hậu thế ngu tăng đồ quát nhĩ
...tài tri vô tự thị chân kinh

Phân Kinh Thạch Đài - Bắc Hành

Si tâm qui Phật thành ma

Ma theo vọng niệm khởi ra nhập vào

Vạn lời vô ích đảo chao

Ngu tăng hậu thế lào xào điếc tai

Chân kinh không chữ không bài..

Bóng ma của trí thức là kiến chấp, là nhát dao ý niệm chia cắt thực thể vô thủy vô chung làm Nguyễn Du *đứng ngoài không yên*, bóng ma Đạm Tiên của Thúy Kiều là bóng ma vô minh oan nghiệt hình sắc, cả hai chỉ là một, hiện ra từ Si Tâm mê muội, là *một đao phủ với hai tội đồ* ! Kẻ lặn vào thung lũng ma không một chút ý thức về duyên khởi, nhưng kẻ đứng ở trên bờ có thể đã thấy mà không thể hóa độ cứu đỡ, như người tướng sĩ có thiên nhãn đã nhìn ra bước chân cô gái hồng nhan đang đi vào sóng gió :

*Nhớ từ năm hãy thơ ngây
Có người tướng sĩ đoán ngay một nhời
Anh hoa phát tiết ra ngoài
Nghìn thu bạc mệnh một đời tài hoa*

Mà ngay chính Kiều cũng linh cảm thấy :

*Trông người lại ngắm đến ta
Một dày một mỏng biết là có nên ?*

Nhưng ảnh hưởng oan nghiệt nặng hay nhẹ lại tùy ở đối tượng : người tình đầu Kim Trọng đi cư tang, xa Kiều 15

năm mà tránh được đoạn trường ma, Từ Hải tưởng “ *muôn chung nghìn tử cũng là có nhau*” lại chết đứng giữa mũi tên hòn đạn vì nghiệp cầm dao đưa đời tướng cướp biên Việt Đông đến rất gần với vong linh oan oán ở thung lung ma mà nàng Kiều chỉ là một ngón tay *sát phu* đẩy xuống :

*Thưa rằng chút phận lạc loài
Trong mình nghĩ đã có người thác oan*

Vẻ đẹp chết thiên hạ, *femme fatale*, khuynh nước khuynh thành, chẳng phải chờ tới tuổi cập kê hay thành đàn bà mới lộ ra, nó lộ ra từ tuổi lên bốn lên năm, trong khoé mắt tuy hồn nhiên mà đã mọc mi cong tình tứ, đôi môi tuy còn hơi sữa mà đã hồng mộng hương nhụy, và khuôn mặt nếu tinh ý sẽ thấy rục lên nụ hoa chờ mưa xuân hồng nhan. Và cái gì phải đến sẽ đến, Kiều có muốn dứt bỏ quyền sinh cũng không được :

*Chém cha cái số hoa đào
Gỡ ra rồi lại buộc vào như chơi*

Có khi tưởng là thoát, như ngày báo phục ân oán, thì
sư Giác Duyên đã nhắc khéo đoạn trường chưa xong, phải
năm năm nữa mới chuyển nghiệp :

Gặp sư Tam Hợp vốn là tiên tri

Bảo cho hội ngộ tri kỳ

Năm nay là một, nữa thì năm năm

Cho nên dẫu có nhảy xuống sông Tiền Đường nhập
vào thế giới ma của chị em đoạn trường bạc mệnh :

Đạm Tiên nàng nhé có hay

Hẹn ta thì đợi dưới này rước ta

thì Đạm Tiên lúc này không còn là bóng ma nữa, bóng ma
nào cũng tan đi trước ý chí quyết tâm chuyển nghiệp của con
người, nàng *Tiên* bây giờ nhắc tới quả phúc của *Kiều* :

Chị sao phận mỏng phúc dày

...duyên xưa tròn trặn, phúc sau dồi dào

...đoạn trường sổ rút tên ra

đoạn trường thơ phải đưa mà trả nhau

trong quyết tâm chuyển hóa, chấm dứt 15 năm sống trong

thiên la địa võng ma lực, giữa đôi bờ âm dương, Kiều thiêm
thiếp nghe tiếng gọi thiện tâm vọng lên từ bờ bên kia *đáo bỉ
ngạn* :

*Trạc Tuyên nghe tiếng gọi vào bên tai
Giật mình thoát tỉnh giấc mai
Bâng khuâng nào đã biết ai mà nhìn
Trong thuyền nào thấy Đạm Tiên
Bên mình chỉ thấy Giác Duyên ngồi kề*

Trạc Tuyên là pháp danh của Thúy Kiều khi bắt đầu qui y ở
Quan Âm Các, ngôi chùa ngay sau vườn nhà Hoạn Thư :

*Áo xanh đổi lấy cà sa
Pháp danh lại đổi tên ra Trạc Tuyên*

Mang tên hoán nghiệp *Trạc Tuyên*, bắt đầu *rửa oan ở suối
giác ngộ*, là mầm thiện phúc mọc lên cạnh đám cỏ dại, mong
manh hiện lên như ánh sáng le lói cuối đường hầm, là cơ
duyên từ sáu bảy năm trước, do chính Hoạn Thư vô tình đưa

Kiều đến với cửa Phật, từ đó mới duyên khởi tới sư *Giác Duyên* người đã vớt Kiều ở sông Tiền Đường và đã cùng *Tam Hợp* đạo cô, duyên khởi ngày hoán chuyển của Kiều sau mười lăm năm trầm luân, ngoi lên khỏi vực thẳm ma quái ở tuổi 30, *tam hợp* với chính mình, với thân thích và với cõi *Giác, tam hợp* với *Phật, Pháp, Tăng*. Nàng hoàn hồn sau một cơn ác mộng rất dài.

Diễn trình tâm thức hoàn lương an lạc Nguyễn Du đã tìm ra từ Phật pháp vốn dĩ là một phương pháp tâm lý trị liệu pháp -*psychotherapy* :

*Khấp trong tứ hải quần chu
Nã phiền trút sạch oán thù rửa xong
...nhờ phép Phật uy linh dững mãnh
trong giấc mê khua tỉnh chiêm bao.*

Văn Tế TLCS

Và con người chỉ thoát ma chướng, vào cõi an lạc viên giác khi tâm tịnh tĩnh, mình tự chủ được mình, không vọng vào những gì ngoài mình :

Hiền Như Bụt @ Hạ Long Bụt Sĩ

Mình nguyệt chiếu cổ tình
Tịnh thủy vô ba đào
Bất bị nhân khiên xi
Thử tâm chung bất dao

Đạo Ý- Thanh Hiên

*Trăng sáng soi giếng xưa
Nước lặng không sóng đưa
Chẳng bị ai khuấy động
Nên lòng chẳng đong đưa*

Chỉ dựa trên định đề *oan* và *oán*, đoạn trường, bạc mệnh, tài và tai, số và nghiệp... và giải đề thiện tâm, phúc đức, quyết tâm tu tỉnh giải thoát :

Có Trời mà cũng tại ta

Tu là cội phúc, tình là dây oan

cũng thấy diễn trình đưa tới đáp số này là nhờ tiếng sét chuyển hóa của kinh Kim Cương, như lưỡi gươm sắc bén chặt đứt phiền não ma chướng :

Ngã độc Kim cương thiên biến linh

...tài chi vô tự thị chân kinh

Kim cương kinh đọc ngàn lần

Mới hay không chữ mới gần chân kinh

Bài này Nguyễn Du làm bên *Phật Đài phân kinh* của thái tử Lương Chiêu Minh (thế kỷ thứ VI) khi đi sứ sang Tàu. Thời gian này Nguyễn Du ở tuổi tri thiên mệnh, già dặn để tự thấp đuốc đi bè *sang bờ bên kia*, và cuộc du hành vượt biên giới từ đất Việt nhỏ bé sang đất Trung Hoa mênh mông, có thể là luồng gió giải thoát buông bỏ những kiến chấp, quặng gánh nặng đeo vai nặng nề lịch sử thành kiến, mở ra tri kiến mới, một cơ duyên *glastnost* mà sau này, Cao Bá Quát, Nguyễn Trường Tộ cũng giạt mình tương tự “ *mới hay vũ trụ một bầu bao la* ” !

Sống trong một giải đất chật hẹp từ Thăng Long-Tiên Điền- đến Huế, trong *tứ thư ngũ kinh*, trong mười lăm năm hỗn loạn chính biến *tam quốc Việt*, Nguyễn Du và thế hệ của ông, như Lê Quýnh, như Phạm Thái... ngụp lặn trong con nước xoáy thế sự, va chạm với tôm cá mà vẫn ao ước hội mây rồng...tới lúc sắp chìm ngheim, đầu bạc trắng, mới sực

tình, vết thương của mình chính là *con dao nhị biên hai lưỡi* cắt tim gan mình, buông dao xuống tất giải thoát an lạc. Vọng động não động tuổi trẻ nhẹ đi, không mất tinh lực để đối với đấng, những mũi tên phóng tới, dù từ thời cuộc, từ kẻ địch, có trúng mình hay không là do mình có đưa lưng ra để nhận lấy hay không, nếu hóa giải xóa cái bia lưng ma chướng kia đi, thì những mũi tên nhọn sẽ rơi vào khoảng không hoặc có dính vào da thì cũng chỉ nhẹ tựa lông hồng !

Diễn trình chuyển hóa đời Kiều: từ cô gái trắng tròn đa tình đa tài, lòng bóng ma nhập Đạm Tiên, kinh qua đời kỹ nữ, đời tôi đòi, đời làm thiếp, tới lúc mang pháp danh *Trạc Tuyên* thì thân phận thỏa được phần nào như khi làm phu nhân của *vua Từ Hải* trả ân báo oán, nhưng chỉ khi nào *giác* được lý *duyên* khởi, quyết từ bỏ tình hờ, danh hão, thì Kiều mới thật thoát, vào được giai đoạn thân tâm an lạc *tam hợp* với thiên, địa và nhân, ở tuổi 30 tam thập *lập thân*.

*

Đòi một kẻ sĩ tài danh như Nguyễn Du cũng trải ra tương tự: mười lăm năm vật đổi sao rời, biển dâu thế cuộc, nước mất nhà tan, một Tố Như tài hoa còn vương trong vũng lầy danh phận, tình lụy, còn đối và đáp với ma chướng thế sự, còn - *điều La thành ca giá*, còn lang thang với mấy ả phường vải “ *tính khí dịu dàng, hình dung ảo lá...ngỡ một ngày nên nghĩa trăm năm... bồng nũa bước chia đường đôi ngả*” (Văn Tế hai cô gái Trường Lưu) và giận Trời oán đất “ *tìm gan cho cái sao mai, thảo nào vác búa đánh trời cũng nên*” (Thác Lờ Trai Phường Nón), còn than thở “ *bất tri tam bách dư niên hậu, thiên hạ hà nhân khốc Tố Như* ”, rồi tới những bước độc hành của một Hồng Sơn Liệp Hộ đi săn mà thật ra là đi tìm kiếm an lạc giữa núi rừng, từ - *bất phong trần, phải phong trần*- tới *có Trời mà cũng tại ta* - là một chặng đường dài chuyển hóa tâm thức, vọng niệm và chính kiến tuy chỉ cách nhau một sợi tóc, nhưng phải quán “ *vô tự chân kinh*” vài ngàn lần, tóc phải bạc trắng, phải giang hồ vạm vỡ từ thung lũng mê tâm qua *Quy quan môn* tới lầu Hoàng Hạc, nhìn sóng Hoàng Hà, thăm làng Kinh Kha...mới

có thể đổi từ cung điệu *sầu thảm nỗi nùng* **ma** âm tới giai
bạc mới :

Khúc đầu đêm ấm dương hòa

Ấy là hồ điệp hay là Trang sinh

Nguyễn Du đúng tuổi tri thiên mệnh, đi sứ trở về quê hương đêm ấm, còn nàng Kiều hồ điệp của ông trở về đậu trên cành thiện tâm xum họp một nhà. Năm 56 tuổi Tố Như chết đi, biết đâu hồn ông chẳng là cánh bướm chập chờn chơi trên thung lũng Ma dăm vài kiếp nữa ?

14-3-2001



PHẠM THÁI

KHOÁC ÁO TU ĐI KHUYẾN PHÁ.

Đứng trước linh hài của người yêu cũng giống như đứng trước một chiếc bè chở mộng từ từ trôi đi, không phải là trôi biến mất mà tựa hồ buông tay nhau, kẻ rời trần thế không muốn rời, mà người ở lại thì muốn đuổi theo giấc mơ của chính hồn mình về cõi mơ hồ ảo ảnh. Phạm Thái buông ra những tiếng nấc xoáy vào cõi lòng mình mà thật ra là muốn níu kéo một hình hài Tạo Hóa vừa xóa đi, như con chim ủ rũ trên cành ngơ ngác thấy cầu vồng ngũ sắc mới có đây mà giờ sao lại nhạt nhòa tan biến :

Nương tử ơi !

chương căn ấy bởi vì đâu ?

oan thác ấy bởi vì đâu ?

*Thân hiêm hoi đường ấy, nỡ lòng nào lấy đôi mươi làm
một kiếp không đoái cảnh phù sinh ...vì dù kiếp tiên thù
với tục , thì xưa kia vâng lệnh xuống trần chi ?*

Cả bao năm sau, bên vò rượu, Phạm Thái vẫn còn ai oán dù thực chất là chàng đã thả mối bắt bóng :

*Túi tơ hồng trách ai xe mối
Đến nửa chừng bỗng nói dần ra
Cấm vì một ả trăng già
Trêu người chi mãi chẳng tha thế này.*

Nếu chỉ trách duyên số tơ hồng ở tuổi đôi mươi thì chàng họ Phạm đã chẳng phải tiếp tục oán thán “trêu người chi mãi chẳng tha”, chàng cũng như người tình Quỳnh Như cùng một căn chướng “ kiếp tiên thù với tục”, như rồng vàng tắm nước ao tù, vào đời mà không chấp nhận đời, khiến thế gian trở thành nơi đọa đầy, chính mình trở thành nạn nhân của kiếp sống :

*Gian nan vì một chữ tài
Chẳng hay con Tạo quấy rầy ta chi !*

Cái bẫy tâm lý đó dương ra bắt lấy bóng chim tuyệt mệnh khởi từ chính tâm huyết vùng vẫy bay lên ! Mà cổ kim, cho hay tài mệnh tương đố, có ai thỏa kiếp làm người ! cho dẫu có vào cõi Tiên cõi Bụt cũng không chắc gì xuong sẽ :

*Nẻo tiên cũng khó tìm nơi hóa
Dấu Phật càng khôn xuống đày tu*

Chiến Tụng Tây Hồ

Khi người yêu đã chết, Phạm Thái vẫn còn sống được dăm năm say sưa trong lý tưởng phục Lê, kẻ sĩ lúc này đến chùa Tiêu Sơn khoác áo thiền sư che dấu hoạt động, đi khuyến phá khắp nơi để kết nạp đồng chí hay để thỏa chí ngao du mang vọng tưởng tráng sĩ đang hành hiệp vì nước? Cuộc sống thoát ra từ giấc mơ lỏng lộng mang vẻ đẹp đủ

màu sắc: áo nâu sồng tu sĩ, bóng trắng bạc loang loáng thanh
guom, lại vắng vắng tiếng thơ lúc tỉnh tứ, lúc tung hoành đi
về giữa thực và mộng :

Làm trai cho thỏa chí trai

Trong trần ai chớ lụy ai tâm thường

Nhưng điều nào nùng ê chề nhất là hăm hở tiến tới
một cái đích mà cái đích lại không còn: triều đại ngắn ngủi
Tây Sơn đã tan, chúa Nguyễn thống nhất đất nước năm 1802.
Mới đầu nhân sĩ Bắc Hà còn ngại ngục, Nguyễn Du vào tân
triều *không nói lời nào* như vua Gia Long nhận xét, sau dần
dần tỉnh táo nhìn thấy chúa Nguyễn cũng giống chúa Trịnh,
mà chúa Nguyễn lại chưa từng ép vua Lê như chúa Trịnh khi
xưa. Hẳn lúc này, một khoảng trống vô lượng vây quanh
Phạm Thái mới 25, 26 tuổi đời, mới sống một phần tư thế kỷ
mà mối tình đã vỡ, lý tưởng cũng tiêu, chàng tuổi trẻ tìm
quên trong sóng rượu, nổi danh Chiêu Lý, mà có lẽ chàng đã
dùng chất men đưa hồn mộng lung xuống âm cung thăm
người vợ chưa cưới! Bây giờ sống ở dương gian đoạ đầy
cũng chẳng hơn gì địa ngục khi hai cái phao của cửa kẻ sĩ là
tình yêu và lý tưởng đều chìm ngấm :

***Chết về Tiên Bụt cho xong kiếp
Đù ỏa trần gian sống mãi chi !***

Ở tuổi 30 Tiên Bụt chỉ mới ở vảnh môi, tới tuổi tri thiên mệnh chắc gì mấy ai đã đạt tới đại viên cảnh trí, nữa là Phạm Thái với chất đăm mê ngùn ngụt, ông còn nhỏ ra từng giọt máu tâm tư thấm trên *lược gương* tình lụy, ngõ lầy văn thơ mà giải thoát, ngờ đâu, ngôn ngữ giống sợi giấy tơ hồng hóa hiện thành độc xà trong bóng đêm sâu hận đầy vui !

Không chắc gì ông vẫn mặc áo nâu sòng khi đối tượng thù nghịch Tây Sơn đã xụp đổ, mà cho có khoác áo thiền sư thì trước sau ông vẫn là một thi sĩ với túi thơ bầu rượu và bóng giai nhân :

*Vào Yên Tử, rất non cùng
Đàn xô nước suối, phách giông cây rừng
Đá sực sực, nước cồn cồn
chông chênh cửa động, chon von mái chùa
tu hành đã có sư cô
để đem ngàn nén mà mua tiếng cười !*

hoi văn của ông bông bột tuổi trẻ, muốn đổi mới, vượt khuôn sáo, đạo nên nhiều âm thanh kỳ lạ :

Lên Hùng Vương rất non cao, vào Yên Tử rất non cùng... sự điệu dàng động, tiểu phong phanh hình- với ý tứ rất phóng : chữ viết của bò thơ rông chó chạy...

Thơ văn Phạm Thái quả là tiếng trống giáo đầu cho dòng văn mới cuối thế kỷ XVIII sang thế kỷ XIX, nó tiếp tục mạch sống Bắc Hà trong khi Nguyễn Công Trứ, sinh cùng thời với ông (1778-1858), từ Nghệ Tĩnh vào Huế rất gần gũi miếng mồi đỉnh chung tước lộc của triều đại mới “*không công danh thì nát với cỏ cây*” hội họp ngôi đợi vua Nguyễn ra mà dâng Thái Bình Thập Sách ! Ngay cả Nguyễn Du, cũng từ bỏ hàng ngũ cũ mà nhập vào giữa - *hàng thần lơ láo phận mình ra sao*- Chỉ có Phạm Thái là trung thành với lý tưởng từ đầu đến cuối, ông sống trên quê hương Kinh Bắc, cái nôi của các phi hậu Lê Trịnh, ông chẳng vào khoa cử để mua danh, ông chọn nổi đau, nổi khổ, nổi say, trên thớ đất đã sinh

ra mình, một kẻ sĩ như thế mới là kẻ sĩ, trọng thơ, trọng bạn, trọng rượu, trọng tình mắt, trọng quê đầu, trọng cả từng mảnh vỡ trong giấc mơ hồn mình, giữ được trọn vẹn sĩ khí của đàn nhóm thì dầu thời, thế và cơ có mất, nhưng trái tim *tam bách dư niên hậu* vẫn sắt vẫn son !

(trích từ *Mò Gương Dưới Đáy Thời Gian* xb 2004)



Chùa Tiêu Sơn- Sư Vạn Hạnh- đời Lý

CUNG OÁN NGÂM KHÚC

Qua 356 câu song thất lục bát

Của **Ôn Như Nguyễn Gia Thiều** 1741-1798

*

Cả ba tác phẩm văn Nôm của ta : Đoạn Trường Tân Thanh, Cung Oán Ngâm Khúc, Chinh Phụ Ngâm, đều lấy thân phận đàn bà để mô tả nỗi khổ đau, thân phận một người con gái bán mình chuộc cha, thân phận một cung nữ, thân phận một chinh phụ.

Ba trăm năm sáu câu của Nguyễn Gia Thiều cực tả lẽ sắc không, đời vô thường, kiếp nhân sinh thăng trầm từ có sang không, nỗi khổ đau tất yếu của của một cung nữ nhan sắc phai tàn bị vua bỏ rơi, sống lạnh lẽo cô đơn oái ăm trong nhung lụa :

Đời là bể khổ :

*Thảo nào khi mới chôn nhau
Đã mang tiếng khóc bung đầu mà ra*

Nỗi khổ đến từ Tham lam Si mê :

*Mùi phú quý như làng xa mã
Bã vinh hoa lừa gã công khanh
Giác Nam Kha khéo bắt bình
Bùng con mắt dậy thấy mình tay không*

Nàng cung nữ sa vào cuộc trầm luân :

*Lan máy đoá lạc loài sơn dã
Uổng mùi hương vương giả lấm thay*

Mà biết đâu thế gian thật ra chỉ là hư huyền bào ảnh :

*Cái quay búng sẵn trên trời
Mờ mờ nhân ảnh như người đi đêm
...Sơn hà cũng huyền, côn trùng cũng hư*

Hiền Như Bụt @ Hạ Long Bụt Sĩ

Nàng oán trời vì nàng khác hàng quân tử *thượng bất oán thiên, hạ bất vu nhân* của nhà Nho :

**Quyền hoạ phúc trời dành hết cả
Chút tiện nghi chẳng trả phần ai
Hay thiên cung có điều gì
Xuống trần mà trả nợ đi cho rồi ?**

Nghiệp oan đưa tài sắc vào vòng hệ lụy :

**Nghĩ thân phù thế mà đau
Bọt trong bể khổ, bèo đầu bến mê**

Giải pháp sau Oán là lia bỏ thế tục, tu là cõi phúc, tình là gây oan :

**Thà mượn thú tiêu diêu cửa Phật
Mối thất tình quyết dứt cho xong**

**Lấy gió mát trăng thanh kết nghĩa
Mượn hoa đàm đuốc tuệ làm duyên**

Thoát trần một gót thiên nhiên

Cái thân ngoại vật là tiên trong đời

Cuối cùng Cổng chùa cõi Tiên là cái kết GIẢI THOÁT cho nhân thể vương vòng OAN do Danh, Tài và Sắc.



Chùa Linh Ứng-Đà Nẵng

GIẢI OAN

Đàn giải oan là một truyền thống cao đẹp của Việt Nam.

Trong *Chiêu Hồn Thập Loại Chúng Sinh* Nguyễn Du đã nói lên tất cả ý nghĩa nhân bản của việc cúng tế này :

*...Cho hay thành bại là cơ,
Ma oan hồn biết bao giờ cho tan...*

Khi thất thế tên rơi đạn lạc
Bãi sa trường thịt nát máu trôi
Bơ vơ góc biển chân trời
Năm xương vô chủ biết vùi nơi nao !..

*Buổi chiến trận mạng người như rác
Phận đã đành đạn lạc tên rơi
Lập lòe lửa ngọn ma trôi,
Tiếng oan văng vẳng tới trời càng thương..*

Cũng có kẻ mắc oan tù rạc

Gửi thân vào chiếu lác một manh...

Nhờ phép Phật siêu linh tịnh độ

Phóng hào quang cứu khổ độ u

Khắp trong tứ hải quần chu,

*Não phiền trút **sạch oán** thù rửa trong...*

OAN và OÁN là một đề tài triết lý đạo đức quan trọng của Tam giáo Việt : nào chuyện Oan Thị Kính, nào Suối Giải Oan ở Hương Tích, suối Giải Oan ở Trúc Lâm Yên Tử..trên một đất nước bao lần tao loạn, phân hóa, vong thân hàng trăm năm nay. Chẳng những máu Việt máu Chăm máu Miên máu Thái máu Tây máu Mông Cổ đổ ra, mà cả máu Ma Rốc, Phi châu, Mỹ, Úc, máu tử đạo..cũng đã thấm ướt giải đất hình chữ S này, bao oan hồn trong rừng núi, biển cả, cho nên người sống chớ tiếp tục vô minh, mang mâu thuẫn từ cõi Dương vào cõi Âm, tạo ác nghiệp Oan Oán không dứt...

Bụt dạy : *Hận thù không thể xoá bằng hận thù*. Phải có lòng Từ Bi thì hận thù mới tiêu tan, không còn mang từ kiếp này sang kiếp khác. Phật dạy hãy hành xử như đất, như nước, như gió, vì với diện tích dung lượng lớn như thế, ta mới có khả năng chấp nhận và chuyển hoá ... Cũng vậy với tâm rộng lớn Từ Bi thì ta sẽ chuyển hoá được mọi bất công và oan ức.

Việc lập Đại Đàn Giải Oan tối cần để cởi nút thắt siêu linh: chùng nào còn oan hôn vát vường, chùng nào còn hôn siêu phách lạc..thì cõi trần gian này chưa thể an lạc được.

Ước mong mỗi “ *Tiết tháng bảy mưa dầm sùi sụt* ”, đại đàn giải oan sẽ được dựng lên khắp nước Việt để cầu siêu cho người chết và gieo căn thiện cho người sống, từ đó mở ra một chu kỳ *long hoa* thật sự *thanh bình tứ hải lạc âu ca* (Sấm Trạng) cho bờ cõi Văn Lang vậy.



Dép Đạt Ma

Giày Thánh Mẫu

Ông râu ria cổ quái người xứ Thiên Trúc đi thuyền từ Ấn qua biển Đông, đến Trung Quốc đỉnh cao trí tuệ, rậm rạp chữ nghĩa kinh thư thi phú, chẳng cần nói, để lại một chiếc dép như lặn hào quang giữa sống và chết, chớp nhoáng soi thế nhân mò mẫm giữa có và không. Shakya Muni có nói bao giờ đâu, có viết là viết bằng tiếng vỗ của một bàn tay mà âm vẫn vang vào bờ kia vũ trụ...Bồ Đề Đạt Ma đi về phương Đông vì khi chết Phật nhìn về Tây mà lưng dựa vào Đông, khởi ở lúc mặt trời lên và óng ánh theo bóng nằm hoàng hôn an trụ.

Sakya Muni có nói bao giờ đâu nên Đạt Ma suốt chín năm chỉ nhìn vào vách mà quán chiếu, đã thử nói... nhưng pháp môn lưỡi chay làm sao hàng phục được khối lưỡi mặn, chẳng những mặn mà còn chanh chua, nồng nặc kinh điển chữ

nghĩa môn phái. Nghìn năm trước nhà hiền triết im lặng Shakya đã gặp bao nhiêu cái đầu điên đảo và chính Ngài cũng dùng pháp tịnh khẩu để lay động những con tim *tâm viên ý mã*, may ra sự tỉnh trên chông kinh sách biện chứng khô đét mà nhìn ra giới hạn của óc và lưỡi, của ý và lời...

Tiếng nói vốn là tâm động như âm nhạc là độ rung của giây đàn. Đã nói là còn động, đã viết là còn chấp, thế nên bậc Thánh không nói và không viết, có thể mới dạy được loài vượn leo trèo, loài ngựa phi lồng...trong khu rừng sắc giới.

Shakya Muni dựa lưng vào hướng Đông mà tịch, ngài có hai người bạn tâm giao ở phương trời xa đón. Vào thời tâm động long nhong ý tưởng: Không Phu tử bày biện lại đồng gạch nhiều như Xuân Thu Chiến Quốc, Lão Tử cười lừa đi về Tây quảng lại một chữ Đạo miễn cưỡng vì Đạo có nói ra được đâu! Họ gặp nhau một nghìn năm sau, cũng chỉ là cơ duyên hạnh ngộ vào thời gian chớp nhoáng một buổi trăng tròn cõi Tiên cõi Bụt... Họ là ba ngón tay cùng chỉ lên một vầng nguyệt vầng vặc trong tâm người, vậy mà thế nhân vẫn

vọng tưởng một Hằng Nga bay lên cung Quảng lạnh lẽo, nơi giam một thằng Cuội đã bị cật lưỡi dưới gốc cây đa trơ trụi cô đơn!

Thế nhân là thế nên Đạt Ma phải vào kho người Trung nguyên mà độ. Cái tiểu ngã *atman* của con dân sông Hằng đã ngất ngư như đầu rắn uốn éo trong đại ngã *Brahman* thì may thay còn muôn đầu người đang chờ bè đi sang bờ kia dòng Dương Tử Hoàng Hà... Nhân thế nơi đây tuy chẳng thiên về tâm linh ép xác nhưng bả độc tố ý hệ giáo điều cùng lấm mới vào tới dạ dày chưa chạm tới chân thần kinh như Vê đà Shiva...thế nên cửa còn mở rộng cho lương y vào giải mạch khai tâm.

Tam hiền long hội gặp nhau ở lầu Âm Dương biến dịch, một biến thì thành lễ nghĩa trung hòa, hai biến thì hóa rồng bay cỡi Tiên lạc đạo, ba biến thì xóa cả Thái Cực mà nhập Hu không, chẳng còn chuyện biến với hóa, dịch hay bất dịch, phi phi dịch, phi phi cực là món quà quý từ Hy Mã mang sang để lên bàn thờ Thánh Tiên Bụt, không có món quà đó thì ban

thờ thiếu một chân, đèn nến cứ cháy mà hương khói không có lối lan tỏa, tỏa xuống tam cương ngũ thường thì vẫn quần quanh trong nhà bếp, tỏa lên đỉnh non thì cũng chỉ kéo dài theo vạt áo mây tiên cô xác bướm...phải mở toang Thái cực cho hương khói bay vào nơi không còn bay, cực tới cùng cực mới rớt ráo thoát vì "*cái gọi là cực vốn không phải là cực nên mới gọi là cực*", lên tới đỉnh Thái cực cũng đã là cao nhưng vẫn còn bé tắc vào đối đãi cực thấp, cực cao, cực thái!

Thế nên chẳng gặp nhau 1000 năm trước, thì gặp nhau 1000 năm sau cũng chưa muộn, Đạt Ma là cái bóng Hư Không thấp thoáng ở cổng Trung Nguyên cho những ai chột thấy, cho những đạo tâm có cơ duyên thoát khỏi "*bĩ cực*" của Không và Lão.

Đạt Ma đến Trung Nguyên với sứ mệnh đã được Tổ Sư tiên tri cả trăm năm trước: hàng phục kho người văn minh Vạn Lý Trường Thành không phải dễ, đất của Phục Hy Hoàng Đế, nhà của Nghiêu Thuấn, Trời của Thiên Tử...còn đâu là kẽ hở lọt vào ! Nhưng Đạt Ma đã vào với một chiếc dép, chân

uớt chân ráo ông sư 80 tuổi đến Quảng Châu đã gặp Lương Võ Đế (năm 520) và đã thất bại vì nói cao quá vua không hiểu! Trước sau Sư bị thuốc độc tới 5 lần ! Sư bèn ngồi trong núi nhìn vách đá rờng rã 9 năm chờ thời, để thời gian tự nó thấm nhuần như hương trầm vào thớ đất Trường giang ...Sư đã có những đệ tử trung kiên dám chặt một cánh tay chờ ngoài sương tuyết, những môn đồ đạt được da, được tủy ... của thầy và chắc hẳn cả một môn võ Thiếu Lâm được mở ra bằng nội công, khinh công kỳ lạ vô song từ ông sư du già đất Hy Mã Lạp Sơn. Rồi ông đi...để lại một chiếc dép làm bằng, hay là kỷ vật, hay chỉ là vui đùa với nhân sĩ Trung Nguyên... Còn chiếc dép kia nhà sư già đi bằng sa mạc Tây Nguyên, vùn vụt như gió trở về đỉnh cao Tuyết Sơn. Lúc ấy có sứ thần gặp Tổ xách một chiếc dép...*Nhất thừa* chứ làm gì có nhị thừa... và Tổ có nhắn rằng "*Chủ ông mất rồi*". Sứ thần về đến nơi thì quả vua Ngụy Minh Đế mới thăng hà! Vua Hiêu Trang nói ngôi lấy làm lạ, tại sao Tổ chết đã lâu, chôn kín dưới lòng đất mà sứ thần lại còn gặp Tổ ở Tây Nguyên xách một chiếc dép? Vua ra lệnh mở mồ và mở nắp quan tài: xác Tổ không có đấy, chỉ độc một chiếc dép mòn an bàn lạc đạo

trong ván gỗ. Chiếc dép mòn được đưa vào chùa Thiếu Lâm thờ, sau chuyển sang chùa Hoa Nghiêm rồi biến mất không biết đi đâu! Tổ mất, dép mất, nhưng huyền thoại thì còn, và huyền thoại còn thì dép nên bay vào lửa siêu thoát, có thể thì người sau mới lâm râm cầu nguyện nghiêm trang, có dép tất có người, có tục tất có tiên, chiêng mõ vang vang tiếng dậm của một chiếc dép lẫn tiếng chạy của một bàn chân! Và chiếc dép ấy nghìn năm sau dường như đã chạy sang đất Việt .

*

Lần này, không phải là dép mà là giày, giày công chúa Liễu Hạnh, con gái thứ hai của Ngọc Hoàng Thượng Đế. Công chúa đánh vỡ chén ngọc nên phải giáng trần, giáng xuống nước Việt, như vậy kể cũng muộn màng nhưng ở thế kỷ 16 này, 1556, bên Tây cũng mới có Tin Lành và Nostradamus, bên Tàu cũng mới nảy Vương Dương Minh. Thuyết tri hành hợp nhất của họ Dương chắc truy lùng nguyên ủy phải bắt nguồn từ định nghĩa chữ Tổ của Tổ Sư Đạt Ma: "*hành giải tương ưng*" - nói và làm hợp nhau, là Tổ.

Nhưng Đại Thừa cao quá, dù cho Đạt Ma và Lục Tổ sau này có giản dị hóa thì cũng chỉ mở con mắt thứ ba cho những đầu óc có tiềm tàng con mắt ấy, nước Việt xứ nóng, dân chúng bông bột, cảm nhiều hơn nghĩ, dễ tin hơn dễ thuyết... nên Ngọc Hoàng cho giáng Thánh Mẫu cũng là hợp với tâm tình của Mẹ Âu Cơ, ôm ấp lấy một bộ tộc "thập nhị sứ quân", dùng kinh điển không xong, phải dùng đến luồng ba động cực tím (*tử ngoại tuyến vi diệu*) lay tỉnh chân Âm, rung động toàn thân trong ngoài, như một cơn mùa Thánh xoay trái tim theo hướng thiện nam châm, toàn quốc phải nhập vào một con lên đồng "*đồng qui nhi thù đồ*" để lấy sức siêu linh vượt qua sóng gió bão táp lịch sử, mà Trời Phật đã nhìn thấy, sẽ kéo dài cả 500 năm trên giải đất vắt vẻo góc biển Đông!

Nàng Công Chúa xinh đẹp như tiên giáng sinh cách đây 500 năm, vào năm 1557 (đời Mạc Phúc Nguyên) tại làng Vụ Bản, Nam Định. Chúa lấy Đào Lang năm 18 tuổi, về trời năm 21 tuổi, hiển linh về an ủi mẹ, an ủi chồng và rồi đưa chàng về cõi tiên. Xong xuôi công chúa độ dân lành từ ải Lạng Sơn vào đến cõi Nam...

"*Xuất thế vi Tiên, Giáng thế vi Phật*". Phật ở đây là Phật nhập thế, là Bồ Tát như Quan Thế Âm, mặc áo trắng, cứu khổ trừ tà... hiển linh làm kinh động vua quan đến nỗi vua phải phong làm Mã Vàng Công Chúa, sửa lại đền miếu, sau lại tôn làm Chế Thắng Bảo Hòa Đại Vương vì Chúa phù trợ quân vua đánh thắng giặc Mán! Nhưng sự hiển linh chỉ có thể trở thành một đạo nội lan tràn từ Lạng Sơn tới Thanh Nghệ nếu Tiên Chúa có những tông đồ biết hoàng đạo, biết gieo hạt giống xuống thửa ruộng bình dân đất Việt. Tông đồ ấy là Trạng Bùng Phùng Khắc Khoan, mà họ Phùng lại là một cao đồ của Trạng Trình, cũng như Nguyễn Dữ, tác giả Truyền Kỳ Mạn Lục người vào tận Thanh Hóa "tu tiên", viết truyện kinh dị kim cổ kỳ bút! Thế nên rất có thể cả môn phái Bạch Vân Am phù trợ một linh chúa thành Thánh Mẫu, mở ra một loại tôn giáo bình dân để giữ lấy gốc, mà lúc ấy, đời Hậu Lê độc tôn Nho Giáo, đời Mạc đã có các giáo sĩ du nhập giảng đạo Tây dương... cơ hồ làm cho nền Tam Giáo và nền văn hóa hữu lễ tâm linh Hùng Vương lay động!

Trạng Bùng rất tương đắc với thầy và cũng làm sầm như Trạng Trình. Năm được vua Lê chúa Trịnh cử đi sứ Tàu ông đã 70 tuổi: *Sứ thần họ Phùng... tuổi ngoài 70, hình dáng lạ lùng, răng nhuộm đen, tóc vấn thành búi, áo dài, ống tay rộng, khăn đội trên đầu thì lấy cả khổ vải đen trùm lên như dáng khăn ông sư, để một nửa rủ ở đằng sau xuống quá vai..* Trong bài thơ họa của Phùng Khắc Khoan với sứ thần Lý Chi Phong có câu:

"Phiếm hải khinh sa Ngưu Đẩu diêu"

(Thuyền vượt biển Đẩu, Ngưu soi sáng)

cho thấy họ Phùng có chú trọng tới chiêm tinh vì Đẩu, Ngưu là hai sao thuộc phạm dã nước Việt. Khi đi sứ Tàu về tới Lạng Sơn thì cụ Phùng gặp Chúa Liễu hiển linh khuyên nhủ khởi công làm đền thờ, Chúa hiện lần đầu ngồi dưới góc tùng gậy đàn bên chùa Thiện Minh, lần thứ hai ngay tại Tây Hồ Thăng Long, giữa não bộ long mạch "*La thành bất loạn*" ! Chúa mặc áo hồng điều như một thiếu nữ khuê các, xướng họa với cụ Phùng và thi hữu họ Lý, họ Đỗ, giữa làn gió lẩn tẩn sóng

nước hồ Tây riêng chiếm một góc trời tiên cảnh: "*Tây hồ biệt chiếm nhất hồ thiên*", tới lúc thiếu nữ kết bằng câu: "*Trăng tròn soi một bóng Tiên thôi*" thì nhóm cụ Phùng ngân nga giữa vườn đào bên lầu nguy nga "*Tây Hồ Phong Nguyệt*" như một thế giới bồng lai trong suốt như ngọc, vì hồ ngọc này có khác gì chén ngọc, *ngọc trản*, của tiên cung mà Giáng Tiên đã lỡ tay đánh vỡ trong bữa tiệc vườn đào, để rồi bị trích giáng xuống nơi đây!

Rồi Chúa Liễu vào Sóc Hương, vào tận Hoành Sơn, có lẽ Thiên Mục bên dòng sông Hương cũng là hóa thân của Mẫu, cho tới Thiên Y Ana ở Nha Trang, Bà Đen ở Tây Ninh, phải chăng cũng chỉ là thiên biến vạn hóa của một nguyên lý Mẹ, tâm tư Mẫu... một Âu Cơ bao bọc dân lành?

"*Tháng Tám giỗ Cha, tháng ba giỗ Mẹ*". Cha đây là Đức Thánh Trần Hưng Đạo thờ ở Kiếp Bạc, còn Mẹ chính là Chúa Liễu, là Thánh Mẫu...

Giỗ Cha có *Đông Tam Phủ* để trừ tà theo tích gươm báu Thánh Trần chém đầu tên phù thủy Tàu Nguyễn Nhan (Phạm Nhan), gọi là Tam phủ vì có phủ thờ Thánh Trần, phủ thờ Ngũ hổ tướng, phủ thờ các vương cô con gái Đức Trần Hưng Đạo.

Giỗ Mẹ có *Đông Tứ Phủ* thờ Thiên, Địa, Sơn, Thủy, mỗi phủ có một vị Mẫu cai quản như Mẫu Thoải (đọc tránh tên Thủy) hóa thân làm Chúa Liễu, hiển linh tại Phủ Giấy, đền Sòng... Nhưng ở thời mẫu hệ xa xưa, chỉ có một Mẹ chung sinh sinh hóa hóa, nên tam phủ hay tứ phủ, cũng là "nhất thể", nhất nguyên. Cổ sử Việt vốn khởi đi từ Động Đình Hồ, từ "nước", vì thế Mẫu Thủy dường như có ưu vị, hóa thân khắp nơi chốn, còn quần chúng bình dân thì chỉ biết một Thánh Mẫu, một vua Bà, một Mẹ, tùy thổ nơi mà thờ cúng :

*Đại căn tứ vị vua Bà
Công đồng Thánh Mẫu, tam tòa Chúa Tiên
(Tứ Phủ công đồng vẫn)*

Giỗ Cha giỗ Mẹ như vậy nằm trong Đạo Nội, đạo dân tộc, đạo thờ Thần Thánh, tìm siêu lực trong thiên nhiên, trong lịch sử, trong cõi âm linh... phù trợ cho người sống, phương pháp tìm siêu lực phù trợ ấy là phép lên "*đồng cốt*".

Trở về bản thể trong trắng hồn nhiên như trẻ thơ là *đồng*, đồng tử, đồng ấu... vào tới xương *cốt* để thấy nghĩa tử sinh như nhà sư quán chiếu chu trình sinh lão bệnh tử bên nắm xương khô... chết chẳng phải là hết, chỉ là đầu phẩy, từ kiếp này sang kiếp kia, như cái rễ khô cắm đúng mạch tốt lại nảy nở sinh hóa.

Cõi người, cõi tiên, cõi Bụt, cõi ma, cõi quý... không phải là những cõi khép kín, không che khuất tuyệt đối bằng màn sắt mà loáng thoáng thấy nhau bằng những tấm vải thưa... dung thông với nhau, "*vạn pháp duy tâm tạo*" là thế!

"*Lên đồng*" là trở về bản thể trắng như mây, nhẹ như khói, để có thể bay từ cõi này sang cõi kia vào một giây phút xuất thân, vượt xác phàm mà "*bốc*", muốn "*bốc*" tất phải có siêu

lực "*nhập*" vào cơ thể để có thể sống ở một cõi khác, một quốc độ khác. Cho nên khi "*thánh ốp*", "*bóng nhập*"... là lúc siêu lực "*giáng*" xuống người hoặc từ người nhìn lên là lúc "*thăng*" tít cung mây cùng với nhạc châu vãn, âm cao chọc qua nóc điện, xoay đảo những chiếc nón lá có quai xanh đỏ treo trên trần... bên những con công con hạc bằng đồng, cạnh những con rắn giáy quấn quanh xà ngang... hiển hiện của cõi âm...

Văn hóa Việt tộc vốn mang đặc tính Hữu Lễ, có trên có dưới, quy củ lớp lang trong cách nói, cách xưng hô ông bà cô cậu con cháu... vì thế cả một lớp lang sân khấu siêu linh được dàn ra:

Thiên đình : *Ngọc Hoàng Thượng Đế*

dưới có : *Tam Phủ, Tứ Phủ Thánh Mẫu...*

rồi tới :

Năm Quan lớn

Bốn Thánh Bà

Mười Hoàng Tử

Mười hai Tiên cô

Ba Cậu quận

Các cô Bé, cậu Bé (chết non)

tùy từng địa phương mà thay đổi không nhất định. Ngã ba Hạc Việt Trì nước xoáy có thờ Quan lớn Tuần... có nơi thờ Quan Lớn Nhất thích thơ phú ngâm vịnh, ông Hoàng Bảy ham bài bạc thuốc sái, Ông Hoàng Mười lại mê rượu ngon gái đẹp, cô Sơn Trang trong trắng ngây thơ thích hái hoa bắt bướm, Cậu Út ưa nũng nịu, vùi vĩnh... Cả một "công đồng" đầy đủ văn võ bá quan, một thế giới siêu linh sát cạnh, song song với sinh hoạt làng xóm khiến đời sống con người mở rộng kích thước vào các tầng giới khác hơn là mặt đất, các tầng giới ấy cũng giông giống cõi người, cũng tâm tình xúc động như còn sống, chỉ vì non yếu, vì nặng nợ đời, vì quyến luyến trần gian, vì chưa hết kỳ trích giáng (như Chúa Liễu)... nên còn lẫn khuất đầu đây, còn vui chơi với người đời, còn trêu chọc chúng sinh... họ là cái bóng của thế giới siêu linh chòm lên thế giới này, là cửa sổ dung thông cõi này với cõi kia... không có họ thế gian thiếu đi linh chất và chỉ còn lại vật chất thật da...

Đôi khi phải có chút gì sờ mó được treo trên cửa sổ siêu linh cho phàm nhân tin tưởng, nên khi cải táng Giáng Tiên, chẳng

thấy xương cốt hình hài... chỉ thấy một đôi giày chứng tích Mẫu đã đi xuống cõi trần một đêm trăng tròn mùa Thu ở Phủ "Giày". Nếu Đạt Ma để lại một chiếc dép "*diện bích*" thì Thánh Mẫu cũng thị hiện một đôi giày "*tối linh*", hay cả hai chỉ là hư cấu của tông đồ như Trạng Bùng?

*

Đi gần tới phủ Tây Hồ, một giải đất trời ra giữa sóng nước lào rào xanh đen, không khí bỗng như trầm xuống, làn gió bốc ẩm hơi nước quyện vào tóc tai, thoang thoảng hương sen như chút hơi tiên vào tục cảm, tôi bỗng nhỏ lại thành thằng bé ba bốn tuổi, theo mẹ lên đền xem ngòi đồng vào những ngày có nắng hanh óng ánh trên đầu lúa và sương mờ từng giải lụa trắng treo vạt vò trên đồi Chùa Yên Tử Đông Triều... Mẫu ở đâu cũng có nón xanh lục, hồng điều treo trên trần... ở Phủ Tây Hồ, ở đền Hàng Tre... những bát nhang thật lớn cắm nhang khói lên nghi ngút... mùi nhang và cây hoa dại không còn là tĩnh vật... chúng thân với từng huyết cầu và bộ thần kinh như thể là bạn bè mấy kiếp... Tôi nhìn vào Tam

Tòa Thánh Mẫu... đi quanh mấy cái sập... nơi đây đúng rồi... năm xưa các bà đồng mặc áo xanh lục, áo hồng tía, áo lụa trắng... như những bà Tiên, lúc cầm hoa ngắm mình trong gương, lúc đứng dậy chèo đò nhún nhẩy nhịp nhàng... xung quanh người ngồi chầu xuýt xoa cầu khẩn "*lạy Thánh mớ bái*"... lâu lâu Thánh lại cười cười nói nói bằng một loại ngôn ngữ "thiên thần" E.T như ở cõi khác, lúc Thánh vui tay mở hộp lấy những tờ giấy bạc một đồng trắng tinh phát cho người ngồi quanh "sân khấu" ... giữa tiếng cung văn hòa tấu, âm đàn nẩy lên như trèo cao chín tầng mây tía làm quay đảo cả những tua giầy nón treo lưng chừng nóc điện. Tất cả nay đã khuất đi, muôn chiếc bóng người xưa đã tan vào giải nắng nằm dài trên sóng nước, nhưng bóng chỉ khuất đi chứ không mất hẳn và đôi khi người sống đứng ở giữa quá vắng bỗng thấy mình loãng ra, nhẹ bỗng thành một cái bóng chơi đùa với thời gian, ngào ngạt trầm hương, phơi phới vạt áo đỏ và đôi hài Thánh Mẫu...

(trích tùy bút *Bốn Lần Leo Núi Tản-2000*)



Thị giả-Chùa Dâu

Đi Chùa Hương...

Tìm Loài Hoa

Ba Nghìn Năm Mới Xuất Hiện Một Lần

Có những giấc mơ rất khó đoạn diệt, kéo dài từ tuổi thơ ấu tới tuổi trung niên, tỷ dụ như ao ước cái tên Thăng Long được trả lại cho Hà Nội, quốc hiệu Đại Việt được trả lại cho Việt Nam v..v.. bao vết bụi bám trên đất tổ như một nghiệp dĩ, dù chỉ là những vết bụi danh từ mà nhà Phật đã dạy chẳng nên chấp nhất.

Chấp kiến đã khó cởi bỏ, chấp mộng lại càng vạn nan! Vào đời tưởng mộng xưa đã co rút lại, nào ngờ tiềm thức cứ thổi mãi lên, to dần, tròn đầy thành quả bong bóng, chúng sinh như đàn trẻ con cầm lấy đầu dây, buông thì tiếc, giữ thì mỏi tay !

Và tôi đã trở về Thăng Long sau 39 năm. Mới năm nào chớm thu bắt chước người lớn mắt ứa lệ qua cầu Long Biên, hôm nay một ngày tàn thu trở lại, mắt đã khô như sa mạc và lòng bình thản nhìn tuồng ảo hóa như một cơn bụi lốc của mê tâm. Những trang kinh Kim Cương, Pháp Hoa...quả có tác dụng giải thoát của nó..., tôi lần bước bên Hồ Gươm lối đi học năm xưa, lấy tay sờ lên mấy viên gạch cổ miếu chỗ Vua Chúa từng ngồi câu cá và là chỗ bán lạc rang của ông già Tàu nổi tiếng thời 1950... bên kia vườn hoa Chí Linh, từng chiếc lá vàng rơi lác đác trong cơn mưa phùn.

Nhưng Thăng Long mới chỉ là cuốn sử ngàn năm tiêu biểu cho phần ý thức lịch sử dân tộc, muốn tìm tới phần tiềm thức

lịch sử, nằm sâu thẳm trong huyền linh siêu việt, phải đi vào động Hương Tích. Ở vào thời Thủy Tinh dâng nước lên đánh Sơn Tinh cách đây bốn nghìn năm, châu thổ sông Hồng còn bị sũng nước, dân tộc lúc ấy ở trên vùng đồi núi cao, vì thế cái nôi của Việt sử là khu Tam Đảo, Hương Tích, Tản Viên, quanh quần trong cao độ này, nếu dùng tuệ nhãn tuệ giác, có thể ngửi thấy vết chân tổ tiên và nghe được tiếng đá của Sơn thần ném xuống loài thủy tộc...

Vào một buổi sớm tinh sương, ăn lót lòng bằng một nắm cơm gói lá sen thanh tịnh, tôi đi vào Chùa Hương, đi qua những con đường chất đống rom rạ và những cánh đồng cây sâu cước bẫm. Trời lại lất phất mưa như bụi hoa linh diệu trải đầy không gian, một không gian thân thuộc êm ấm như vòng tay người mẹ ôm lấy đứa con thơ, đứa hư đốn ngỗ nghịch, đứa ngoan ngoãn hiền lành, đứa cười, đứa khóc ảm ức... Chẳng bao lâu đã tới Bến Đục, nhưng đò nằm ở mạn dưới, chờ mười lăm phút mới lên được chiếc đò bé nhỏ.

Ngoài cô lái đò, khách đi hành hương chỉ có hai người và một chú tiểu ăn mặc như một học sinh, tay xách

máy cassette nghe kinh suốt dọc đường. Thấy giọng giảng kinh là giọng miền Nam, tôi hỏi chú ngoài này không có kinh ghi băng hay sao, chú trả lời không trực tiếp "*vì các sư ở trong Nam giảng kinh hay hơn...*" mãi sau trở về Thăng Long vào thăm Chùa Quán Sứ, trung tâm Phật Giáo miền Bắc, tôi mới vỡ lẽ là ngoài Bắc rất thiếu kinh sách, thiếu cả thầy tu, chứ đừng nói tới băng nhựa ghi kinh.

Mặc kệ cơn mưa bắt đầu tầm tã, trong luồng gió, tôi thấy chập chờn một bầu trời Bụt : nhấp nhô những ngọn núi xanh lam in hình dưới dòng nước lờ mờ, thỉnh thoảng bắt gặp một chú cá phe phẩy đuôi vàng như vạt áo cà sa... vạn vật nơi đây đang nằm trong diễn trình Phật hóa, ngày đêm thấm nhuần từng giọt mưa Bát Nhã, từng nhíp mỡ Hoa Nghiêm dưới trăng Lăng Già lờ lộng, cho đến cả cỏ cây, côn trùng, cả chim muông, lươn cá... đều trang nghiêm, cùng khách vãn cảnh, trong một sát na mở hội Diệu Hoa... Trời đất như trầm tư, con đò như rời cõi tục, nếu lời tiên tri của Trạng Trình đúng :

Bốn Bụt xuất thế đã chày
Chưa chọn được ngày tế độ muôn dân

Thì hẳn bốn Bụt sẽ xuất hiện nơi đây, nơi Phật địa này, để rải lên giang sơn gấm vóc những hạt Kim Cương cắt đứt oan cừu nghiệp báo.

Cô lái đò đã thế vừa đẩy con sào vừa đẩy đưa thêm vào thế giới siêu linh: " ở đây có 99 con voi tất cả đều châu về chân Phật, chỉ có mỗi một con bướng bỉnh không chịu châu nên bị Bồ Tát phạt mất một cái móng - vừa nói cô vừa chỉ trái núi bị vạt mất một mảng – và cái mảng móng voi bị phạt đứt ấy văng sang bên kia thành một mỏm núi khác". Câu chuyện thêm phần kỳ bí vì ở chân núi và ngay trên những eo đất lô nhô giữa làn nước mỏng còn thấy nhiều ngôi mộ cũ và mới như thế táng vào long mạch của quý địa này. Cô lái đò có giọng nói đon đả kể thêm chuyện một bọn Tàu định táng hài cốt vào giữa hang Phật bằng cách để lớp cốt ở dưới đáy đỉnh đồng, trên để hương trầm mang vào biếu nhà Chùa, nhưng

sur cụ biết được nên mưu mẹo của mấy chú khách bị đổ vỡ. Truyền thuyết phong thủy có nói tới 99 ngọn núi quý ở Hồng Lĩnh và ở Kinh Bắc, không thấy nhắc tới vùng Hương Sơn, có thể tại vì 99 con voi một con quay đầu nên chỉ còn 98 con châu về Phật động chăng? Sau cuộc biên dâu, được nghe lại những từ ngữ thân mật như "*sur cụ, chú tiểu...*" thật cảm khoái, cứ ngỡ thời gian đã tàn ác phá mất truyền thống thời xưa, kể cả những cách xưng hô lễ độ mà gần gũi. Càng ở những vùng xa Hà Nội, càng thấy dân tình giống như cũ, giọng nói vẫn thế, dáng dấp vẫn thế, còn ngay tại Hà Nội, nhiều lắm còn sót lại 20 – 30 phần trăm văn vật năm xưa, lâu lâu gặp lại sắc dân núi Nùng sông Nhị, nghe giọng nói mắt nhận nhau mà ngậm ngùi.

Con đò bập bênh xuôi khe Yên giữa làn nước mênh mông lan tới chân núi, sau gần một tiếng, đò ghé đền Trình để khách vào bái Sơn thần xin lên thăm Động lễ Phật. Đền Trình còn thờ một dũng tướng của Hùng Vương trấn ngự khu linh địa lịch sử ba bốn nghìn năm này. Lúc lên đò tiếp tục xuôi

vào Chùa trong, cảnh vật càng thanh tịnh hơn vì chú tiểu đã đi lên chùa nào không còn nghe tiếng băng tụng kinh nữa.

Từ Chùa trong, tam quan đang xây cất lại, lên tới động Hương Tích phải leo đường lót đá xanh dài tới 2 kilô mét. Mỗi phiến đá to đã mòn vết chân người xưa trầy hội, đầu đây còn xột xoạt những tấm áo tứ thân xanh đỏ, còn phảng phất trong hơi gió tiếng chào hỏi nhau ngày Hội, vành nón quai thao và lợn tóc đuôi gà...trong một thoáng tôi bỗng thấy mẹ tôi thời thiếu nữ lẫn giữa muôn chiếc bóng chập chờn, lao xao trong lá cây, ánh nắng buổi trưa tràn đầy triền núi.

Rừng núi hang động là nơi tiềm tàng Mẫu tính, là địa phận của Mẫu Thượng ngàn, của Chúa Liễu, quân bình với bên kia vọi vọi Ba Vì, cao và thiêng, Cao Biền bó tay mà phục, là Phụ tính, là Tản Viên sơn thần, là Đức Thánh Trần sau này... tín ngưỡng dân gian muốn dân tộc có Cha thiêng Mẹ hiền che chở và có Trời Phật độ trì. Tổng hợp tôn nghiêm này thể hiện rõ rệt ở động Hương Tích.

Leo tới cửa động chót vót đỉnh núi chân đã rã rời, không hiểu các cụ khi xưa không đi giày thể thao làm sao leo được lên đây? Chưa kể từ cửa động còn phải leo xuống hơn trăm bậc nữa mới vào tới động. Hôm ấy buổi trưa nắng đã lên nhưng bụi mưa vẫn còn lất phất, đi vào trong động thì tránh được mưa nhưng hết ánh sáng. Chặn giữa động là một tảng thạch nhũ từ trên nóc động rũ xuống trông giống như một người khoác áo mưa rom. Đằng sau tối om phải đánh diêm thắp lên mấy ngọn nến mới thấy leo lét những pho tượng Phật ngồi sắp hàng thành mấy tầng. Du khách có thể hơi rùng mình vì hang rất lớn và tối, trên cao còn đọc được dòng chữ Nho "*Nam thiên đệ nhất động*" của Lê Thánh Tông hay Trịnh Sâm cho khắc lên đá. Giá lúc này mà có một tên cướp xuất hiện thì thật giống mẩu truyện trinh thám của Thế Lữ hay Phạm Cao Cung kể chuyện bọn buôn người bắt trẻ con đem dáu trong hang.

Đứng giữa Chùa Hương không một bóng người, không thấy một thiềm sư... sự im lặng trọn vẹn làm thời gian không còn

bờ mé... có lẽ hay hơn là đi vào ngày Hội, kéo dài cả tháng, cả vạn người chen chúc... và có thể mấy chiếc quần jeans, khói thuốc lá, máy chụp hình, những tiếng xì xồ... làm tan vỡ mất giấc mơ ấp ủ, một tưởng tượng huyền hoặc đang vờ vọi giữa không gian tiềm thức.

Ra tới cửa động có cảm tưởng như rời khỏi cái nôi linh thiêng. Từ cái nôi này, có đường lên Trời, có lối xuống Địa Ngục, có vết chân Bồ Tát, và nhất là có dấu chân của muôn kiếp người. Có thể vạn năm xưa tổ tiên Lạc Việt đã trốn lụt hồng thủy ở trong động này, thời đồ đá chắc đã có người vượn ngồi ở trong hang đèo gọt những chiếc rìu, chiếc búa. Từ cửa động nhìn bao quanh núi non, đây là một địa thế chiến lược có thể làm chỗ dưỡng quân cho cả mấy sư đoàn... Phải chăng vị dũng tướng thờ ở ngoài đền Trình đã lui binh về đây để cố thủ bảo vệ vua Hùng?

Đi xuống núi cũng mệt như lúc leo lên, tới chặng giữa phải ngồi nghỉ chân, tình cờ lại ngồi đúng bên suối Giải Oan,

nước cạn nhưng vẫn còn nghe róc rách. Tỉnh thoảng ở bờ núi chung quanh có tiếng nổ lớn, ông quản lý ngôi chùa nhỏ nói với người thợ đang vét đất bên dòng suối: " *Các ông ấy lại cho nổ mìn để mở mấy cái hang động mới* ", như thế trong vùng Hương Sơn chắc còn nhiều hang động to nhỏ và còn rất nhiều chùa chiền lẫn khuất sau rừng cây vách đá. Nhiều nhà địa chất gọi Hương Sơn là Vịnh Hạ Long trên cạn, núi hang chập chùng đủ mọi hình thể.

Cổ nhân xây chùa dựng tháp thường chọn những danh lam thắng cảnh và chọn địa thế theo phong thủy có sông uốn khúc, có núi quay vòng. Leo bậc đá hai cây số để lên lễ Phật Bà Hương Tích đã là thực hành đức tinh tấn và thời gian bước tới từng bước nhọc nhằn tự nó đã là những lời kinh giác ngộ.

Đạo Phật như hạt giống gieo vào đất nào thì thuận theo mùa màng khí hậu của đất ấy mà mọc thành thổ sản, từ bùn lầy sen vẫn vươn lên tinh khiết và vạn trang kinh vẫn chỉ là

những cánh hoa trắng vô ngôn, ai có căn tốt cứ việc sáng tạo thêm. Theo đúng tinh thần này thì đạo Phật không nên câu nệ mảnh đất nào, tốt hay xấu, đỏ hay vàng, vẫn cứ gieo trồng vun tưới cho bùng nổ đóa diệu hoa. Gọi là đại hùng đại bi là như vậy. Con voi hung dữ mà Bụt còn dạy được huống hồ mảnh đất Giao Chi đã có sẵn mầm tốt, đã có sẵn 5000 ngôi chùa và nhất là có sẵn một khối người đang tinh dậy tìm về cội gốc thiện căn.

Nghĩ miên man như vậy bên dòng suối Giải Oan, khách vẫn cảnh có thể tự hỏi tại sao nhiều nơi có suối Giải Oan, có chùa Giải Oan... phải chăng vì kiếp người Việt Nam chịu oan khiên chồng chất nên cần được giải thoát ? Chữ "OAN" trở thành một tiền đề phổ quát, nàng Thị Kính tiêu biểu cho bao người đàn bà chịu cắn răng nhịn nhục mà hóa thân thành Quan Âm Thị Kính, là một sáng tạo đặc biệt của đạo Phật bình dân. Chuỗi oan khiên dằng dặc đã được mô tả trong "*Cung Oán*", trong "*Đoạn Trường*", trong "*Chinh Phụ*"...nỗi Oan và Oán trùng trùng trên quê mẹ thấm đẫm máu ta và

người... máu Tàu, máu Mông Cổ, máu Mãn Châu, máu Pháp, máu Nhật, máu Mỹ, máu Ma Rốc, máu Chăm, máu Phù Nam, máu Khờ Me... triệu triệu vong linh ta và người ấy đã siêu thăng hay hã còn u uất với nỗi oan yểu vong? Nếu Tạo Hóa chọn mảnh đất uốn éo cong queo này làm lò cừ để thử lòng nhân của con người, thì đây là lúc phải lập *Đại Đàn Giải Oan* vừa siêu độ vừa cởi bỏ oan khiên nghiệp chướng còn tụ đọng trong đáy huyết quê hương. Biết đâu sức chiêu cảm của lòng thành thấu tới tai Quan Âm để rồi thiên thủ thiên nhãn sẽ tháo tung những nút thắt oan nghiệt trên tấm thân mang hình chữ S ?

Ý nghĩ lập đàn Giải Oan theo tôi ra mãi con đò cắm sào chờ đợi. Đò có thêm mấy người cùng rời bến ra về. Trên làn nước hoàng hôn vạt sương lam mờ mờ bao phủ sườn núi, loáng thoáng bên tai có người nhắc tới rau xắng Chùa Hương và đặc sản thịt lươn của non nước vùng này... Nhìn lại vòm trời rất *hồn bướm mơ tiên* đang bốc lên như hơi thở ngân nga lan vào vũ trụ linh diệu, tôi ước ao có một cái túi hồ lô đựng

nắng, đặng gió, đặng cả những cánh mưa hoa, cả hơi thở của núi...mang về làm quà cho bằng hữu...

Và, một luồng ba động lại khởi lên từ cõi tâm *mộng chấp* :
có Dương thì phải có Âm, cổ nhân nói nước ta chỉ có núi Ba
Vì tối linh là mọc được nhân sâm, vậy thì động Hương Tích
ắt có hoa Ưu Đàm ba nghìn năm mới xuất hiện một lần...
Năm sau trở lại đi tìm, biết đâu chẳng trúng mùa hoa khai ?

11-1993 Bốn Lần Leo Núi Tản (xb 2000)



KHÓI TRẢ

XÓA KINH

TRONG SƯƠNG MÙ

Thăng Long cổ tích hồn xưa phe phẩy dưới tàn cây
bồ đề chùa Trần Quốc, dựng từ thời Lý Nam Đế, thế kỷ thứ
VI, chùa là cảnh *thiện*, đặt vào cảnh đẹp Hồ Tây là *mỹ*, còn
lòng người có phải là cõi *chân như* không, hay chỉ là cánh
cổng mở ra mở vào muôn vàn quốc độ khác nhau, tùy theo
căn cơ phúc đức nghiệp quả của chúng sinh, sắp xếp như lớp
học, *thập địa*, tùy trình độ, *thiện vừa vừa* mà đã nhập thiên
đường ngay với thánh nhân thì *bất xứng*, *ác vừa vừa* mà bị
xuống Địa ngục cùng đại gian đại ác thì cũng không thể hợp
tình hợp lý!

Dân Bách Việt phương Nam hợp lời bình dị Lục Tổ,
thích sự im lặng diện bích 9 năm của Đạt Ma, lấy câu kinh

tuyệt tác làm châm ngôn hành trì “*giáo ngoại biệt truyền, bất lập văn tự, trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật*”...như đức Phật đơm một bông hoa, chỉ có một cao đồ bất được tâm ý, mỉm cười...và đạt đạo...

Mang những thắc mắc tri thức vào *đạo* giống như thói quen bỏ đường, đổ sữa, chêm muối vào làm mất hương vị trà, thắc mắc của một Will Durant như đã vô ngã thì còn lại gì khi luân hồi chuyển nghiệp, kiếp sau đi sang cõi nào.. rất nhiều bài toán trong đời người không cần đáp số, câu hỏi tự chúng tan loãng dần, đi tìm tất cả đáp số chính là nguyên nhân của tâm bệnh trí thức...*Bất khả tư nghị*...không thể nghĩ bàn...đức Phật nói thế mà Khổng Tử cũng dạy học trò: việc quý thân nên *kính nhi viễn tri*...kính trọng nhưng nên xa ra...Lão Tử rất gần với Lục Tổ : *đạo khả đạo phi thường đạo* ...đạo mà nói giảng ra được thì không phải là đạo...

*Đi tìm đáp số giống như người bị trúng tên đau đớn,
việc cần kíp là rút mũi tên ra chứ không phải luận*

bàn mũi tên đó từ phía nào, do ai bắn tới....thế gian này loạn ngôn loạn đã phải chăng vì ai cũng cho đáp số của mình là đúng ? Phân biệt quân tử với nguy quân tử đã khó mà phân biệt người đạt đạo với bất đạt lại càng khó hơn... Thích Ca Mâu Ni ngày xưa nổi danh là nhà hiền triết im lặng, ít nói, ít tranh biện, đôi khi ngài lên đàn giảng không nói lời nào rồi lại đi xuống...Suy ra ai nói nhiều, viết nhiều...e rằng khó đạt đạo chăng?

Không thể nghĩ bàn là phải...nói ông Trời thì bà Trời đâu? nói là Hóa Công thì ai để ra Hóa Công... Thế nên tên Phật như A Di Đà nguyên nghĩa là Diệu quang, một luồng ánh sáng vi diệu, không hẳn là một hình tướng...Quan Thế Âm lúc tượng trưng là Nam phái ở Ấn, sang Viễn Đông thành Nữ...không quan trọng, vì Bồ tát có thể muôn biến vạn hóa, không mang hình thù người, biến thành cục đá, đập vào chân chảy máu mà làm nhân thể tinh ngộ...thì hòn đá khi ấy biết đâu chẳng là một Bồ tát hóa thạch ?...

*

Cổ nhân vào đời bằng Nho, xuất thế bằng Lão, nhưng Phật thì rớt ráo, xuất hay xử, bao bọc dung thông hết thảy. Tuổi 50, tuy chẳng còn *bơ vơ giữa đường đời*, nhưng vẫn chưa thể gọi là *tri thiên mệnh* như các cụ thời *thất thập cổ lai hy*, vẫn còn chút hứng thú đi tìm một cái gì cho tâm trí, dần dà bắt đầu thấy rùng rậm triết lý La Hy không kham nổi, thấy Husserl, Heidegger...dành cho sở trường tâm não Du Thái, Đức..thấy Hiện sinh, Mác xít...là chuyện gây sự, kiến lửa bò quanh miệng chén...không tháo chạy cho nhanh khỏi đám rừng cháy đó thì chẳng tẩu hỏa nhập ma cũng dễ thành *bát sách* điên đảo mộng du..mà rồi chẳng ích dụng gì cho cuộc sống...Tuổi này, bắt đầu nhìn thấy một màu xanh, rất rộng, rất cao...vây bủa quanh mình, sâu thăm thẳm ngay khi nhắm mắt lại, chưa biết hẳn thiên mệnh là gì, nhưng biết một nửa, biết vòm xanh kia, là chốn *đi về* của vạn vật, thế thì những trang sách đen ngòm kiến lửa có cần thiết nữa không?

Ngày xưa sư núi Yên tử bảo vua Trần: *Phật chẳng có trong núi*, thì ngày nay, giá nhà sư ấy còn sống, hẳn sẽ nói tiếp : *Phật chẳng có trong sách !*

Xưa nay bao người, như Nguyễn Du, từng giác ngộ khi đọc kinh **Kim Cương**, đọc kinh này, phải giật mình, đập tay xuống chiếu, chẳng phải là giật mình đốn ngộ, mà là sự giật mình tự hỏi sao trên thế gian này, lại có một đầu óc sắc bén đến thế, cao siêu đến thế...không phải chỉ là lời dạy của bậc vạn thế sư biểu, không phải chỉ là luận lý học siêu đẳng...không, một cái gì vượt nữa, cao nữa, một cái gì thế gian này không dung chứa nổi. Lời kinh đồng thể với ánh sáng trong vũ trụ, là điệu quang...chỉ có vị vượt ngôn ngữ mới giảng được cách vượt ngôn từ, chỉ có luồng ánh sáng vi diệu mới băng qua được những bức tường biên kiến, mới phá toang được ngục tù trong tâm địa con người, mới chặt đứt được những nỗi khổ tâm, dằn vặt, do đàn kiến lửa chấp kiến, hàng hàng lớp lớp đốt bỏng da thịt nhân thế. Đọc một lần, gấp kinh lại, *sợ*, không dám đọc lần thứ hai, bàng hoàng từ

vững bền thoát lên vườn hoa, như từ hang tối của Socrates, Platon, thoát ra nhìn thấy mặt trời...choáng váng.

Kinh Phật đã nhiều, cả 5000 tập, mà sách vở bàn luận lên tới hàng vạn. Nhưng mấy bài kệ ngắn gọn, những dòng *hài cú* tinh tuyền, chính là nẻo dẫn vào Pháp giới nhẹ nhàng hơn cả, mà nếu đã đọc sách, thì sách của các bậc đã hành trì đạt đạo thường rực sáng khác hẳn loại *đội bè lên đầu, vác bốn bờ chữ* đi hoăng pháp !

Cao tăng Achaan Chah, 1918-1992, từ xứ Phật nguyên thủy, rất chí lý khi dặn dò : trở ngại lớn trên đường tu hành chính là ý kiến đầy đặc, vì ***tu hành là để vượt qua cả sự ngu dốt lẫn trí thông minh !*** Nói khác đi là đọc, nghiên ngẫm, quán chiếu, để thấu hiểu, khi nhuần nhuyễn rồi, như người giỏi võ, cần trở lại trang giấy trắng, như người chưa kẹt vào bài võ hay chiêu thức. Cho nên một nhà sư đi chân đất, khát thực, *thân giáo*, tự mình làm tấm gương nhẵn nại, thuyết phục làng xóm hơn cả một buổi thuyết pháp.

Bây giờ, trái đất hẹp lại, kinh tế toàn cầu, từng đoàn, từng nhóm, đi hành hương, hết xứ này đến xứ kia, hết chùa này đến chùa khác...Sur Achaan Chah lại đánh một hồi chuông nhắc nhở :

Đến gần Phật tích không có nghĩa là đến gần chân lý !



Nhạc sĩ Nguyễn Hiền, sinh thời thường hay nhắc câu kinh : *quán kỹ âm thanh nhi đắc giải thoát*, âm nhạc thanh tao dễ đưa tâm hồn vào cõi thanh tịnh. Đôi khi tạt qua chùa người Hoa ở Berkeley, nghe họ tụng kinh, chỉ nghe ra câu *Nam mô A di đà Phật*, họ tụng đi tụng lại, âm thanh trầm bổng làm người nghe say sưa tựa hồ đang đứng ở một cõi nào rất khác, giữa khóm tre trúc, bông bèo trên ao nước, âm điệu an bình, điệu ru, trầm hòa, ôm ấp, an ủi, lòng bình thản

như dạo vườn hoa, ấn tượng không phai mờ, chuyển hoá hơn cả thiên kinh vạn quyển!

Từ âm điệu tụng kinh trầm bổng ấy, nghe sang kèn đồng dài *Dung & Buhtak* của tu viện Tây Tạng Khampagar, lại có hấp lực khác, tiếng gió hú trên đỉnh tuyết, tiếng hù hù của lòng đá Hy Mã vạn vạn năm, tiếng gọi của Bành Tô ngồi trong hốc mây trắng, tiếng sấm Bạch Vân Am u u minh minh...hay là Bồ Tát *Càn Thát Bà* chuyên về âm nhạc, đang rải chủng tử nhạc, như rải từng hạt nắng chiều, phủ đầy lên không gian, rung rinh trên đầu sợi lông sợi tóc chúng sinh, từng viên kim cương phát ra tiếng động thiên giới? Sức mạnh kinh hồn của im lặng là âm ba làm lì của quả đất thiên hành vòng quanh mặt trời, công theo 7 tỷ đầu người, làm lì, im lặng...Sakya Muni chẳng nói một lời, mà sao âm vang lại phổ vào tiếng gió, lồng vào cánh thời gian ù ù, như loài *kim xí điểu*, một lần bay, che phủ mấy mươi thế giới! Sự im lặng kỳ diệu đó, tôi còn thấy một lần, hè 1963, trên *balcon* nhà, góc đường Phan Đình Phùng- Lê Văn Duyệt, đang ngồi học

thi, bỗng thấy dưới đường hàng trăm nhà sư mặc áo vàng, lấm li, im lặng, đi chân đất, và rồi một ngọn lửa vàng bốc lên...không gian lúc ấy có độ thiêng, tôi thấy lóe rục trong lòng một ngọn lửa rất sáng mà rất mát!

*

Sáng hôm ấy, trời sương mù mùa đông xú người, từ trong nhà nhìn bốn bề trắng xoá bênh bồng đầu cây, tôi tự nhủ, trong hương thơm trà sen, từ nay chẳng nên đối với đáp, lý với sự, ung dung tự tại, phải chăng đó cũng là lời dạy của hiền triết Hy Lạp Socrates, *connais- toi, toi mème - hãy tự biết chính mình*, chẳng khác gì tâm tĩnh lặng, *chính tư duy*, tự mình đốt đuốc lên mà đi ?

Giữa màn sương mù, suối kinh rười rượi nhẹ nhàng từng giọt nước trong veo nhỏ trên tàu lá chuối, thanh thảo lời ru, từng bước chân chập chững của chú bé lên 3...mẹ dẫn lên chùa...Chùa nằm trên một quả đồi, có sào ruộng tám thơm,

có bãi trồng sắn...mỗi lần gió từ vịnh Bái Tử Long thổi vào, lá lá ôm nhau như búp tay chú tiểu Lan chấp lại, ào xào sập xuè cánh bướm đôi thông...có thể đấy chỉ là giấc chiêm bao lẫn lộn chùa làng thuở thơ ấu với chùa Long Giáng trong Hòn Bướm Mơ Tiên, nhưng thực hay mộng, bướm hay người, làm gì có biên giới trong cõi tâm, mọi bức tường đều do con người dựng lên, rào rậu phân chia, rút cuộc rào rậu luôn chính mình...trong cái lồng hư vọng!

*

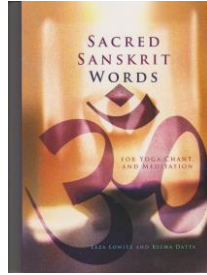
Kiến thức là những gì còn lại sau khi quên...dường như A. Einstein đã nói thế... vài câu kinh chìm nổi theo phiến lá rụng trên mặt nước, trầm ngâm trong sương mù giữa chén trà sen bốc hơi đầm ìa quanh mắt, cũng không rõ phiến lá rơi là tả từ kinh nào :

*Cõi tâm như một khu vườn, có thể gieo trồng tình thương hay lo âu, uất hận hay bác ái. **Bạn muốn gieo trồng hạt giống nào?***

The heart is like a garden. It can grow compassion or fear, resentment or love. What seeds will you plant there?
(Buddha's Little Instruction Book by J.Kornfield).

Nói thì dễ, ai chẳng muốn vun trồng một vườn hoa thom ngát trong tâm địa mình, nhưng mãi mê lăn lộn giữa cuộc sống, nên nhiều khi cỏ dại mọc đầy mà không biết!

1-2002



VĂN HOÁ TAM GIÁO



THỜ TỨ BÁT TỬ

Đời Hùng Vương, khởi đầu muôn lăm là vào 700-800 năm trước Tây lịch, cách đây khoảng 3000 năm, quy tụ con dân sinh hoạt quanh vùng châu thổ sông Hồng tới châu thổ sông Mã, mạn Bắc lên tới vùng Yên Tử Hạ Long, mạn Nam tới dãy núi đá vôi Ninh Bình Thanh Hóa.

Nhìn hình các trống đồng tiêu biểu nền văn minh Lạc Việt thời đại lập quốc này có thể thấy Mặt Trời hay gọi tắt là Trời chính là tín ngưỡng của dân tộc cổ xưa, sau này nhân cách hóa thành Ông Trời, Trời Xanh (*Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen*), Trời Cao, Trời già... Nhật Bản thờ Thái dương thần nữ, người Âu châu nghìn năm trước Thiên chúa giáo có lẽ cũng thờ Mặt trời, có tài liệu cho rằng ông già Noel mặc áo đỏ là dấu vết của tín ngưỡng thờ mặt trời xa xưa.

Cũng như nhiều dân tộc khác và nhiều nền văn minh khác trên thế giới, tín ngưỡng cổ sơ nhất của người Việt là tin vào thần lực vũ trụ thiên nhiên: *thần sấm thần sét, thần gió, thần mưa*, hoặc quanh mình như *thần sông thần núi, thần cây thần đá, thần hang thần động*...con người không sinh hoạt biệt lập mà liên lập với thế giới linh thiêng, cầu mong phù trợ của thần lực gia tăng cho đời sống luôn luôn bị thiên nhiên đe dọa.

Khi Đạo Phật vào Việt Nam, khoảng thế kỷ thứ II, và Sĩ Nhiếp tôn sùng cả Phật lẫn Nho, thì tín ngưỡng cổ sơ của Lạc Việt bắt đầu chuyển hóa: *thần Sấm thần Sét thành Pháp Lôì Pháp Điện, thần gió thần mưa thành Pháp Vân Pháp Vũ...* tứ Pháp này cũng giống như diễn trình Phật hóa đạo Bons bên Tây Tạng thế kỷ thứ VI, đạo Phật gieo hạt giống khế cơ với tín ngưỡng địa phương để dung hòa phát triển mà không triệt tiêu tín ngưỡng bản xứ.

*

Thời đại Hùng Vương bắt đầu với một bà mẹ: *Âu Cơ*, lịch sử quật khởi dân tộc bắt đầu với một nữ anh hùng: *Trung Vương*, thì lịch sử đạo pháp dân tộc cũng khởi đi từ một người đàn bà: **Man Nương**.

Man Nương là một cô gái nghèo ở chùa vùng Luy Lâu (phía bắc Hà Nội bây giờ), được pháp sư Khâu Đà La (Ksudra) truyền dạy phép thần thông từ thuở 12 tuổi, lại trao cho nàng một cây gậy trúc trước khi vân du và dặn khi nào

hạn hán thì cắm cây gậy xuống đất thì mạch nước sẽ trào ra. Suốt 3 năm Man Nương mang phép gậy trúc ra hoẵng dương giúp nhà nông có nước cấy cấy, chuyện đến tai Sĩ Vương, Sĩ Vương cho người đi rước Khâu Đà La thì pháp sư đã đi xa rồi. Truyền thuyết nói Man Nương mang linh thai, sinh ra một gái, nằng bé con trao cho Khâu pháp sư, pháp sư đặt đứa bé vào hốc cây đa giao cho thần cây giữ gìn, sau cây đa bị đổ, thân cây trôi về bến sông Dâu. Khi ấy Man Nương đã già (80 tuổi) ngồi ở bên sông cửa chùa, thấy mọi người không kéo nổi cây đa vào bến, mang búa chặt thì búa gãy, bà mới hỏi cây đa “*có phải là con thì vào đây với mẹ !*” thì tự nhiên cây đa dạt vào bến. Man Nương biết là cây đã thành thần nên xin với Sĩ Vương cho tạc thành tượng để thờ. Khi thợ xẻ khúc đầu thì trời nổi mây (*pháp vân*), xẻ khúc nhì trời mưa xuống (*pháp vũ*), xẻ khúc ba, khúc tư thì trời nổi sấm sét (*lôi, điện*). Riêng khoảng hốc cây trước kia giữ đứa bé thì cứng như đá, phát hào quang nên được tạc thành Thạch Quang Phật cùng thờ với tượng *Pháp Vân ở chùa Dâu*, là ngôi chùa cổ nhất Việt Nam và theo sư Pháp Hiền (tk VI-VII) thì là *linh địa số một nước Nam ta*.

Chuyện Man Nương cho thấy: cây đa có thể thiêng thành Phật, mưa gió sấm sét có thể hóa phép thành pháp độ chúng sinh, chưa kể đứa con (có thể do môi tình vụng trộm giữa Man Nương và pháp sư ! ?) phải dấu đi, phản ánh phần nào phong tục cổ Việt 1800 năm trước.

Trong khi Phật, Lão và Nho du nhập đất Việt thì tín ngưỡng *đời Hùng vẫn tồn tại*, đó là tín ngưỡng bình dân, là Thần đạo, thờ thần sông, thần núi, thờ anh hùng, thờ nhân vật dị kỳ ...gọi chung là ĐẠO NỘI, đối lại với các đạo từ ngoài mang vào. TỨ BÁT TỬ là bốn vị thần chính của Đạo Nội :

***Chử Đồng Tử** đời Hùng Vương thứ III, **Phù Đổng Thiên Vương** đời Hùng Vương thứ VI, **Thánh Tản Viên** cuối đời Hùng, và sau cùng là **Liễu Hạnh** thánh mẫu hay Phật Mẫu đời nhà Mạc. Riêng tục Thờ Mẫu còn tồn tại cho đến hiện tại qua đền miếu và tục lên đồng.*

Liễu Hạnh Thánh Mẫu

Nàng Công Chua xinh đẹp như tiên giáng sinh trong gia đình Lê Thái Công mẹ họ Trần, giữa đêm rằm tháng Tám cách đây 500 năm, vào năm 1557 (đời Mạc Phúc Nguyên) tại làng Vụ Bản, Nam Định. Theo sự tích thì nàng là Công chúa thứ hai, con Ngọc Hoàng Thượng đế, lỡ tay làm rơi chén ngọc nên bị trích giáng xuống nước Nam. Nàng lớn lên xinh đẹp lạ thường, thi nhạc đều giỏi, có để lại 4 khúc Xuân, Hạ, Thu, Đông cầm ca. Thái Công cho nàng làm con nuôi bạn, họ Trần, rồi gả nàng cho Đào lang, là con nuôi của ông quan hàng xóm họ Trần ấy. Chúa lấy Đào Lang- một chàng con nuôi họ Trần khi còn thơ ấu bị bỏ rơi nằm dưới gốc Đào- năm 18 tuổi, sinh được một trai, không bệnh mà về trời ngày 3 tháng 3, năm 21 tuổi. Lúc cải táng không thấy hình hài xương cốt mà chỉ thấy *một chiếc giấy* như dấu tích của tiên để lại cõi tục. Vì thế Giáng Tiên Liễu Hạnh được thờ ở Phủ Giày, Nam Định. Chúa thường hiển linh về an ủi

mẹ, an ủi chồng và rồi sau đưa chàng về cõi tiên. Xong xuôi Tiên Chúa hóa hiện độ dân lành từ ải Lạng Sơn vào đến cõi Nam...

"*Xuất thế vi Tiên, Giáng thế vi Phật*". Phật ở đây là Phật nhập thế, là Bồ Tát như Quan Thế Âm, mặc áo trắng, cứu khổ trừ tà... hiển linh làm cô gái đẹp bán nước, kẻ đùa bỡn đều bị thánh phạt lặn ra chết, làm kinh động vua quan ở đèo Ngang Phó Cát, Thanh Hóa, đến nỗi vua phải phong làm Mã Vàng Công Chúa, sửa lại đền miếu cầu thánh cho dân thoát nạn dịch tễ, sau lại tôn làm Chế Thắng Bảo Hòa Hiệu Đại Vương vì Chúa phù trợ quân vua đánh thắng giặc Mán Chiêm Thành!

Nhưng sự hiển linh chỉ có thể trở thành một đạo nội lan tràn từ Lạng Sơn tới Thanh Nghệ, từ Phủ Giầy Nam Định tới Đền Sòng Thanh Hóa, Sóc Hương Nghệ An... nếu Tiên Chúa có những tông đồ biết hoằng đạo, biết gieo hạt giống xuống thửa ruộng bình dân đất Việt. Tông đồ ấy là Trạng Bùng Phùng Khắc Khoan, mà họ Phùng lại là một cao đồ

của Trịnh Trình, (cũng như Nguyễn Dữ, tác giả Truyền Kỳ Mạn Lục người vào tận Thanh Hóa "tu tiên", viết truyện kinh dị kim cổ kỳ bút và Trương Thời Cử, thâm hiểu sấm ký)! Thế nên rất có thể cả môn phái Bạch Vân Am phò trợ một linh chúa thành Thánh Mẫu, mở ra một loại tôn giáo bình dân để giữ lấy gốc, mà lúc ấy, đời Hậu Lê độc tôn Nho Giáo, đời Mạc đã có các giáo sĩ du nhập giảng đạo Tây dương... cơ hồ làm cho nền Tam Giáo và nền **văn hóa hữu lễ** tâm linh Hùng Vương lay động!

Phùng Khắc Khoan gặp Thánh Mẫu Liễu Hạnh hiển linh hai lần ; lần đầu ở chùa Thiên Minh Lạng Sơn là nơi chúa trụ trì, quanh đây có khi chúa hóa hiện làm người đàn bà ngâm thơ dưới trăng, có khi làm bà lão chống gậy bên đường, lúc chúa đang ngồi dưới gốc cây tùng gậy đàn mà hát :.....*tùng minh vạn hác hề thanh tiêu tiêu...vũ đàn trường khiêu hề độc tiêu dao...*

Dịch : *Thông reo cửa động rì rào
Vũ đàn vang tiếng tiêu dao một mình !*

thì vừa lúc sứ giả họ Phùng đi sứ Tàu về nước. Hai người xướng họa đối đáp nhau một hồi thì Chúa biến mất, để lại tên chiết tự thành chữ *Liễu Hạnh* và một chữ *khởi*, ngụ ý bảo họ Phùng khởi công làm đền thờ.

Lần thứ hai, họ Phùng và các bạn thơ Lý, Ngô...chơi thuyền lạc lối vào khóm đào xanh tươi, giữa có lầu cao đề bốn chữ “ *Tây hồ phong nguyệt* “ ngay ở Hồ Tây, Thăng Long. Chúa lần này mặc áo hồng như một thiếu nữ khuê các trên lầu, xướng họa với nhóm thi tửu họ Phùng, tới lúc Chúa kết thúc với câu : *Trăng tròn soi một bóng tiên thi* thì nhóm bạn bè họ Phùng mới biết là Chúa Liễu hiển linh nơi Tam Tòa Thánh Mẫu, sau Phủ Giày (nhất tòa) và Sông Sơn (nhị tòa).

Nhận xét :

Ba vị tứ bất tử trước đều ở vào thời xa xưa đời Hùng Vương, Chúa Liễu là vị *bất tử nữ giới* độc nhất và xuất hiện sau cùng, cách đây khoảng 500 năm (1557).

Tài liệu về Chúa Liễu, theo học giả Nguyễn Đăng Thục, có chép trong sự tích Sòng Sơn Thánh mẫu của Hội Chân Biên của Thanh Hòa Tử, vào đời Nguyễn, “ từ đời Lê đến nay (1847), từ hàng nhất phẩm triều đình, các quan không ai không cúi đầu chịu thờ phụng.. “ (Tur Tường Việt Nam tr. 181). Điểm cần nhấn mạnh Chúa Liễu Hạnh xuất hiện vào Triều Mạc, trên đất Nam Định lúc ấy thuộc nhà Mạc (cho tới mãi sông Mã), vậy không thể viết là Chúa sinh vào đời Lê được. Việc thờ cúng Chúa Liễu đi theo với tục lên Đờng bóng, cộng với việc xưng tụng là Thánh Mẫu, cho thấy có nỗ lực đưa Chúa Liễu làm Bà Mẹ thiêng liêng của quần chúng nữ giới, từ xưa nay tín ngưỡng dân tộc tồn tại và phát triển là nhờ vào thành phần này. Đàn ông lên đình họp, đàn bà lên đền cúng, cúng Thánh, lạy Phật, và Thánh Mẫu cũng có khi gọi lẫn là Phật Bà, Phật Mẫu, không phân biệt theo cặp mắt bình dân. Ở Tây phương, thờ Chúa Ky Tô, cũng phải thờ thêm Đức Mẹ đồng trinh, cũng có thể là do nhu cầu của nữ giới vốn rất đông và vốn cảm thông với siêu linh sâu mạnh hơn nam giới. Tín ngưỡng *hang động*, như động

Hương Tích, cho thấy phần âm, tĩnh, sâu, tiềm ẩn, là phần không thể thiếu trong tâm thức tín đồ.

Chúa Liễu mãi tới đời vua Tự Đức còn được sùng kính, khi Pháp xâm lăng, nhà vua còn cử sứ thần tới đền Sòng xin cơ bút, bài cơ bút này, giống như sấm Trạng Trình, tiên tri sự xuất hiện một bậc thánh nhân vào thời thánh đạo: *Trời Nam mở vận Viêm bang...Non xanh mà mọc trắng răng mới kỳ... trắng răng tức Bạch Sĩ, là bậc đại nhân mà Trạng Trình hay nhắc tới. Ta có câu :*

Tháng Tám giỗ Cha

Tháng Ba giỗ Mẹ

Giỗ Cha là giỗ Đức Thánh Trần Hưng Đạo ở đền Kiếp Bạc, hóa thân của Thánh Gióng, Giỗ Mẹ là giỗ Chúa Liễu, bậc thánh Mẫu Trời giáng xuống cõi Nam bang. Dân tộc có Cha Thần Mẹ Thánh kế tiếp cặp Rồng Tiên Lạc Long-Âu Cơ để phù trì dân tộc.

*

Tứ bất tử là bốn vị chính của Đạo Nội, nhưng không phải là tất cả đạo nội. Sau này *Đức Thánh Trần*, được thờ cúng ngay lúc còn sống (đền Sinh từ) vì đại công đánh Mông Cổ, được coi là hóa thân của Thánh Gióng, đền Kiếp Bạc trở thành một thánh địa của Đạo Nội, cầu đảo trừ tà diệt ma, theo truyền thuyết gươm Thánh Trần linh thiêng, từng chém chết tên phù thủy lai Tàu Nguyên Bá Linh tức Phạm Nhan. Đạo Nội, danh từ không biết từ đời nào, thường dùng để chỉ tín ngưỡng cổ truyền, thờ cúng các bậc linh thánh giúp dân giúp nước trừ tà diệt ma như *Từ Đạo Hạnh* đời Lý học được phép Mật tông bùa chú trong hang Phật tích, kết hội Bạch liên, dùng gậy thần trôi ngược dòng sông đánh kẻ giết cha là Đại Điền, hùng báo chung quanh đều sợ, lại có phép lột xác tái sinh thành Hoàng tử Lý Dương Hoán...(1116), học trò Đạo Hạnh là *Minh Không* có phép chữa bệnh cuồng điên hóa hổ của vua Lý Thần Tông (1136), biết phép rút đất, hóa cơm gạo cho nhiều người ăn, khi chết dân thờ cầu đảo mưa nắng rất nghiệm.

Sau này, đời Lê, xuất hiện các người học phép biến hóa thành tiên như Phạm Viên (Nghệ An), Trần Lộc (Thanh

Hóa) cao tay phù thủy đặt ra một hàng môn sinh, tự xưng là Phật tổ, hàng dưới là Bồ tát, Kim cương... một thời được dân địa phương mê tín tuân phục, cũng có khi gọi là Đạo nội nhưng không lan rộng. Trong Văn tế sống hai Cô Gái Trường Lư, Nguyễn Du cũng có nhắc đến đạo sĩ Phạm Viên :

Lên chùa Giảng, toan tu với sư Viên

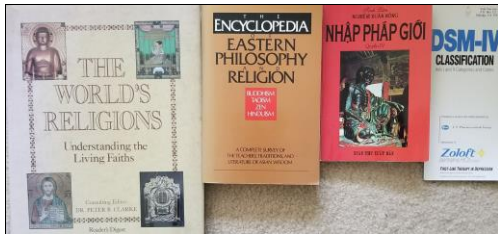
Rũ sạch lâu lâu, mua chưa được mũ ni áo và...

Riêng Từ Thức và Tú Uyên là hai vị thành tiên, có lẽ nhờ phép tu hành của Lão Trang, hoặc hướng về tiên đạo, không phải là Tứ Bất Tử, nhưng cũng được thờ, như Tú Uyên ở đền Bích Câu, Thăng Long. *Đạo Nội có đủ cả Tứ Bất Tử và nhiều vị linh thánh khác, còn ngôi Tứ Bất Tử thì chỉ có bốn vị Chử Đồng Tử, Thánh Gióng, Tản Viên và Liễu Hạnh.*

Tứ Bất Tử, cột trụ của đạo nội, nghiêng nhiều về Tiên thánh hoặc Mật tông Phật và Ấn Độ Giáo (ảnh hưởng thấy rõ vào đời Đinh, Lê với các cột kinh Đà La Ni Tổng Trì Tam

Ma Địa vùng Hoa Lư), nên đưa tiêu chuẩn Nhân, Lễ, Nghĩa, Trí, Dũng... của đạo Nho để gán làm tiêu biểu cho mỗi vị e rằng không thích hợp, mặc dù các vị đều có đủ các đức tính trên của Nho giáo.

Cũng như Nhật Bản có Thần Đạo và Thiên làm cốt tủy tôn giáo, Việt Nam cũng có Thần đạo Tứ Bất Tử song hành với Thiên môn Lý Trần làm chủ đạo tinh thần dân tộc. Việc hưng phân nội lực phải bắt đầu bằng việc phục hưng đạo nội, nội lực tinh thần yếu đuối thì không thể phát khởi một xã hội hùng cường, cơ sở tâm linh trống rỗng thì không thể xây dựng một quốc gia phồn thịnh. Lịch sử cổ kim Đông Tây đều tỏ rạc chân lý đó.



VĂN HÓA PHẬT KHỔNG LÃO & CỐT TỬY LUÂN LÝ BÌNH DÂN

I- Truyền Thống Tam giáo

Từ đời Hậu Lê, trong lãnh vực chính trị, hành chính, Nho độc tôn, các quan chức được tuyển lựa từ cửa Khổng sân Trình, nhưng *không độc tôn triệt để* vì còn một số yếu tố ảnh hưởng không ít tới chính trị hành chính trong thời quân chủ :

1- Các **vua chúa** sáng nghiệp như Lê Lợi, Mạc Đăng Dung, Chúa Nguyễn chúa Trịnh, Nguyễn Huệ...không phải là nhà Nho, họ xuất thân áo vải, các quần thần mở nước cũng là lớp bình dân võ nghệ. Ông Lê Lợi và gia tộc Mường không mang dấu vết Khổng Mạnh.

2- Triều chính văn quan là nhà Nho, nhưng không thể quên **võ quan, hoạn quan**...chia ảnh hưởng quan trọng, ngay cả Nguyễn Trãi cũng từng cô đơn giữa đám vũ biên ít học này.

3- Ta có câu " *vua nghe vợ mất nước*", đằng sau sân khấu chính trị, là ảnh hưởng to lớn của **phụ nữ**, hoàng hậu, phi tần, mẹ quan, vợ lớn vợ bé các quan...phụ nữ xưa hiếm ai đọc được Tứ thư Ngũ kinh như bà Huyện Thanh Quan, Đoàn Thị Điểm...Địa vị đàn bà là "nội tướng", là người trực tiếp nuôi dưỡng con cái, " *phúc đức tại mẫu*", " *con hư tại mẹ, cháu hư tại bà* ", mẹ, bà nội bà ngoại, **giáo dục các ông** " nhà Nho" trương lai, thế mà người đàn bà (kể cả bà Chúa Chè!) thì lại thường lên Chùa lên Đền cúng lễ, có khi lên đồng Thánh mẫu, cho nên truyền thụ dạy dỗ con cháu theo nền nếp Nho phong thì cũng có, nhưng không thể quên cái gốc luân lý từ Chùa, Đềntươi tắn thắm nhuần trong tâm địa. *Con có cha như nhà có nóc*, và con có mẹ như nhà có nền...Chính mẹ vua Lê Thánh Tông khi mang thai cũng từng ẩn trốn ở chùa Huy Văn, vua Lê không quên mái chùa che chở mẹ con mình nên sau này đã tu bổ chùa thành điện Huy Văn. Ngay đời vua Lê Thái Tông (1434- 1442) tuy trọng Nho mà vẫn rước tượng Phật Pháp Vân về kinh đô để cầu mưa! Huệ phi nuôi *cô đồng* trong cung để làm phép!

4- Từ Hậu Lê, Nho về mặt nổi, cực thịnh, nhưng **truyền thống Tam Giáo** vẫn vững bền sâu đậm trong văn hóa : *Nguyễn Trãi* có lúc xin lui về coi chùa Hun với chức Đền cử, cơm rau dưa ăn mặc " *bán sơn tăng*", *Nguyễn Bình Khiêm* thường cùng các nhà sư đi thăm Yên Tử, Đồ Sơn, *Lê Quý Đôn* để cả chương Thiền Dật bản về Tam giáo trong Kiến Văn Tiểu Lục, *Ngô Thời Nhiệm* viết về Thiền Trúc Lâm trong Trúc Lâm Tông chi Nguyên thanh, *Phạm Thái* từng khoác áo tu đi khuyên phả, *Nguyễn Du* " *Kim Cương kinh đọc ngàn lần*", *Cao Bá Quát* mang tâm sự Bồ tát " *Duy Ma Cật*", *Chu Mạnh Trinh* " *Bầu Trời Cảnh Bụt*"... chẳng có nhà Nho Việt Nam nào là "duy Nho" cả. Vị tiến sĩ khai khoa miền Nam, cụ Phan Thanh Giản, thuở nhỏ từng thụ nghiệp một nhà sư chùa Phú Ngãi, Ba Tri.

5- Lác đác vài người bài **Phật cuối đời Trần** như Trương Hán Siêu, Trần Thời Kiến...nhưng tới lúc già dặn, lại rủ nhau tu Phật , bia chùa Thiện Phúc của Lê Bá Quát, môn đệ cụ Chu Văn An, cũng thừa nhận : "...*nhà Phật lấy họa phúc động lòng người, sao lại được người ta tin theo*

sâu và bền như vậy?.." (Nguyễn Đồng Chi- Việt Nam Cổ Văn Học Sử), danh Nho *Chu Văn An*, nhập thế theo đạo Nho, xuất thế từ quan về núi Phượng Hoàng, cạnh chùa Phật Sơn cách chùa Hun Côn Sơn một đoạn đường, cũng là " thoái vi Phật Lão", danh Nho đời Trần *Mạc Đĩnh Chi* viết Ngọc Tỉnh liên phú, tán dương *triết lý bất nhị* nhà Phật qua hình ảnh Hoa sen....

Những bậc đại Nho như Chu Văn An, bao giờ cũng " kính Lão, sùng Nho chính hóa tâm" (vừa tôn trọng Lão, vừa sùng tín Nho, nên chính sự mới đổi mới tiến bộ), như lời Tư đồ Trần Nguyên Đán mừng Chu Văn An khi được vời làm Tư nghiệp Quốc Tử Giám. Văn nghiệp của Chu Văn An bị quân Minh tiêu hủy, chỉ còn lại 12 bài thơ trong Toàn Việt thi lục, bài đề Đình Thủy Hoa có câu " *Vốn dòng dõi con Phật, Lãng Ngộ có cao thức...ý cùng sen so đức...*", bài Thôn Nam Sơn Tạm Nghi có câu " *Phật giới thanh u, trần giới viễn*" (cõi trần xa, cõi Phật thanh) rõ ràng sở học Tam giáo đồng nguyên Chu Văn An *cùng lý chính tâm, tịch tà cự bí*,

không khi nào bài bác đạo khác (*công hồ di đoan tư hai dĩ dĩ*) như chính lời Phu tử dậy. Bài bia Phụng Hoàng Từ, năm 1857 đời Tự Đức, *tú tài* Vũ Giai viết " *Dạy học trò cốt sao cho sáng thánh đạo, phá tà thuyết...*" tà thuyết đây không chỉ Phật giáo, mà nếu có ám chỉ Phật giáo, thì ông tú Vũ Giai, chỉ là con chim sẻ chưa thấu chí phụng hoàng ! (xem Lịch Sử Tư Tưởng VN- Nguyễn Đăng Thục, tập 4, Thơ Văn Lý Trần tập III). Tấm bia cổ của *Tiến sĩ* Nguyễn Công Thái soạn từ năm 1709 ở đền thờ Phụng Hoàng, Chí Linh, chi tiết hơn, ca tụng hết mực đức độ khí tiết của thầy Chu, không có câu nào giống với bia Tú tài Vũ Giai. Vài người như Lê Quát, Phạm Sư Mạnh, Trương Hán Siêu, muốn lấy đạo Nho làm chính đạo trong phép cai trị, có công kích đạo Phật lúc trẻ, mà cũng chỉ *công kích tê đoan* của nhà Chùa thế tục, sư chẳng ra sư, lợi dụng thế Chùa chiếm đất đai, ruộng vườn, xây chùa dựng tháp xa xỉ... chứ không công kích đạo đức giáo lý Phật. Trương Hán Siêu trong bài Bi ký núi Dục Thúy cũng phân định "...*nhà sư học được phép Trúc Lâm Phật tổ, tu thân khổ hạnh, cũng thật đáng khen... không phải những*

lũ tăng đạo tâm thường có thể sánh nổi...", lúc làm Giám tự chùa Quỳnh Lâm ông có vẻ sấm hối :

*Đời lênh đênh trước khác nay,
thân nhàn mới biết trước ngày làm to...*

Dục Thúy Sơn, Trần Văn Giáp dịch.

Vả lại chính Trương Hán Siêu cũng không phải là bậc chân Nho vẹn toàn tư cách, từng thân với bọn hoạn quan, từng gả con gái vì ham giàu, hạng tù trưởng Lạng Giang, hạng đầy tớ chùa Quỳnh Lâm, đời bấy giờ chê ông như " *người nhà quê đá cầu*" không trúng hợp lẽ phải. Sử gia Ngô Sĩ Liên phê là: *cậy tài, kiêu ngạo, vu cho người khác nhận hối lộ*, không thể so với Chu Văn An được (ĐVSK Toàn thư, Quyển VII) Lời vua Trần Nghệ Tông mắng bọn bạch diện thư sinh, theo Nho Tàu, chưa đạt đạo mà đã đòi bỏ phép nước tổ tông, thay y phục nhạc pháp dân tộc, là rất chí lý : "*...bạch diện thư sinh dụng sự, **bất đạt lập pháp vi ý, nãi cử tổ tông cựu pháp**, khắp **hướng Bắc tục** thượng an bài, nhược y **phục nhạc chương** chi loại..."* (ĐVSK Toàn Thư- Quyển VII-

Nghệ Tông- 1370). Tiểu nhân không theo lời dạy của Thánh Khổng : **Tri vi tri, bất tri vi bất tri, thị tri**, mới bài bác mỗi tư tưởng khác, còn nói chân Nho mà bài Phật hay bài Lão thì quả là *chưa từng có!*

Suốt đời Hậu Lê, Lê Trịnh, vua chúa không ngớt xây dựng tu bổ chùa chiền, có công chúa đi tu, cho đến đời Tây Sơn chùa nhiều quá vua phải ra lệnh mỗi huyện, phủ, chỉ được xây một ngôi chùa lớn! cho chí đến thời "*thiên hạ vô quân*" mà chùa Lý Quốc Sư ở Hà Nội còn được trùng tu Chùa nào chẳng có nhà Nho viết hoành phi câu đối, bia đá, nhà Nho ông Tú ông Cử nào mà không từng lên chùa đàm luận với sư sãi, mua hậu tự đất chùa !

6- Sử liệu Hậu Lê mấy trăm năm thiên về đất Bắc, quên việc trọng đại, là **sự hưng thịnh của Phật giáo ở đàng Trong** với chúa Nguyễn và trung tâm Phật giáo Phú Xuân - Hội An. Các Chúa Nguyễn (nhất là chúa Tiên và chúa Nguyễn Phúc Chu) và vua Nguyễn đều tôn sùng đạo Phật, gần mức đời Lý Trần, chùa Thiên Mục xây cất quy mô vào

năm 1601 (trước đó đời Mạc đã là ngôi chùa nhỏ rồi), chuông lớn đúc năm 1710, mở đầu giai đoạn phục hưng chủ đạo Phật giáo ở miền Trung, tiếp tục thế sâu rễ bền gốc, lan rộng vào đất Gia Định, lan mạnh tới tận bây giờ...cả một tông phái Phật Thầy Tây An tk XIX, Phật giáo Hòa Hảo tk XX, lại bùng nổ giữa đồng ruộng dân dã miền Tây, đạo Cao Đài thờ Thiên nhân Thích ca, khát sĩ đi chân đất mang bình bát khắp Tiền giang Hậu giang...xem thế suy ở miền Bắc thì lại thịnh ở phương Nam, cội nguồn gốc rễ Tam giáo nảy nở không dứt.

Từ đời Minh Mạng, khoa cử Nho học lại đưa Nho lên mạnh, nhưng truyện Lục Vân Tiên, phổ thông nhất miền Nam, vẫn là luân lý ác giả ác báo, Vân Tiên đến chùa nương náu, Nguyệt Nga nhảy sông tự tử được Phật Quan Âm phù hộ thoát chết...Nho học hết, Tây học tới, vẫn có ông Khái Hưng tới chùa Long Giác Tiêu Sơn viết Hồn Buróm Mơ Tiên, Tiêu Sơn Tráng Sĩ, có nhà Sư Trạch làm vệ sĩ cho Nguyễn Thái Học, Nho học tàn lụi, thì chữ Nho chữ Nôm được bảo trì ở đâu ? -ở trong chùa *chiền* ...ngay hiện đại, tới

chùa Trấn Quốc, Thăng Long, vẫn còn có lớp dạy chữ Nho, chưa kể các trung tâm Vạn Hạnh, Bồ đề, Cao đẳng Phật học Huế, Sóc Sơn...xưa và nay.

II- Phong tục, luân lý cốt tủy nghìn năm là đạo Phật

Phong tục luân lý dân tộc nào cũng vậy, nói về nguồn gốc, thì phải kể từ thời chưa có ngôn thuyết. Tài liệu thành văn chưa có thì cũng có cổ tích truyền thuyết. Từ đời Hùng vương, chưa có Nho, Phật, thì dân nước Văn Lang cũng đã có tôn ty vua, tôi, Lạc hầu Lạc tướng...chuyện Bánh dày bánh chưng, Chử đồng tử, Quả dưa hấu, Phù đổng, Trầu cau..cũng phác họa được nét trọng hiền, trọng đức, tình anh em, vợ chồng, kính tổ tiên, lòng tin Trời sinh Trời dưỡng, ăn ở tốt tất hưởng ngôi cao (Lang Liêu) , khi Nho, Phật vào thì nếp cũ lại tổng hợp với những nét mới. Được trọng vọng nhất là Sĩ, nhưng Sĩ được mấy phần trăm dân số? ảnh hưởng của Sĩ trong dân chúng lan rộng tới đâu? Có thể trong đẳng cấp sĩ, hay trí thức trung lưu thành thị sau này, ảnh hưởng Nho còn

đậm, nhưng nói Tam giáo thì chính xác hơn, vì chẳng có kẻ Sĩ Việt Nam nào là duy Nho, duy Phật hay duy Lão cả. Những truyện cổ tích của ta, như Người mù sờ voi, như Tấm Cám...trần đầy hình ảnh Tiên, Bụt hiện lên cứu độ người hiền lương, tới các truyện nô như Bích Câu, Bạch Viên, Phan Trần, Mục liên, Phạm Công Cúc hoa,Thị Kính, Nhị Độ Mai, Cung Oán, Kiều, tuồng Kim Thạch Kỳ Duyên...thì cốt tủy đạo Phật lại càng rõ, ngay cả một nhà Nho tri hành hợp nhất như Nguyễn Công Trứ, cũng luận :

*Cái hình hài chắc đã thiệt chưa
Mà lẽ đẽo khóc sầu mãi rứa?*

hay : *Từ nghìn xưa cho đến nghìn sau
kết cục lại mỗi người riêng một kiếp*

như thế thì cái lõi tâm thức của cụ Trứ và bao kẻ sĩ Việt Nam vẫn là Tam giáo. Vua Lê Thánh Tông suốt 40 năm đưa Nho giáo lên cao điểm độc tôn, nhưng chưa đầy 10 năm sau khi vua mất, triều chính suy thoái khủng hoảng, chính vì cái

ngọn quan chức độc tôn Nho thiếu nhựa sống sung mãn từ gốc Tam giáo quần chúng làng xã .

Mà chẳng riêng ở Việt Nam, ngay bên Tàu, Huyền Trang thỉnh kinh, Đạt Ma mở Thiền, Thiếu Lâm Tự dậy võ...bên Hàn, bên Nhật cũng vậy, Tam giáo kết hợp đẹp để làm nền móng quốc gia, các sư Nhật sang Tàu đời Đường học Thiền, mang phối hợp với Thần đạo, tạo nên bản lĩnh Samurai, trong 5 tôn chỉ của võ sĩ đạo (Bushido) thì hai tôn chỉ đầu rút từ Thiền môn : *Nhẫn nhịn chịu đựng* và *coi thường nguy nan sinh tử*. Khắp Á Đông ai mà không đọc Tây Du Ký, Liễu Trai, Hồng Lô Mộng...ai mà không mang trong tâm hồn hình ảnh Bồ tát, Ngô Không...Tam giáo đồng tôn, tam giáo đồng quy, chính là cội nguồn chung cho **nền văn minh cầm đũa** Viễn Đông vậy. Bây giờ sang Tàu, chỉ thấy chùa tháp cổ tự, không thấy văn miếu, chưa kể Hương Cảng, Đài Loan, Tân Gia Ba... Phật giáo sâu rễ bèn góc phát triển ngoài mức tưởng tượng.

Riêng về **luân lý bình dân, cốt tủy** là đạo lý nhà Phật, là vì :

a- Tôn giáo bao giờ cũng sâu rộng bền chặt hơn triết lý đạo đức : Socrates, Platon, Aristote, Epicure...bàn nhiều về đạo đức, ảnh hưởng lớn, nhưng tới khi Thiên Chúa giáo lan tràn thì ảnh hưởng đức lý Ky Tô lại là tối quan trọng, lan sâu lan rộng khắp tầng lớp Âu Châu. Khổng Mạnh cũng vậy, chưa nằm ở tầm mức tôn giáo, nên dễ mờ nhạt đi, không lắng sâu vào tâm thức, hành xử, phong tục, bằng đạo Bụt được. Khổng Mạnh gắn vào khoa bảng, khoa bảng gắn vào triều chính, khi có chính quyền thì có thể mạnh, khi hết chính quyền thì " *ông nghề ông công cũng nằm co*". Chuyện Thiệu- Ác đạo đức luân lý nào cũng bàn tới, nhưng bình dân thì cần cụ thể hóa qua Địa ngục, Thiên Thai, Đào nguyên...Trẻ con học "*nhân chi sơ, tính bản thiện*" khó hiểu ý nghĩa, nhưng đứng trước công chùa có tượng ông Thiệu hiền từ, có tượng ông Ác dữ tợn...thì dễ nhập tâm hơn.

b- Những quan niệm luân lý bình dân của ta phần nhiều là từ đạo Phật : ***Phúc đức, tội nghiệp, nghề nghiệp, quả báo, ở hiền gặp lành, tu tĩnh, vô tâm, điên đảo, duyên nợ, nghiệp dĩ, ác giả ác báo, hiền như Bụt, oan oán, cõi oan***

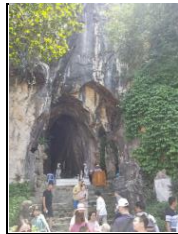
giải nghiệp, không chấp trước... tham sân si, từ bi hỷ xả, bố thí, sám hối, , thương người như thể thương thân, xá tội vong nhân, " **nói có Trời có Phật**", kiếp người, bể khổ... Ngay cả những câu ca dao tục ngữ như " Nam Mô một bồ dao găm, Khẩu Phật tâm xà, Bụt chùa nhà không thiêng, Gân Chùa gọi Bụt bằng anh, " Ba cô đội gạo lên Chùa..." " Đi với Bụt mặc áo cà sa..." lại càng chứng tỏ nếp sống Việt Nam là nếp sống có mái chùa quen thuộc, có *su cụ, su ông su bác, su bà*... áo nâu áo sông hòa mình...có chú tiểu Lan trong Hồn Bướm Mơ Tiên, có Sãi Vãi, có Oan Thị Kính, có trồng cây nêu, cờ ngũ sắc, trừ tà ma...có những nhà sư đi chân đất khát thực khắp miền Đồng Nai Cửu Long, có tụng kinh đọc sám vang vang hàng đêm miền Thất sơn Hồng Ngự ...gốc rễ không vững, cốt tủy không bền, thì nghìn năm Bắc thuộc ta đã thành Nho Tàu (Tàu Nho thì *thập nữ viết vô*, nhưng Nho ta thì lại có luật Hồng đức bảo vệ nữ quyền), 80 năm Pháp thuộc ta đã thành Tây, Phật giáo đã tiêu tan rồi, nhưng sau bao trò dâm bấn, Tây, Cộng... phá chùa, thì miền Bắc vẫn còn tới 5000 ngôi Chùa " *cái Thiện của làng*" còn đấy, Văn

miếu lác đác mấy cái, và còn ai nhang khói cụ Khổng và tiên hiền bây giờ nữa! Gia dĩ, mẫu người quý trọng nhất của ta là **mẫu người** nào? trong hai mẫu : "hiền nhân, quân tử ai mà chẳng", thì mẫu quân tử của đạo Nho, còn mẫu người Hiền mới là mẫu của bình dân, đi vào tiếng nói dân gian : *hiền như Bụt, vua hiền, tôi hiền, mẹ hiền, chị hiền, dâu hiền rể thảo...*phẩm từ *hiền* nói lên cái đức tính được dân chúng coi trọng, ở hiền gặp lành, lại vẫn là cái lý nhân quả diễn cách nôm na.

Các đức tính như *hòa nhã, lễ độ, biết lẽ phải, trọng người có học, hiếu hạnh...* chung cho cả Tam giáo, có nổi nét Nho phong, riêng thời Nho học độc tôn thì phải nói là "trọng khoa bảng" chứ không hẳn trọng "người có học", Đào Duy Từ là người có học, con nhà xướng ca, không được đi thi, nên phải vào miền đất mới lập chí. Căn bệnh trọng khoa bảng bằng cấp này, ăn sâu tới nay, thì đúng là gốc hủ Nho, không phải gốc Phật, bệnh tự tôn, trung thân, suy tôn lãnh tụ như cha già phụ quyền, để ra độc tài, *điều nghiên kỹ* là từ

gốc hủ Nho, chứ không hề có trong tinh thần bình đẳng dân chủ của nhà Phật.

Về thời điểm ca dao tục ngữ , truyện cổ tích, có thể suy diễn qua hai chữ Bụt và Phật : nhiều phần là ta chỉ dùng chữ Phật từ khi nhà Minh sang đô hộ (1414- 1428), trước đó đều dùng chữ Bụt, vậy những câu ca dao tục ngữ, truyện cổ tích, dùng chữ Bụt, phải có ít nhất từ trước thế kỷ XV. Thêm cả kho tài liệu thơ văn Lý Trần, Đại Việt Sử Lược, chùa chiền đời Lý còn lại, cột kinh Hoa Lư...cũng đủ để chứng minh Phật giáo có cả ngàn năm lịch sử và ảnh hưởng **toàn diện** tới văn hóa dân tộc, ảnh hưởng thấm nhuần lâu quá, đi vào lời ăn tiếng nói, thành ra tự nhiên như hơi thở, "*xả hơi*" nghĩ cũng có thể từ gốc hỷ xả phá chấp mà ra.



Ngũ Hành Sơn động

III- Những nguyên tắc đạo đức, những lý tưởng triết lý đều vô dụng nếu thiếu phương pháp thực hành tu tập.

Phương pháp thực hành tu tập khác với *con đường vạch ra từng bước* hay *kế hoạch đặt rõ ràng*, như Tu Tề Trị Bình, như Tiến vi quan, thoái vi sư... đó là lời khuyên, tôn chỉ, có trình tự, có chương trình, có phân tích, nhưng không dạy cách thực hiện. Nói *trung dung*, nhưng cách nào đạt tới trung dung? nói *tu thân* nhưng tu thể nào, tu cách nào, nói *biết phải trái* nhưng làm sao luyện óc phân biệt phải trái, nói *cách vật trí tri*, nhưng phải có phương pháp cách vật thì mới thực hành được...Tỷ như khuyên người *tiết dục* thì phải đưa ra phương pháp làm sao tiết dục, như định bệnh cho thuốc vậy.

Đạo Phật đưa ra nhiều **phương pháp tu tập thực hành**, đi từ bình diện thuyết lý đến bình diện thực tập, khác các tôn giáo khác vì dùng phương pháp khởi dẫn tới niềm tin chứ không đặt sẵn niềm tin mù quáng. Xin đưa vài thí dụ :

muốn định tâm thì nhà Phật dùng phép thiền định, tập trung vào hơi thở ra thở vào, tâm sẽ tĩnh lặng dần...muốn diệt dục diệt tham, thì phải quán vô thường, vô ngã, phải sống thanh đạm, nên ăn chay, có nhà tu lại quán trước một đống xương để ngộ lẽ sắc sắc không không...muốn từ bi thì có thể bắt đầu bằng cách bố thí, tránh sát sinh...đấy là nói những phương pháp cụ thể, dễ làm. Những bệnh tâm não trầm trọng, như bệnh mọt sách, bệnh kiến chấp giáo điều, thiên kinh vạn quyển mà chưa thông quán, hay tranh chấp kiến thức hơn kém, bị ngôn từ trói buộc, bệnh vọng ngôn vọng ngữ ...thì Bụt lại có những phương pháp tâm lý học thực nghiệm cao đẳng hơn, những tỷ dụ sấm sét, những công án, **chuyển hóa** lòng người, đọc kinh Người Bất Rắn, kinh Kim Cương...sẽ rõ những phương pháp giáo dục ấy, tương tự như những tập Đàm thoại *Dialogues* của Platon, nhưng cao siêu chấn động tâm trí hơn nhiều, ngay cả tâm lý gia Carl Jung và các bác sĩ tâm lý Âu Mỹ cũng đã và đang nghiên cứu học hỏi áp dụng. Mỗi tập kinh Phật giống như một ca chữa tâm bệnh, đức Phật là Y sư, bệnh nhân là người có vấn đề, môn đệ giống như

sinh viên nội trú: *một thiên nữ không hiểu tại sao ái dục mang lại nhiều vị cay đắng hơn là vị ngọt, vị khát sĩ mang nàng tới gặp Bụt để nghe lời dạy, Bụt đã dùng tới 4 mức giảng: ảo tưởng về ái dục, nhận chân tướng ái dục, hiểu mặc cảm hơn, kém, bằng, và cuối cùng, vượt mặc cảm, tâm lặng, hết mong cầu, cõi bỏ được phiền não (Kinh Tuổi Trẻ và Hạnh Phúc). Đây là phép thăm bệnh, định bệnh, trị bệnh, mà giới y khoa Mỹ hiện nay gọi tắt là SOAP (*subjective, objective, assesment, plan*). Mười bức tranh chân trâu (*Thập ngưu đồ*) mô tả dẫn dắt công trình điều phục tâm ý, Ba mươi bảy pháp môn tu tập (*Tam thập thất trợ đạo phẩm*) chính là 37 cách thực hành đạo lý.*

Vì đạo Phật là loại triết lý **rốt ráo**, bao trùm mọi mặt, mọi trình độ, nên người bình dân **tu lối bình dân** " *thờ Phật thì ăn oản*", lần tràng hạt, Nam Mô A Di Đà, hương hoa, cầu khấn Bồ tát, ông Thiện ông Ác, làm điều lành để khỏi đọa Địa ngục, ăn ở tốt, hiếu hạnh, mong lên cõi Cực lạc Niết Bàn. **Trí thức, nhà Nho** mức Nguyễn Du, Cao Bá Quát, thì đọc

kinh loại *luận lý học siêu đẳng* như Kim Cương, Duy Ma Cật Sở Thuyết kinh, Hoa Nghiêm.... 84000 pháp môn, vào cửa nào cho hợp với tâm mình thì thôi. Đọc Tứ thư Ngũ kinh, thì thấy kính phục, mỗi lời là một câu cách ngôn, bàn luận thấu đáo, nhưng đọc tới kinh Phật thì thấy chấn động đến tiềm thức siêu thức, như có điện rung chuyển tâm não.

Một số phong tục của ta như lễ cưới không làm ở chùa, mà làm lễ gia tiên ở nhà, tang lễ ở vùng quê giản dị, có cầu siêu, khăn tang trắng (có người cho màu tang trắng theo ngũ hành Kim là phương Tây, màu trắng, tức cõi Phật, xin tòng nghi), sư tụng kinh...Lễ nghi theo Kinh Lễ, hay Chu công lục lễ...dành cho các gia tộc Nho phong khá giả, còn hàn sĩ, nông dân ngư phủ...ai theo nổi lễ nghi phiền toái ấy! Xin trích ra đây vài đoạn lễ nghi trong Kinh Lễ :

" *Cô, chị, em gái đã lấy chồng mà về nhà, anh em không được ngồi chung chiếu, và cũng không được ăn chung chén bát. Cha con không ngồi cùng chiếu... Nam nữ mà chưa có mai mối thì không được biết tên nhau...*

" *Lẽ dăng com ăn, xương đặt bên trái, thịt nạc đặt bên phải, com đặt bên trái, canh đặt bên phải. Những món nem thịt thái nhỏ, đặt ở bên ngoài...*

" *Hầu ăn bậc trưởng giả, chủ nhân tự thân tiếp đãi, trước khi ăn phải bái...đừng nhai thành tiếng, đừng nhai chạm răng,...đừng húp canh sùm sụp, đừng cắn rau rào rạo..."*

(Kinh Lễ- Khúc Lễ -Thượng- bản dịch Nguyễn Tôn Nhan)

đám cưới, đám tang ở thành thị tân tiến...khác xa ở vùng quê, đời sống thường ngày của dân quê, nhà nông...không đậm nét Nho phong, hơn nữa, nhờ "*phép vua thua lệ làng...quan có vội quan lợi quan đi* " mà truyền thống dân tộc từ cổ xưa, chưa Nho chưa Phật, mới còn truyền lại được. Bánh dày bánh chưng, cúng tổ tiên, đạo nội...chính là phong tục từ đời Hùng trao truyền lại.

Nho truyền vào Việt từ đời Bắc thuộc, trung tâm Luy Lâu lúc đó Phật rất thịnh, truyền cùng lúc nhưng để lại ảnh hưởng gì, thâm hậu tới đâu, thì lại là chuyện khác, nếu gốc Nho thâm hậu thì tại sao tới đời Đinh, Lê, Lý, Trần, (chưa kể Lý Nam Đế tk VI), lại mọc lên 400 năm quân chủ Phật

giáo mà không mọc lên Khổng Mạnh độc tôn như kết quả của công trình giáo hóa Sĩ Nhiếp, Tích Quang, Nhâm Diên? Phải chăng là vì Phật giáo truyền từ dưới gốc lên, còn Nho giáo lại truyền từ ngọn cai trị đô hộ Tàu xuống, nên gặp phản ứng tự nhiên của quần chúng làng mạc .

*

Hiện tại, nhìn cộng đồng di dân người Việt hải ngoại, ở Pháp có trên 50 ngôi chùa, ở Mỹ, Úc, Gia Nã Đại... chùa dựng lên rất nhiều theo nhu cầu tâm linh của dân chúng, Lễ, Tết bà con lũ lượt đi hái lộc, khấn bái..., thế thì vốn liếng văn hóa gốc Phật vẫn còn nhiều, vẫn được vun trồng, mà gốc Nho sợ đã khô héo từ đời Tú Xương rồi, *tam tông tứ đức* mấy ai nhớ, *tam cương ngũ thường, trị nước bình thiên hạ* còn ai theo, có chăng là dư âm *lễ nghĩa- quân tử- vương đạo...*, rất đẹp, rất hay, trong đầu người trí thức mà thôi. Trong nước mỗi năm hội Chùa Hương cả chục vạn người chảy hội, còn Văn Miếu thì chỉ có du khách tới thăm, đây là

điều đáng tiếc cho thế chân vạc văn hóa Tam giáo của tổ tiên. Cũng có một vài người, từ thời 1960, muốn chứng minh gốc rễ văn hóa Việt là Nho chứ không phải là Phật, là vì gốc Nho khô khan thì dễ lấp vào cảnh tín ngưỡng mới như Thiên chúa giáo, Tin lành, Hồi...còn gốc Phật thì không thể tiếp cảnh độc thần (*monothéiste*) được, có dị ứng! có vị lại cố tách đạo ông bà ra khỏi tổng thể quốc giáo nhằm cô lập hóa Phật giáo, có vị lại mang ông Trời Việt cắm vào râu đực Chúa Trời Tây...

*

Những điểm trình bày trên thật ra từ 60 năm nay, các học giả như Trần Văn Giáp, Nguyễn Đổng Chi, Phạm Quỳnh và nhất là Nguyễn Đăng Thục đã phân tích nghiên cứu cặn kẽ rồi, chúng tôi chỉ góp nhặt lại. Việc nghiên cứu văn hóa xã hội muốn chuẩn xác hơn, cần những thống kê, những khảo sát tại chỗ, việc này phải làm trong nước và không đơn giản, nói 80% dân số Việt Nam là Phật giáo cũng đúng nếu

kể chung một khối Tam giáo, nói Phật giáo chỉ có 20- 30 % thì cũng đúng nếu chỉ kể Phật tử thuần thành năng lên chùa lễ bái...nhưng truyền thống dân ta, *tu tại tâm, tu tại gia*, có ai ghi danh theo đạo này đạo kia bao giờ đâu mà đếm đầu người được !

Chú thích :

Bài viết đã đăng trên tạp chí Thế Kỷ 21, khoảng 2001, đề nhấn mạnh gốc rễ Tam Giáo Á Đông và căn bản Phật giáo trong luân lý bình dân.



ĐẠO BỤT QUA CA ĐẠO TỤC NGŨ

Trích từ Tục Ngữ Phong Dao của Nguyễn Văn Ngọc

Ăn trộm ăn cướp thành Phật thành Tiên
Đi chùa đi chiền, bán thân bắt tội

*Bụt trên toà, gà nào mổ mắt
Bóc áo Bụt nọ, mặc cho Bụt kia
Bụt nhà không cầu, cầu Thích Ca ngoài đường*

Bao giờ cạn lạch Đồng Nai
Nát chùa Thiên Mộ mới phai lời nguyên

*Chớ chê chùa Tích rằng xa
Mà đem xôi oản cúng nhờ gốc cây*

Gần chùa gọi Bụt bằng anh
Thấy Bụt hiền lành, bé Bụt đi chơi.

*Ba cô đội gạo lên chùa
Một cô yếm thắm bỏ bùa cho sư
Sư về sư ôm tương tư...*

*Ma ăn mày Bụt
Bụt chẳng thèm ăn mày ma*

*Lên chùa thấy tiểu mười ba
Thấy sư mười bốn vãi già mười lăm
Muốn cho một tháng đôi rằm
Trước là lễ Phật, sau thăm vãi già !*

*Lên chùa, lạy Phật Thích ca
Lạy ông Tam thế, vua cha Ngọc Hoàng
Bước ra kết nghĩa cùng nàng
Túi anh có nhẫn cho nàng đeo tay...*

*Nu na nu nống
Cái cống nằm trong
Cái ong nằm ngoài*

Hiền Như Bụt @ Hạ Long Bụt Sĩ

Củ khoai chắm mật
Phật ngồi Phật khóc
Con cóc nhảy ra
Con gà ú ụ
Nhà mụ thổi xôi
Nhà tôi nấu chè....

*Sư đương tụng niệm Nam mô
Thấy cô sách giỏ mò cua bên chùa
Lòng sư luống những mơ hồ
Bỏ cả kinh kệ, tìm cô hỏi chào
Ai ngờ cô đi đàng nào
Tay cầm tràng hạt ra vào bán khoăn.*



BA NHÀ TƯ TƯỞNG TRUYỀN THỐNG VIỆT

Sư VẠN HẠNH

Trạng Trình NGUYỄN BÌNH KHIÊM

Tư Tưởng gia LÝ ĐÔNG A

Nhìn lại đỉnh cao tư tưởng Việt, tiêu biểu tinh thần Tam giáo đồng tôn, tiêu biểu sự kết hợp giữa Thần đạo Việt và Phật Lão qua ba nhân vật đạt đạo truyền thống Việt, để thấu đạt nghìn năm văn hiến Việt : **Vạn Hạnh tk XI, Trạng Trình tk XV và Lý Đông A tk XX, họ là truyền nhân từ một Dòng Tâm Thức Viêm Việt**, họ đã mang hào khí Việt trong lòng, từ Động Đình Hồ, tới đỉnh thiêng non Tản..trên đỉnh ấy cuốn **Sách Ước dân tộc** vẫn mở ra, cả 4000 năm xưa, mà chỉ có ba người đọc, quán thông, hoà vào tim óc, ba nhân vật cách nhau khoảng *ngũ bách niên* : Nòi giống nào, dân tộc nào, muốn trường tồn mà chẳng có truyền nhân kỳ diệu, tiên tri *prophets*, những bóng cao lịch sử rờm rợp oai

linh nô nên từ dòng máu cộng thể giống nòi..Nostradamus, truyền nhân kỳ diệu Do Thái, cùng thời với Trạng Trình, chẳng ngồi thiền định trước thau nước quán chiếu vận mệnh nhân loại là gì ! Gandhi, truyền nhân giòng tộc Hindi, không phải là người, ngài là Á thánh, là bông hoa bất tử Vệ Đà..là diệu âm thánh ca tú khí..Những cái bóng khổng lồ ấy, che rợp thế gian, như cái tản cái lọng che chỡ dòng giống, kinh qua tang thương đại khổ hải, mà vượt sang bờ *Tứ Hải Lạc Âu Ca* (Trạng Trình).

Tuỳ cơ Trời, những mẫu người *dung tam tế*, thấu đạt thời thế cơ, quán thông Trời Đất Người, hành xử với sách lược khác nhau :



SƯ VẠN HẠNH

TINH THẦN ĐỒNG TÔN ĐẠI VIỆT

Sư Vạn Hạnh họ Nguyễn, không rõ sinh năm nào, nhưng mất vào năm 1025 dưới Triều vua Lý Thái Tổ. Về sau vua Lý Nhân Tông 1072-1127 truy tặng một bài kệ thâu tóm thân thế tư tưởng Vạn Hạnh như sau :

*Vạn Hạnh dung tam tế
chân phù cổ sấm kỳ
hương quan danh Cổ Pháp
trụ tích trấn vương kỳ*

Vạn Hạnh thông ba cõi
chính hợp lời sấm xưa
quê hương tên Cổ Pháp
chống gậy giữ kinh kỳ

Vạn Hạnh dung thông quá khứ, hiện tại, tương lai, dung hợp Phật, Khổng, Lão, dung hóa pháp môn Tổng Trì Tam Ma

Địa thành lời Sấm, như một khế cơ huyền vi vào việc trị nước an dân vào buổi đầu thời đại độc lập quốc gia.

Thuở nhỏ Sư tu ở chùa Lục Tổ , thuộc dòng Thiền Tỳ Ni Đa Lưu Chi tinh thông Tam Tạng, Bách luận, Bát Nhã Hoa Nghiêm...chú trọng về Mật Tông " *bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền* " giản dị, gọn, nhẹ, rất hợp với tâm tính của khối dân xứ nóng Đông Nam Á. Sư lại chuyên về khoa Tổng Trì Tam Muội , nói ra lời nào là thành lời tiên tri được người đời tin tưởng.

Nguyên Kinh Tổng Trì được chính Tỳ Ni Đa Lưu Chi dịch tại chùa Pháp Vân vào khoảng 580-594. Nhà sư Đa Lưu Chi từ Thiên Trúc sang Trung Hoa rồi sang Việt Nam tu 14 năm là sư tổ phái Mật tông tại đất Việt với nhiều thế hệ sư tăng xuất sắc như sư Pháp Hiền (thế hệ II), Định Không (thế hệ VIII), La Quý An (thế hệ X), Vạn Hạnh và Đạo Hạnh (thế hệ XII), Minh Không (thế hệ XIII)...

Sau giai đoạn Đại thừa Bát Nhã, tới Đại thừa Duy thức là những cao điểm phát triển của của đạo Bụt nghiêng về trí huệ cao siêu, tới giai đoạn Đại thừa Mật giáo là chặng đường lan tỏa sâu vào tầng thức cộng thể, rộng vào siêu lực ẩn tàng trong tâm thức, mệnh mông bao bọc các tín ngưỡng thần linh khắp cõi mà không chấp vọng. Vì thế từ thế kỷ thứ IV tới thứ VIII Mật giáo đã phát triển nhanh chóng vững vàng thành Kim Cang Thừa lan ra khắp Viễn Đông, từ Tây Tạng sang Trung Quốc, Việt Nam...

Tổng Trì tiếng Phạn là Đà La Ni, có nghĩa là duy trì thiện pháp và ngăn ngừa ác pháp phát sinh. Một trong bốn loại Đà la ni (*pháp, nghĩa, chú, nhân*) là *thần chú* , một cánh cửa mở ra từ Thiên siêu thức, một gạch nối từ tâm thức bay lên cõi phi phi tưởng, với những mật ngôn như ngôn ngữ giao cảm giữa những loài khác nhau trên những quốc độ khác nhau của tam thiên đại thiên thế giới.

Thần chú của Mật tông với hiệu lực linh nghiệm đã là thần lực gia hộ Triều Đinh, Lê và Lý. Cả trăm trụ bia đá

vùng Hoa Lư còn ghi khắc kê và chú từ thế kỷ thứ X, các cột kinh này lấy chú " *Phật đĩnh Tôn thắng Đà La Ni* " làm chủ yếu như " *muôn nghìn ánh sáng làm chúng sinh kinh động mà giác ngộ* ", người niệm chú này sẽ được tăng tuổi thọ và được chư thần Bồ tát phù hộ.

Ngay từ thế kỷ thứ VIII các nhà sư Mật tông Ấn độ sang Trung Hoa đã dùng Mật ngôn thần chú phù trợ Triều vua Đường. Trong những thế kỷ sau, IX, X, XI... trung tâm Luy Lâu vùng Kinh Bắc đã là nơi qua lại của các danh tăng Ấn, Hoa, Chiêm Thành...lại thêm các nhà sư Việt sang Ấn du học như Sùng Phạm (thế hệ XI Tỳ Ni Đa Lưu Chi) du học chín năm, sau về chùa Pháp Vân truyền dạy đệ tử là Đạo Hạnh. Đạo Hạnh rất giỏi pháp thuật thần thông, từng tụng đủ 1 vạn 8 ngàn lần Đại Bi Tâm Đà La Ni, dùng gậy quăng xuống dòng nước chảy xiết, gậy dựng đầu lộn ngược, nhờ đó diệt được tà sư Đại Điền là kẻ giết cha mình, sau dốc chí tu tập, pháp lực càng cao, có thể điều phục muông thú, cầu mưa cầu gió, niệm chú trị bệnh...

Vạn Hạnh cùng thể hệ tu học với Đạo Hạnh, hẳn không lạ gì những pháp thuật thần thông ấy. Cùng với sư huynh Pháp Thuận, hai vị quốc sư này đã dùng sấm vĩ, độn số, phò trợ vua Lê Đại Hành (980-1005) trong việc trị quốc. Chính sư Pháp Thuận đã giả làm người lái đò đối đáp thi văn với sứ thần nhà Tống là Lý Giác. Khi sư Pháp Thuận mất (991) thì vua Lê Đại Hành chỉ còn Vạn Hạnh để tham vấn việc nước. Ngay từ năm 980 sư Vạn Hạnh đoán trước " *nội trong ba bảy ngày quân Tống sẽ rút lui* ", quả nhiên vua Lê dụng mưu ly gián, quân Tống phải rút vì nội biến. Tự đấy vua Lê Đại Hành rất kính trọng Sư và khi nhà vua muốn đánh Chiêm Thành để cứu sứ giả (Từ Mục) ta về cũng tới hỏi Sư trước, Sư nói trận này đánh tất thành công không phải do dự. Quả nhiên việc bình Chiêm thành công lừng lẫy, vua Chiêm là Parame bị chém tại trận.

Sau khi bậc anh quân thắng hà, Ngọa Triều Lê Long Đĩnh tàn bạo bệnh hoạn, Sư Vạn Hạnh đã vì nước vận động đưa người hiền Lý Công Uẩn lên ngôi. Thuở thiếu thời Lý Công Uẩn tới học ở chùa Lục Tổ và gặp Sư Vạn Hạnh tại

đây, Sư thấy họ Lý tướng mạo phi phàm đã lấy làm lạ, biết là bậc chân nhân thiên tử. Sư dùng nhiều phương pháp như viết chữ " *thiên tử* " trên lưng một con chó trắng ở làng Cổ Pháp rồi truyền lời đoán rằng chó tượng trưng năm Tuất, bậc thiên tử sinh vào năm Tuất (Lý Công Uẩn sinh năm Giáp Tuất 974) và xuất hiện vào năm Tuất (Canh Tuất 1010) sẽ mang lại thanh bình thịnh trị .

Trải qua ba triều Đinh, Lê, Lý, Sư Vạn Hạnh đã cống hiến trọn đời cho dân tộc và Đạo pháp hành nghiệm. Ngay cả việc rời đô từ đất Hoa Lư chật hẹp, vận số ngắn ngủi ra Thăng Long với thế đất rồng quấn hổ phục, ở giữa Đông Tây Nam Bắc, muôn vật rất thịnh và phồn vinh, Sư là nhà chiến lược đặt trường kế non sông . Chính Sư viết ra những lời Sấm đầu tiên mà 500 năm sau Trạng Trình đã dùng làm khởi điểm cho Sấm ký. Vừa là thầy dạy Lý Công Uẩn từ nhỏ, vừa làm quốc sư cho vị vua sáng nghiệp suốt 15 năm, Sư Vạn Hạnh đã tận dụng kiến văn và trí huệ tới mức siêu đẳng, nghĩa là vận động chuyển hóa tâm thức bằng cách đi vào đáy sâu tàng thức quần chúng, từ đó đẩy lên lòng tin vào hồng

vận hưng long của triều đại, khi quần chúng đã tin, khi nhân tâm đã định, tức là việc trị nước đạt tới thành công rồi vậy.

Năm 1025 Su già không bệnh mà hóa, trước khi hóa Su chỉ dạy cho đệ tử : " *Các con nên trụ ở đâu ? thầy không trụ ở nơi có thể trụ mà cũng không trụ ở nơi không thể trụ* " đây là triết lý hành nghiệm không nương tựa vào đâu ngoài mình, phải tự mình thấp đuốc lên mà đi, rồi Su đọc bài kệ :

*Thân như điện, ảnh, hữu hoàn vô
vạn mộc xuân vinh, thu hựu khô
nhậm vận thịnh suy vô bố úy
thịnh suy như lộ thảo đầu phô.*

tạm dịch :

*Thân như chớp nhoáng, hữu rồi vô
cây cỏ xuân tươi, thu tàn khô
theo vận thịnh suy đừng lo sợ
thịnh suy : đầu cỏ hạt sương phô.*

Câu " *nhậm vận thịnh suy vô bố úy* " kết tinh tinh thần Tam giáo, sống theo vận trời, nhìn thịnh suy như chu kỳ thiên nhiên tất yếu mà không lo sợ, an nhiên tự tại hành nghiệm. Đây chính là khởi điểm của 400 năm quân chủ nhân quốc X- XIV bằng chủ đạo Nhập thế tích cực trong tinh thần xuất thế cao thượng vậy.

*

Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm :
nhà tiên tri của dân tộc với tư tưởng TRUNG TÂN và quốc sách NAM TIẾN.

Cuối thế kỷ XV đầu thế kỷ XVI, cách đây khoảng 500 năm, xuất hiện trên thế giới hai nhà tiên tri lừng danh là Trạng Trình bên Việt Nam và Nostradamus bên Pháp. Thời đại này Tây phương nổi lên phong trào Tin Lành, bên Tàu nảy ra tân Nho thuyết của Vương Dương Minh, bên ta phát sinh Thánh mẫu Liễu Hạnh, bắt đầu thực sự Nam Tiến mở

đầu khúc rẽ lịch sử văn hóa trọng đại nhất kể từ ngày lập quốc.

Nguyễn Bình Khiêm là một nhân vật lịch sử độc nhất trong sử Việt làm cố vấn một lúc cho ba bốn phe đối nghịch nhau : Mạc, Lê, Nguyễn, Trịnh. Ông vượt lên như một Tiên ông trên non cao mây trắng nhìn xuống bàn cờ người, thương tình chỉ cho nhân thế vài nước cờ tiến thoái sinh tồn tạm thời, mặc dù trong đôi mắt tiên tri, ông đã nhìn thấy rất xa lẽ được thua " *ngũ bách niên tiên, ngũ bách niên hậu* " .

Ông sinh năm 1491, cách đây hơn 500 năm. Ông sinh sau Nguyễn Trãi 111 năm, trước Nguyễn Du 274 năm, kém Mạc Đăng Dung 8 tuổi và cùng quê Hải Dương với ông vua xuất thân đánh cá này.

Người mẹ có biệt tài lý số mang giấc mơ đẻ con làm Thiên tử mất sớm, người con tên Khiêm, tự là Hanh Phủ, theo quê : *Khiêm tốn thì hanh thông*, sau này tuy không làm vua nhưng làm thầy mấy ông vua và là chiến lược gia chỉ đạo cho dân tộc : *Bắc hòa, Nam tiến*.

Đỗ đầu thi hương, thi hội, thi đình, Tam nguyên Nguyễn Bình Khiêm được bổ nhiệm Đông Các hiệu thư (sửa chữa văn thơ), sau thăng Tả Thị Lang Bộ Hình, Bộ Lại, kiêm Đông Các Đại Học Sĩ (Tam phẩm). Trong 8 năm tại triều (1535-1542) ông từng dâng sớ xin chém 18 lộng thần. Năm 51 tuổi đời vua Mạc Phúc Hải, ông cáo quan về quê. Ít năm sau triều đình lại vời ông ra làm Thượng Thư Bộ Lại, Thái Phó, phò giúp vua nhỏ Mạc Phúc Nguyên (1546-61), cùng với Mạc Kính Điển là chú vua và là cột trụ chống đỡ nhà Mạc.

Trong khoảng 55 tới 73 tuổi, Nguyễn Bình Khiêm tuy không ở hẳn kinh đô Thăng Long, nhưng vẫn cáng đáng nhiều việc triều chính, lúc bàn quốc sự, lúc đi đánh giặc, nhà Mạc tôn kính ông như quân sư, phong ông làm *Trình Tuyên Hầu* (vì thế dân gian mới gọi là Trạng Trình). Mãi tới ngoài 70 tuổi ông mới hoàn toàn quy ẩn nơi quê nhà.

THỜI QUY ÂN VÀ TRIẾT LÝ *TRUNG TÂN*

Ông về quê năm 1563, sống đời tiên thoát tục trong Am Bạch Vân, bắc cầu Trường Xuân, Nghênh Phong, làm nơi nhàn tản gió mát trăng trong. Ông lại khuyên dân làng trồng cây bờ đê để lấy bóng dâm, mở chợ làm nơi buôn bán, tu sửa đình chùa... Ông cùng học trò dựng quán Trung Tân nơi bến Tuyết giang, cho khắc văn khuyên Thiện trên bia đá, bài bia nói lên triết lý tư tưởng cao siêu của Trạng Trình :

"... Toàn kỳ thiện giả vi trung, bất toàn kỳ thiện giả tắc phi trung dã... Tân giả tân dã, tri sở chỉ vi yếu tân, bất tri sở chỉ tắc mê tân dã... Trung chi sở tại, tức chí thiện chi sở tại... "

nghĩa là : **" vẹn toàn điều Thiện là Trung, không vẹn toàn điều Thiện thì không phải là Trung... Tân là cái bến, biết chỗ dừng lại là bến chính, không biết chỗ dừng lại là bến mê...Nghĩa chữ Trung chính là ở chỗ Chí Thiện... "**

Có lẽ trong nghìn năm Nho học mới thấy một nhà Nho giải nghĩa chữ Trung Dung một cách giản dị, đầy đủ và sáng sủa như vậy. Cốt tủy của Trung phải là Thiện, không có lòng Thiện thì biết đâu là chỗ đúng tiết, chỗ *juste milieu* mà dừng lại ! Tâm bất chính thì lạc vào bên mê, tâm giác ngộ thì biết bờ bến để neo thuyền, tư tưởng này rất gần tư tưởng " **Đáo bỉ ngạn** " tức tới được bến của nhà Phật. Nguyễn Bình Khiêm đã nối Nho vào Phật Lão, mang lại cho **nhà Mạc vinh dự tiếp tục tư tưởng Tam Giáo Đồng Tôn** mà nhà Lê độc tôn Tống Nho đã đánh mất, và đánh mất nặng nề truyền thống dân bản khai phóng của Lạc Việt.

Ở tuổi thất thập cổ lai hy, Trạng Trình có phong thái của Lã Vọng Khương Tử Nha ngồi câu bên bờ sông Vy, một Gia Cát Lượng nằm ngâm thơ chân núi Ngọa Long :

*Ngư ông bắt ngộ Đào nguyên khách
khởi thức hưng vong thế cổ kim !*

Trương truyền cụ Trạng thường cùng các nhà sư già đi thăm

các nơi danh lam thắng cảnh, nay Yên Tử, Đồ Sơn, mai Ngọa Vân, Kim Hải...học trò trước sau đông tới ba nghìn người. Năm 1585 tuổi già lâm bệnh, biết mình khó qua, cụ Trạng 95 tuổi còn dâng sớ xin vua " ... *thần tính độ số thấy vận nước nhà đã suy, vận nhà Lê đến hồi tái tạo, ý trời đã định, sức người khó theo. Song nhân già có thể hồi thiên ý, xin nhà vua hết lòng tu nhân phát chính, lấy dân làm gốc, lấy nước làm trong, trong sửa sang văn trị, ngoài chuyên cần võ công, may ra giữ được cơ nghiệp tổ tiên, thì thần chết cũng được thỏa lòng*". Nhà Mạc cử cột trụ Triều đình là hoàng thân Khiêm Vương Mạc Kính Điển cùng các quan về tế lễ, sai lập đền thờ, cấp ruộng tự điền trăm mẫu, vua Mạc Mậu Hợp lại đích thân viết chữ đề lên đền thờ : "*Mạc Triều Trạng Nguyên Tể Tướng Từ*".



tượng Phật- Khánh Hòa.

NỀN PHẬT ĐẠO CỦA TOÀ TƯ TƯỢNG TAM GIÁO TRẠNG TRÌNH

Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm bao giờ cũng nhận mình là một nhà Nho, rất khiêm tốn khi đề cập tới Phật : *“Tôi cũng có lòng thích điều thiện...nhưng tôi là nhà Nho, tuy chưa thấu đáo về đạo Phật, đạo Lão, song đọc rộng, suy nghĩ những điều nghi hoặc, cũng nắm được một hai về các luận thuyết này...(Văn bia Tượng Tam Giáo), bài Độc Phật Kinh Hữu Cảm trong Bạch Vân Thi nói rõ cảm tưởng đó :*

*Văn thuyết như thiên thị Thích ca
Tùy duyên công đức đấng hà sa
Vô cùng xuất một niên niên nguyệt
Kỷ độ vinh khô thụ thụ hoa
Thiên hạnh phú hiềm thiên cổ thiếu
Số cơ bản hận nhất thân đa
Tâm trung túng hữu nhàn điền địa
Vị tiến kinh trần, thực giác hoa.*

Tạm dịch :

*Nghे nói Thích ca như Trời cao
Công đức tùy duyên như cát sông Hằng
Năm qua năm, trắng mọc lặn vô cùng
Hoa nở hoa tàn bao lần thấy
Phú quý trời cho than là ít
Cơ bản than mãi biết bao nhiêu
Trong lòng ruộng đất bỏ hoang
Cắt gai nhỏ cỏ, hãy trồng giác hoa.*

Cho nên, tuy học trò sau này tôn vinh là Tuyết Giang Phu Tử, thầy Nho sư biểu, nhưng cái chí của Trạng, khi về hưu ở tuổi ngũ thập tại Am Bạch Vân, đã sống như một cư sĩ, Bạch Vân Cư sĩ, chẳng khác Nguyễn Trãi khi lui về chùa Côn Sơn làm Đề cử hơn trăm năm trước. Sau 99 năm nhà Lê, đặc biệt với thời Nho thịnh Hồng Đức, sĩ tử hướng hẳn về khoa cử Nho học, thường bỏ quên nền móng Phật Không Lão từ Đinh Lê Lí Trần, 500 năm đồng tôn văn hoá, tạo nên một phong thái chừng chặc sâu sắc cho trí thức hơn hẳn lớp nho sĩ khoa bảng từ chương sau này. Nhà Mạc, với Thái sơn Bắc đẩu

Trạng Trình, cố tâm tiếp nối truyền thống văn hoá cao đẹp đó, nhập thể theo Khổng Mạnh, nhưng tâm địa vẫn giữ nền cao cả bền vững Phật-Lão. Ngoài việc xây dựng Đình làng làm nơi hội họp công cộng, đời Mạc xây cất trùng tu rất nhiều chùa chiền với truyền thống Tam giáo. Trạng Trình viết bia chùa Tam Giáo, Tao Tam Giáo Tương Bi Minh, như sau :

“ Đạo Phật gốc ở chỗ làm sáng Sắc và Tâm, phân biệt rõ Nhân và Quả. Đạo Lão chú trọng vào Khí để tới chỗ mềm dẻo, nắm cái lí duy nhất giữ bản chất chân thực của mình. Đạo Khổng gốc ở đạo đức nhân nghĩa..tất cả đều là giáo lí tuân theo tính tự nhiên của con người mà tu dưỡng đạo đức...Vững gốc ở bản thân mình để biểu lộ đối xử với người thì hạnh phúc toả rộng không cùng.. công đức không thể tưởng tượng và không thể nghĩ bàn...”

Bài minh tóm tắt rất gọn :

<i>Thiên mệnh vị tính</i>	<i>Mệnh trời là tính</i>
<i>Suất tính vị đạo</i>	<i>Theo tính là đạo</i>
<i>Bản chi u tâm</i>	<i>Căn bản là ở tâm</i>
<i>Ngụ chi u giáo</i>	<i>Gửi đặt vào giáo dục</i>
<i>Di tượng hữu nghiêm</i>	<i>Tượng còn trang nghiêm</i>
<i>Trường thiên bất lão.</i>	<i>Vô cùng trời không già</i>

(1578)

Từ đời Lý, tam giáo đồng tôn, đã có kỳ thi Tam giáo 1195, nhưng tới đời Mạc thì tinh thần Tam giáo Đại Việt lại phục hưng mạnh mẽ với chùa Tam giáo ở Đan Phượng, Thăng Long (khoảng 1590), và chùa Cao Dương, tỉnh Thái Bình là nơi Trạng Trình viết Văn bia trên. Cũng cần nhắc mạnh thêm là cho tới cuối đời Mạc, năm 1585-86 triều Mạc vẫn là chính thống vững vàng, thành Thăng Long được tu sửa và Trạng Trình vẫn còn sức khoẻ ở tuổi 85-90 đi du ngoạn thăm chùa viết bia lưu dấu, Trạng thái tóm tam giáo vào một chữ THIÊN, ai nấy cần khuyến thiện để phần chân nhân thế.



Khu kỷ niệm Trạng Trình-Hải Phòng

DẤU ẤN CỦA TRẠNG TRÌNH Ở CÁC CHÙA

Từ thuở thơ ấu, học với sư ông chùa Mét, cuộc đời 95 năm để lại rất nhiều dấu ấn tại các chùa chiền :

1-**Chùa Song Mai**, Trạng dựng chùa cho người vợ thứ, tên Hương sau đổi thành Minh Nguyệt, bà không có con nên xin tu tại gia. Chùa có 2 gốc mai nên gọi là Song Mai, tương truyền là nơi Trạng tiếp sứ giả họ Trịnh từ Thanh Hoá ra hỏi cao kiến Trạng, và Trạng đã kín đáo khuyên : *Năm nay lúa không tốt, lấy giống cũ mà gieo mạ, Ở chùa thờ Phật thì ăn oản*. Hàm ý họ Trịnh hãy tiếp tục tôn thờ nhà Lê.

2-Chùa Trang Hoa do học trò Đinh Thời Trung dựng cùng làng, chùa không còn (nay thành nghĩa trang liệt sĩ) nhưng bài kí về chiếc khánh đá,Thạch Bi Kí, thì vẫn lưu truyền. Tương truyền Trang thường đến đàm đạo với sư Bùi Ngu Dân tại chùa mà Trang cho là “vùng trời Thiên” :

Phiến đá khi chưa gõ lên, sao lại khiến người ta tự xét mình sâu sắc, hiểu rõ nghiệp chướng tẩm thân, rửa sạch nhĩ căn mà được tỉnh ngộ ư ? Thánh nhân thể hội đạo mà hiểu rõ điều thiện, từ thanh âm dẫn đến chỗ hài hoà, tất phải chế ra pháp khí để biểu hiện những điều ấy.

Ôi ! hoà là chủ âm nhạc, thiện là nguồn giáo hoá, khánh đá một khi treo lên, tiếng vang ra không cùng”

(phỏng lược theo bản dịch của Đinh Gia Khánh, tác giả Văn Bia Thời Mạc xb 1996).

3-Chùa Thái Bình : do Trang cắm đất dựng chùa (40km nam Hải Phòng) gần cửa biển, cũng thờ Thánh Trần và Hải thần. Truyền thuyết ghi là nơi Mạc Mậu Hợp thoát thân sau khi bại trận, và là nơi mai táng thi hài Trang Trình ?

4-**Chùa Mết** xã Cổ Am do một người họ Trần lập, là nơi Trạng học võ lòng và sau này Trạng đã trùng tu chùa và xây cầu Trường Xuân bằng đá.

5-Viết Bia **chùa Thanh Quang**-Thái Bình nhân việc làm cầu lợp mái 10 gian 1568. Bia có câu “..*các sĩ đệ nên khuyến khích nhau làm điều thiện để cho mọi người dậy nên lòng thiện mà tạo nên miền đất tốt lành..*” Bài minh có câu :

*Đất không biên giới
Trời cao sánh cùng
Móng nền công đức
Xưa nay trường tồn.*

6-Viết Bia **chùa Khang Ninh**, 1579- nhân làm tượng Phật bằng đá, văn bia có câu “*Tôi cũng có lòng yêu điều thiện nên rất mừng. Nhà Nho ta đối với giáo lý Phật không phải không nắm rõ..ta thường tự nhủ cần tích lũy công đức..*”

7- **Tháp Phổ Minh** : ở chùa Thiên Trường, vua Trần Thánh Tông và các vua Trần khi làm Thái Thượng Hoàng lui về đây tu dưỡng. Trạng Trình du ngoạn để lại bài Du Phổ Minh Tự với những câu sâu sắc :

*Phật nhãn thê lương chiếu dạ thanh
Pháp giới dũ đồng thiên quang đại
..liêu liêu cổ đỉnh kim hà tại
thức đắc vô hình thắng hữu hình.*

Mắt Phật thê lương chiếu đêm thanh
Pháp giới mênh mông tựa trời xanh
Vạc đỉnh ngày xưa giờ đầu mắt
Vô hình xoá sạch hữu hình quanh (*phóng dịch*)

Thái Ất, Thái Huyền hay là Chiêm Tinh Tuyệt Sơn Hy Mã ?

Trạng Trình làm Sám, không nghi ngờ gì nữa, nhưng viết Sám bằng nguồn gốc lý số nào, còn là một nghi vấn lớn.

Lý số học Đông phương phần lớn dựa trên Kinh Dịch, từ Âm Dương Ngũ Hành, tới Bát quái, 64 quẻ...theo đó mà luận, từ Nho, Y, Lý, Số, cho tới làm lịch... đều không ra ngoài Dịch lý. Muốn kỹ càng chi tiết hơn, với các công thức áp dụng cho tiện việc tính toán (vì lý số là một môn Toán học Thiên văn), phải dùng thêm các sách luận giải về Kinh Dịch, trong đó Thái Ất Thần Kinh là một.

Một học giả đời Minh là Viên Đàm lại cho rằng sách Thái Ất Thần Kinh chính là sách Thái Huyền của Dương Hùng đời Hán (năm 53 tr.DL). Dương Hùng tuy dựa theo Kinh Dịch mà viết ra Thái Huyền, nhưng ông chi tiết hóa và công thức hóa thành một bộ sách áp dụng vào lý số nên sau này các nhà thuật số đều lấy đó làm cứ điểm.

Dịch thì lấy Âm Dương làm gốc, Huyền thì lấy một, hai, ba, làm gốc để giải mọi biến hóa trong trời đất :

Sau **Dịch**, đến **Huyền**, tới thế kỷ XI đời Tống, lại thêm **Thần** của Thiệu Ung (1011-1017) với sách Hoàng Cực Kinh Thế, luận cả về Dịch lẫn Huyền. Thần giống như Đạo, là Thiên lý, là Tính, dầu biến dịch thế nào cũng vẫn không tiêu hoại (tương tự như Phật tính), nên phải Phục

tính để đạt tới Thần, Thần lan khắp vạn vật, mọi sinh linh đều có trong bản chất.

Thiệu Ung nối kết Dịch với Đạo, với Phật (lúc đó đạo Phật rất thịnh bên Tàu) và toán pháp hóa để tạo thành khoa lý số, cùng với Chu Đôn Di và nhất là Trần Đoàn (số Tử Vi).

Vấn đề ở đây là ngay những sách Thái Huyền, Hoàng Cực, Tử Vi... đời Hán, đời Đường, đời Tống... đều chịu ảnh hưởng tới đâu của Mật tông Phật giáo Tây Tạng và huyền học Vệ Đà Ấn Độ do con đường Tơ Lụa (*Silk Road*) và đường biển phía Nam mang sang ? Nhìn bố cục lá số Tử Vi của Trung Hoa giống như lá số chiêm tinh của Nam Ấn Độ, xem cách tiên tri của các nhà sư đời Đinh, Lê, Lý... không thấy dấu ấn nhiều của dịch lý mà có thể đã dùng phương thức khác để đoán Tên người, đoán Nơi chốn, đoán Tinh đầu hội tụ vào một điểm chuẩn xác trong thời gian và không gian... những tính toán chuẩn xác này vốn là ưu điểm của khoa chiêm tinh Ấn và khoa chiêm tinh Tây phương. Có thể suy diễn là Trạng Trình và các môn đệ tinh thông lý số như

Trương Thời Cử, Trịnh Hùng Phùng Khắc Khoan... đã dùng các tài liệu của Trung Quốc và không thể không nghiên cứu các Sám ký lưu truyền trong nhà chùa. Ta thấy Trịnh rất thông đạo Phật, thường cùng các nhà sư già đi thăm các nơi danh thắng nhất là vùng Yên Tử trung tâm Thiền phái đời Trần, lại thêm có gạch nối rõ ràng giữa Sám Vạn Hạnh và Sám Trịnh về điểm Thánh Xuất như " **Lý đi rồi Lý lại về** ", và Trịnh Hùng quê quán Sơn Tây hẳn không thể không quan tâm tới " **núi Tản sông Đà** " là linh địa danh được nhắc tới nhiều lần trong tập Sám.



Núi Tản Ba Vì-Thất cổ bông mà có Thánh sinh !

LÝ ĐÔNG A

nhà Tư Tưởng thấu đạt truyền thống Việt.

Trong thập niên đầy biến động 1940, hai nhà tư tưởng cách mạng để lại dấu ấn lâu dài là Huỳnh Phú Sổ, người để lại một môn phái Phật giáo Hảo Hảo với cả triệu tín đồ, và Lý Đông A, để lại một hệ tư tưởng thuần Việt vang vọng cho tới ngày nay.

Lý Đông A (1920- 1946 ?) cũng như Vạn Hạnh, đạo trường mệnh mông tới tận Hy Mã Lạp Sơn, ông ao ước :

Lập lại non sông xưa Bách Việt

Dựng nên thế giới mới Duy dân

*Chèo sang một bến **Cực lạc***

Vớt lấy năm bể trầm luân..

Và ông thấu hiểu “ *thân như điện ảnh hữu hoàn vô*” (sư Vạn Hạnh), nên nhập thế trong tinh thần xuất thế cao cả :

Làm tròn giấc mộng tiền sinh ấy

*Trở lại non sâu nhập **Niết Bàn***

Bến Cự Lạc, cõi Niết Bàn..! Y Bát Viêm Việt trong hội Long Hoa này, quét sạch tà đạo, thắng nghĩa Việt dâng lên rờm rợp non sông gấm vóc, dài rộng từ Động Đình Hồ xuống tận Cửu Long...*Quy Long Trận, Kỳ Tuyệt Ca*, đại thống giềng mỗi năm châu :

Sông Hằng, nước Hán đều quy lại

Đảo Úc tầng A cũng phục quanh

Ruộng đất muôn xưa nhà Bách Việt

Hồng Bàng để lại mỗi tân canh...

Lý Đông A, không hẳn sống ở thời thế kỷ xẻ hai, người ấy là hoá thân của Vạn Hạnh, của Trạng Trình, mà cả ba cùng là hoá thân của Thánh Tản...Biết bao lần tráng sĩ Hồng Bàng nhắc tới Viêm Việt nước non xưa :

Nên kể khai đạo thống đất Viêm phương

...Giếng Tiên Rồng văn hoá cực Viêm phương

Nước Đại Việt xuân thu hùng vạn thế...

Chính khí Viêm phương từ Động Đình Hồ tụ về Tổ sơn Tản Viên (*Dư Địa Chí*- Nguyễn Trãi), nơi an trú hồn thiêng sông núi, đỉnh mây che vua cuối nhà Hồng Bàng, Sơn tinh nhỏ bọt vào mâm lễ gã pháp sư Cao Biền, cả nghìn năm sau đường như sư Vạn Hạnh đã lên đây dựng Bạch Sĩ Tự để đất tái phát cho họ Lý “*ngìn năm lại thấy mọi nơi vẹn toàn*”.

Trạng Trình, cả tập Sấm, xoáy quanh non Tản :

Bảo sơn thiên tử xuất

Bất chiến tự nhiên thành

Lại nói sự Đà giang sinh thánh

Hoàng phúc xưa đã định Tây phương

Thủy trung tàng Bảo cái

Hứa cập thánh nhân hương

Tại sơn vô hổ lang

Thất thập nhị hiền tướng

Phụ tá thánh quân vương (2)

Trạng Trịnh lặn sâu vào tàng thức Viêm Việt, vọt lên lời sấm Bạch Vân, giữa Ba Vi tay hổ, Tam đảo tay long, ngóng đợi cùng muôn dân một thầy Bach Sĩ mà bà Chúa Liễu Hạnh giáng trần từng ngụ ngôn “*non xanh mà mọc trắng răng mới kỳ*”, thì Lý Đông A cũng lặn trong dòng máu Việt ấy bao lần từ bài thơ *Bạch vân diếu, Bạch vân đàn họa*, đến bài *Đà giang*:

Sách Hoá trắng tinh không một chữ

Gậy thần đốt trúc có hai đầu

(-cây gậy đầu sinh đầu tử của thánh Tản-)

Thái bình làm sách Ước

Xây đắp cõi thần châu

(sách Ước thánh Tản- *Thần châu thu cả mọi nơi vẹn toàn*)

Và Lý Đông A còn lấy Tản Viên như một điểm xuất phát tư tưởng phục hoạt tâm thức giống nòi, nơi trao truyền **y bát sấm ký, trung tâm đạo thống Tam Tài** (3):

...Hoàn nguyên tứ hướng về Nam hộ

Thống nhất tam tài ở Việt Làng

(trích Đạo Trường Ngâm- LVV gạch dưới tô đậm những từ liên quan tới Sấm Trạng Trình)

Đạo thống Việt, tâm thức Văn Lang, là một cuộc trao truyền y bát: Vạn Hạnh để lại : Luc thất niên gian, thiên hạ thái bình..cho Trạng Trình : Chỉ rằng luc thất nguyệt gian, ai mà biết được mới gan anh tài...Tới chiều luc thất xuất thánh nhân... Và Lý Đông A trong dòng siêu thức dân tộc, nắm bắt, quán cảm : Thuở Vạn Kiếp tiên trao khét oanh liệt, Ngày luc niên đã hiện thét quang vinh. Trạng Trình tiên tri một bậc thánh nhân sẽ “ thần châu thu lại mọi nơi vẹn toàn” thì Lý Đông A cũng nhắc lại : Thái Bình làm Sách Ước, Xây đắp cõi Thần châu, để tới ngày :

Bể Nam trời đất vuông tròn

Trăm con giống Việt một hòn máu tươi..

Chú Thích

1. *Đạo Trường Ngâm*- Lý Đông A, bản 1985 Nhân Chủ Học Xã.
2. *Xem Việt Sử Siêu Linh*- Lưu Văn Vịnh, xb 1999.
3. *Vua Lý từng ca ngợi* : Vạn Hạnh dung tam tế, Chân phù cổ SÁM ky, Cùng ý ấy.
4. Nền Nhân Chủ thâm tóm tinh túy đạo học Đông phương.

Tập Đại Thành Lý Đông A và Lâu đài Tư tưởng bất thành của Trần Đức Thảo ***Biện chứng hài hòa Mã Minh-Long Thọ***

MỘT DỰ TÍNH TRIẾT HỌC MUỘN MÀNG !

Mất gần 40 năm, 1951-1991, triết gia Trần Đức Thảo mới nhìn ra hết những sai trái của Marx và Hegel, như trong hàng tột của Platon, ông bị sở tri chương (Phật) đè nặng, trở thành u mê, như chính lời ông bố mắng : *mày học làm thợ còn hơn, mày học nhiều quá nên trở thành kẻ không tưởng, kẻ sống trong mộng ảo...(tr.160) chúng nó đã xúi mày đi vào chỗ chết...*

Chính ông về sau cũng nhìn nhận : *Kẻ đi tìm chân lý như tôi nay cũng chỉ là một thằng hề! ha ha ha...Người Pháp gọi là fou rire, cười như điên rồ...mang tiếng kẻ có học mà cứ phải đi theo đuôi mấy ông cán bộ i tờ (TĐThảo-Những Lời Trăng Trối-tr.326)- Bó mẹ nuôi nấng, cho sang Tây ăn học, nay trở thành thằng khùng trong xã hội...*

Ông biết chắc : Marx sai từ cơ bản, không phải người thực hành sai, Marx đã lật ngược lại duy tâm Hegel, nhưng chính Hégel biện chứng cũng sai nốt, **sai về phương pháp** (tr.415) *Hegel nói chuyện trên Trời thì không đến nỗi tai hại quá, nhưng Marx lại đưa cái dialectique ấy từ trên trời xuống đất, đặt cái tương lai lên trước cái hiện tại...để bảo rằng sau này sẽ tiến tới chủ nghĩa CS (Trăng Trối-tr421)-với lối biện luận siêu hình mơ tưởng, Marx tiên tri sai trật lịch sử.*

Không dùng tới Mác xít và Hegel, TĐThảo những ngày cuối đời toan xây dựng một triết thuyết hoàn toàn mới, ông muốn khai thông bế tắc tư tưởng, *một món nợ phải trả cho dân tộc, cho triết học*, ông dự định từ 1991, xây dựng *một lâu đài tư tưởng, một cuộc cách mạng mà cả nhân loại*

mong chờ, lo tìm hạnh phúc đích thật cho toàn thể nhân loại...Cuộc sống gian khổ của dân ta và của tôi đã chuẩn bị vật liệu để tôi xây cất ngôi lâu đài ấy...lâu đài của tinh thần và lý tưởng dân chủ, của một nền công bằng xã hội chân chính...công lý nghiêm minh...khai triển một cuộc cách mạng lý tưởng bằng lương tri, trí tuệ...quyền dân chủ bằng lá phiếu của mình...(Trăng Trối-tr.339-40)

Vấn đề cần bàn ở đây là TĐThảo, cho dù còn sống sau 1993, có khả năng xây dựng từ đổ nát một toà lâu đài tư tưởng mới cho nhân loại như ông nói không ?

BỐI CẢNH TRIẾT HỌC TÂY PHƯƠNG

Tiền bán Tk XX

Trần Đức Thảo theo học Triết tại Paris từ 1936 tới 1951 thì về chiến khu Việt Minh. Bối cảnh Triết học Tây phương thời ấy gồm mấy phái chính :

1- Duy tâm của Hegel, Hiện tượng luận của Husserl, Duy vật của Marx. TĐThảo đã viết hai luận văn về Husserl và Hegel và nghiêng về duy vật biện chứng Marx.

2-Trường phái Luận lý Tân Thực nghiệm (*neopositivisme logique*), còn gọi là Nhóm Vienne (Cercle de Vienne), gạt bỏ siêu hình trừu tượng lý thuyết, chỉ nhìn nhận những gì dựa trên lý trí hoặc những sự kiện thực nghiệm. Nhóm này, với Ludwig Wittgenstein (1889-1951) và cùng với Bertrand Russell (1872-1970), dẫn tới Triết học phân tích - *Philosophie analytique*, rất gần với luận lý hình thức - *logique formelle* và ngôn ngữ học (*linguistique*), chú trọng tới sự phát biểu tiếng nói (*énoncés du langage*) hơn là tìm hiểu ngoại giới (*le monde*) vốn là phần vụ của khoa học.

Sau này, TĐThảo bỏ cả Hiện tượng luận *Husserl* lẫn Duy lý Duy tâm *Hégel*, vì cả hai đều mang hình thức lý tưởng (*idealistic*) và yếu tố siêu hình. TĐThảo dùng duy vật biện chứng để tìm hiểu ngọn ngành của Ý thức. Ông cho rằng phải chỉnh lý Hiện tượng học-vốn không chú trọng tới Ý

thức- bằng Marx qua xã hội và lao động của con người, nghĩa là qua kinh nghiệm sống.

Từ giữa thế kỷ XX, nhiều học giả đã nhìn ra những giới hạn và sai lệch của Biện chứng pháp Duy vật lẫn Duy tâm rồi :

Biện Chứng Pháp Thiên Lệch Duy Tâm, Duy vật

Đê-Phản đê-Tổng hợp đê, thật ra không phải của Hégel, mà là của triết gia duy lý Kant (1724-1804), được Fichte (1762-1814) chuyển đạt. Hegel dùng ngôn từ khác :

Trừu Tượng (abstract)- Phủ nhận (negative)-Cụ thể (concrete), vẫn là diễn trình tiêu cực, cái này huỷ diệt cái kia để tới một cái khác. Khẳng định một diễn trình nhất định ấy Duy tâm rơi vào thuyết Định mệnh (*déterminisme*) và Duy vật noi theo cũng là Định mệnh thuyết, khác chăng là dùng đấu tranh giai cấp để điều chỉnh, thúc ép định hướng diễn

tiên. Nhận thức luận như thế, rất máy móc khách quan mà không biết mặt chủ quan.

Marx cho rằng người ta hơn con nhện về kỹ thuật là vì biết quan niệm rồi mới hành động, triết gia không chỉ luận giải thế gian bằng những cách khác nhau, mà cần phải thay đổi nó đi (*The philosophers have only interpreted the world in various ways, the point is to change it*- Thesis to Feuerbach XI), Marx chủ trương Tri-Hành, nhưng cái nhìn về diễn tiến vạn sự, khởi từ Vật chất, qua những mâu thuẫn, A tự phủ nhận thành B, B lại tự phủ nhận thành C, như thế C chịu phủ nhận hai lần, C là huỷ thể của huỷ thể (*négation de la négation*)...lối suy tư theo mặt Ác (lời Lý Đông A) với chuỗi mâu thuẫn trái nghịch ấy nhìn mọi diễn tiến, từ thiên nhiên tới xã hội, đều luôn luôn xung đột, huỷ diệt lẫn nhau. Giải pháp đấu tranh giai cấp từ Ác tâm đó mà ra, nó cũng là lối *chủ - nô, giàu-nghèo, đấu chọi nhau*... một khu rừng có cây cao cây thấp, nay chặt hết cây cao cho bằng cây thấp, bắt giàu thành nghèo, chia đều con số zero, thì sự tiến hoá sẽ đi xuống chứ không thể đi lên, giải pháp ác liệt này không

tượng, là bánh vẽ không thể thi hành trong xã hội phức tạp loài người, không thể giản qui con người thuần vật chất, thành cái đinh con ốc trong công thức biện chứng duy tâm hay duy vật, nó thiếu sự uyển chuyển, thiếu thăng hoa tất yếu của luật tiến hoá. Lối suy tư ước mơ đó của Marx đã sai trật, thể chế Mác xít, thành lập từ giai cấp đấu tranh, dẫn tới độc tài của một giai cấp mới, chỉ đưa xã hội tới nghèo đói và chuyên chế (*The economics of such societies failed, so instead of prospering, they became impoverished. Marxist government, then gave people both poverty and tyranny...p.170 Bryan Magee*) (1)

Cả một trận doanh khác bên trời Âu, đã phản đối những hệ thống cứng cõi ấy, như Freud, Jung, với tâm lý học chiều sâu, chiều rộng, đi tìm nội tâm của cá nhân, của cái tôi đặc thù, Kierkegaard cho trực giác kinh hoàng *lo âu* (*Le Concepts D'angoisse* 1944) của con người (*angoisse-anxiety-Angst*), là một kinh nghiệm riêng tư, một mình mình biết, một mình mình hay, vượt ngoài hệ thống, ngôn từ, suy luận, sống là *sống ở đời* (Être dans la vie) theo Jaspers trong những điều kiện hạn chế-*situations limites*, Hiện hữu có

trước bản thể (*L'existence précède l'essence*) theo Heidegger, tới J.P.Sartre, cùng Gabriel Marcel, một khuynh hướng mới của hậu bán thế kỷ XX, nó khác nhiều so với bối cảnh thời TĐThảo ở Pháp, khi đó Hégel, Husserl, Marx đang ngự trị trên doanh tư tưởng.

TẬP ĐẠI THÀNH LÝ ĐÔNG A

Ngay ở Việt Nam, cùng năm 1943 khi TĐ Thảo ra trường Sư Phạm Pháp, thì **Lý Đông A**, một kỳ tài mới 23 tuổi, trẻ hơn TĐThảo 3-4 tuổi, đã soạn **thảo án** tổng hợp tư tưởng, xây dựng chủ đạo quốc sách mới cho VN và nhân loại. Riêng về Duy vật- Marx, LĐA đã nhìn ra rất sớm, trước TĐThảo cả 50 năm, Lý Đông A đã phê phán triết lý Duy Vật của Marx và Duy Tâm của Hégel như sau :

-Triết học ấy đáng là lạc hậu 100 năm rồi, nhắc lại phê phán vì Cách Mạng 1917, với tất cả những thất bại của đệ I,II,III,IV quốc tế, với CS đảng các nước.

-Sự sai lầm lớn lao của Duy Vật Biện Chứng Pháp là nó chia rẽ hẳn lý luận với thực tiễn

-Duy Vật căn cứ vào vật chất, nhưng thế nào là vật chất...khoa học khám phá ra nguyên tử, lượng tử (quantum), năng tử, rồi còn nhỏ nhỏ nữa...từ chỗ cực vi đến vũ trụ, hai cái thái cực để đối chiếu lẫn nhau làm ta không quyết định được tính chất tuyệt đối của vật chất làm căn cứ tối cao.

-Nó tự bị đào thải trong đường trường của lịch sử thế giới, và xã hội sống thực tiễn, dân tộc là bản vị, giai cấp là cơ năng...

-Áp dụng sống theo một triết học thiên lệch nào là không đúng với tổ chức con người, tức là phản chính trị.

-Không nói đến Dân tộc, không lấy dân tộc làm lý lẽ đấu tranh, chỉ chú trọng tới cách mạng, sẽ không có một căn cứ nào vững vàng, sẽ lỏng bông vô ý nghĩa. (trích Đường Sóng Việt-LĐA).

Toà lâu đài tư tưởng, với lý tưởng dân chủ mà Trần Đức Thảo ước mơ năm 1993 đã được Lý Đông A phác hoạ từ thập niên 1940 :

-Sau hợp sáng Phật-Lão-Nho đòi Lý-Trần, cần kiến tạo một hợp sáng văn hoá mới, dung hoà Đông Tây Kim Cổ, như Duy Dân Học Xã đề ra : “ *một cương lĩnh Cách mạng và Sáng tạo, toàn diện, triệt để và hướng thượng để đạt tới một lý tưởng xây đắp một đời sống văn hoá toàn bộ cho dân tộc... cá nhân, xã hội, dân tộc cùng hài hoà tiến triển.* (Tuyên ngôn Duy Dân Học Xã) *phục hưng và phục hoạt nội giống với văn minh Tiên-Rồng...* Ta đã sống cả muôn năm ở trong ta, lấy sức ngầm đó đứng lên **chuẩn bị cho thời đại 2000** (LĐA-Huyết Hoa tr.98)

LĐA luận rằng Duy tâm còn tính Thiện, Duy vật có tính Ác. Duy tâm, lấy tuyệt đối tinh thần, ý chí tối cao, làm cứu cánh, thiên về Tĩnh, nhằm tới văn minh biểu hiện Đức tính, Duy vật, thiên về Động, chú trọng hưởng thụ. (theo Nền Triết học

Chính Thống-Ám Thị Biểu và Tuyên ngôn Duy Dân học xã). *Lý Đông A đã tập đại thành biện chứng qua ba thành phần :*

*Nhiên-Nhân-Dân, giác ngộ nhân chủ để tiến tới một nền văn minh tự giác nhân chủ cho nhân loại. Ông đưa ra 2 nguyên lý : **Tổng thể** và **Hướng thượng** để thay thế biện chứng pháp duy tâm duy vật rất lệch lạc của thế kỷ 19. Triết học Duy Dân lấy con người trong xã hội làm căn cứ, **Xã Hội Tự Tính** là căn bản. LĐA nhấn mạnh luật tắc **Hỗ Tương**, giữa Bản vị và Cơ năng, giữa Quá khứ, Tương lai- rất gần thuyết Tổng thể-Gestalt theory của triết & tâm lý học Đức. Luật mâu thuẫn tác dụng tuần hoàn theo chu kỳ xoáy tròn ốc, mỗi chu kỳ có 3 giai đoạn, Chính-Phản-Hợp, nâng trạng thái từ thấp lên cao (tr.200 Phạm Khắc Hàm), theo hai nguyên lý **Tổng thể** và **Hướng thượng**.*

Như Heraclitus (BC 540-475) luận ngày đêm, sáng tối là hai mặt, đối lập mâu thuẫn, mà thống nhất, cũng như Âm Dương tương sinh tương khắc, hay tương tức tương tác của Phật,

được LDA hợp sáng thành: **nguyên lý đối lập thống nhất**, từ đó lập **Xã hội Biện chứng pháp chính xác cho loài người**, *thay biện chứng pháp máy móc tâm và vật. (2)*

Sau này ở miền Nam VN, nhiều học giả như Nguyễn Đăng Thục, Ngô Đình Nhu, Kim Định, và nhất là Nghiêm Xuân Hồng, đã phê bình Duy vật Mác xít rất cặn kẽ :

Trong bài *Cội Nguồn của Sự Vật*, (theo blog *lambamblog.wordpress*) Nghiêm Xuân Hồng, tác giả *Đi Tìm Một Căn Bản Tư Tưởng, Xây Dựng Nhân Sinh Quan, Biện Chứng Giải Thoát Trong Tư tưởng Án độ...* từ những năm 1960 đã viết :

Duy vật thiển cận hay khoa học máy móc đều sai lầm vì sự chuyển động ngẫu nhiên của vật chất không có xác suất nào (probabilité) để tạo ra một sinh vật như con chó con người.

Các nghiên cứu khoa học cho thấy các nguyên tố chính Carbon, Hydrogen, Oxygen, Nitrogen, các Amino acids...không thể ngẫu nhiên tạo nên sinh vật, từ Teilhard de Chardin, Alexis Carrel, Sinh hoạt thuyết (vitalisme) đến sinh hoá học đều chứng minh Duy vật biện chứng là phản khoa học chứ không phải là khoa học. Thế kỷ 19, khoa học còn đang ở bước đầu, Darwin với thuyết Tiến hoá, Berthelot hoá học, Pasteur, Koch...vi sinh học... gây ấn tượng lên triết học, vì thế Marx cũng muốn khoác thêm chiếc áo thô khoa học thời đó để cuốn hút tín đồ ! (3)

Với sở trường Triết học Tây phương, cả đời trong bộ môn chuyên biệt uyên bác, nhà hiện tượng học TĐThảo đã không đi vào tư tưởng Đông phương -Ấn, Phật học, Dịch lý, Lão Trang.. như thế làm sao xây dựng được lâu dài tư tưởng viên mãn cho thiên hạ ?

Tư tưởng phương Đông, từ Yoga, Phật, Thiền, đến Dịch, đến Đạo... cũng đã cống hiến cho nhân loại những phương cách suy tư và đạo sống cao cả :

Biện Chứng Hải Hoà Đông Phương

Mã Minh (Asvaghosa tk I) , thi hào tư tưởng gia Phật giáo, trong bộ Đại thừa Khởi tín Luận đã vượt cả Duy Tâm : chân như và vô minh như nước lặng với sóng động, hay : thiên hình vạn trạng là do tâm chủ thể biến hiện... một duy tâm chủ quan, hiện tượng-*phenomena* và tự thể-*noumen*-đồng nhất, thật-giả, nước-sóng, cũng *từ tâm* mà ra.

Long Thọ Bồ tát (Nagarjuna tk II), trong Trung Quán Luận, đưa ra biện chứng Không ,Sunya, phủ nhận tâm thức nội giới lẫn hiện tượng ngoại giới, vì tất cả đều do nhân duyên điều kiện mà có. *Không* ở đây là *chân không diệu hữu*, tuyệt đối, là bản thể của hiện tượng (*the nature of phenomena*) chân không, không phải là hiện tượng nên không thể nghĩ bàn,

vượt ngoài ngôn ngữ (Lão : *Đạo khả đạo phi thường* = đạo mà nói ra được thì không phải là đạo) Chính Heidegger cũng thấy : *Hình tượng chẳng khác gì trống không, trống không cũng chẳng khác gì hình tượng-Con Người-tâm thân năm thước rỗng không (Form is no other than Emptiness; Emptiness is no other than Form. Man-this five foot long Nothingness- tr 150).*

Trung quán luận phủ nhận giả tướng do cảm giác tri giác giới hạn mang đến, chứ không chủ trương Hư vô (*nihilisme*). Kinh Bát Nhã tóm lược : *Sắc bất dị không, không bất dị sắc* mà Long Thọ mô tả bản thể tuyệt đối, ngoài cõi phạm tục như sau :

Bất sanh bất diệt-Bất nhất bất nhị-Bất thường bất đoạn-Bất lai bất xuất.

Nhưng còn dùng ngôn từ-bản thể tuyệt đối thì cũng vẫn còn giả danh, Trung đạo đệ nhất nghĩa đề phải là vượt nhị biên Hữu-Vô : *phi hữu phi vô, phi phi hữu, phi phi vô.* (tr 167-*Sứ cương Triết Học Ấn Độ-Thích Quảng Liên, xb 1973).*

Duy Thức học cũng luận bàn như vậy, nhất thiết duy tâm tạo, và như Vasubandhu biện chứng theo Phật : *Nhân sinh ra quả, quả trở lại làm nhân...* Chủng tử, *energy*, tàng trong *A lại da thức*, gặp thuận duyên thì hiện ra, chủng tử sanh, là nhân, hiện hành là quả. (tr.182 Thích Quảng Liên).

Những *Công án* trong Phật giáo (Koan) giúp phá chấp, làm bung vỡ sở tri chướng, thành kiến, nhằm giải thoát chứ không dùng biện chứng đầu môi để tiến tới chân lý.

Mãi tới Heidegger, mới thấy Triết học Tây phương chú trọng tới Hiện hữu và Thời gian (*Sein und Zeit-L'Être et le Temps-1927*) mà J.P.Sartre đã lấy vào tập Hiện hữu và Hư vô (*L'Être et le Néant-1943*). Trần Đức Thảo, khai triển Husserl, viết về Thời tính- *La Dialectique logique comme dynamique générale de la Temporalisation (Biện chứng luận lý như là vận động tổng quát của Sinh Thời)*, trong khi, từ cổ đại, **Kinh Dịch 64 quẻ** đã vạch tiến trình biến động của vạn hữu trong thời gian và không gian, nguyên lý sinh thành tiêu trưởng trong Dịch lý là một biện chứng trung đạo, không

phải là nguyên lý mâu thuẫn huỷ diệt *đề-phản đề* chống chọi nhau để tới hợp *đề*. **Lão Tử** viết : *Đạo sinh Nhất, phân hoá ra Hai, Hai tổng hợp vào Ba, Ba sinh ra vạn vật. Vạn vật đối khí Âm, ôm khí Dương, quân bình hai khí để mà Hoà* (Đạo Đức Kinh chương II). So với Biện chứng Hégel, thì Lão tử biện chứng theo kinh nghiệm hiện thực. Tổng chi, triết học Tây phương liên quan đến vấn đề tồn tại (*Being*), triết Đông liên quan đến vấn đề sinh thành (*Becoming*), Nhị biên lưỡng tính so với bất nhị pháp Đạo học Đông phương. (tr.177 Nguyễn Đăng Thục).

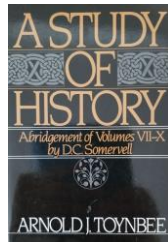
TRIẾT HỌC CHÍNH THỐNG

Suốt 40 năm bị *sở tri chướng* và *điên đảo tưởng*, *chấp kiến Tâm Vật nhị biên*, Trần Đức Thảo vẫn chưa vượt thoát sang bờ phá chấp, giải thoát, dẫu có nhìn ra cái sai trái của Hégel, Marx, dẫu có triển khai Hiện tượng luận Husserl, thì ông cũng không có khả năng tổng hợp Đông Tây để đi tới một lâu đài triết học đẹp đẽ thời toàn cầu hoá. Muốn xây dựng

lâu dài mới, tổng hợp, mà bỏ qua Đạo học Đông phương, thì cũng sẽ lại luẩn quẩn quanh tháp Eiffel mà thôi, chẳng ân ích gì cho Việt Nam, cho thế gian đang ngao ngán ý thức hệ, đang vùng dậy thoát ly sở tri chương của những triết gia đã ngộp thở trong núi sách lại toan lôi kéo thế gian xuống vũng lầy chữ nghĩa *fou rire* của mình. Thế giới Anh-Mỹ phát triển nhân bản, tự do dân chủ, pháp trị nghiêm minh, kinh tế phồn thịnh, mà không cần tới triết gia, họ tự hào chỉ có ***worldly philosophers***, những đầu óc thực tiễn có tài kinh bang tế thế, khác xa với văn hoá Pháp, Nga ...

Nhắc lại TĐThảo cũng không thừa, vì Triết học thời nào, ở đâu, cũng vẫn nhằm 3 mục đích trí thức hữu ích : *Phê bình tư tưởng- Tìm hiểu chân lý- Tìm một đạo sống cho ra sống* , hay như Winston Churchill suy ngẫm : *Sau này nếu có một đế quốc thì đây là đế quốc của tư tưởng, đế quốc của tâm trí. (empire of ideas, empires of mind)*.

Trong bối cảnh VN giữa cuộc toàn cầu hoá, điện tử kết mạng, **triết học chính thống** như thảo án Lý Đông A , vẫn có khả năng và vẫn cần để dập tắt ngọn lửa mê tín vọng niệm thế gian. (*Superstition sets the whole world in flames, Philosophy quenches them-Voltaire*). Một hướng đi nhân đạo, nhân bản, nhân chủ, chỉ đạo đứng đắn kinh tế, chính trị, văn hoá giáo dục sẽ là ánh sáng soi đường toàn cõi Đông Nam Hải vậy.



CHÚ THÍCH

1-Lời bình về chủ trương xã hội của **Winston Churchill** : Chủ nghĩa xã hội là một triết lý thất bại, lòng tin mù quáng, là giáo đường sân hận ghen tỵ, đính kèm đó là sự chia đều nghèo đói khôn khổ (*Socialism is a philosophy of failure, the creed of ignorance and the gospel of envy, its inherent virtue is the equal sharing of misery-Brainy Quotes*).

Sử gia **Toynbee** nhìn theo lăng kính Lịch Sử suy rằng : ...CS từ căn bản, cũng như Tự Do và Phát xít, là những ý thức hệ phát xuất từ Tây phương thời mới để thay thế Thiên Chúa giáo. Nhìn như vậy, sự tranh chấp giữa Hoa Kỳ và Nga Sô để dành quyền bá chủ thế giới, giữa CS và Tự Do để đạt sự thuận phục của nhân loại, có thể được nhìn như là chuyện trong nhà của xã hội Tây phương. (*Communisme, again, was, in origin, like Liberalism and Fascism, one of the secular ideologies that had arisen in the Modern West as substitutes for Christianity . And thus from one point of view, the competition between the Soviet Union and the United States for the hegemony of the world, and between Communism and Liberalism for the allegiance of Mankind, might still be regarded as a domestic issue within the household of the Western society.* (Toynbee p. 148). Nhận định trên, của một sử gia thượng thặng, cho thấy Á Đông, Tàu, Hàn, VN, đã vướng vào cuộc tranh hùng vô bổ, vốn là chuyện riêng trong nhà của Âu Tây, giữa phe cực tả CS và cực hữu Thiên chúa giáo !

2-LÝ ĐÔNG A (1920-1946 ?) tư tưởng gia đưa ra *nguyên lý TỔNG THỂ* và **HƯỚNG THƯỢNG-NỀN Triết học chính thống-Chu tri Lục 6- Chìa khoá của Thắng nghĩa**, là những bài giảng chính về tư tưởng và Triết học trong Duy Dân Thảo An Quốc sách toàn pho- **Ám Thị Biểu** là bản tóm lược Duy tâm Duy vật Duy sinh (như Tam dân) và Thắng nghĩa Duy dân, một công trình dài lọc, quy nạp diễn dịch thông suốt, độc đáo. LĐA có lẽ là vị viết về Triết học ĐôngTây đầu tiên của VN, ông thấu đáo các triết thuyết giữa thời cao điểm Ý thức hệ, ông đã vượt thời đại để xây dựng một Thảo An tư tưởng cho năm 2000.

Nhằm lần gốc của Marx : Áp dụng thẳng luật tự nhiên vào loài người, Không thấy thống nhất giữa người với thiên nhiên. LĐA cũng phê phán hai chữ Kinh tế của Marx dùng : xã hội có tổ chức mới có kinh tế, thời CS nguyên thủy không thể gọi là có tự nhiên kinh tế.

Trong **Sứ quan** Duy Dân, sự xuất hiện loài người trên trái đất là do **Cực Chất**-là các nhân tố sinh hoá đầu tiên, đặc thù của mỗi loài. Rất có thể đây là Stem Cells hay Genomes DNA mà LĐA viễn kiến.

Ông tiên liệu sau Thế chiến II, các nước sẽ thất bại trên hoà bình, Tàu luôn có tham vọng chiếm Việt, Hàn, chiến tranh kinh tế sẽ xảy ra, cho nên ta cần tiến tới Dân chủ xã hội, bình sản. (*Huyết Hoa/Xuân Thu/Dân chủ*- tr.90). LĐA xác nhận Đại Việt Dân Chính (Nguyễn Tường Tam, Khái Hưng, Hoàng Đạo...) đã gia nhập vào Thắng Nghĩa, ông nhắc nhở : *Nuôi tâm sinh thiên tài, nuôi óc sinh nhân tài, nuôi thân sinh nô tài, **tịnh hoá Thân Khẩu Ý, minh tâm kiến tính thành Phật***, Ông không quên **thể dục** : tản bộ, hô hấp thở, vận động, ngừng mặc, ngồi lặng tịnh tĩnh, định tâm, giữ vững thận tránh di tinh, mộng tinh nghĩa là : Thận vững, Tim trong, Óc sáng, Minh nhẹ, Tay mạnh (*Huyết Hoa/Lấy Óc chữa bệnh Óc*-tr.172).

3-Khoa học vật lý hiện đại về vật chất nhỏ nhất như quang tử, lượng tử đã được tuệ giác thiên nhân Phật thuyết về *lân không* (gần với hư không) từ trước hay ngang thời Heraclites

4-Penser critique-Trouver la vérité-Le but est d'apprendre à bien vivre-
(Philosophies de notre Temps-p.2-Jean Francois Dortier –Chủ bút
tạp chí Khoa Học Nhân Văn Pháp- Sciences Humaines).

THAM KHẢO

- Philosophie de notre temps** Editions Sciences Humaines-
2000- par J.F.Dortier
- Atlas de la Philosophie** P.Kunzmann, F.P.Burkart,
F.Wiedmann-La Pochethèque-Bản
Pháp ngữ của Zoé Housez,
Stephanie Robillard
- Dictionnaire de la Philosophie-** Larousse- par D.Julia 1964 ed.1975
- Des nouvelles idées en philosophie** par Denis Huisman, Serge Le
Strat –ed. Reitz 1987
- Dialectical Logic as the general logic of Temporalisation by**
Daniel.J Herman trong Analecta Husserliana Vol.XLVI (Luận Lý
Biện chứng như là luận lý tổng quát về vận động Thời gian) trên
mạng Google.
- Heidegger and Asian Thought** edited by Graham Parkes-UN. Of
Hawaii Press 1990
- The Story of Philosophy** by Bryan Magee-DK Publishing 1998
- A Study of History-** Arnold J. Toynbee-Abridgement of Volumes
VII-X by D.C. Somervell –Oxford 1957
- Discussion des Conceptions du Vitalisme en Philosophie** (
Mémoire- D.E.S. 1970-162 pages) -Luu Văn Vĩnh (Bản Luận về các
quan niệm Sinh hoạt thuyết trong Triết học-Luận văn Cao Học-Pháp
ngữ- ĐH Văn Khoa- Sài Gòn.
- Đức ĐạoKinh** -bản dịch Huỳnh Kim Quang- Viện Triết Lý VN &
Triết học Thế giới 1994
- Triết Lý Đối Chiếu** - Nguyễn Đăng Thục- Nhị Khê xb 1973
- Sử Cương Triết học Ấn Độ** - Thích Quảng Liên-Đại Nam xb 1965

Triết lý Lý Đông A-Triết lý Tổng thể Duy nhân- Phạm Khắc Hàm-
Diễn Đàn Địa Lý Nhân Văn VN 1998
Trần Đức Thảo- Những Lời Trăng Trối – Tri Vũ-Phan Ngọc
Khuê-2014 Tổ hợp XB Miền Đông
Kinh Kim Cương, Kinh Người Bất Rắn, Kinh Im Lặng Sấm Sét
.....Thích Nhất Hạnh- Lá Bối xb.
Kỷ Yếu Triển Lãm Hội Thảo Về Báo Phong Hoá Ngày Nay và
Tự Lực Văn Đoàn Người Việt 2013



Cầu Vòng Biển Đông (ảnh HQBao 2018)

PHƯƠNG ĐÔNG

TRƯỚC NHỮNG LUÔNG GIÓ TÔN GIÁO MỚI

Cảnh Ngộ : HÀN – THÁI- MIÊN- VIỆT



Tương truyền ông vua Mongkut nổi tiếng của Thái Lan (mất năm 1868, đã diễn lại trong phim *The King and I*), một vị vua rất cởi mở về tôn giáo, ngài học tiếng Anh, giúp xây cất nhà thờ Thiên chúa giáo ở Băng Cốc, đã nói với các giáo sĩ ngoại quốc : “ *các ông dạy con dân tôi làm cái gì thì đáng khen, còn dạy tin vào điều gì thì là điên rồ* ” (*What you teach them to do is admirable, but what you teach them to believe is foolish*). Các giáo sĩ Tây phương, từ những thế kỷ 17, 18,19...rất nhiệt thành say sưa trong việc rao giảng niềm tin tuyệt đối của họ, đã vô tình hoặc

cổ tình va chạm tới văn hóa tín ngưỡng bản xứ, chẳng những tới mức độ cạnh tranh ráo riết mà có khi tới mức độ muốn xóa hẳn nền móng cũ như từng xảy ra ở Nam, Trung Mỹ châu.

Tôn giáo thường mang thế lực chính trị, vì thế các triều đình vua chúa nhìn tôn giáo như một lực lượng cạnh tranh đe dọa và có thể đi tới việc cấm đạo, chém giết giống như chiến dịch triệt hạ một đám giặc hay phe đảng : Hồng Tú Toàn bên Tàu, Tạ Văn Phụng bên ta... Va chạm giữa giáo sĩ tông đồ với chính quyền thì tương đối rõ ràng, có sử sách ghi nhận, nhưng va chạm giữa quần chúng bản xứ và các giáo sĩ Tây phương, giữa dân một nước với nhau thì sao? ít thấy sách báo tài liệu nào mô tả kỹ càng, chỉ truyền khẩu như chuyện cổ tích : một người đàn bà mặc áo trắng hiện ra ở La Vang xin quan quân đừng giết dân lành vô tội mà có người cho là hiện thân Đức Mẹ đồng trinh, còn dân chúng địa phương lại cho là Quan Âm Bồ tát thị hiện !

*ĐI TÌM THƯỢNG ĐẾ
TRÊN ĐƯỜNG PHỐ HÀN THÀNH*

Bài khảo cứu của Don Baker, giáo sư Đại Học British Columbia *Looking For God in the Street of Seoul*, đăng trên tờ Harvard Asia Quaterly, số Thu 2001, đưa ra một số nhận định về sự tăng trưởng tôn giáo tại Đại Hàn như sau :

1-Chính cuộc canh tân **kỹ nghệ hóa** đã làm tăng trưởng mọi tôn giáo tại các thành thị Đại Hàn : dân chúng từ tỉnh nhỏ, làng xã, đổ dồn quanh tỉnh lớn như Hán Thành, dân mới đến cần nơi hội tụ, kết tập, tìm đến chùa chiền, nhà thờ...để kết giao, nhất là đi vào các tổ chức tôn giáo (*organized religious activities*), điều này trái ngược với các nước Tây phương kỹ nghệ tiên bộ : dân chúng ở Âu Mỹ mỗi ngày một xa lánh tôn giáo, ở Thụy Điển, Đan Mạch, chỉ còn 5% dân chúng đi lễ nhà thờ hàng tuần, ở Anh 3/4 dân

chúng không đi lễ, ở Mỹ nay chỉ còn khoảng 30% đi lễ ngày Chúa nhật (so với 50% mấy thập niên trước), sự tiến bộ về khoa học, kỹ thuật, y khoa...đã phá màn vô minh huyền bí che phủ thế gian -*demystified the world*- con người tự chủ hơn , ít tin vào thần quyền, thành thị đưa cá nhân ra khỏi tập tục thôn xóm hẹp hòi, có thể bỏ đạo mà không bị ai dòm ngó phê bình nín kéo...

2-Thời Nhật cai trị, chỉ có 1% dân Hàn khai là theo một tôn giáo nào đó, nay theo Gallup, 47% - 54% khai là có tôn giáo, không Phật thì Chúa...trong tổng số hơn 44 triệu dân. Giới tu sĩ các đạo từ 34,000 vị năm 1962 tăng lên 180,000 vị vào năm 1993, nếu kể thêm các ông đạo bà đồng, khoảng 50,000 người, thì cứ 200 người dân Hàn lại có 1 người sống bằng nghề tu sĩ.

3-**Phật giáo** cũng như các tín ngưỡng cổ truyền khác ở Đông phương, vốn không phải là loại tôn giáo tổ chức chặt chẽ như Tây phương, vì thế nên việc kiểm

kê tín đồ rất khó và rất khác : có người khai đạo Phật nhưng chưa từng đi chùa, chưa từng tụng kinh...năm 1962 chỉ có 700,000 người khai là theo đạo Phật, năm 1995 số người khai là Phật tử đột ngột tăng lên 10.3 triệu với 10,632 ngôi chùa (so với 8.7 triệu Tin lành với 42,598 nhà thờ, gần 3 triệu Catholics với 844 giáo đường), nguyên do là vì trước sự gia tăng hoạt động truyền bá vũ bão của các tôn giáo Tây phương, nhiều người Hàn cảm thấy bị uy hiếp, văn hóa gốc rễ bị lung lay, nên đã phản ứng lại bằng cách cũng theo lối tổ chức tôn giáo Tây phương, có sổ sách khai gia nhập đền chùa tín ngưỡng cổ truyền mà trước kia, cả ngàn năm không bao giờ phải đặt ra. Chính Thiên Chúa giáo đã mang vào Hàn quan niệm tôn giáo triệt để, theo đạo này thì không theo đạo kia, khác với lối sống cởi mở của Đông phương về tôn giáo tín ngưỡng, theo Phật, theo Khổng, theo thánh theo thần...đều dung thông đồng tôn, không triệt hạ loại bỏ nhau, ngay cả dụng ý tách đạo thờ ông bà ra khỏi Phật, Khổng, cũng là một cách cạnh tranh giành dân,

lần đầu. (*Until the second half of the twentieth century, most lay Koreans did not identify themselves as Buddhists rather than Confucians, or conceive of Buddhism and shamanism as mutually exclusive religions. Christianity introduced into Korea the notion of separate and distinct communities of faith in which belief in one religion prohibits belief in another religion or even participation in its rituals. tr. 5*).

4-Thiên Chúa giáo ở Hàn tham dự cuộc canh tân Âu hóa Hàn quốc và chống Nhật, nên dân chúng tự ý theo đạo khá đông, riêng ở quanh Hán Thành, song song với cuộc kỹ nghệ hóa xã hội, số người có tôn giáo cao hơn các nơi, và Thiên Chúa giáo nhiều hơn Phật giáo, tầng lớp thượng lưu (*upper middle class*) cũng theo Thiên chúa giáo nhiều hơn theo thống kê. Nhưng tại Pusan, tỉnh lớn thứ nhì ở Đại Hàn, Phật giáo biết hiện đại hóa đồng thời nắm giữ gốc rễ văn hóa với 35% dân số, trong khi Tin lành có 12% và Catholic có 3%.

5-Đại Hàn trở thành một thị trường **cạnh tranh tôn giáo** -*competitive religious marketplace*- và dân tộc Hàn đã và đang đứng trước một tình trạng phân hóa lớn : trước kia, suốt từ 1392 tới 1910, Hàn quốc chỉ có một Phật môn, bao bọc dung hóa tam giáo Khổng, Thần...nay có tới 53 tông phái, 9 Tịnh độ tông, 8 Đại thừa tông...cạnh tranh Phật pháp với tông phái lớn nhất *Chogye*. Tin Lành như Presbyterian chia ra 70 phái, Methodist 7 phái, Baptist 6 phái...mỗi phái có chủng viện riêng đào tạo tu sĩ theo giáo lý *không kiêm nhiệm giáo lý phái khác* ! Xung đột giữa Thiên chúa giáo cực đoan với Phật giáo đã xảy ra : đốt chùa, phá hủy công trình cổ tích văn hóa Phật giáo, tượng quốc tổ *Tan'gun*, như vua Hùng của ta, do tổ chức *đền Hùng* phân phối cho các trường tiểu học để trẻ em uống nước nhớ nguồn, bị ngoại giáo bẻ mất đầu!...Ngày trong đạo mới, thờ *Kang Jeungsan* làm chúa tể vũ trụ, cũng phân hóa làm mấy phe phi băng chống đối nhau...Sự phân hóa đa cực, chiêu dụ bỏ

đạo này sang đạo khác, là một sản phẩm mới do Tây phương đưa vào (*Christianity introduced the notion of sectarian exclusiveness into Korean religious culture.*) làm ô nhiễm không khí tôn giáo hòa hợp rộng lượng của Viễn đông, làm xáo trộn cả nước Hàn vốn là đất *Sóm mai an tĩnh* (Land of the Morning Calm).

Thái Lan : các hội đoàn truyền giáo chuyên về người Thượng (như New Tribes) và trong nội bộ họ đặt ra những nhận định chiến lược : “ *Dường như Phật giáo đang đánh mất sức lôi cuốn đối với dân Thái. Kinh tế khủng hoảng trong những năm gần đây đã tạo nên những cõi mở mới...Quyền năng Thượng đế đang chuyển động ở Thái, bóng tối đang tan đi, chưa bao giờ dẫn người Thái vào đạo Chúa lại dễ đến thế !* (*The power of God is moving in Thailand, the darkness is lifting over Thailand, it has never been so easy to lead a Thai person to Christ-* Peter C. Wagner tại hội nghị 1996 trước 7000 con chiên - Băng Cốc).

Ở **Miến Điện**, miền rừng núi **Kachin**, hầu hết dân Thượng được truyền đạo : 90,000 Catholics, hơn 1 triệu Baptists, các nhà truyền giáo tạo được 2 Giám mục và 42 linh mục người Thượng Kachin, mặc dầu từ năm 1962 chính phủ quân nhân Miến Điện đã cấm các đoàn truyền giáo ngoại quốc và đã đóng cửa các cơ sở nhà thờ. Các giáo sĩ cho rằng họ thành công vì dân Thượng Kachin cũng như các sắc tộc Thượng Đông Nam Á khác, đều thờ vật thần (*animists*), khác với Phật giáo, họ tin vào một đấng tối cao, có thể vì thế mà họ dễ quy phục Thiên Chúa giáo! Phương pháp truyền đạo linh động thích ứng với điều kiện địa phương hơn xưa : ở xứ Phật giáo, giám mục người Thượng Paul Grawng đã mời các sư sãi, các tu sĩ Hồi, Bà La Môn, quan nhân chính quyền và các lãnh tụ thiểu số Kachin (từng nổi loạn chống đối nhà nước như vụ Tạ Văn Phụng, Fulro bên ta), tới dự lễ năm Thánh Church Jubilee Year 2001, giám mục Grawng đã quỳ gối dâng thức ăn chính ngo cho các nhà sư để

lấy lòng Phật giáo. Phía Công giáo thì dùng cách huyền nhiệm như tượng Đức Mẹ khóc ra máu mắt ở Naju, *khiến ngay một tín đồ Tin Lành cũng cải đạo theo Catholic, một nữ y tá bị bệnh tiểu đường gần mù mắt, chỉ cầu Đức Mẹ có một đêm mà hôm sau hết bệnh, mắt sáng ra !*

*

Nhìn vào lịch sử nước Hàn, việc **cấm đạo** có thể đã không xảy ra nếu không có thực dân “*gunboats*” đe dọa và nếu các giáo sĩ Tây dương biết tìm hiểu kính trọng tôn giáo tập tục văn hóa bản xứ. Hai nước Á Đông tránh được thực dân là **Thái** và **Nhật**, đều đồng thời tránh được làn sóng *ngộ thờ* tôn giáo Tây phương. Thái khôn khéo đi với Anh để quân bình với Bồ, Pháp, vì Anh vốn không ưa Catholics La Mã. Ở Việt Nam năm 1803 sứ thần Anh Robert dâng phẩm vật lên vua Gia Long xin mở hàng buôn bán ở Quảng Nam, vua ta từ chối, Anh quốc đưa thư hai ba lần không thành bèn bỏ đi, năm 1672- 1679 tàu Anh *Zant*

đã tới giao thương ở Phố Hiến đòi chúa Trịnh nhưng không tốt đẹp nên cũng bỏ đi... đó là những cơ hội quân bình hóa thế lực rất đáng tiếc cho Việt Nam trong lịch sử bang giao cận đại !

Ở **Việt Nam**, một số dữ kiện chứng tỏ việc cấm đạo giết giáo sĩ chỉ xảy ra sau khi vua chúa ta đã dùng nhân đạo nhu sách : như đòi chúa Sãi, giáo sĩ Busomi, giáo sĩ Jean Rhodes, được giảng đạo và lập nhà thờ ngay tại Phú Xuân (1615-1624), chúa Trịnh, nhận quà đồng hồ quả lắc, cho giáo sĩ giảng đạo ngay tại Thăng Long (1626). Đời Minh Mệnh 1825 các giáo sĩ khắp nước bị nhà vua tập trung về Huế để dịch sách hòng ngăn ngừa việc truyền đạo đang chia rẽ phân hóa dân tộc : “ *dần dần người trong nước phân ra bên lương bên giáo, ghen ghét nhau hơn người cừu địch*” (VN Sử Lược- Trần Trọng Kim quyển II tr. 100), năm 1838 nhà vua thấy ngoài thì tàu chiến, trong thì hàng đoàn giáo sĩ ngoại quốc hoạt

động ráo riết như chỗ không người, cảm không được, giết không xong, bèn *sai sứ sang Pháp để điều đình về việc ấy, nhưng chính hội truyền giáo Missions Etrangères Pháp ngăn cản không cho vua Louis Philippe tiếp sứ.* (VN Sử Lược tr. 228). Cho nên sau này, dù hòa ước 1862 nước ta đã nhượng bộ nhiều, vừa mất đất vừa phải cho giáo sĩ Pháp, Y Pha Nho tự do truyền đạo, vừa phải trả 4 triệu nguyên chiến phí, việc vẫn căng thẳng, một bên Pháp chủ ý chiếm đất chiếm dân, một bên vua quan ta cố giữ chủ quyền với văn hóa truyền thống, cho nên sau khi tên đại úy Francis Garnier đánh lấy Hà Nội với nội công chỉ điểm là nhóm giáo dân, thì 3000 văn thân Hà Tĩnh Nghệ An, đã truyền hịch Bình Tây Sát Tả, đốt phá các làng đạo.

Chuyện xung đột thời này không khác chuyện ở nước Hàn trong cuốn phim *The Uprising*. Việc giết đạo đồ tuy dã man nhưng cần được đặt trong bối cảnh thời gian phong kiến chuyên chế : bên Nhật các sứ quân

lãnh chúa mỗi lần đánh nhau đều giết sạch phe địch, kể cả đàn bà trẻ con dòng họ đối kháng, bên ta Nguyễn Trãi từng bị tru di tam tộc, Cao Bá Quát làm loạn bị chém bêu đầu...không phải chỉ riêng giáo dân mới chịu hình phạt như vậy.

*

Tôn giáo là cốt tủy của văn hóa, là mạch máu của chủng tộc, là não bộ của quốc gia. Một nước thiếu thuần nhất chủng tộc mà có chung tôn giáo thì vẫn gấn bó keo sơn được, keo sơn như các nước Hồi giáo, Ấn Độ giáo, các nước Âu, Mỹ Thiên Chúa giáo...Nhật Bản với Thần đạo và Thiên phái, đã sản ra những Samurais bất khuất, nước Việt ta đời Lý Trần, thuần nhất tinh thần, tạo ra nhiều anh hùng hào kiệt, toàn dân đúc thành một khối, quân Mông Cổ cũng phải tan.

Việt Nam và Tàu với văn hóa Phật, Khổng, Thần, thờ cúng tổ tiên, tuy cao cả khoan dung nhưng

tổ chức lỏng lẻo, nhiều ý hệ và tôn giáo mới lọt vào cạnh tranh, từ duy tâm tới duy vật, từ Công giáo tới Tin lành, Phật giáo từng bị xóa mờ ở ngay trên đất Ấn, từng bị Hồi giáo xâm lấn Phật địa Borobudur ở Java, tượng Phật bị đập phá ở A Phú Hãn... cho nên tuy các tôn giáo đều nói là cứu độ nhân quần, đều hướng Thiện, nhưng nhiều người cùng thích một mối Thiện, nên rút cuộc xô xát, tranh dành, chuyện cao hóa thành chuyện thấp, chuyện tiên trở thành chuyện tục, chuyện lành trở thành chuyện ác, cho nên hoạt động tôn giáo trên thế gian phần nhiều là sinh hoạt thế tục che phủ *hình nhi hạ* bằng hào quang *hình nhi thượng* thần thánh mà thôi.

10-2002

THAM KHẢO :

1-History of Christianity in Korea: From Its Troubled Beginning to Its Contemporary Success- by Andrew E.Kim- Source : Korea Overseas Information Service.

380

Hiền Như Bụt @ Hạ Long Bụt Sĩ

2-*Looking For God In the Streets of Seoul-The Resurrgence of Religion in 20th Century Korea* by Don Baker, professor Dpt of Asian Studies, Director-Korean Research- Uni. of British Columbia- Harvard Asia Quarterly Autumn 2001. Số thống kê hơi khác với tài liệu trên.

3-*Catholic Encyclopedia* các mục : Society of Foreign Missions of Paris- Japan- Siam. Thống kê : Catholics in Asia của *Annuario Statisticum Ecclesiae* 1996 pp- 37. Có website.

4-*Maryknoll Magazine* 8- 2001 bài *Brigadoon in Burma* và *Marys-Touch, Newsletter* bài *Miracles in Lashio, Burma*, 3- 11- 99. Websites. Bài về Brigadoon của J.Beeching, nhà truyền giáo ở Victoria Canada, có đoạn viết rất sai lạc về Phật giáo : “ *The hill tribe people throughout Southeast Asia are animists who, unlike Buddhists, believe in a supreme being. Perhaps they have readily embraced Christianity for this reason-p.1*) – Phật, Không, Lão không phải là vô thần (atheist) mà là *kính nhi viễn chi, bất khả tư nghị*, không để thần quyền *supreme being* đè nặng đời sống nhân chủ (non-theist). Và lại nếu các bộ lạc đã có *supreme being* rồi thì tại sao lại cần thay thế bằng một *supreme* mới từ xa đến ?

Thailand National Office Website-Religious History của Youth With a Mission

Newsweek –A special report : *The New China* số June 19- 1998, bài Jesus is All the World to Me, by G. Wehrfritz và Lynette Clemetson, tr. 36- 39.

Việt Nam Sử Lược, Trần Trọng Kim- *VN Văn Hóa Sử Cương*, Đào Duy Anh.

Phim Video CD The Uprising của *Universe Laser Video co.* do hãng Keyweckshide & Les Films de L'Observatoire- không ghi năm sản xuất- Mô tả mâu thuẫn giữa triều đình, quan chức và giáo dân.



Bầu Trời Cảnh Bụt-Thái Lan

BÀI HỌC CANH TÂN CỦA VUA PHẬT XỨ THÁI *MONGKUT*

Thế kỷ XIII Việt Nam có vua Phật Trần Nhân Tôn (1279-1293) thì Thái Lan cũng có một vị vua, đáng gọi là vua Phật ở thế kỷ XIX, đồng thời với vua Tự Đức (1843-1883) bên ta : đây là vua Mongkut (1851-1868) mà thế giới biết đến qua phim ảnh, *The King and I*, *Nhà Vua và Tôi*, thời 1960.

Nhà vua Mongkut trước khi lên ngôi đã xuống tóc xuất gia 27 năm, sống trong chùa và từng giữ chức Sư trưởng một tu viện, vua Mongkut học Anh văn với các giáo sĩ Hoa kỳ, từ khi còn ở chùa, học 3 năm với Dr. Caswell và sau đó với Dr. Bradley và Dr. House. Khi lên ngôi, nhà vua nhờ Dr. Bradley tổ chức lớp dạy Anh ngữ cho 9 phi tần trẻ tuổi trong cung. Dr. Bradley cử ba bà giáo thay phiên vào dạy, từ tháng 8 năm 1851, sau 3 năm lớp học bị ngưng vì các bà giáo bắt đầu mang Thánh Kinh Cơ Đốc ra dạy và lại còn chỉ trích nhà

vua đa thê! Vua Mongkut chỉ có 39 cung phi, không phải 600 như Sir J.Browning viết ! vua rất rộng lượng, cho phép các cung phi rời cung nếu không sinh hoàng tử và được tái giá. Nhà vua muốn các cung phi và công chúa, hoàng tử, được giáo dục theo kiểu Tây phương nên mới nhờ quan lãnh sự ở Tân Gia Ba tìm được bà giáo Anna sang Thái, với điều kiện dạy Anh ngữ chứ không dạy giáo lý !

VUA MONGKUT và GIÁO DỤC NHÀ CHÙA

Cho đến thời vua Mongkut Thái Lan không có chế độ giáo dục thi cử Tống Nho như Tàu, Việt. Thái vẫn như thời Lý bên ta, việc giáo dục dành cho nhà Chùa, giao cho các sư sãi. Từ nhỏ, hoàng tử Mongkut đã được gửi tới chùa để học đọc và viết chữ, đồng thời học cách cưỡi voi (*elephantry*), năm 13 tuổi xuống tóc (lễ cắt cuộn tóc dài quấn cao đỉnh đầu) và trở thành chú tiểu trong 8 tháng theo truyền thống. Hết 8 tháng tu tập mới được trở về cung và được vua cha trao cho chức vụ tượng trưng trong triều. Năm 21 tuổi, 1824, Mongkut chính thức trở thành sa môn và cũng vào năm này

vua cha, Rama II, mất. Hoàng tử Tap, con một thứ phi, lên nối ngôi, Rama III. Tuy không phải là con Hoàng hậu như Mongkut, nhưng hoàng tử Tap đã được vua cha yêu quý, có kinh nghiệm ngoại giao (ký hiệp ước 1821 với Crawford) và cai trị nên được hoàng gia ủng hộ lên ngôi. Sư Mongkut, hoàng thế tử, không tranh dành với em, sư chọn ở trong chùa suốt 27 năm.

CÔNG CUỘC HIỆN ĐẠI HÓA PHẬT GIÁO

Cư trú tại chùa Mahatat sư Mongkut nhận thấy giới tăng sĩ không giữ đúng giới luật và đi sai với kinh kệ mà đức Phật trao truyền. Mongkut ra công học chữ Pali để khán kinh trực tiếp không qua bản dịch, trình độ Pali của Mongkut được xác định qua kỳ giám định “ *thi đĩnh*”, cấp Thái học sinh, đệ cửu đẳng, cao cấp nhất của Phật học thời đó. Mongkut từng thề nguyện : nếu trong 7 ngày mà không gặp được chân sư thì sẽ vĩnh viễn hoàn tục rời chùa. Chư Phật đã đáp lại lời nguyện đó : Mongkut gặp được một vị sư người thiểu số Mon xứ Miến Điện hiện đang trú ngụ ở Thái. Sư mặc áo vàng, liêu

kinh đúng như Mongkut đã đọc, Mongkut khâm phục xin nhà sư người Mon làm lại lễ thọ giới cho mình. Mongkut bắt đầu thanh lọc đạo Phật: sư cho thải bỏ một lúc 500 cuốn kinh sách, viết sai, dịch sai, và cho dịch kinh sách lại từ cổ ngữ Pali. Năm 1836 nhà Vua phong Mongkut làm viện chủ chùa Bovorniwet, đào tạo sư sãi, từ năm người lên cả trăm người mỗi khóa. Sư Mongkut không tin loại kinh chứa chất huyền thoại như kinh Bản sinh Jakata, cuốn kinh kể lại các kiếp xưa của đức Phật. Năm 1840 nhân có 5 nhà sư Tích Lan sang thăm, vua Thái cho cả 5 vị tới tu viện tham luận với sư Mongkut và sư nhận ra ngay là đạo Phật Tích Lan nguyên thủy, tinh ròng, chưa bị uốn cong thay đổi và Tam Tạng Kinh ở Tích Lan còn trọn vẹn. Năm 1842 Mongkut cử 5 vị sư sang Tích Lan mượn 40 bộ về dịch, năm 1844 lại sang Tích Lan trả kinh và mượn nốt 30 bộ khác. Bốn mươi nhà sư Tích Lan nhân đó theo sang Thái, ở lại 5 năm, và toàn bộ Tam Tạng được dịch sang Thái ngữ nhưng mãi tới năm 1893 mới được in ấn (đời vua Rama V, con Mongkut).

Trong thời gian làm Sư trưởng Viện, Mongkut giao thiệp với các giáo sĩ Thiên Chúa giáo, học Anh ngữ với các giáo sĩ Mỹ, lại học cả Pháp ngữ với Giám mục Pallegois, giám mục dạy Latin cho Mongkut và đổi lại ngài dạy Pali cho giám mục. Mongkut không ngần ngại học hỏi và áp dụng phương pháp hoằng đạo của Thiên chúa giáo cho Phật giáo và thiết lập pháp môn mới cho Thái, *Dharmayukta*, cùng với pháp môn cũ, *Mahanikaya*, phát triển trên xứ Thái, và ảnh hưởng sang Cao Miên, Lào, cho tới ngày nay.

Mongkut dùng chữ Pali viết kệ tụng, và tu chỉnh nghi lễ, sau này, khi lên ngôi vua, 1851, Mongkut phạt nặng các tu sĩ phạm giới rượu chè thuốc phiện, dâm dục, ăn quá no : họ phải hoàn tục, hay đi cắt cỏ cho voi ăn..

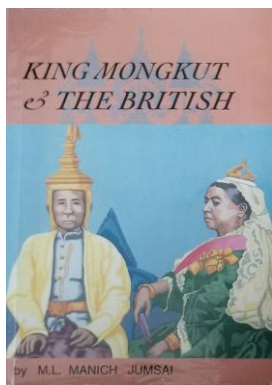
MỘT CHÍNH SÁCH CẢI TRỊ PHÁ CHẬP

Vua Rama III mất năm 1851, hoàng tử lại nghiện thuốc phiện nên không được truyền ngôi. Hoàng gia họp lại và đi mời sư Mongkut, hoàng thế tử đích vị, anh của Rama

III về làm vua, tức Rama IV. Năm ấy Mongkut đã 47 tuổi, đầy kinh nghiệm đời và đầy đức đạo. Ngay lễ đăng quang ngài đã phá chấp : mời người ngoại quốc dự lễ và không phải quỳ mọp như thần dân Thái, treo chuông cửa cung cho dân tới đánh chuông khiêu nại... cấm hoàng gia và quan chức bắt nô tỳ, cấm ép gái đẹp làng xóm về phủ đệ làm đoàn ca múa riêng...

Mongkut đặc biệt cởi mở với các giáo sĩ Cơ Đốc : ngài từng nói với một giáo sĩ Mỹ : *ông có thể cải đạo toàn dân Thái nhưng còn một người ông không cải được là tôi !* Có lần một tăng sĩ cải sang Cơ Đốc Giáo, vua Rama III đòi trừng phạt, ngài Mongkut đã ngăn lại và chủ trương mọi người được tự do lựa chọn tín ngưỡng.

Năm 1853 vua cho nhập cảng máy in tiền giấy, lập đường dây điện tín với Miến Điện và Penang, đặt đường xe lửa. Ngài cử sứ thần sang Anh với cả thuyền chở phẩm vật dâng tặng nữ hoàng Victoria kể cả một thớt voi, 3 tranh Phật, kéo vàng cắt tóc và quần lót lụa Thái !



BÀI HỌC CANH TÂN CỦA VUA PHẬT MONGKUT

Vua Mongkut mất năm 1868, sau khi lên vùng rừng núi, cùng với thống đốc Anh ở Singapore, Sir Harry Ord, để quan sát nhật thực, ngài bị mắc bệnh sốt rét rừng và hai tháng sau, thăng hà ở Bangkok. Tuy không được sang thăm Anh quốc, nhưng mối giao hảo giữa hai nước đã đặt đầu cầu cho công cuộc canh tân Thái : con vua Mongkut, Rama V đã sang thăm nữ hoàng Anh năm 1893 và tới năm 1926 thì Thái đã có trên 2000 sinh viên du học Anh quốc ! Sứ thần Parkes gọi vua Mongkut là vị lãnh tụ tân tiến nhất của Á Đông, vượt xa

thời đại, Bowring thì thì tán tụng Mongkut là ông vua vĩ đại nhất Đông phương và là một trong những học giả uyên thâm nhất về Phật giáo.

Công cuộc canh tân đất nước của vua Mongkut đi trước Minh Trị Thiên Hoàng Nhật Bản (1867-1912) cả một thế hệ, hạt giống thiện mà vua đã gieo trồng nảy nở viên mãn trên xứ Thái : Thái cả 150 năm nay tránh được họa Thực dân, họa Cộng sản và họa mất gốc. Nếu kể từ sau cuộc chiến xâm lăng của Miến Điện vào Thái năm 1767, thì suốt 240 năm nay Thái được hưởng thái bình thịnh trị và triều đại Chakri tới nay đã truyền được 9 đời vua, vua Rama IX trị vì hơn 60 năm mới mất (2016), một minh quân đã được toàn dân và thế giới mến phục. Một số bài học canh tân có thể rút tĩa từ vua Mongkut :

1-Việc canh tân đất nước cần khởi đầu bằng việc xây dựng căn bản tinh thần dân tộc, tinh thần ấy sẵn có trong Phật giáo, chỉ cần hiện đại hóa và tẩy rửa một viên ngọc quý,

không cần vay mượn ý thức hệ hay đạo giáo nào khác. Giáo dục nhà Chùa trang bị cả văn lẫn vũ cho hành giả, riêng số lượng kinh sách đã là đại bách khoa, dạy từ đạo đức đến vũ trụ thiên văn, rôt ráo và rộng lớn hơn Tứ Thư Ngũ kinh nhiều. Cho nên không lấy làm lạ, thời Lý Trần các hiền nhân như Thường Kiệt, Tô Hiến Thành, Hưng Đạo, Quang Khải, Ngũ Lão...không có bằng cấp khoa bảng, nhưng giống lớp *samurai* Nhật Bản, văn vũ song toàn.

Phật giáo nguyên thủy (tiểu thừa) hữu hiệu trong việc chấn hưng đạo đức là vì : *tự giác ưu tiên*, chưa tu thân mà đã vội hý luận kinh kệ, chưa tự giác giữ giới mà đã đi bố thí pháp như Bồ Tát...thì dễ rơi vào vòng luẩn quẩn kiến chấp triết lý ngôn từ. Hình ảnh một tu sĩ chân đất khát thực là tấm gương nhẩn nhục khổ hạnh sống động, **thân giáo** tự nó tỏa ra ánh sáng chinh phục *giác tha* quần chúng hang cùng ngõ hẻm, vì thế từ Tích Lan, Miến Điện tới Thái, Lào...Phật giáo nguyên thủy đã giữ được thế sâu rễ bền gốc trước các tôn giáo và ý hệ Tây phương.

2-Vua Mongkut đã để lại cho Thái một truyền thống tăng sĩ tài đức, những bậc đại sư cao tăng lần lượt tiếp nối xuất hiện.Sau khi lựa chọn đúng đường thì phần cốt yếu là huấn luyện thanh lọc nhân sự : sư sãi giữ giới làm gương cho tín đồ, thực tập hỷ xả phá chấp tạo hòa khí với mọi người. Thái không giết người theo đạo Cơ Đốc như ở các nước Phật giáo bị bôi bác bởi Tống Nho Việt, Tàu, Hàn, Nhật..tinh thần phá chấp cao thượng dung hóa khế cơ của nhà Phật đủ sức chinh phục các tôn giáo khác, đủ sức giữ vững nền tảng quân chúng, mà không cần tới chính quyền yểm trợ qua bạo lực. Cũng những giáo sĩ Cơ Đốc Pháp, Bồ đào Nha..mà tới Thái thì họ cảm phục, mà tới Tàu, Việt, Hàn, Nhật..thì xảy chuyện lần áp xung khác..đấy chính vì ở Thái họ gặp chính pháp chân tu, mà ở nơi khác thì họ gặp mặt pháp hủ Nho phong kiến.

3-Trí thức Việt Nam, từ thời Tự Đức, cũng cố gắng đi tìm lối thoát cho dân tộc : sang Nhật, sang Nga, sang Pháp, Tây du Đông du..khuyh tả khuyh hữu, cần vương, xã hội..mà vẫn luẩn quẩn trong rọ điên đảo tưởng cho tới hiện tại...

Thậm chí đến tinh thần phá chấp từ bi của nhà Phật cũng nhiều khi bị biến thể thành triết lý xuông với số học giả tầm chương trích cú kinh kệ nhiều hơn số tu tập thực chứng, bàn về Thiền thì nhiều mà thực sự tu Thiền thì ít, thuyết là *vô tâm đối cảnh, vượt biên kiến, lắng nghe nỗi khổ tha nhân..* mà thực tế có khi lại lộng ngôn bênh phe này, hạ phe kia, nghiêng về tả, khuynh về hữu, chân giả thiện ác đạo đế tục đế bất phân minh, chẳng khác gì phàm phu vọng tưởng vô minh.

4-Người Thái, gốc Bách Việt từ Nam Chiếu xuông, có thể là Âu Việt hay Điền Việt là anh em của Lạc Việt, là láng giềng thân thiết của ta. Bất chước lối sống hòa hợp cởi mở khiêm nhường của láng giềng cũng là điều hay trước khi đi tìm ở đâu xa. Một thể chế quân chủ lập hiến là đường lối dân chủ thích hợp cho Đông phương, nhưng muốn có một vua Phật như Mongkut, như Lý Công Uẩn, như Trần Nhân Tôn, dân tộc phải có phước lành, trồng cây đức, đợi thời :

Bảo sơn thiên tử xuất

Bất chiến tự nhiên thành

may ra mới có thiên duyên chuyển hóa vậy.

4-2005

Tham Khảo

-King Mongkut and The British-by M.L. Manich Jumsai-Chalermnit-Bangkok. 1991

-In His Own Words by Vasana Chinvarakorn-Bangkok Post 12-18-2004- Excerpts from Collected Proclamations.

-Thai Air Magazine 12-04

-Việt Nam Sử Lược-Trần Trọng Kim

- Sử liệu Thái liên quan tới Việt Nam còn khá nhiều : thế kỷ XVII có nhóm người Cơ Đốc giáo VN chạy sang Thái tỵ nạn, vua Rama V con Mongkut đi thăm Java (Nam Dương) cũng là nơi mà phái đoàn VN với Cao Bá Quát từng thăm viếng buôn bán, vua Rama VI cũng đi thăm Nam Dương và mang về Thái một số thợ thêu lụa người Việt, chính nhóm thợ Việt này đã dạy cung nữ của Hoàng hậu Thái thêu thùa và chỉ cách thêu trên lụa láng (*flat silk embroidery*). Với số trống đồng khá nhiều ở Thái, nhất là bắc Thái, nền văn hóa Lan Na hẳn có nhiều liên hệ với Nam Trung Hoa, và theo các nhà khảo cứu Tàu, Au Mỹ và Thái hiện tại thì người Nam

Chiếu khi bị nhà Nguyên đánh đã chạy sang Thái năm 1253 và từ vùng Chiang Mai đã lập thành nước Xiêm La ngày nay .

Thái đã phải nhượng đất đai cho thực dân Pháp như vùng Luangprabang, Vientian..Lào, nhượng mấy tỉnh phía Nam sát Mã Lai ngày nay cho Anh, để mưu cầu hòa bình. Đệ nhị thế chiến Thái mềm dẻo với quân chiếm đóng Nhật, sau 1975 Thái cũng đạt được yêu cầu 23,000 quân Mỹ trú đóng rút đi. So với VN thì chính sách ngoại giao Thái lấy dĩ hòa vi quý làm chuẩn, tránh đổ máu vô ích cho dân, nói theo nhà Phật thì họ ở quốc độ gần Cực lạc, còn ta ở quốc độ nóng nảy sát phạt A Tu La.



Huyền thoại Naga Thái-Tại Phi trường Bangkok.

Phật Giáo đi vào thời mới

Nhân đại hội Phật giáo 2006 tại Việt Nam, với chủ đề *Những vấn đề và thách thức của thời đại* (*tạp chí Thế Kỷ 21 số 208*), làm chúng ta nhớ tới viễn kiến của cụ Phan Văn Trường từ thời 1930 : *Cộng sản Mác xít sẽ thắng ở Á đông về mặt chính trị, nhưng rồi sẽ bị văn hoá Phật giáo đào thải.* (theo hồi ký Hồ Hữu Tường).

Vấn đề thì nhiều : -kinh tế thị trường có *Thực mới vực được Đạo*, lấy Thực làm ưu tiên thì Đạo lý tâm linh đặt ở đâu ?- Hoảng dương Phật giáo như một Tôn giáo hay một Triết lý sống, hay cả hai, nhưng không thể quên **nhu cầu tôn giáo siêu linh sâu thẳm trong con người**, nên nhấn mạnh Mật Tông ? - Tại sao Phật giáo Nguyên Thủy sâu rễ bền gốc trong khi các nước theo Đại thừa, Việt, Tàu, Hàn..lại sa vào duy vật độc tài, và Tin lành ở Nam Hàn tăng lên tới 40% dân số ? -hè 1963, học giả Ngô đình Nhu viết một bài rất dài trên

báo Ngôn Luận, nhận định khá đúng về Phật giáo : Phật giáo lớn rộng, có phát triển, chùa chiền xây cất nhưng thiếu nhân sự. Vấn đề nhân sự nay vẫn còn : số tăng ni không đủ cung ứng, việc huấn luyện chưa hiện đại hoá, việc hoàng pháp thu hẹp vào thuyết giảng kinh sách trừu tượng, tri thức hoá và triết lý hoá, chính trị hóa, cư sĩ thì nhiều, nhưng số *đội bề lên đầu mà đi* không ít, riêng tổ chức Phật học, Thiên hành, của TT Nhất Hạnh cũng đã tạo dựng được phong trào Thiên rộng lớn trên thế giới, nhất là ở Pháp, Bắc Mỹ... thích hợp cho giới trí thức thao thức tìm nguồn tâm linh mới.

Thách thức gì ?- Phật giáo có nội lực hoá giải, kiến tạo hoà bình, nhưng hành xử ra sao để thuyết phục thế nhân ? -Có nên huấn luyện cư sĩ thành pháp sư chuyên nghiệp tương tự như Tin lành, Du thái giáo không ? nếu không thì lấy ai điều hành chùa, cơ quan thiện nguyện ?- Tổ chức lỏng lẻo như cả trăm năm nay thì tự do thoải mái, nhưng Phật giáo sẽ phai mờ và sẽ mất dần vào các tôn giáo khác, mà tổ chức chặt chẽ thì đòi hỏi thế quyền...Muốn giữ chánh tín như các nước Tiểu thừa- ai muốn đổi đạo phải xin phép, như Du thái : hôn

nhân với người khác đạo vẫn giữ đạo gốc của tổ tiên..Phật giáo khó có thể tồn tại trước những thách thức của các luồng gió thần quyền quốc tế, có tài lực, nhân lực và vũ lực, đây là thách thức lớn nhất, hàng trăm năm nay, có lẽ hơn cả thách thức Mác xít và CS quốc tế.

Á đông có hai nước Phật giáo mà ta có thể noi gương là Thái và Nhật. Thái giữ được đạo nhờ khối Tiểu thừa khất sĩ, đông và tốt, chung lưng với Ấn Độ giáo, Nhật vững chắc nhờ danh dự dân tộc, Thần đạo , quyết liệt hợp cùng Thiên phái cao đẹp...Song song với việc **tu chỉnh nội lực (hoà hợp tam giáo và đạo nội)**, việc kết hợp chặt chẽ cùng các nước Phật giáo, Ấn giáo, để tạo thành một **khối Liên minh tâm đạo Đông phương**, nên là ưu tiên sách lược phục hưng, hộ pháp và hoằng pháp vậy.

Phật giáo tại Việt Nam đời Lý Trần trong tinh thần *Cư Trần Lạc Đạo*, từ Vạn Hạnh tới vua Trần, tích cực, không yếm thế, tu thân mà không quên nhập thế, ngôi Thiên mà vẫn quán chiếu xã hội, vì dân vì nước. Từ thế kỷ XV về sau, Nho

bao trùm sinh hoạt xã hội, Thần và Phật rơi dần vào mê tín, tiêu cực, cổng chùa thành nơi nương tựa cho người từ bỏ thế gian, muốn quên nỗi đau thế tục, bên cạnh thói buôn thần bán thánh, chân tu thì ít mà tu giả thì nhiều, khiến Phật giáo thoái hoá mãi tới giữa tk XX mới bắt đầu phục hưng, nhưng bắt đầu với 2 khó khăn : mâu thuẫn thời 1963 với Công Giáo và từ 1945 với ý thức hệ Mác Xít. Phật giáo bị mất truyền thống cao đẹp Lý Trần, sư sãi chưa được đào tạo đầy đủ đã bị bóp nghẹt trong quốc doanh điên đảo, chùa chiền xây nhiều, hoành tráng bề ngoài nhưng nội lực xét ra còn trống trải, hoằng pháp chưa lan toả vào tâm thức quần chúng vì thiếu bó đuốc bồ đề chân chính. Chỉ khi nào Phật giáo VN trở về nguyên thủy, tăng ni *thân giáo* được kính trọng và tin cậy, thì Phật giáo VN mới khôi phục được.

Hiện nay Phật giáo VN trong nước chia làm vài khuynh hướng : khuynh hướng đi với chính quyền CS để biến Phật giáo thành một chỗ dựa khi điếm tựa ý thức hệ Mác xít không còn nữa, khuynh hướng này cho rằng Phật giáo và

Duy vật có thể hoà hợp. Khuynh hướng thuần Phật giáo bị giới hạn, co cụm lại trong việc nghiên cứu kinh sách, mặc dù đã có thời đi vào mê hồn trận, ngỡ có thể đóng vai trung gian hoà hợp dân tộc. Còn người dân ? vẫ lên chùa lễ bái, tang chay, nhất là ở miền Nam, Phật giáo vẫn là truyền thống sinh hoạt của người dân, trong khi ở miền Bắc cúng bái thần thánh, lên đồng, thờ Mẫu... lại là tập tục mê tín của dân đen.

Xã hội duy vật không thể có Tôn giáo vì tôn giáo là thế lực tâm linh ngược chiều với thế tục vật chất coi tôn giáo là thuốc phiện ru ngủ. Ở Âu châu, Thiên Chúa giáo là một ngành của Du Thái giáo, Cựu Ước, Tân Ước, và Cộng Sản Duy vật Mác xít cũng là từ đầu óc trí thức Du thái bày ra, để chống lại Thiên Chúa giáo. Á Đông nằm trong thế trận bất đắc dĩ ấy. Cho nên xin nhắc lại lời bình của hai nhân vật lớn sau đây :

1-Lời bình về chủ trương xã hội của Winston Churchill :
Đế quốc tương lai sẽ là đế quốc của tâm trí -*The empires of the future are the empires of the mind.*

2-Sử gia **Toynbee** nhìn theo lăng kính Lịch Sử suy rằng :
...CS từ căn bản, cũng như Tự Do và Phát xít, là những ý thức hệ phát xuất từ Tây phương thời mới để thay thế Thiên Chúa giáo. Nhìn như vậy, sự tranh chấp giữa Hoa Kỳ và Nga Sô để dành quyền bá chủ thế giới, giữa CS và Tự Do để đạt sự thuần phục của nhân loại, có thể được nhìn như là chuyện trong nhà của xã hội Tây phương. (*Communisme, again, was, in origin, like Liberalism and Fascism, one of the secular ideologies that had arisen in the Modern West as substitutes for Christianity . And thus from one point of view, the competition between the Soviet Union and the United States for the hegemony of the world, and between Communism and Liberalism for the allegiance of Mankind, might still be regarded as a domestic issue within the household of the Western society.* (Toynbee p. 148).

Nhận định trên, của một sử gia thượng thặng, cho thấy Á Đông, Tàu, Hàn, VN, đã vướng vào cuộc tranh chấp vô bổ, vốn là chuyện riêng trong nhà của Âu Tây, giữa phe cực tả duy vật và cực hữu duy linh Thiên chúa giáo !

Như vậy sứ mệnh của Phật giáo Việt Nam là cuộc vận động tâm linh để thoát khỏi cuộc tranh hùng ngoại lai đó.

1-Phật giáo là một nỗ lực tâm linh, vượt nhị biên Tâm-Vật, Đông-Tây, một hành trình đưa tâm trí lên tầng vũ trụ, vượt xa đầu óc thiển cận Du Thái quanh quẩn trong thần quyền, giáo quyền, đảng quyền, tìm hoà bình qua sát phạt, tìm bác ái qua sát máu, tìm giải phóng trong thất chặt tâm trí.

2-Phật giáo VN cần trở về truyền thống Trúc Lâm, kết hợp đạo và đời, cần hướng thêm về Nguyên thủy, lấy **Thân Giáo** làm phương cách hoằng pháp. Số kinh Đại thừa quá cao, như Duy Thức, Hoa Nghiêm.. nên dành cho cao tăng học giả.

3-Ở hải ngoại chùa chiền và các lớp Thiền học nên kết hợp với **Việt Học**, hướng cơ sở Phật thành nơi quy tụ con dân Việt, giữ và phát triển Truyền thống *Đông Qui-Đông Tôn-Đông tiến* Việt, có nghĩa là các tôn giáo khác, như Hoà Hảo, Cao Đài, Thiên Chúa giáo... cùng chung sức xiển dương tinh thần Việt, đốt ngọn đuốc thiêng bất diệt của dân tộc ta.

4-Trong nước nên tương kế tựu kế, thế thời phải thế, rồi một ngày gặp cơ duyên, hạt ngọc Bò Đè lại sáng ra nguyên vẹn. Ngay tại Ấn Độ, Phật giáo đã bị Bà La Môn, Hồi giáo... dim xuống, nay lại bừng sáng và được trân quý. Cho nên các thế lực chính trị, ý hệ, thần quyền, không thể che mờ diệu quang Phật, âm thanh Phật, Hương thơm Phật.

HAI LẦN PHẬT NGỒI GIỮA, MỘT LẦN PHẬT NGỒI BÊN

Trên tờ San Francisco Chronicle, Chủ nhật 10-14-2001, trang B5, ký giả Don Lattin trong bài “ *Buddhist teachers with Berkeley ties counsel pacifism*” nhân nói về chuyện phản chiến thời 1960 và bây giờ ở Berkeley và hai cuốn sách mới ra của Pema Chodron (*The Places That Scare You: A Guide to Fearlessness in Difficult Times*) và của T.T. Nhat Hanh (*Anger: Wisdom for Cooling the Flames*), ký giả Don Lattin đã đặt câu hỏi : vậy thì Phật tử làm gì đối với cuộc chiến chống khủng bố ở Afghanistan (*what should Buddhists do about the war in Afghanistan?*), và tự tìm câu trả lời qua sự tích Đức Phật đối với chiến tranh : Bộ tộc của chính Đức Phật từng bị xâm lăng 3 lần thời Ngài tại thế, hai lần đầu Đức Phật ngồi giữa chiến trường, hai phe lâm trận khâm phục và giảng hòa. Lần thứ ba, biết chiến tranh không thể tránh được, Ngài ngồi sang một bên, nhìn chúng sinh thương xót. (*...The first two times, the story goes, Buddha sat on the battlefield between the two warring factions. The two sides were so moved*

that they ceased their hostilities. The third time, however, he saw that war was inevitable. So he just sat on the sidelines, watching in sorrow.)

Trời Phật vốn có mắt phân biệt Ma Quỷ Súc Sinh, công Chùa công Đền có ông Thiện ông Ác, lại có ông Hộ pháp xua đuổi ác đạo tà ma...pháp uyển chuyển theo mỗi quốc độ và mỗi mức độ nhân tâm, tuy đều dẫn về nẻo thiện nhưng không thể nói chuyện hòa bình phá chấp với loài quỷ loài ma và loài người như nhau được. Người Âu Mỹ không bao giờ phá chùa, Taliban thì đập cả tượng Phật, ở Mỹ thì được tự do chống Mỹ, sang xứ Tàu thì khó cản máu đỏ Thiên An Môn...Có lẽ con người Ngã mạn cao quá nên trái núi Ego dễ che mắt chính kiến hay như Nguyễn Du viết “ *Si tâm qui Phật, Phật sinh ma* “ chẳng ?

Nhà Phật tất nhiên từ bản chất từ bi hỷ xả, chủ trương bất bạo động và hòa bình, nhưng hai chữ hòa bình trên thế giới ta bà thiện ác lẫn lộn này cần phải được đặt trên công lý chứ không thể khoán không cho bạo quyền, nói khác đi,

không thể trao tặng hòa bình cho nga quỷ súc sinh hiện hình người, không thể yếu đuối nhân nhượng cho ác nhân mặc sức đưa thiện nhân vào địa ngục. Nếu không có Tề thiên Đại thánh dẹp ma quỷ hồ ly thì liệu Đường tăng có được yên ổn đi thỉnh kinh không ?

Tất nhiên khi đạt tới hàng Bồ Tát thì không còn tâm phân biệt, nhưng trong cõi thế tục Thiện và Ác là 2 mặt của cuộc sống, làm điều lành, tránh điều ác, phải là xuất phát điểm của hoằng pháp.



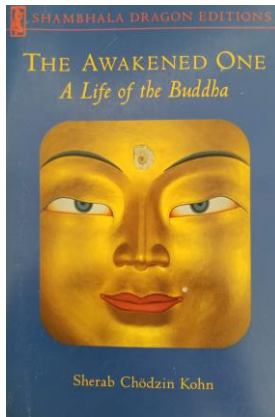
Chùa Thầy

SÁCH VIẾT VỀ ĐỜI ĐỨC PHẬT

The Awakened One-*A life of the Buddha*

By Sherab Chodzin Kohn

Shambhala Dragon Editions 1994



Cuốn sách gọn 151 trang, viết về dòng đời đường tu Đức Phật, hàm súc, gọn ghẽ, lời cuốn tới mức người đọc không thể dừng mà muốn đọc một mạch tới dòng cuối.

Tác giả giảng dạy về Phật học và Thiền từ 1973, theo thầy
Tây Tạng Chogyam Trungpa.

Xin trích ra đây vài đoạn hay dịch từ Pali sang Anh ngữ :
Ngay lúc rạng đông ngày thành đạo Bụt nói :

Seeking but not finding the House Builder
I traveled through the round of countless births
O painful is birth ever and again.
House Builder, you have now been seen
You shall not build the House again
Your rafters have been broken down;
Your ridge pole is demolished too
My mind has now attained the unformed nirvana
And reach the end of every kind of craving.

(Majjhima-nikaya 26)

Tam dịch :

*Tìm mãi mà chẳng thấy Người Xây Nhà
Ta du hành qua vô vàn kiếp sinh tử*

Hiền Như Bụt @ Hạ Long Bụt Sĩ

*Ôi sinh là khổ mãi mãi khổ
Kẻ Xây Nhà, nay ta đã thấy người
Từ đây về sau xin chớ xây thêm
Kèo đã bị kéo xập
Cột nhà đã gãy tan
Tâm ta nay đã vào Niết Bàn vô hình
Chấm dứt từ nay tham lậu vô minh*

(House Builder có bản dịch là Cai Tù, nhà Tù)

Khi thân nhân tới xin Phật trở về đời thường, ngài đã trả lời như sau :

Fools! You have try to split a rock
By poking it with lily stems,
To dig a hill out with your nails
To chew up iron with your teeth
To find footing in a cliff
With a great stone upon your head
To push down a tree with your chest
And so you come from Gautama frustrated.

(Samyutta-nikaya IV)

*Ngốc ! các người định đập vỡ tảng đá
Vỡ cành hoa huệ
Định dùng móng tay đào cả quả đồi
Định lấy răng nhai sắt
Toan đội tảng đá to leo lên thiên núi
Định lấy ngực hạ thân cây cao
Các người đến từ họ Cổ Đàm bắt măn u ?*

Dòng họ hoàng gia Shakyan nhiều người theo gương Phật bỏ nhà đi tu, sau còn ra quyết định mỗi nhà ít nhất phải cho một con trai theo Phật.

Các nhà quyền quý Shakyan đi tìm Phật dẫn theo người cắt tóc tên Upali, xin quy y như các vương tôn công tử, không nề hà về giai cấp, sau này Upali chuyên giữ giới luật, ngay cả sau khi Phật từ giã cõi thế, là một trong 10 đại đệ tử của Phật.

Phật ngủ ngon vì các vị Phật không có gì vướng mắc mâu thuẫn trong tâm. Phật ngủ rất ít, chừng 1 tiếng, lúc nào cũng giữ chánh niệm, dù đi lại trong phòng, dù ngồi thiền.

Ngài đặt 227 qui luật cho tăng và 338 cho ni.

Sau khi thuyết phục được tên cướp sát thủ Angulimala, bỏ dao xuống thành Phật, nhà vua cũng phải thán phục và tuyên dương Phật là người điều phục được cả kẻ không điều phục được. (*you are truly a tamer of untamable beings*). Đây là năm thứ 20 sau ngày thành đạo, tại khu Shravasti.

Phật cũng đã khuyên Shrona sự tu hành cũng như việc đánh đàn, dây đàn căng quá hay lỏng quá cũng không tốt, dây phải vừa với ngón tay người chơi đàn, Shrona chột hiều, anh đã quá cố gắng vào đạo, chân đi rớm máu quanh chỗ thiền, nay nên vừa phải trung dung mới đúng là tu hành.

Phật dặn Ananda vào những ngày cuối : *that from everything dear and beloved there must be separation- how is it possible that anything composite should not decompose or anything that is born should not die ?*

Bất cứ gì thân yêu rồi cũng phải biệt ly- những gì hợp thành thì cũng sẽ tan rã-sinh thì phải diệt.

Lời dạy cuối cùng Phật : *Sabbe sankharaanicca, Appamadena sampadetha- Tất cả pháp hữu vi đều vô thường, Hãy tinh tấn tìm cầu giải thoát.*

*

So với cuốn **Đường Xưa Mây Trắng** của Thích Nhất Hạnh (bản Anh ngữ *Old Path White Clouds*) xb 1992, dày khoảng 600 trang, 81 chương, thì cuốn Đường Xưa Mây Trắng đầy đủ hơn, văn phong sáng sủa như văn tiểu thuyết, lại thêm lời giảng giải thâm sâu của tác giả, một nhà Tu, một học giả uyên bác, đôi khi có phần sáng tác của chính tác giả.





Bộ Sưu tâm Ng Th Vu

Chuỗi ngọc KINH BỤT

KINH PHÁP CÚ

Cuốn kinh tóm lược đạo Bụt

Chớ nói lời độc ác

Nói ác bị nói lại

Khổ thay lời phẫn nộ

Đao trượng phản chạm người

Nếu tự mình im lặng
Như chiếc chuông bị bể
Người đã chứng Niết bàn
Người không còn phần nộ

Tự mình làm thanh tịnh
Tịnh, không tịnh, tự mình

*Người trí chuyên thiền định
Thích an tịnh viễn ly*

Chiến thắng sinh thù oán
Thất bại chịu khổ đau
**Sống tịch tịnh an lạc
Bỏ sau mọi thắng bại.**

*Không phải vì nói nhiều
Mới xứng danh bậc trí
Im lặng nhưng ngu si
Đâu gọi là ẩn sĩ ?*

Lời nói được thận trọng
Tâm tư khéo hộ phòng...

Nói láo đọa Địa ngục
Cần phải làm nên làm
Làm cùng tận khả năng
(câu này gần với câu tận kỳ tính của Nho gia)

Ta như voi giữa trận
Hứng chịu cung tên rơi
Chịu đựng mọi phi báng
Ác giới rất nhiều người.

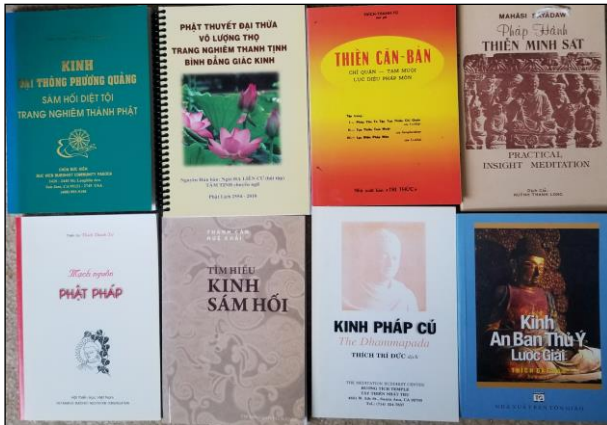
Người chế ngự tay chân
Chế ngự lời và đầu
Nói lời ôn hòa
Lợi ích và chân thật
Không mất lòng một ai

Tim không được bạn đường
Hơn mình hay bằng mình
Thà quyết sống một mình
Không làm bạn kẻ ngu

Độc thân không ác hạnh
Sống vô tư vô lự
Như voi sống rừng voi.

Thân tịnh, lời an tịnh
An tịnh khéo thiền tịnh
Tỳ kheo bỏ thế vật
Xứng danh bậc tịch tịnh.

(*Bản TT Thích Minh Châu*)



KINH VIÊN GIÁC

- 1-Viên Giác của Như Lai làm sao có thể dung nạp những đối đãi như *Có, Không-Sanh, Diệt-Trước, Sau...* ở trong đó!
- 2-Tâm còn xoay vòng thì làm sao quán được Viên Giác Phật không xoay vòng.
- 3-Dùng tâm suy tư đo lường cảnh giới Viên Giác thì cũng như lấy lửa đơm đóm mà đốt núi Tu Di, làm sao mà cháy được.

4- Tâm luân hồi, chỉ đến bờ luân hồi, làm sao vào được biển Phật.

5- Nếu dứt được yêu ghét và độc tham, sân, si, chẳng kể tính sai biệt, đều thành Phật đạo.

6- *Kinh Phật như ngón tay chỉ mặt trăng, nếu thấy được mặt trăng thì biết ngón tay chẳng phải mặt trăng.*

7- Niết Bàn ở cõi trần phiền não cũng như âm thanh ở chiêng trống. Chiêng trống dù nhỏ hẹp nhưng âm thanh vang xa, chẳng bị khuôn khổ của chiêng trống chướng ngại.

8- Chúng sinh đòi mạt pháp chưa dứt ngã tướng, cho thuyết pháp là *do ta thuyết*, nên họ thuyết cái bệnh của ngã tướng, chứ không phải thuyết cái pháp của Niết Bàn.

9- Chúng sinh đòi mạt pháp muốn tu thành đạo, chớ nên sinh tâm cầu ngộ, người sinh tâm cầu ngộ thì muốn học rộng nghe nhiều để hiểu thêm giáo lý, chỉ thêm đa văn, tăng thêm ngã kiến, chẳng phải bậc chân tu.

10- Chúng sinh đời mạt pháp chẳng thành đạo là do còn chất chứa chủng tử yêu, ghét, giữa mình và người, tử vô thủy, nên chưa được giải thoát.

11- Tu hành siêu tà kiến, chứng nhập Đại Niết Bàn.



Chùa Linh Ứng-Đà Nẵng

KINH KIM CƯƠNG

1- Nơi nào có tướng, nơi đó còn có ảo tưởng (*delusion*). Thấy được tính không tướng của mọi tướng (*material characteristics*) mới thấy được Như Lai

.

2- Pháp nói ra được ví như chiếc bè qua sông, đến bờ thì phải bỏ, Pháp còn nên bỏ, nữa là không phải Pháp.

3- Không nên dựa vào sắc mà phát tâm, không nên dựa vào thanh, hương, vị, xúc và Pháp mà phát tâm. Chỉ nên phát tâm trong tinh thần vô sở trụ.

4- Vì không vướng mắc vào các khái niệm nên mới thành bậc Đại Giác Ngộ. Vì giải thoát khỏi khái niệm nên mới có các vị Phật.

5- *Đã phát tâm vô thượng chính đẳng chính giác thì không chủ trương các pháp là hư vô đoạn diệt.*

6- Bỏ Tát tạo phúc đức mà không vướng mắc vào ý niệm tạo phúc đức.

7- Cái Bụi gọi là bụi nhỏ vốn không phải là bụi nhỏ nên mới gọi là bụi nhỏ. (*ý nói bụi nhỏ chỉ là một danh từ do con người đặt ra, không có tự tính, tất cả do duyên khởi tạo thành*)

8- Hợp tướng vốn không phải là hợp tướng nên mới gọi là một hợp tướng.

9- Cái gọi là hợp tướng chỉ là một ước lệ ngôn từ, không mang thực chất gì.

10- Tất cả các tướng tức là phi tướng, tất cả chúng sanh tức phi chúng sanh.

11-Tâm quá khứ bất khả đắc, Tâm hiện tại bất khả đắc, Tâm vị lai bất khả đắc.

12-Nói thuyết pháp là vô pháp để thuyết, mới đúng là thuyết pháp.

13- *Nếu dùng sắc thấy ta, Dùng âm thanh cầu ta, là người hành tà đạo, chẳng thể thấy Như Lai*

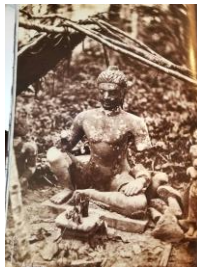
14- *Vì Như Lai (Tathagatha) chẳng từ đâu đến, cũng chẳng đi về đâu, nên gọi là Như Lai.*

- 15- *Tất cả pháp hữu vi*
Như mộng như huyễn
Như bào như ảnh
Như sương, như chớp.

*

16- Các tu sĩ ngoại đạo cãi nhau, đánh nhau, giết nhau vì những chủ nghĩa thiên lệch, thiếu sót, không khác gì những người mù sờ voi. *Tiểu Bộ Kinh, Vô vấn tự thuyết-udana.*

17- Thế gian phần lớn lầm mò đi tìm những hệ thống và bị trói buộc bởi các tín điều. *Kinh Tương Ứng.*



KINH TRUNG BỘ (Majjhima Nikaya)

Mỗi quan điểm là một bụi rậm, một sa mạc, một mê cung, một sự lệ thuộc, một trói buộc tri thức chỉ đem lại đau đớn, khổ cực, rối loạn và sôi động.

TIỂU BỘ KINH (Khuddaka Nikaya-phẩm Udana Vô Vấn Tự Thuyết)

Có một số sa môn
Cùng với Bà La môn
Đã chấp trước, giành giật
Những chủ thuyết rộng suông
Chúng chỉ thấy một mặt
Nên đấu tranh không ngừng.

(nhân chuyện người mù sờ voi- Trích theo Trần Ngọc Ninh- tham luận Phật đàn 2008- Khởi Hành số 139 tr 17, 5/2008)



Khánh chùa Bút Tháp

KINH LÃNG GIÀ

*Vọng tưởng chẳng chân thật
Vọng trời của phàm phu
Vi như như con tầm kia
Nhả tơ để tự trời
Vọng tưởng rất lãng xãng
Phật tử hãy siêu thoát
Xa lìa các vọng tưởng.*

Ngôn luận thế gian cần nên xa lìa, vì hay làm nhân sanh ra quả khổ.

Ba cửa giải thoát : KHÔNG-VÔ TUỞNG-VÔ TÁC.

Pháp lia văn tự...ngôn thuyết là vọng tưởng của chúng sinh.

Ngôn thuyết là vọng tưởng, vọng tưởng là tích tụ sanh tử.

*Vì duy tâm kiến lập, tưởng, sở tưởng đều là...sắc thân tùy
nghiệp chuyển...*

Nghiệp ái tham sân si là xiềng xích nội tâm

Lia hẳn thường-vô thường...

Kẻ ngu quán mặt trăng

Quán ngón tay, chẳng quán trăng

Tâm làm nghề ảo thuật

Ý là người giúp nghề

Ngũ thức làm diễn viên

Vọng tưởng là khán giả....

Hễ tâm động thì duyên khởi, duyên hội thì tâm sanh, lần lượt
chuyển biến...

Nếu người tin nhân quả, chó ăn nuốt lẫn nhau

Có tính ham ăn thịt, phải đọa loài súc sinh..

KINH PHÁP ÁN

Không-Vô tướng-Vô tác là ba dấu ấn của nhà Phật, (vô tác là không tạo tác gì thêm, tất cả sẵn có trong tâm ta rồi, cũng có nghĩa là vô nguyên) giúp ta giải thoát, giác ngộ.

Tam pháp ấn của *Tiểu thừa* là **Vô thường-Vô ngã-Khổ** - nghiêng về tu hạnh, đạo đức hơn là nhận thức.

*

DUY MA CẬT SỞ THUYẾT KINH

Chúng sanh bệnh thì Bồ tát bệnh, chúng sinh lành bệnh thì Bồ Tát cũng lành.

Bệnh tôi đều do phiền não, vọng tưởng điên đảo tưởng từ kiếp trước mà sanh.

Pháp vốn chẳng thật, thì ai là kẻ thọ bệnh...vì tứ đại hoà hợp giả danh là thân. Tứ đại không có chủ, thân cũng vô ngã. Bệnh này sanh khởi đều do chấp ngã....liạ nhị kiến tức là vô sở đắc vậy.

Bồ tát chẳng nên có sự trói buộc...tham đắm thế vị là trói buộc của Bồ tát.

Hư vọng phân biệt lấy đien đảo tướng làm gốc, đien đảo tướng lấy vô trụ làm gốc...vô trụ thì chẳng có gốc...từ gốc vô trụ lập tất cả các pháp, như thế mới thật là vô sở trụ.

Vì vô sở đắc mà đắc.

*Trong đời có chiến tranh
Khiến khởi tâm từ bi
Hoá độ những chúng sanh
Trụ nơi đất vô tranh
...hiện oai thế Bồ tát*

Hàng phục khiến giải hoà.

Trong tất cả quốc độ

Súc sinh ăn nuốt nhau

Thị hiện sanh nơi đó

Giải oán thù cho họ.

Như Lai chẳng dùng lời nói văn tự, chỉ dùng Chúng Hương khiến Trời, Người được vào luật hạnh. Bồ tát mỗi người ngồi gốc cây hương, ngửi được mùi diệu hương ấy liền đắc Tam muội.

Bồ tát thì chẳng tận hữu vi, chẳng trụ vô vi. Nguyên làm y vương điều trị bệnh chúng sinh.
Dùng gương trí huệ, phá giặc phiền não.

Y nghĩa bất y ngữ, Y trí bất y thức

Y kinh liễu nghĩa bất y kinh bất liễu nghĩa

Y pháp bất y nhân.



KINH PHÁP HOA

Phật là mắt của đời
Lâu lắm mới hiện ra
Vì thương các chúng sinh
Siêu việt thành chính giác
Do sức niệm Quán Âm
Cừ oán đều lui tan
Các Đức Phật ra đời
Chỉ vì một duyên có :
Khai mở Tri Kiến Phật

Lúc Ngài mới đắc đạo
Dưới gốc cây Bồ đề
Suốt hai mươi một ngày
Ngài vẫn luôn suy nghĩ
Tri kiến và Trí huệ

Lìa xa các phàm phu
Lìa xa các bạn ác
Thích ở nơi vắng vẻ

Giữ giới không giận hờn
Biết thương sót mọi loài
Thanh tịnh và chuyên tu.

Như mưa không riêng tư
Như Lai cũng bình đẳng
Cây nhỏ và cây lớn
Đồng hưởng tùy sức mình
Mặt trời và mặt trăng
Bình đẳng chiếu khắp nơi.

Mù từ lọt lòng mẹ
Vô minh cùng làm mù
Như Lai là Đại Y Sư
Bốn thứ thuốc cô
KHÔNG, VÔ TƯỚNG, VÔ NGUYỆN
Lại thêm vào NIẾT BÀN
Thanh văn cùng Duyên giác
Vị kẻ mù được sáng
Giải thoát được xiềng xích
Đau khổ và trầm luân
Lấy chân hát ba ngàn
Đại thiên thế giới kia
...Lấy tay nắm hư không
Đem tất cả đại địa
Đẻ lên đầu ngón chân,
Bay lên trời Phạm Thiên
Mang cỏ khô vào lửa
Mà không hề bị cháy
Bồ tát **hành xứ**
Đứng vững chân nhân nhục.

Thân cận xứ

Bồ tát không gần gũi

Hạng người có quyền thế

Hàng văn sĩ thế tục

Hạng người hung ác

Bọn na-la múa hát

Chớ nhìn thân người nữ mà sinh lòng ham muốn

Cũng đừng ưa nói chuyện

Với trẻ gái nhỏ

Gái lớn, đàn bà goá

Không nên gần những người *bất Nam*

AN LẠC HẠNH

Chẳng nên nói đến

Sự sai quấy của người

Sự tốt xấu hay dở

Của tất cả người khác.

PHÁT TÂM ĐẠI BI

Nhờ sức mạnh vô biên

Thiền định và trí huệ

...Ma vương không hàng phục

Nên Như Lai mới dùng

Chư hiền thánh làm tướng

Để đánh dẹp Ma vương

Chiến thắng ngũ ám ma

Phiền não ma, tử ma

Phá hoàn toàn lưới ma

Những đồ âm nhạc vi diệu cõi trời, bày đặt khắp nơi, hoà tấu nhạc trời để cúng dường và khen ngợi Phật.

(Kinh cho thấy Phật rất chú trọng tới Thính giác và Khứu giác, thanh âm và mùi vị, có Phật Oai Âm Vương, có Bồ tát Thường Bất Khinh rất khiêm tốn) .

*

KINH BỐN MƯƠI HAI CHƯƠNG

(sách Phật đầu tiên được dịch sang chữ Hán, đời Hán, do Ma Đằng Ca Diếp và Trúc Pháp Lan, tại chùa Bạch Mã, Lạc Dương. Trích từ bản Việt dịch và chú giải của Hòa Thượng Thanh Cát-2003 Chùa Giác Minh, Cali.)

Tâm yên vui bình tĩnh là điều cao quý nhất. Chính tâm ấy mới ở trong đại định để điều phục mọi ma chướng.

Pháp thế gian đều do nhân duyên sinh nên không có thực thể.

(nhớ lại câu : everything composit will be decomposed)

Kẻ ác hại người hiền, như ngựa mất nhốt bọt lên trời. Bọt chẳng tới trời, trái lại bọt rơi vào mặt mình. Hay như tung bụi ngược gió, bụi không tới người bị tung, trái lại, bụi trở lại tạt vào mình.

Người học đạo thấy rõ đạo, cũng như người cầm đuốc vào trong nhà tối. Bóng tối hết, chỉ có ánh sáng còn lại.

Nhớ mà không chấp nhớ mới gọi là nhớ. Làm mà không chấp làm, mới gọi là làm. Nói mà không chấp nói mới gọi là nói.
Tu mà không chấp tu mới gọi là tu.

Khi công danh hiển đạt thì thân thể đã già yếu... Ví như cây hương đốt, khi được người ta ngửi thấy mùi thơm thì thân hương đã hóa thành tro bụi...

Tài sắc ví như mật dính lưỡi dao...(*tham liếm mật sẽ bị đứt lưỡi*).

Người *sống trong nhà tù* còn có thì giờ nhàn rỗi và có khi được ra tù. Trái lại người có gia đình lúc nào cũng phải lo nghĩ về nhà cửa làm ăn... nên rất khổ.... Người xuống bùn thì phải lấm chân, nên gọi là phạm tục. Trái lại người người vượt ngoài vòng ái dục, gọi là bậc *la hán* xuất trần.

May thay ! chỉ có một sắc đẹp, chứ có hai thì tất cả thiên hạ không ai tu nổi được.

Người mê ái dục cũng như kẻ cầm đuốc đi ngược gió, tất sẽ bị bỏng tay...Tránh xa ái dục như cỏ khô tránh lửa.

Ta coi ngai vua quan như bụi qua kẽ hở, coi vàng ngọc như ngôi sỏi, coi nhung lụa gấm vóc như vải thô, coi đại thiên thể giới *như hạt cải*...coi đạo Phật như *hoa đóm trước mắt*...*coi cuộc thịnh suy như cây bốn mùa.*

(Xét ra những câu như Duyên sinh, Tu mà không chấp tu mới là tu, hạt cải, hoa đóm...đã đi vào Phật Việt từ lâu, qua Mãn Giác, Vạn Hạnh...có lẽ trước cả Kim Cương, Viên Giác ...)

*

KINH TRƯỜNG A HÀM bản Thích Thiện Siêu

Phật Học Viện Quốc Tế 1986

(bộ kinh chính của Phật nguyên thủy, tảng già khát thực)

A Hàm dịch từ Agama, Pháp qui, qui về một mối. Là bộ kinh do kiết tập sớm nhất mà thành, gần với lời Phật dạy, nguyên thủy. Kinh sách Đại thừa mở rộng, sâu sắc những gì đã có

trong kinh A Hàm, và Phật nguyên thủy theo lối sống của Bụt, khát thực, thiền hành, lấy Thân giáo làm chính, nên các nước theo Tiểu thừa giữ gốc, dân tin cậy kính trọng nhà Sư, Phật giáo vững bền không bị pha loãng.)

Như Lai là bậc tối thượng

Thường tu theo hai phép quán :

An ẩn và Xuất ly

Bậc Thiên Nhân sư đó

Đã vượt đến bờ kia.

BẢY PHÁP làm chánh pháp tăng trưởng :

Ưa giản dị không rườm rà

Ưa yên lặng không nói nhiều

Bớt sự ngủ nghĩ, tâm không hôn muội

Không nhóm phe đảng nói chuyện vô ích

Không khoe khoang khi mình thiếu đức

Không kết bè bạn với người xấu, ác.

Ưa ở chỗ nhàn tịnh, sơn lâm suy ngẫm đạo.

...Biết hổ thẹn với điều mình thiếu sót, với điều ác đã làm...

Hiền Như Bụt @ Hạ Long Bụt Sĩ

Thành này rất tốt (có đại thiên thần phong thủ) chỗ của hiền nhân ở, không thể phá hoại; về sau có bị phá chăng là do : bị nước lớn phá, bị lửa lớn, và bị người trong thông mưu với ngoài để phá.

Trong hai hành hữu vi, vô vi

Ta nay xả bỏ hữu vi

Chuyên tâm vào chánh định

Tự tại xả thân như chim ra khỏi tròng

(Kinh Du hành, khi Phật sắp mất)

Phật nằm giữa cây sa la song thọ, đầu xoay hướng Bắc, mặt xoay hướng Tây, vì giáo pháp của Phật sẽ lưu truyền lâu dài ở phương Bắc.

Có nghèo mới có đạo tặc, có đạo tặc mới có đao trượng, có đao trượng mới có sát hại, có sát hại nên nhan sắc con người mới tiêu tụy, thọ mệnh ngắn ngủi. (kinh Chuyển Luân Vương.)

LỜI BẠT

1-Là người học Phật, **Bụt** sĩ, sách này chỉ là vòng ngoài của tri kiến Phật, là những bước đầu còn rất xa trí tuệ cao siêu của bậc đại trí đại giác.

2-**Tiểu Thừa sâu rễ bền gốc** nhờ tư cách của tăng, Đại Thừa thăng hoa Triết lý Bụt tới mức cao siêu.

3-**Nhà Tu và nhà Giáo** là hai cột trụ của xã hội, *tu sáo giáo gian* xã hội tất đổ vỡ.

4-Bụt khuyên tông đồ nên vượt ngoài ngôn từ và kiến chấp, nên **sách vở là bệnh của trí thức**, còn ngụp lặn trong suy niệm; tâm ấn biệt truyền giữa Sư và Tiểu mới là cách đúng đắn để giác ngộ. Một Trường A Hàm, một Pháp Cú, cũng tạm đủ cho tu học, với bậc căn cơ cao, kinh Kim Cương đã làm bao kẻ sĩ thức tỉnh.

5-*Tập sách được viết trong 20 năm, bắt đầu từ 1992 ở độ tuổi tri thiên mệnh khi tác giả có cơ duyên về vùng tĩnh lặng cây cao bóng cả Sonoma-Napa, để đọc kinh, tập Thiền.*

6- *Tập sách còn nhiều thiếu sót, sai lầm khó tránh, thêm lỗi đánh máy, mong quý độc giả hỷ xả.*

Tác giả cẩn chí 1-10-2019

MỤC LỤC

<i>Mở Sách</i>	2
<i>Bố Cục</i>	4
TỔNG QUÁT	
Hiền Như Bụt	05-13
Văn Hóa Hữu Lễ-Hiền Như Bụt	14-24
Đạo Bụt Sáng Nghĩa :	25-29
1-Tùng Bước Tu Hành, 2-Chết, Đi Về Đâu ?	25-28
3-Biến Dịch,4-Vô Văn Chúng sinh các cõi,	29-32
5-Nghiệp, 6-Cái gì luân hồi ?	33-38
7-Chân Không khác Hư Vô, 8-Duyên Khởi	39-44
9-Vô Thường, 10-Chuyển hóa Giác ngộ	45-47
11-Nhân Chủ-Thần chủ, 12-Quốc độ Bồ tát	48-54
13-Tự mình thấp đước, 14-Tam giáo đồng tôn	55-58
15- Chiều kích vũ trụ, 16-Thiền để diệt khổ	59-61
17-Khẩu nghiệp, 18-Lối tu giản dị	62-63
19-Phá chấp từ bi hỷ xả	64-65
20-Diệu Âm, Diệu hương	66-68
21-Tu bao lâu thì đạt ?	69-70

PHẬT PHÁP TRỊ LIỆU PHÁP

Trị Liệu Pháp	71-81
Thiền Định-Thiền Quán	82-87
Phật Pháp và Tâm bệnh	88-99
Tịnh Khẩu Pháp Môn-Khẩu Nghiệp	100-119
Tri Thiên Mệnh-Thức tỉnh	120-127
Vô Cư-Di cư-An cư	128-132

ĐẠO BỤT và KHOA HỌC

Vạn Pháp Dung Thông Trường	133-154
Vật Lý lượng tử-Lân không, Hoa nghiêm	155-158

BÓNG BỤT TRONG THƠ VĂN

Quốc tế :

Cổ Thi Trung Đông Ba Tư-Hafiz-Rumi-Ấn Hồi	159-167
Thơ Thiền Nhật Bản-Ryokan, Basho,Buson, Issa, Takahashi, Dogen. Vài Dòng về Thơ Thiền	168-182
Liêu Trai Chí Dị-Vạn vật muôn cõi dung thông	183-190

Việt Nam :

Cung Đàn Bạc Mệnh, Nguyễn Du	191-218
Phạm Thái- Khoác Áo Tu	219-225

Cung Oán Ngâm Khúc	226-229
Giải Oan	230-232
Dép Đạt Ma, Giày Thánh Mẫu	233-248
Đi Chùa Hương tìm loài hoa Ưu Đàm	249-261
Khói trà xóa Kinh trong Sương mù	262-272
VĂN HÓA TAM GIÁO	
Thờ Tứ Bất Tử-Thánh Mẫu	273-286
Phật Không Lão và Luân lý bình dân.	287-309
Đạo Bụt qua Ca dao Tục ngữ	310-312
Vạn Hạnh-Trạng Trình-Lý Đông A	313-343
Tập đại Thành Lý Đông A- TĐThảo	
Biện Chứng Hải Hòa Mã Minh-Long Thọ	344-366
THỜI ĐẠI MỚI	
Luồng gió tôn giáo mới	367-382
Bài học canh tân của vua Phật Mongkut	383-395
Phật giáo đi vào thời đại mới	396-402
Hai lần Phật ngồi giữa...	403-405
Sách Viết về đời Đức Phật : <i>Kohn</i>	406-411
CHUỖI NGỌC KINH PHẬT	
Pháp Cú-Viên Giác-Kim Cương	412-422

Lăng già-Pháp Ắn-Duy Ma Cật -Pháp Hoa	423-432
Kinh Bốn Mươi Hai Chương-Trường A Hàm	433-437
LỜI BẮT	438
MỤC LỤC	439-442
Tác phẩm đã xuất bản.	443



Tác giả có kỳ duyên chứng kiến, cách 50m, cuộc tự thiêu Quảng Đức tháng 6/1963 tại ngã tư Phan Đình Phùng và Lê văn Duyệt, trước Sứ quán Cao Miên. Ảnh từ *Dictionnaire de la Philosophie-Larousse*.

CÙNG MỘT *TÁC GIẢ* :

tại Sài Gòn trước 1975



tại hải ngoại 1981-2019



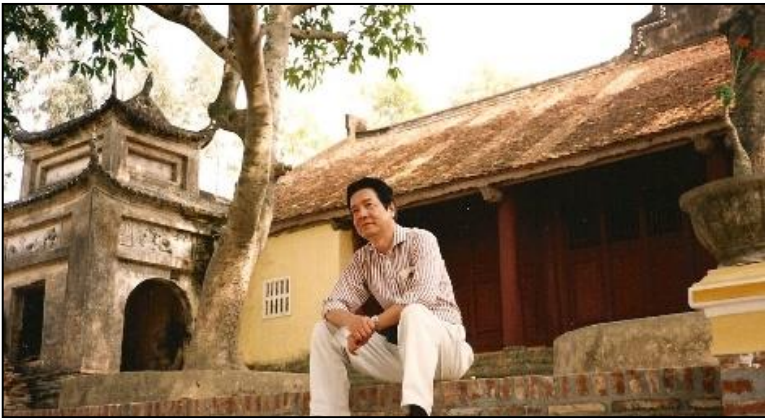
Hiền Như Bụt @ Hạ Long Bụt Sĩ



Hạ Long Bụt Sĩ LƯU VĂN VỊNH

Nghề Nghiệp : Nguyên Giảng Sư Triết Học & Tâm Lý Học-Đại học Văn Khoa Vạn Hạnh- Minh Đức- Viện Quốc Gia Y Tế...Sài Gòn- 1972-1975.

Học Nghiệp : Cử Nhân Giáo khoa và Cao Học Triết Tây phương-Dược sĩ-Cao Học Dược /Vi Trưng Học-Master of Public Health (Chapel Hill).



Tiêu Sơn hồn bướm mơ trắng

Tâm tư Vạn Hạnh cung Hằng hương bay. (1997)

Hiền Như Bụt @ Hạ Long Bụt Sĩ

HIỀN NHƯ BỤT

Hạ Long Văn Đàn xuất bản 4-2020

Điện thư : unclvv@hotmail.com



<https://quangduc.com/a72209/hien-nhu-but>